

BÁCH KHOA

SỐ 79 — NGÀY 15.4.1960

KHẢO-LUẬN

- | | |
|-------------------|--|
| NGUYỄN-VĂN-HẦU | Nguyễn-Công-Minh,
nhà thơ miền Nam. |
| HOÀNG-MINH-TUYNH: | Cuộc mở mang các
dân-tộc hậu-tiến. |
| PHẠM-HOÀNG | « Ý-chí làm giàu » và
« ý-chí kinh-tế ». |
| NGUYỄN-PHƯƠNG-CÁC | Vấn-đề ngoại-ngữ
ở Đại-học. |
| CÔ-LIÊU | Thanh-niên Pháp. |
| NGUYỄN-NAM-CHÂU | Mấy lời thanh-minh |
| ĐOÀN-THÊM | Vài sắc thái của
văn nghệ-sĩ Pháp. |
| NGUYỄN-QUANG-LỤC | Cao-Biên (II). |
| NGUYỄN-HIẾN-LÊ | Việt-Ngữ Chính-tả tự-
vị của Lê-Ngọc-Trụ. |
| TRẦN-VĂN-KHÊ | Nhân đọc bài
Trống cơm (II). |
| NGUYỄN-PHÚC-SA | Vấn-đề kiếm ít tiêu nhiều. |
| VÕ-QUANG-YẾN | Từ vệ-tĩnh Mỹ qua các
giả thuyết Nga. |

VĂN-NGHỆ — SINH-HOẠT

- | | |
|-------------------------|---|
| CÔ PHƯƠNG-THẢO | Diễm-sách : « Phụ-huynh
học-sinh nên biết... »
(Thiên-Giang và
Vân-Trang).
Hậu-chiến. |
| PHAN-DUY-NHÂN | Sơn và Hạnh. |
| PHAN-VĂN-TẠO | Mẹ vẫn thương con. |
| CÔ MINH-XOÀ | Người Báo hiệu. |
| NGUYỄN-HIẾN-LÊ | Trống rỗng. |
| BÙI-KHÁNH-ĐÀN | Đợi chờ. |
| Yã-Hạc NGUYỄN-VĂN-TRUNG | Một món nợ. |
| PHAN-DU | |

RƯỢU : — Rượu Âu mạnh "Eau de Vie cũ" 40° và 50°
— Rượu Tàu "Lào-Mạnh-Tiểu"
— Rượu Tàu "Tích-Thọ-Tiểu"

SI-RÔ "Verigoud":

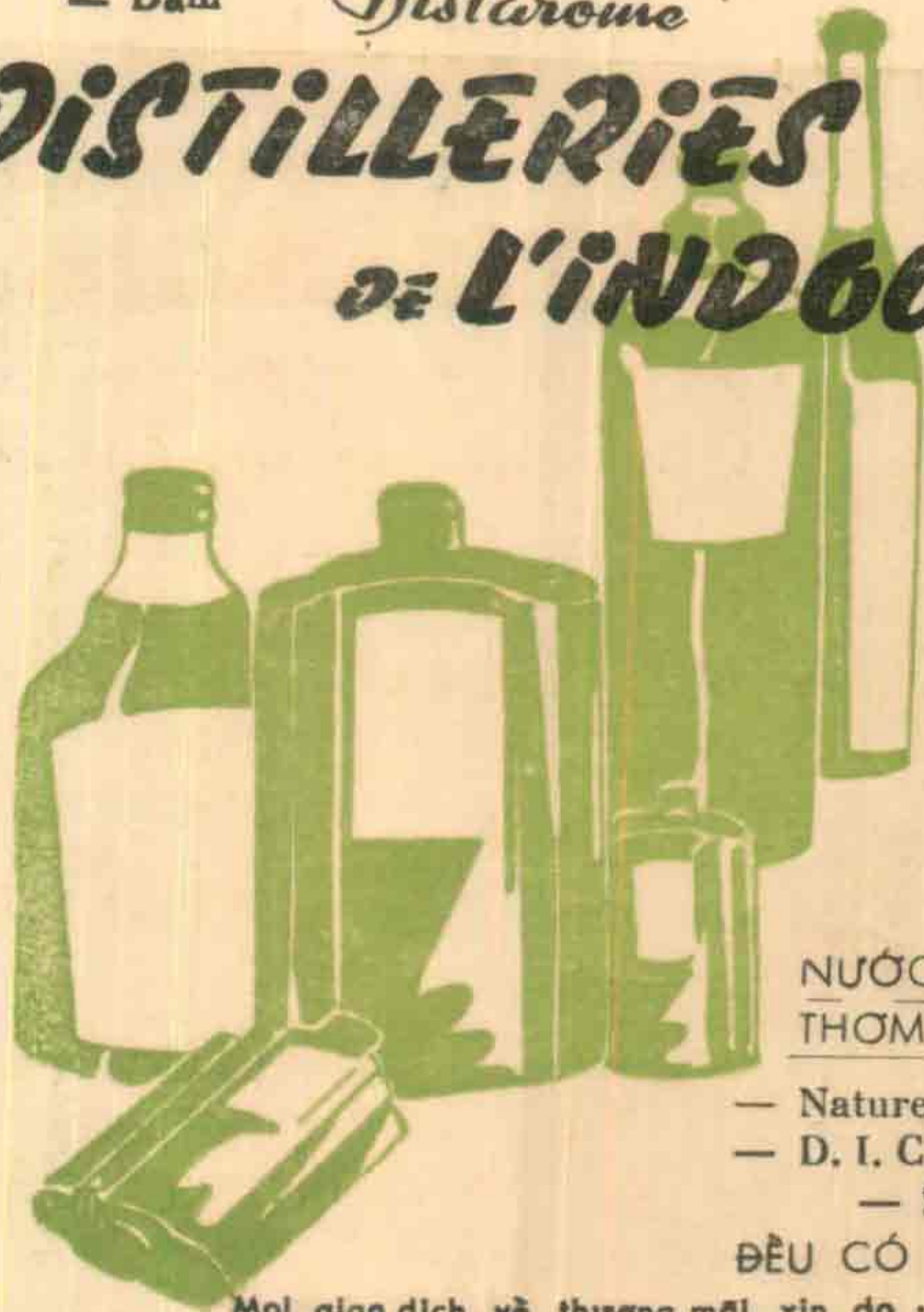
— Si-rô Cam, Quýt, Chanh, Bưởi.

DẤM THẬT NGON 6° I

— DẤM *Distarome*

DISTILLERIES

DE L'INDOCHINE



NƯỚC HOA và DẦU
THƠM « D.I.C. » :

- Naturelle — Fougère
- D. I. C. 5 — Lavande
- Stella

ĐỀU CÓ BÁN KHẮP NƠI

Mọi giao dịch về thương mại, xin do :

ở NAM-PHẦN : HÃNG RƯỢU BÌNH-TÂY (S.F.D.I.C.)
135, đường Pasteur — SAIGON

ở TRUNG-PHẦN : CÔNG TY THƯƠNG MẠI, KỸ NGHỆ và TIÊU CÔNG NGHỆ
(S.I.C.A.) — 32, Bến Bạch-Đặng — ĐÀ-NANG

HÃNG RƯỢU NHIÊU-BÁ

6, đường Hoàng-Hoa-Thám — NHA-TRANG

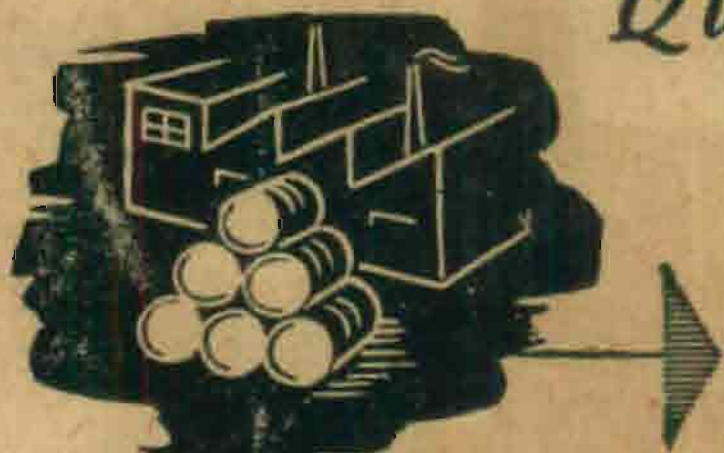


Để dùng vào
KỸ-NGHỆ
NÔNG-NGHIỆP
và **TRONG NHÀ**

CÔNG-TY SHELL VIỆT-NAM

xin giới thiệu cùng

*Quý Ngài những hoá-phẩm
do dầu hỏa chế ra.*



Chất để pha trộn,
Acétone, glycérine, toluène



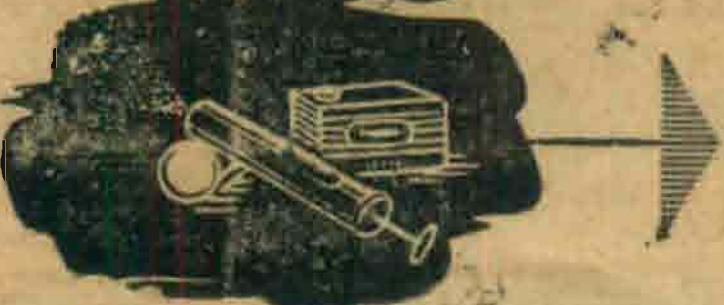
Xà-bông nước hoá-học



Thuốc sát-trùng bột như Dieldrin,
Aldrin, Endrin, trừ các loài
sâu bọ cắn hại mùa màng



Hơi Butagaz để đun bếp
vừa sạch-sẻ, vừa tiện lợi



Thuốc sát trùng Shelltox, mùi
dễ ngửi, giết ruồi, muỗi... rất nhạy

BANQUE FRANCO-CHINOISE

POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE

SOCIETE ANONYME FRANÇAISE

SIÈGE SOCIAL : 74 Rue St-LAZARE — PARIS

AGENCE de SAIGON

32, Đại-lộ HAM-NGHI (R.C. Saigon N° 272)

Tél : 20.065 — 20.066 — 20.067. — Boite Postale N° 40 — SAIGON

BUREAUX

SAIGON-MARCHÉ: 178, đường Lê-thánh-Tôn

Tél. : 22.142

CHOLON: 386, Đại-lộ Đồng-Khánh.

Tél. : 621

AGENCES :

FRANCE : PARIS, LYON, MARSEILLE

VIETNAM : SAIGON, KHANH-HUNG

CAMBODGE : PHNOM-PENH, BATTAMBANG, KOMPONG-CHAM

MADAGASCAR: TANANARIVE, TAMATAVE

Location de Coffres-forts par l'Agence de Saigon
Toutes Opérations de Banque et de Change.



NHỮNG GIẢM GIÁ ĐẶC BIỆT
TRÊN NHỮNG ĐƯỜNG BAY TRONG XỨ

CỦA

VIỆT - NAM HÀNG - KHÔNG

- 1) *Giảm giá gia-đình 15 %* trên vé bay cho hành-khách trong một gia-đình đi chung nhau và gồm có ít lắm :
 - 3 người lớn
 - 2 người lớn và 2 trẻ em từ 3 đến 12 tuổi
 - 1 người lớn và 4 trẻ em từ 3 đến 12 tuổi

- 2) *Giảm-giá cho các đoàn nghệ-sĩ và thể-thao :*
 - 15 % trên giá vé khứ-hồi cho những đoàn ít lắm là 5 người
 - 20 % trên giá vé khứ-hồi cho những đoàn ít lắm là 10 người
 - 25 % trên giá vé khứ-hồi cho những đoàn 15 người trở lên

XIN HỎI CHI-TIẾT NƠI :

Tổng Đại-Lý VIỆT-NAM HÀNG-KHÔNG

116, Đại-lộ Nguyễn-Huệ — SAIGON

Đ. T. : 22.446-47, 21.624-25-26

BANK OF CHINA

Siège Social : TAIPEI-TAIWAN

Capital : 6.000.000 Dollars Argent

Responsabilité des Membres Limitée

Adresse Télégraphique : CHUNGKUO

Codes : Peterson International 3rd Edition

Bentley's Second Phrase

TRAITE TOUTES LES AFFAIRES DE BANQUE

AGENCES ET CORRESPONDANTS DANS TOUTES LES
GRANDES VILLES DU MONDE

Succursale de Saigon :

11, Bến Chương Dương (ex Quai de Belgique)

Téléphone : 21.632 - 21.633

Agence à Cholon :

448-450, Bến Hàm Tử (ancien 16-18 Boulevard Gaudot)

Téléphone : 396

Agence à Phnom-Penh :

20. Boulevard Norodom (Ex 20. Bd Doudart de Lagree)

Téléphone : 323

AGENCE DE LA

CHINA INSURANCES COMPANY LTD.

Maritimes — Incendies — Automobiles et Divers

SẢN PHẨM CỦA HÃNG THUỐC



COTAB



VIRGINIE



SILENCE TOTAL

à 800 km-heure

AIR FRANCE

présente

Caravelle

Dans le bleu limpide des hautes altitudes, Caravelle glisse paisiblement, tel un planeur, dont il évoque la ligne pure, fonctionnelle et racée.

Musique en plein ciel

Caravelle est l'avion le plus silencieux du monde. Aucune vibration ; dans la cabine, on ne perçoit pas le bruit des réacteurs (placés à l'arrière du fuselage). Détendus, les passagers d'Air France écoutent la musique de Mozart dans une ambiance aussi calme que celle d'un chalet de haute montagne...

L'Europe à 800 km-heure

Caravelle équipe aujourd'hui les lignes européennes d'Air France (*). Parmi les premières lignes desservies : la liaison Paris - Istanbul, grâce à laquelle Paris est seulement à :

1 h 40 de vol de Milan, 2 h 30 de vol d'Athènes
2 h 00 — — Rome, 3 h 30 — d'Istanbul

Air France réalise actuellement le plus vaste programme d'expansion de son histoire : après les "Caravelle", mise en ligne des quadrireacteurs Boeing 707 "Intercontinental".

AIR FRANCE

LE PLUS GRAND RESEAU DU MONDE

CONSULTEZ VOTRE AGENT DE VOYAGES OU AIR FRANCE 122-136 RUE TU-DO SAIGON TEL. 20.981 à 84

VINACO

35, đường Phủ-Kiệt — SAIGON

ĐẠI-LÝ ĐỘC-QUYỀN :

XE XÌ-CÚT-TƠ VÀ
XE BA BÁNH
MÁY MAY ĐIỆN
VÀ ĐẠP CHÂN
QUẠT ĐIỆN
VÀ MÁY BƠM NƯỚC
MÁY CHỮ, MÁY TOÁN
MÁY VIÊN ẤN
MÁY BƠM NƯỚC
MÁY GHE, TÀU
PHÂN HÓA-HỌC

LAMBRETTA

NECCCHI

MARELLI

OLIVETTI

LOMBARDINI

MONTECATINI

CREDIT FONCIER ET IMMOBILIER

Anciennement Crédit Foncier de l'Indochine



78, Rue Hai Bà Trưng
(ex. Paul Blanchy)

Tél : 21.067 et 21.068
SAIGON



TOUTES OPÉRATIONS IMMOBILIÈRES

BANQUE FRANÇAISE DE L'ASIE

PHÁP - Á NGÂN - HÀNG

(HỘI NẶC DANH VỚI SỐ VỐN 400.000.000 QUAN)

Chi-nhánh tại SAIGON

29, Bến Chương-Dương

Điện thoại: 23.434/35/36 — Địa-chỉ Điện-tín : Fransibank

Chi-nhánh phụ : Hẻm Eden, Saigon



TẤT CA CÔNG VIỆC NGÂN - HÀNG



Đại-diện các Ngân-Hàng trên thế-giới



*Ngân-Hàng thừa nhận do Viện Hối-Đoái
Quốc - Gia Việt - Nam*

Mở các khoản tín-dụng về

Xuất-cảng — Nhập-cảng

NHÀ THUỐC

LA - THÀNH

195—201 đường Tự-Do SAIGON

Điện thoại : 20577

LA - THÀNH - NGHỆ, Dược-sư

Nhập-cảng Dược-phẩm
Đại-lý các Viện Bào-chê

Bào-chê theo toa Bác-sĩ
Sản-phẩm Đặc-chê
Dược-phẩm và Hóa-học-phẩm



Pour vos voyages par
voie aérienne ou voie maritime,



DENIS FRÈRES agréée I.A.T.A.
à votre service

REPRÉSENTANT AU VIÊT-NAM DE :

- Pan American Airways
- Cathay Pacific Airways Ltd
- Thai Airways Company
- American Express
- United States Line

BÁCH - KHOA

Số 79 — Ngày 15 - 4 - 1960

	Trang
NGUYỄN-VĂN-HẦU	<i>Nguyễn-Công-Minh, nhà thơ miền Nam</i> 3
HOÀNG-MINH-TUYNH	<i>Cuộc mở mang các dân-tộc hậu tiến</i> 10
PHẠM-HOÀNG	<i>« Ý-chí làm giàu » và « ý-chí kinh-tế »,</i> 15
NGUYỄN-PHƯƠNG-CÁC	<i>Vấn đề ngoại ngữ ở Đại học</i> 16
CÔ-LIÊU	<i>Thanh-niên Pháp</i> 20
NGUYỄN-NAM-CHÂU	<i>Mấy lời thanh minh</i> 30
ĐOÀN-THÊM	<i>Vài sắc thái của văn-nghệ-sĩ Pháp .</i> 32
NGUYỄN-QUANG-LỤC	<i>Cao-Biển (II).</i> 41
NGUYỄN-HIẾN-LÊ	<i>Việt-ngữ Chính-lã tự-vị của Lê-Ngọc-Trụ</i> 51
TRẦN-VĂN-KHÊ	<i>Nhân đọc bài Trống Cơm (II)</i> 61
NGUYỄN-PHÚC-SA	<i>Văn đề kiểm ít tiêu nhiều</i> 67
VÔ-QUANG-YẾN	<i>Từ vệ-tinh Mỹ qua các giả-thuyết Nga</i> 75
CÔ PHƯƠNG-THẢO	<i>Điểm-sách: «Phụ-huynh học sinh nên biết...» (Thiên-Giang và Văn-Trang).</i> 81
PHAN-DUY NHÂN	<i>Hậu chiến (thơ)</i> 85
PHAN-VĂN-TẠO	<i>Sơn và Hạnh (truyện ngắn)</i> 86
CÔ MINH-XOÀ	<i>Mẹ vẫn thương con (thơ)</i> 91
NGUYỄN-HIẾN-LÊ	<i>Người báo hiệu (truyện dịch)</i> 94
BÙI-KHÁNH-ĐÀN	<i>Trống rỗng (thơ)</i> 105
<i>Yã-Hạc</i> NGUYỄN-VĂN-TRUNG	<i>Đợi chờ (thơ)</i> 106
PHAN-DU	<i>Một món nợ (truyện ngắn).</i> 108

BÁCH-KHOA

Trong những số tới

- HOÀNG-MINH-TUYNH : Bàn về chữ « Từ » trong Phật-giáo.
- NGUYỄN-TRẦN-HUÂN : Thành tích 50 năm khoa-học.
- ĐOÀN THÊM : Người đàn bà với văn nghệ-sĩ Pháp.
- LÊ-PHỤC-THIỆN : Những điều sai lầm trong bài của một học-giả Trung-Quốc.
- CÔ-LIÊU : Cô có thích nhạc Brahms...
— Không có tàu nguyên-tử từ thế-giới khác đáp xuống Baalbek.
- TRẦN-VĂN-KHÊ : Hát á-đào...
- H. Đ. : Nghề xuất-bản với loại sách Tết cho thanh-thiếu-nhi bên Pháp.
- NGUYỄN-NGU.Í : Thử bàn về vài cái « nhỏ nhặt lật vặt » chưa giải-quyết trong chữ Việt : chữ ghép (viết có gạch nối, viết dính, viết rời) ; cách viết tên người, tên đất, chức tước... ; cách viết âm i...
- VŨ-HẠNH : Con thần-lăn (truyện ngắn).
- PHAN-DU : Á-Xiu (truyện ngắn).
- VŨ-PHIẾN : Ngày Xuân êm-đềm (tùy bút)
- VÂN-TRANG : Trăm quả dưa (truyện ngắn).
- MẠC-THỨ : Màu thuốc lá (truyện ngắn).

NGUYỄN - CÔNG - MINH

một nhà thơ miền Nam
có danh hồi đầu thế-kỷ

NGUYỄN-VĂN-HÀU

²
Ở miền Nam, ngoài các nhà thơ có danh-vọng vào khoảng đầu Tây thuộc như Phan-Văn-Trị, Tôn-Thọ-Tường, Huỳnh-Mãn-Đạt, Nguyễn - Đình - Chiêu... còn có nhiều thi-sĩ hữu-danh khác tiếp nối sau đó.

Sở-dĩ thơ văn của họ phần nhiều không được công-bố là tại hầu hết các nhà ấy đương-thời là nho-sĩ, chỉ chuyên học Hán-văn chứ không ưa quốc-ngữ ; vì theo họ, * quốc-ngữ là chữ do Tây bày ra *. Cho nên thi-văn của họ, nếu có tính-cách chính-trị thì khi làm xong, chỉ truyền khẩu cho nhau hoặc chép bằng chữ Nôm rồi cất kỹ ; còn nếu là thơ tả cảnh, tả tình, trào-phúng... thì chỉ đọc chơi rồi thôi chứ ít người chịu đăng lên báo, tuy thời-khoảng ấy đã có mấy tờ báo quốc-ngữ lần-lượt xuất-bản ở đây như *Gia-Định báo* (1865), *Nông - cổ mìn-dâm* (1900), *Lục-Tinh tân văn* (1910)... Gia-dĩ, thời đó ở miền Nam cũng ít có người chịu khó sưu-tầm ghi chép.

Sự mai-một như vậy thật là đáng tiếc.

Chúng tôi, gần đây, may-mắn tìm được một ít tài liệu về mấy thi-sĩ miền Nam chưa hề thấy công-bố trên mặt báo chương. Chúng tôi lần-lượt viết ra và hy-vọng rằng nó sẽ là những tài-liệu hữu ích để bổ sung vào pho văn-học-sử nước nhà.

Bài này chúng tôi xin trình bày về nhà thơ Nguyễn-Công-Minh.

Nguyễn-Công-Minh tự Thanh - Phương, hiệu Tuấn-Đức, sinh tại xã Phú-Văn, phủ Bồng-Sơn (Bình-Định). Thuở nhỏ được học rất sớm nhưng vì cảnh nhà túng-quần nên phải theo cha vào Nam. Nhờ có tính siêng chăm, ông được nhiều nhà nho nuôi dạy. Năm 17 tuổi, ông đã có tiếng thông-minh và giỏi thơ văn.

Khoảng năm 1900, ông lưu-lạc đến chợ Thủ — một vùng chuyên nghề chần tằm

uom 10, dệt vải — Ông được nhiều người mến tài đón mời dạy học. Ông vừa dạy học, vừa làm thuốc và hằng ngày làm thơ, đối họa với các tay có tài văn-học quanh vùng.

Người ta kể rằng người ưa ông có lắm mà kẻ ghét ông cũng nhiều. Hạng ưa ông vì ông tuổi tuy còn nhỏ (hồi đó niên-kỷ ông lối ngoài 20) mà phong-độ đoan-nghiêm, văn-chương lưu-loát ; hạng ghét ông vì họ ganh đua tài cán, cho rằng " kẻ tha phương cầu thực mà tài lực có gì ". Vì vậy mà ông luôn luôn bị thử-thách.

Bài thơ làm cho ông nổi tiếng ở chợ Thủ trước nhất là bài *Gái dệt mơ chồng*. Bài thơ ấy không phải cực hay so với thơ văn khác của ông, nhưng sở-dĩ nó làm ông nổi danh là vì trường-hợp làm thơ rất gay-gắt và gấp rút.

Theo một người biết chuyện thuật lại thì hôm ấy nhằm ngày kỵ-giỗ trong gia-đình một vọng-tộc kia, giữa đông người, trong

đó có nhiều bậc tài mắt trong làng, người ta nghĩ sẵn một đề thơ rồi mời ông tới. Kịp khi cỗ bàn dọn xong, tuần rượu đầu chủ nhà vừa rót và bắt đầu vái lạy thì một người đứng ra mời ông làm thơ. Đề ra là *Gái dệt mơ chồng* và văn hạn theo : *không, chồng, trông, bông, lông*. Người ta muốn cho ông làm xong ngay khi tuần rượu thứ ba vừa dứt đề tất cả cùng ngồi ăn cỗ một lượt cho vui. Ông cầm bút không ngần ngại, viết liền trước mặt mọi người. Bài thơ ấy như vậy.

*Tay lần mỗi chỉ bước lên không,
Bối-rối làng tơ lấm chập-chồng.
Cát-kết thoi đưa ngao-ngán đợt,
Ro-re trực chạy ngậm-ngùi trông
Hồi-vấn mấy đoạn nên cảnh lá,
Cầm-tú đôi hàng rõ trái bóng.
Máy cửi có hay, ta với cửi ?
Cửi trao cho khéo lệch đường lông.*

Bài thơ làm xong khi tuần rượu thứ ba vừa dứt.

PHẠM-HOÀNG nêu tập

Danh ngôn, danh lý

THUẬT CHỈ-HUY

★ Khi bạn ra lệnh và bạn có cảm-giác lệnh ra có chiều như độc đoán, áp bức, ức chế, có thể làm cho người dưới quyền mất tự-tín và sinh ra oán hận thì bạn nên dùng cách giải-thích hợp lý để làm cho lệnh ra bớt phần khe khắt. Làm vậy, bạn sẽ thấy phát hiện một phản ứng tâm-lý khác hẳn. Đó là vì bạn đã biết dùng lý-trí để mở ra cho nghị-lực của người ở dưới quyền một lối thoát.

Tỷ như bạn ra lệnh hạn-chế hay bãi bỏ lệ nghỉ phép. Lệnh ra tất làm cho nhiều người khó chịu. Song khi bạn ra lệnh mà có kèm thêm lời giải-thích, nói sở dĩ có lệnh đó là vì ở vùng lân cận có bệnh truyền-nhiễm. Mọi phản-đối sẽ biến đi trước hiểm-nguy cần phải tránh. (E. L. Munson)

Ông được mọi người khen ngợi và từ ấy được một vị Hương cả (như chức tiên-chỉ ngoài Bắc) ái-mộ tài-ba, giúp-dỡ nhiều phương-tiện trong việc cư-trú trong làng.

Phần đông tuy đã biết tài ông, nhưng cũng còn có người chưa chịu tin chắc, nên có một lần ông đi ngang một lò rèn giữa khi chủ lò cúng tổ để ra nghề, người ta mời ông vào, giả vờ mừng rỡ, rồi cậy ông viết ngay cho một câu đối nói về ý nghĩa của nghề thợ rèn. Ông biết họ muốn thử mình nhưng cũng vui-vẻ nâng bút làm câu :

*Phòng nội đình-tì lẫm-lẫm, chấn uy
thanh tợ tá thần phong ;*

*Tọa tiền đình-phủ vân vân, lẫm nghiêm
khí như nhiên lưu hòa.*

Tạm dịch nghĩa :

*Trước sạp búa-đe bề-bộn, giọng khẹt-
khì như lửa mới nhen.*

*Trong lò phu-đập hăm-hừ, tiếng bộp-
chát bằng hơi sấm gió,*

Từ ấy ông được nhiều người mến phục.

Tuy nhiên, gót giang-hồ của ông chưa dừng được hẳn nơi đây. Khoảng năm 1915, ông lại khăn gói lên đường sang Miên quốc, nơi mà ông từng ao-ước được đến để xem phong-cảnh lạ và hội kiến với một vài bạn thân. Lúc ở đây, ông có làm nhiều bài vịnh cảnh khá hay, xin trích một bài tả cảnh Sơn-Tron của ông làm khi ông tới nơi mà không tìm gặp bạn :

*Khen ông tạo-hóa đức Sơn-Tron,
Núi đỏ cây xanh biết mấy hòn.
Kìa bến long-giang khoe sắc bích,*

*Nọ thuyền ngư-phủ lặc màu son.
Làng xưa tiếng trống hơi rung nhịp,
Chùa cũ lẫn chuông giọng giục bon.
Đất khách đau lòng người viễn xứ,
Bơ-vơ ta với nước cùng non.*

Cũng trong lúc ở Cao-Miên, ông thấy có nhiều đồng-bào nữ-giới không giữ được tư-cách đứng-dẫn của một người đàn bà Việt-Nam : họ không tới đây mua bán làm ăn như ai mà đến để làm nghề " bán tròn nuôi miệng ", nên có làm thơ chê-bai, mai-mĩa. Bài thơ " Con đi " của ông, mà nhiều người còn nhớ, đáng coi là một bài hay nhất trong các bài " Chê đi " của ông làm tại Nam-Vang :

*Cần gì quen !
Điểm có kiều sương đủ mặt chen,
Cầm-cọng nợ-duyên vẫn nguyệt xế.
Đón-đưa đường-xá mảnh hương nhen,
Đành toan má phấn đôi đồng bạc,
Biết rửa gương xuân mấy gánh phen.
Bướm chân ong chường đà lẫm lúc,
Suối vàng mệnh bạc chẳng ai khen.*

Khoảng năm 1920, ông trở về nước. Phen này ông không về chợ Thủ mà lang-thang đây đó khắp nơi. Có lẽ nhờ thế mà ông có nhiều đề-tài ngâm vịnh và thơ ông còn nhiều người nhớ được ở rải-rác nhiều chỗ. Dưới đây là bài thơ *Đề núi Bà-Đội-Om*, viết trong một dịp ông sang chơi miền Thất-Sơn hùng-vĩ.

Bà - Đội - Om là tên một ngọn núi trong nhiều ngọn ở dãy Thất-Sơn. Núi cao 251 thước, dài 1.100 thước và ngang 600 thước, thuộc địa-phận quận Tịnh-Riên. Sườn núi cây cỏ tốt tươi, chót núi có hình một người đàn bà to lớn đầu đội cái om đứng chang-

chang giữa trời qua những ngày mưa nắng.
Hãy xem ông tả cảnh ấy :

*Hóa-công cốc-cổ về tiêng hòn,
Bà-đội trông ai, đứng giữa non ?
Cây mọc bên mình che má phấn,
Đá chen trước mặt ủ mây son (?).
Mưa chan nắng tấp đầu tro trọt,
Gió dãi sương dầm véc mối mòn.
Nặng kiếp phong-trần om đội mái,
Khất-khe phận gái cảnh thon-von !*

Tuy mấy câu thực, luận trong bài ý hơi rỗng, và chữ "mây son" không rõ hình đá có phải đúng thực "xích my" chăng, nhưng hơi thơ êm-ái, đối chữ dùng khéo cũng đã làm khách qua đây viếng cảnh phải ngỡ-ngần lòng.

Ông còn có bài vịnh cảnh *Ngã tư Long-Hồ*, làm trong một buổi sáng đầu xuân khi ông quá bước tới đây :

*Long-Hồ xịch tới, hé vầng đông,
Voi vịnh quanh co về giống rồng.
Cột mục xa nghe ngoài thừa ruộng,
Chài ngư kẻ thấy dưới ghènh sông.
Hương bay trước miếu mùi thơm ngát,*

*Địch thời bên lâu giọng nhớ mong.
Ngưng bước nhìn xem phong-cảnh lạ,
Ai xuôi chinh-khách ngẩn-ngơ lòng !*

Tính ông điềm-dạm, doan nghiêm, nhưng đôi khi gặp cảnh ngang-chướng, ông cũng có làm một vài bài thơ trào-phúng đề châm-chọc, bông-dùa. Các bạn thử nghe một tiếng cười lạt của ông tại ven đồng Tháp-Mười, khi có một anh lang-băm nào đó, mắc bệnh hủi, thường khinh-thị ông và rủ ông làm thơ :

Cốc đòi (1) trèo thang

*Khá khen cho gã muốn trèo cao,
Thiên-hạ hèn chỉ gọi ở hào.
Mặt mũi u-nần không nép sợ,
Tay chân cùi-cụt dám xông-xao.
Mưa sa một lúc chun vô bụi,
Nắng vãi (2) đôi hồi trốn dưới ao.
Lóm thóm bên đường cơn chạng-vạng,
Có tài bất cập miệng kêu cao.*

(1) Ông dụng ý nói lá hai chữ này.

(2) Miếu Nào thường dùng chữ này để chỉ sự lừa dối chúng kẻ gì ; chữ vãi hạt sen, làm vãi than-lau.

« Lucullus dùng bữa với Lucullus ».

Lucullus, tướng La-Mã, nổi danh vì đã dám đương đầu với vua Mithridate, trước cả tướng Pompée. Ông càng nổi danh hơn nữa vì tính ưa xa-xỉ. Một hôm, ngồi ăn bữa tối một mình, ông thấy người quân-gia không dọn thịnh-soạn, liền mắng : « Nhà ngươi không biết rằng chiều nay Lucullus dùng bữa với Lucullus sao ? »

Chế-giễu người cùi-phung mà mượn để con cóc thì đã hợp rồi, nhưng muốn chế kẻ tài năng thấp kém lại dám cầu cao mà mượn ý cóc đòi trèo thang thì cũng đáng coi là khéo vậy.

Ông thường hạ những văn thơ lắt-léo do các bạn thân ra cho hoặc của ông tự ra lấy. Bài thơ dưới, dễ và vận do một bạn vong-niên của ông ra, cho ta thấy những cái ngộ-nghĩnh đáng bật cười.

Đề thơ : *Công-lao phụ-tắc (1)*

Hạn vận : *Ren, ten, beng, chen, hen.*

Hạn chữ : *Chồng con, heo, cơm.*

*Khò cực chi màng, sợ liếng ren,
Bận niềm phụ-tắc đến te-ten.
Tầm đòi lên ở càng nơn-nả,
Đê phá ngoài chuồng cả rớt beng.
Con ngừ chưa mẽ, cơm trẽ nẫu,
Heo kêu hết giọng, ác lẫn chen
Chồng còn dăng bừa, sao xong cả,
Miễn rạng tam-tùng đâu sá hen.*

Bài thơ bị gò ép nhiều, nhưng đã diễn được hình bóng người đàn bà trong xã-hội Việt-Nam cũ : người đàn bà đã đảm-đang gần hết công việc trong gia-đình mà Nguyễn-Khuyến đã có một lần thương khóc :

« Nhà chĩnh rất nghèo thay, nhờ được bà
« hay lam hay làm, thất lưng bó que, sẵn
« váy quai công, tất-trời chân nam chân
« chiếu, vì tớ đỡ-đần trong mọi việc.

« Bà đi đâu vọt bầy, để cho lão vất-vơ
vất-vờng, búi tóc củ hành, buồng quần lá
tọa, gặt-gù tay dũa tay chén, lấy ai kể-lẽ
chuyện hôm mai ? »

Nguyễn-Công-Minh còn năm bài thơ nữa, cũng bắt chẹt vần điệu như trên, xin

(1) Phép tác và sự chịu khổ nhọc của người đàn bà.

chép đủ vào đây để bạn thấy những gì hơi khúc-mắc và là-lạ của thơ ca miền Nam so với hai miền Trung, Bắc.

Đề thơ là « *Chính-phụ năm canh hận* » và văn mỗi bài ra mỗi khác. Đây là *Hận canh một*, văn hạn theo : *thằng, ăn, măng, nhón, răng.*

*Ngoài cửa vang reo ở mấy thằng !
Xúm nhau lo giỡn, chẳng lo ăn.
Đoái nhìn kẻ ở càng rơi lệ,
Chạnh nhớ người đi bỗng khóc măng.
Giúp nước đành-âu non nước vưng,
Nâng mày chi thẹn mặt mày nhón.
Một canh sầu hận dường trăm mối,
Quặn thắt bên lòng chẳng hé răng.*

Bài *Hận canh hai*, văn hạn theo : *ôi, thôi, rồi, nôi, xôi.*

*Hé răng khôn thâu nôi ai ôi !
Thơ nhận an biên, tách dậm thôi.
Vô ngựa chàng xưa dong-trười mái,
Phòng loan thiệp luống dạng-tấm rồi.
Rủ rèm minh-nguyệt bao nhiêu chẳng,
Giùm bếp nhiên-tư biết mấy nôi.
Hận nhớ hai canh còn sửa-soạn,
Lăn tay tiếp chỉ đề mà xôi.*

Bài *Hận canh ba*, văn hạn theo : *cầm, giâm, dâm, lăm, thăm :*

*Mà xôi mấy đoạn thăm khôn cầm,
Nhớ lời, ai ôi ! lệ ướt dâm.
Hận lủ Tây thiên như lửa đốt,
Đau người Nam-Việt tợ kim dâm.
Chàng theo giúp nước không còn lỗi,
Thiếp mãi thờ thân chẳng có lăm.
Trống điềm ba canh nghe vắng-ê,
Khất-khe nhí nữ cũng buồn thăm.*

Bài *Hận canh tư*, văn hạn theo : *xô, cô, ô, ô, rô :*

*Buồn thăm nhiều nôi lỗi đề-xô,
Ý thế đông người hiệp thế cô.*

Bồi-đắp non-sông càng tiến tới,
Đỡ nâng thành-lũy mãi xông vô.
Cách phân rúi chũu trên bầu thế,
Hội hiệp may nhờ dưới bóng ô.
Hận tới canh tư khuyển gắng nhớ,
Con thơ thiếp dưỡng chớ hồ-rô.

Và bài *Hận canh năm*, văn bạn theo :
bà, già, qua, nhà, ta :

Hồ-rô tiếng hận Triệu, Trưng bà,
Chi gái anh-hùng nổi chi già.
Chống lũy ngăn thành huoi kếm-kịch,
Đỡ nổi nâng giống dấy can-qua.
Dẹp xong phản-loạn thì an nước,
Đuôi được xâm-lãng mới lợi nhà.
Trống điểm năm canh im giấc trẻ,
Khất-hoàn mong-mỏi tại lòng ta.



Ngoài thơ nôm, Nguyễn-Công-Minh còn nhiều câu đối và thơ phú bằng chữ nho, chúng tôi xin giới-thiệu với các bạn một ít.

— Câu đối điệu cụ Võ-Duy-Dương khi ông sang chơi Đồng-Tháp :

Âm hận anh-hùng, tự Bắc tự Nam,
Thập-Tháp hương yên trường điệu-diệu.

Kiên can tuấn-kết, nhĩ kìm nhĩ cồ,
Ngũ-Linh phong-độ thượng y-y.

Dịch nghĩa :

Ngậm ức anh-hùng, tiếng nổi Bắc Nam,
Thập-Tháp (1) lửa-hương còn phốt-phốt.

Chắc gan tuấn-kết, danh truyền kìm cồ,
Ngũ-Linh (2) dáng-cách vẫn như-như.

(1) Ghi Đồng-Tháp-Mười, nơi khởi nghĩa của cụ Võ-Duy-Dương.

(2) Võ-Duy-Dương sức mạnh cứ nổi như trái lựu, nên cũng gọi cụ là Ngũ-Linh. Thiên-hộ

— Bài tự vịnh gửi về cho người thân của ông khi ông còn ở Nam-Vang (trích đoạn đầu) :

Kham hoài cố-lý, ức dĩ tha-hương.
Thậm-chí tam canh dạ mộng, thù vị nhất thốn can-trường.

Phụ mẫu hề, thù vị chi thương.
Đệ huynh hề, thù vị chi thường.
Hương thôn hề, thù vị chi đương.
Bằng hữu hề, thù vị chi tương.
Thủy thổ hề, thù vị chi cương.
Gia lân hề, thù vị chi nhưương.
Thử thân khách địa, thị dĩ tha phương.
Mỗi niệm hồng-đồ chung thủy, thù vị cái-thể thanh-lương.

Nhứt nhứt tam xan, tuy tặc tha bang
phú quý, thốn tâm thiên-lý, hà vong cố-quốc kị-cương.

Dịch nghĩa :

Chi tiết làng xưa, tha-hương quận nhớ.
Đến nỗi canh khuya giấc mộng, bồi-hỗ một khúc can-trường.

Cha mẹ chừ, ai nâng đỡ xót thương.
Anh em chừ, ai gần-gũi nhau thường.
Làng xóm chừ, ai giao-tiếp đảm-đương.
Bầu bạn chừ, ai thân-thiết hổ-tương.
Đất nước chừ, ai rào-đậu biên-cương.
Xóm chòm chừ, ai bỏ-bạc nhún-nhuương.
Thân này cõi lạ, thực rất xa phương.
Hằng bữa toan lo sau trước, dù thân xử lạ thanh-lương.

Ngày ăn ba bữa, tuy được nước khác làm giàu ; tặc lòng ngàn dặm, đâu quên cố quốc kị-cương.

— Và bài văn tế viết cho mẹ con Bà Huấn tế chồng và cha tại Sở-lò-vel (Cao-Miên). Đây là phần nhập-đề, tác giả nói

cảnh biển trong đời người và khéo-léo giới-thiệu mối tình Hoa-Việt giữa mẹ cha Ban Huấn :

Ô hô !

Nhân sinh tơ mộng ; thể sự như miên.
Băng-sơn kiệt-thủy ; thương-hải tang-diễn.

Như khinh trần thế nhược thảo ; như
giang ngàn quá khách thuyền.

Lầu khan phong cảnh đốn thù, bồi phân
bi lụy ; mục thí sinh ly cuộc biển, nhân đề
lưu-liên.

Bắc quốc minh san quân nghĩa phối ;
Nam bang nghi thất thiệp tình khiên.

Bang ước tương tiếp ; thanh khí tương
truyền.

Na thời kỷ tịch tương phù, trướng hạ
nhĩ tăng yêm tin tức, thử hậu sơn-hà mộng
nhập, vấn trình nhĩ dĩ cách vạn thiên.

Vong vọng hễ trùng lai hà nhật ; phiêu-
phiêu hễ nhất biệt thiên niên.

Dịch nghĩa :

Hỡi ôi !

Đời người như mộng ; sự thể ngủ say.

Non mòn nước cạn ; biển đời dân thay.

Như bụi nhẹ đèo trên cỏ ; như thuyền
nhỏ vượt bến dài.

Sầu xem cảnh vật đời thay, chia phân
giọt lệ ; hé ngó sinh ly cuộc biển, đáy mắt
ướt hoài.

Chàng dân Bắc hẹn-thề kết tóc ; thiệp
người Nam ước nguyện xe dây.

Bờ cõi nối nhau ; thanh khí truyền gây.

Xưa sao chông chiếu sum vầy, màn nệm
êm đềm mộng đẹp ; bây giờ u-minh lìm cõi,
đường thăm-lom vạn dặm xa chơi.

Đăm-đăm chừ trùng-lai bao tá ? phát-
phát chừ hồn biệt xa khơi !



Nhìn qua sự-nghiệp của Nguyễn-Công-Minh, ta thấy ông tuy không phải thuộc hạng ngời chiếu trên trong thi-văn đàn nước Việt, nhưng với những bài tiêu-biểu vừa đọc, chắc chúng ta không ai phủ nhận sự có mặt của ông trong lịch-sử văn-học nước nhà.

NGUYỄN-VĂN-HÀU

★ Khi khuyến-khích ai, nên dùng những câu khẳng-định hơn là những câu phủ-định.

Như câu khẳng-định, tích-cực : « Anh làm việc bổn phận của anh đi » chứa đựng một mãnh-lực tâm-lý thúc-đẩy mạnh hơn là câu phủ-định, tiêu-cực : « Anh đừng làm biếng. »

Cũng một lẽ ấy, không nên đưa ra những lý-do tiêu-cực như sự sợ hãi, mà nên dùng những yếu-tố tích-cực như lòng tự-ái chính-đáng hoặc chí-vọng thành-công trong một việc khó khăn.

Một quan-niệm về

CÔNG CUỘC MỞ-MANG CÁC DÂN-TỘC HẬU-TIẾN

HOÀNG-MINH-TUYNH

(biên khảo)

L. T. S. — Tác-giả thiên biên-khảo này, trong một số bài đăng trên Bách-Khoa, đã có dịp đề-cập tới vấn-đề cần-thiết viện-trợ các nước mở mang chưa đầy đủ, đối với lương-tâm của toàn-thê thế-giới (Số 61-62: *Vấn-đề viện-trợ... đối với thế-giới hiện nay*) và tình-trạng bế-tác của một vài chính-sách viện-trợ có chiều đi tới chỗ thất bại, nếu không được kịp thời sửa chữa (Số 65: *Viện-trợ phải chăng là một huyền-thuật của Tây-Phương*; số 68: *Dư-luận về-tam thế-giới đối với viện-trợ*).

Trong số này, tác-giả tiếp-tục bàn về một quan-niệm mở-mang các dân-tộc hậu-tiến với nguyện vọng đóng góp một vài ý-kiến cùng các nhà có chức-vụ mở-mang cho một quốc-gia mới thâu-hồi độc-lập như nước Việt-Nam. Tác-giả căn cứ vào nguyên-tắc của Giáo-hội Công-giáo do cha A. de Soras, s. j. nêu lên trong tạp-chí Action populaire (1), nhằm đặt tiêu-chuẩn cho công-cuộc mở-mang đạt tới chỗ viên-mãn, không vì bội nhân-tính, nhân-bản.

(1) Số 131, tháng chín tháng mười 1959.

KHI quyết-định lựa chọn những phương sách mở-mang cho một quốc-gia, các nhà có nhiệm-vụ mở-mang thường có ba mối quan-tâm chủ-yếu : mỗi quan-tâm phải khởi sự từ những bằng cứ thiết-thật đã được các cuộc điều-tra tại chỗ minh-chứng một cách xác-đáng ; mỗi quan-tâm phải sẫm sủa những phương-tiện cần-thiết để có thể hoạt-động một cách công-hiệu trong hoàn cảnh thiết-thật ; mỗi quan-tâm phải nhằm đạt cho được những giá-trị chân-chính để bảo-đảm cho nhân-dân mình mở-mang tiến tới chỗ được giải-phóng thật sự.

Tuy nhiên, các nhà mở-mang, thường khi hay để cho những mối quan-tâm về hoàn-cảnh và những mối quan-tâm về phương-tiện, làm tiêu-tan những mối quan-tâm về giá-trị mà nhiều khi không tự cảm thấy.

Đó có thể là vì tại các nhà có nhiệm-vụ mở-mang cho mỗi quan-tâm về giá-trị là điều phụ thuộc vào mối quan-tâm về hoàn-cảnh và về phương-tiện. Cần phải chú ý đến hoàn-cảnh mở-mang và phương-tiện mở-mang trước đã ; giá-trị là vấn-đề thứ yếu, nó sẽ tới sau và sẽ tới một cách thỏa đáng và thích ứng với tình thế bấy giờ. Họ lý-luận rằng : con người là một động-vật có khả-năng sống thành xã-hội, tự nó, nó phải tạo ra định-luật sống thành đoàn-thể để sinh-tồn. Cần gì phải lo trước về giá-trị ; giá-trị là một cái gì hết sức tương-đối, nó tùy theo chủ-quan của mỗi người, mỗi dân mà đổi thay, và cũng tùy theo mỗi thời, mỗi thế mà đổi thay nữa. Nếu họ lý-luận như vậy, thì tất nhiên họ sẽ đi tới kết luận này : mọi giá-trị ở đời chỉ là một giá-trị hoàn-cảnh, hoàn-cảnh đổi thay thì giá-trị cũng đổi thay. Quan-tâm tới giá-trị trong

công cuộc mở-mang là điều không cần-thiết lắm.

Gia dĩ, lý-luận trên còn có thể dễ dàng dẫn đưa người mở-mang tới chỗ nghi ngờ, chối bỏ mọi giá-trị, cùng gác nó ra ngoài mọi mưu-tính trong công cuộc mở-mang nữa.

Đó là chưa kể còn có người có chức vụ mở-mang mà không hề nghĩ tới, không hề có ý thức, có quan-tâm gì đến giá-trị cả.

Tuy nhiên, chúng ta có thể tự hỏi : thế nào là những mối quan-tâm về giá-trị ? Trước hết những mối quan-tâm về giá-trị là *những mối quan-tâm về giá-trị con người, hay là những mối quan-tâm về con người*. Chúng tôi tưởng đó là mối quan-tâm bậc nhất ta phải có, hầu đem lại cho mọi công cuộc mở mang một lý-do và một cứu-cánh đáng cho mọi người cố công cùng sức thật-hiện cho bằng được. Một chính-sách mở mang đúng và tốt phải là một chính-sách mở mang lấy người làm cứu-cánh, vì nếu tất cả mọi tổ-chức và thật-hiện không có mục-đích mưu-cầu hạnh-phúc chân-thật cho người, thì những tổ-chức và thật-hiện ấy phỏng còn có ích lợi gì ?

Do đây, cái chúng ta nhằm trong mọi công cuộc mở mang, rốt cuộc, không phải là xứ sở, hay là đất đai, không phải kinh-tế, hay tư-liệu. Không phải là thư-viện, dinh-thự, tiền bạc, hay kỹ-thuật sản-xuất, cũng không phải là bệnh-xá hay học-đường. Mà là những dân-tộc hay đúng hơn, những quốc-dân đang xuất-sinh hay đang tiến-phát, những đoàn-thể nhân-loại đang lớn lên. Tất cả chỉ có một mục-đích duy-nhất tối-hậu là giúp đỡ cho

toàn-thể nhân-loại được triển-khai. Chỉ có một mối quan-tâm bao trùm mọi mối quan-tâm khác : mỗi quan-tâm nâng cao giá-trị con người ở khắp mọi nơi được tự-do sống đời sống của mình.

Thế nào là « một nước mở-mang, » phải chăng là một nước trong đó công ích, công lợi được phát-triển tới mức tối đa và phổ cập toàn-thể quốc-dân, và ở trung tâm công-cuộc phát-triển công-ích, công-lợi ấy, nhân-bản-vị được khai phóng, phản phát, không bị vướng mắc, tê liệt, vì những biện-pháp bất công hay ức chế.

Tại sao nhân-bản-vị lại phải là cứu cánh tối hậu bất buộc của mọi chế độ, mọi chính-thể ? Đó là vì người là thọ vật duy-nhất trong các thọ vật, có khả-năng tự-do định đoạt bản-thân và hành-vi của mình. — Hơn thế, theo thuyết Ki-Tô-giáo, người là thọ vật duy-nhất được dựng nên giống hình ảnh sinh-động của Thiên-Chúa, có khả-năng được Thiên-Chúa thông cho sinh-mệnh của Ngài và do đấy, được dự vào bản-tính của Ngài. Trong các mức thang giá-trị và cứu cánh của thế-gian, nhân-bản-vị được coi là giá-trị tuyệt đối và là cứu-cánh tối-hậu, vì phản bội nhân-bản-vị là phản-bội một hình ảnh của Thiên-Chúa, phản bội sinh-mệnh Thiên-Chúa, phản bội chính Thiên-Chúa vậy.

Những chân-lý đó, Ki-Tô-giáo cho là những tiêu-chuẩn cần-thiết cho một chính-thể muốn tránh khỏi sa đọa vào điều lầm lạc có thể làm phát sinh ra những kết quả tai-hại không thể tưởng-tượng được.

Xin đơn cử ra dưới đây hai tỷ-dụ cụ-thể nhất và ai cũng thấy rõ :

Tỷ-dụ thứ nhất.— Nhờ những tiến-bộ về y-học và vệ-sinh nhi-đồng, nhờ cuộc đấu-tranh chống các bệnh phong-thổ tại những xứ sở thuộc miền nhiệt đới như bệnh rét rừng, nhiều quốc-gia hiện nay trở thành diễn-trường của một hiện-tượng đặc-biệt là hiện-tượng « nhân-mãn tởc-hành ». Nạn nhân-mãn ấy gây ra trong nhiều nơi nạn thiếu ăn, nạn thiếu việc, khiến cho các nhà mở-mang phải chăm lo tìm phương giải-quyết. Người ta đã phát-mình ra được nhiều phương-pháp chống thụ thai có khả-năng tiêu-giảm một cách công hiệu tác-dụng sinh-thực của cả một dân-tộc và chặn đứng sự sinh-sản đưa tới nạn nhân-mãn ; đó là trường-hợp nước Nhật-Bản hiện nay. Do đấy, có nhiều nhà mở-mang nghĩ tới sự kiểm-sát sinh-dục và họ công nhiên, trắng trợn đưa ra những phương-thể mà họ cho là thích ứng để đối phó với cường-lực tăng-gia nhân-số quá độ, làm phát-sinh ra cảnh « lửa cơ, đao hàn ». Một nhà có chức-vụ mở-mang một quốc-gia, nếu còn giữ được nhất điểm lương-tâm, liệu có thể chiều theo, chấp nhận một kỹ-thuật hạn-chế sinh-dục như trên không ?

Đó không phải là chúng ta tuyệt-đối không chấp nhận một phương-thể hạn-chế sinh-dục nào và cũng không phải chúng ta không nghĩ đến thảm cảnh của những nước nhân khẩu quá đa ; chúng ta không có ý đề-nghị một cách thể sinh-sản buông tuồng bất hợp-lý và vô ý-thức. Song điều chúng ta không chấp nhận được là : để bảo-đảm sự hạn-chế sinh đẻ rất mực cần thiết, chúng ta đành lòng dùng phương-pháp y-dược hay máy móc để chống thụ thai, là những phương-pháp đi

ngược lại với chủ trương tôn trọng nhân-bản-vị. Linh-mục Lestapis trong một cuốn sách bàn về vấn-đề hạn-chế sinh-sản, có viết như sau :

* Sự tính-giao, khi là sự tính-giao giữa loài người, có thể coi như là một sự kiện, một hành-vi thô-tục của bản-năng thú loại không? Sự giao-hoan giữa người nam và người nữ, trái lại, phải chăng có mục-dịch biểu-hiện giá-trị rất tinh mật của tình yêu trong tâm-thần của đôi vợ chồng và dẫn đưa tình yêu ấy đạt tới đích cùng? Sự quyết tâm tiêu-diệt khả-năng sinh-thực trong tính-giao phải chăng đi tới chỗ hủy hoại tính-chất doan-chính thâm sâu của nội-dung tình yêu ấy đi? Sách lược chống thụ thai, viên có là để đối phó công hiệu và mau lẹ với sự thiếu-thốn y-thực cho một dân-số quá đông đúc, phải chăng chính lại là một cách hạ phẩm-giá tinh-thần của đám dân-chúng ấy xuống vì làm cho sự tính-giao của họ « thiếu sự mở-mang trong tinh-thần »? Chữa nạn đói kém bằng nạn trụy lạc, đó há chẳng phải là cách dùng bệnh dịch hạch để chữa bệnh dịch tả đó sao? »

Chúng tôi biết những chủ-trương đặt lại vấn-đề giá-trị nhân-bản nêu trên có thể làm cho sự tìm kiếm những biện-pháp thích-ứng để giải-quyết tình-trạng nhân-mãn bi-thảm trên thế-giới hiện nay, trở nên khó-khăn gấp bội. Chúng tôi cũng biết chủ-trương giá-trị nhân-bản ấy có thể làm hư hỏng nhiều công-cuộc đang tiến-hành dở-dang tại một số quốc-gia trên hoàn-cầu. Tuy nhiên, chúng tôi tin rằng chủ-trương ấy có thể tránh cho những sách-lược mở-mang của các quốc-gia trên khỏi đi tới chỗ bại-hoại. Nó

cũng giúp cho công-cuộc viện-trợ người ta đang đưa tới cho các quốc-gia mắc nạn nhân - mãn, tránh được mỗi hiểm nguy sa lầy vào những hình-thức hạn-chế sinh-dục quái gở, nhằm dùng thủ-đoạn của khoa thú-y để biến đoàn thể nhân-loại thành những bầy súc hai chân, viện lẽ để cho họ được hưởng những khoản y-thực đủ dùng, khỏi sợ thiếu-thốn.

Tỷ-dụ thứ hai.— Mỗi quan-tâm đặt người trên mức chót đỉnh cái thang giá-trị cũng tránh được cho những chính-sách mở-mang phỏng theo chính-sách mở-mang của người mác-xít, khỏi rơi vào tình-trạng kinh-khủng hiện nay của họ. Chủ-nghĩa cộng-sản nói là muốn giải-phóng đám dân vô-sản ra khỏi những khổ cực, lầm-than của chế-độ tư-bản bóc-lột, và muốn thay thế những phương-sách lạm-dụng vô nhân-đạo bằng những phương-sách hợp tình, hợp lý hơn. Nhưng thật ra, các nhà mở-mang mác-xít cũng mắc phải cái sai lầm ý-thức hoặc vô-thức chúng tôi đã nói trên : đó là để cho mỗi quan-tâm về hoàn-cảnh và mỗi quan-tâm về phương-tiện lấn át và tiêu hủy mỗi quan-tâm về giá-trị nhân-bản-vị và cứu-cánh nhân-bản-vị. Phát khởi từ mỗi quan-tâm giải-phóng giới vô-sản khỏi sự lệ thuộc phi-lý vào lợi ích tư-nhân, chính-sách mở-mang của người mác-xít rút cuộc cũng bỏ quên mất người ; rút cuộc, những chính-sách ấy cũng phủ nhận giá-trị tối cao của nhân-bản-vị và hy-sinh nó cho một thần tượng còn độc ác hơn thần tượng tư ích, tư lợi, là thần tượng sản-xuất vật-chất. Kết-quả là ở trong hệ-thống Cộng-sản chủ-nghĩa cũng như trong hệ-thống tư-bản chủ-nghĩa, các nhà mở-

mang kinh-tế đều tiến tới chỗ làm phát sinh ra những cảnh lầm than trong xã-hội không bút vào tả xiết được.

Chúng có là chế-độ công-xã nhân-dân của Trung - Hoa mà chúng ta đã có nhiều lần nghe nói đến và chúng tôi đã có lần đề-cập trên tạp - chí này (1). Chúng ta thấy những nhà du-lịch có thiện - cảm với chủ-nghĩa mác-xít nhất, khi tới thăm viếng đất Trung-Hoa, thấy sự diễn-hành của chế-độ nước ấy phơi ra trước mắt, cũng đã bất-khiếp sợ đến táng đờm kinh hồn. Chế độ nước Trung-Hoa đã lăm vang lên trên lục địa ấy những tiếng kêu đình tai, nhức óc, có phần còn mãnh-liệt hơn những tiếng kêu

nổi lên tại Âu-Châu, cách đây một trăm năm, trong những chế-độ tư-bản chủ-nghĩa mà người ta vẫn bảo mãi là vô nhân-đạo.

Thật ra, nguồn gốc của những động loạn kinh-tế và những điều bất hạnh xảy ra cho nhân-loại đó, chúng ta không phải mất công gì lắm mới tìm kiếm ra được : nguyên-nhân chính của chúng nằm trong chính - sách mở - mang kinh - tế đã tự phân-bội lại mình, vì đã không chịu đặt mối quan-tâm lấy «**người**» làm mục-tiêu và cứu-cánh cho sự mở - mang.

HOÀNG-MINH-TUYNH

(biên khảo)

(1) Xin coi Bách - Khoa số 63 và 64 : Chế - độ Công-xã nhân-dân tại Trung-Hoa Cộng-sản, Hoàng-Minh-Tuynh biên khảo.

★ Khi người cầm đầu ra lệnh mà ra lệnh một cách do dự thì người nhận lệnh tự nhiên có cảm-giác là người cầm đầu đã thấy cái khó khăn trong việc thi-hành lệnh. Do đấy, người nhận lệnh không tuân hành ngay, mà có khuynh-hướng chờ đợi phản lệnh. Chỉ-huy có dứt-khoát thì thừa-thuận mới tức-thời được.

Một việc xảy ra thường ngày đủ minh-chứng điều đó : một hành-khách tự trong một nhà ga lớn đi ra, tay sách va-li, tay thọc túi quần. Một người tiến tới mạnh dạn đưa ra tờ quảng cáo chiêu-hàng. Không suy nghĩ, người hành-khách rút tay ở túi quần ra đỡ lấy tờ giấy dầu chỉ phút sau là quăng liệng đi. Trái lại, nếu người chiêu-hàng đưa tờ quảng-cáo ra một cách rụt rè, với bàn tay do dự, chắc người hành-khách sẽ đi phớt qua, chẳng thèm rút tay đỡ lấy tờ giấy.

Một người giơ tay ra bắt tay một người : người được bắt tay phải cố gắng lắm mới có thể không bắt tay người kia, dù người kia có bộ mặt đáng ghét đến đâu. Một cử chỉ cương-quyết thường làm phát sinh một động-tác tự-động đối lại ; một mệnh-lệnh dứt-khoát đưa ra thường được khởi sự thi-hành tức khắc. (J. Toulemonde).

dòng tư-tưởng...

« Ý-chí làm giàu » và « Ý-chí kinh-tế »

Có nhiều người ngoại-quốc chê người Việt chúng ta có « ý-chí làm giàu » hơn « ý-chí kinh-tế ».

Có « ý-chí làm giàu » là có ý-chí làm ra thật nhiều tiền để chi tiêu cho rộng rãi, để sinh hoạt cho xênh xang, để phòng hồ lúc thiếu thốn, để bảo đảm hạnh-phúc cho gia-đình. « Ý-chí làm giàu », phàm là người thì ai cũng có, nhưng là ý-chí thường thấy biểu-hiện công-nhiên ở những dân-tộc còn vương mắc sâu đậm tinh-thần vị-thân của một chế-độ tộc trưởng, chưa ý-thức rõ-rệt nghĩa-vụ công-dân là điều kiện chủ yếu để bảo-toàn quyền lợi của xã-hội và đồng thời của mỗi phần-tử trong xã-hội.

Có « ý-chí kinh-tế » là có ý-chí làm cho trường sở hành-dộng được mở mang to tát, để có phương-tiện tiến tới không ngừng, để làm cho no ấm được phổ cập khắp nơi, để trừ hoạch phú túc cho hết thảy mọi người và để góp phần vào cuộc hưng phát của toàn-thể quốc-gia. « Ý-chí kinh-tế », phàm là quốc-dân thì ai cũng có, nhưng là ý-chí thường thấy phát-triển mãnh-liệt ở những dân-tộc biết vươn mình mặc lấy tinh-thần công-lợi của một chế-độ cộng-hòa, ý-thức rõ-rệt cơ-cấu quốc-gia là điều kiện phồn vinh cho tập-thể và đồng thời cho mỗi thành phần trong tập-thể.

Người Việt chúng ta có « ý-chí làm giàu » hơn « ý-chí kinh-tế » ? Nhận xét của người ngoại-quốc về ta, dù đúng hay sai, cũng là dịp cho ta tự xét lại mình.

Nhân bài vấn-đề sinh-ngữ ở Trung-học và chuyên-ngữ ở Đại-học của ông Nguyễn - Hiến - Lê đăng trên Bách-Khoa 73 và 74, một sinh-viên ở Luân - Đôn, bạn đọc của Bách-Khoa góp ý:

NGUYỄN-PHƯƠNG-CÁC

TH E O học ở ngoại-quốc, tôi ít có dịp được xem báo-chí nước nhà. Nhưng mới đây tôi đã may-mắn được đọc một bài của ông Nguyễn-Hiến-Lê — một học-giả đã nhiều lần bày tỏ mối quan-tâm của mình với công- cuộc giáo-dục thanh-niên hiện nay — đăng trên báo Bách-khoa số 73 và 74. Trong bài đó ông Nguyễn-Hiến-Lê đã trình bày tình cảnh của những sinh-viên Đại-học, trước theo chương-trình Việt, với các khó-khăn mà họ gặp phải vì việc dùng ngoại-ngữ để giảng dạy. Là một sinh-viên học bằng tiếng Việt ngay từ Tiểu-học và đã chịu những thử-thách trong mấy năm theo học tại Khoa-học Đại-học-đường Sài-Gòn, tôi muốn ghi lại ở đây những ý-nghĩ của mình để trình cùng các bậc phụ-huynh và các bạn sinh - viên xét-định.

Tôi sẽ chỉ xin hầu chuyện về các sinh-viên trường khoa-học vì các trường kia tôi không có may-mắn được theo học.

Vài ý-kiến về vấn-đề Ngoại-ngữ ở Đại-học

Những khó-khăn...

Từ trước đến nay tôi đã được đọc nhiều bài báo, của các bậc phụ - huynh cũng như của các bạn sinh-viên, liên-quan tới trình-độ ngoại-ngữ của học-sinh ngày nay. Tôi có cảm-tưởng rằng tình-trạng quá bi-quan. Tôi đã được nghe nhiều người than-phiến « Học trò ngày nay Pháp-văn kém quá, Tú-tải mà không bằng Tiểu-học ngày xưa, không biết rồi họ học hành ra sao ở Đại-học? »

Theo thiển ý, thanh-niên ta đã cố-gắng trên phương-diện học ngoại-ngữ hơn bất cứ thanh-niên một nước độc-lập nào vì học-sinh Việt-Nam ngày nay đều biết hai sinh-ngữ Pháp và Anh tuy không thứ nào hoàn hảo. Tôi đã được thấy nhiều bạn nam nữ học-sinh học sinh-ngữ như cuộc kêu bè đến 12 giờ khuya vẫn chưa thôi. Nhìn sang thanh-niên các nước khác tôi nhận rằng rất ít người có thể nói và nghe thạo được một ngoại-ngữ. Tôi đã được gặp nhiều sinh-viên

Anh, Đức, Nhật, Thái-Lan v.v... và tôi thấy phần nhiều chỉ biết qua loa một ngoại-ngữ, đọc cũng chưa thông chứ đừng nói đến nghe diễn-thuyết. Thế mà điều kiện làm việc của họ, đặc biệt các sinh-viên Âu-Châu, hơn ta bội phần : giáo-sư có thừa, được nhiều dịp tiếp xúc với người nước khác để tập nghe cho quen, linguaphone...

Tôi có ý nói rằng không nên trách sinh-viên ta ngày nay kém ngoại - ngữ. Họ đã cố gắng nhưng có lẽ vì thiếu điều kiện và thiếu phương-pháp nên không đạt được kết-quả.

Còn họ học hành ra sao ở Đại-học ?

Theo ý tôi tình hình của các sinh - viên Việt ở Đại-học tuy không làm cho ta lạc-quan nhưng cũng không đến nỗi quá bí-quan. Trong năm vừa qua, tôi đã được may mắn quen biết với một vài sinh-viên vừa đậu tú-tài xong, tôi được nghe nỗi lo lắng của họ với những bài giảng dài bằng tiếng Pháp trong năm sau ở Đại-học và họ tỏ vẻ bối rối thái quá để tìm ra một giải pháp. Theo tôi nghĩ, sự kiện một số sinh-viên đổi môn học hoặc bỏ học sau khi đã ghi tên vào một ban nào đó có nhiều yếu tố quan hệ hơn vấn đề sinh-ngữ nhiều. Tôi lấy ví dụ lớp Toán - học đại - cương (Mathématiques générales). Nhiều học - sinh sau khi đậu xong Tú - tài II có cảm - tưởng mình có đủ khả - năng về môn toán pháp nên đã ghi tên theo TH ĐC. Nhưng chỉ sau vài bài giảng là họ phải bỏ. Sở dĩ như vậy là vì tính-thần toán pháp ở đây khác xa lối lý-luận ở lớp đệ nhất B và các sinh - viên nói trên tự thấy mình không thích hợp với môn Toán-học thuần-túy. Tôi đồng ý với một vị nào mà Nguyễn tiên - sanh đã dẫn đến trong lời tái bút :

nhiều sinh-viên kém sinh ngữ mà vẫn đậu được các kỳ thi. Tôi xin dẫn một ví dụ. Nếu tôi nhớ không nhầm thì kỳ thi TH ĐC tháng 6 năm 1956 ở Sài Gòn trong số 8 sinh-viên cựu học - sinh trường Chu-Vân-An được chấm đậu, phần lớn là những người từng bị giáo-sư ở Trung-học quốc-trách nặng nề về sinh-ngữ (Pháp-văn). Tôi vẫn biết rằng đây chỉ là một trường-hợp mà số xác suất có vẻ nhỏ nhưng thực ra sẽ khá lớn nếu ta so sánh với tỷ số sinh-viên đậu các chứng-chỉ dự bị về khoa-học mỗi kỳ thi.

Tôi thông cảm và chia sẻ nỗi bối rối của các bạn sinh-viên lần đầu tiên diễn một ý khoa-học bằng tiếng Pháp. Các bạn đó không dám phát biểu nhiều vì sợ nói sai văn-phạm để người khác cười. Tôi nghĩ rằng tính tự ái chính nó biểu-thị một tâm-hồn ấu-trĩ không hiểu rõ giá-trị của mình. Nói thạo một ngoại ngữ là quý nhưng có nói sai một tý cũng chẳng sao, chỉ nói tiếng mẹ đẻ của mình không thông mới là đáng trách. Vả lại các vị giáo-sư Đại-học có thiện-chí đều hiểu rõ trình-độ ngoại-ngữ của sinh-viên ta ngày nay nên các vị đó giảng bài rất chậm và thường khuyến-khích học-sinh của mình đừng nên tự-ti mặc-cảm về ngoại-ngữ. Có lần tôi được hầu chuyện một giáo-sư cũ của tôi, vị đó cho biết theo ý ông thì ngày nay phần đông sinh-viên vì phải cố gắng nhiều để hiểu lời giảng ngoại-ngữ nên họ không có thì giờ ghi. Nhưng nếu tôi không nhầm thì hai ba năm gần đây, ở các lớp dự bị vì số sinh-viên trong mỗi lớp đã đông nên họ có thể tổ-chức quay ronéo bài học, vậy tôi tưởng nỗi khó khăn đó cũng giảm đi một phần lớn.

Dĩ-nhiên tôi cũng công-nhận rằng nếu trình-độ ngoại-ngữ quá thấp thì sẽ không

linh hội được bài giảng vì những điểm tế-nhị của một vấn-đề, một định lý không thể ghi hết vào sách vở, Giáo-sư chỉ nhấn mạnh vào những điểm đó trong lớp và sinh-viên phải hiểu rõ những chỗ ấy mới mong nhớ lâu và thấu triệt được bài học. Tôi cũng biết rằng về những ngành khoa-học thực-hành tiếng chuyên-môn nhiều hơn ở những ngành khoa-học thuần-túy và do đó đòi hỏi một trình-độ ngoại-ngữ cao hơn. Tuy nhiên tôi e rằng biết ít mà chịu làm còn hơn biết nhiều mà không làm gì cả, ta không nên chờ đợi quá lâu ở những cái tuyệt hảo.

Vài ý nghĩ...

Các sinh-viên đã cố gắng nhưng trình-độ sinh-ngữ vẫn chưa đủ cao, vì sao?

Tình hình như vậy, ta phải làm gì để cứu vãn?

Theo tôi nghĩ, sinh-viên ta học hành cực nhọc mà kết quả không có mấy, vì cách dạy ngoại-ngữ ở Trung-học.

Tôi đã khổ sở vì những bài nghị-luận luân-lý bằng Pháp văn nhưng hình như từ đó đến nay tôi chưa được dịp nào trở lại những vấn-đề đó cả. Hiểu được lời thơ của Lamartine hay Ronsard là quý và phải học hành tốn công hơn là học để nói cho đúng văn-phạm thông thường nhiều, nhưng với một học-sinh khoa-học thì điều trên đâu có cần bằng điều dưới. Thi Tú tài I khoa-học tôi nghĩ rằng thay vì ra một bài nghị-luận luân-lý, họ có thể để thí sinh dịch một đoạn ở các báo khoa-học hoặc ra một bài toán hay một câu hỏi ngắn cho họ trả lời bằng ngoại-ngữ. Ở kỳ thi vấn đáp về môn sinh-ngữ, giám-khảo có thể hỏi thí-sinh về một vấn-đề khoa-học giản-dị. Ở một vài nước hình như sinh-viên học ngoại-

ngữ theo lối thực-hành đó. Chắc có vị sẽ cho rằng ta không thể dùng lối ấy được vì sinh-viên mình phải tạm biết nói và viết trong khi sinh-viên họ chỉ cần biết đọc để khảo cứu. Tôi hoàn-toàn đồng ý, nhưng vì chỉ cần đọc nên lối học của họ giản-dị và ít tốn công hơn nhiều. Ngay như tiếng Đức, văn-phạm rất phức tạp thế mà họ cũng chỉ rút lại trong vài chục trang.

Tôi lại nghĩ rằng học ngoại-ngữ, nghe để hiểu bao giờ cũng khó hơn đọc và nói, thế mà sinh-viên ta lại ít có dịp được nghe một thứ tiếng do chính người nước ấy nói, đây lại thêm một nỗi khó khăn.

Nhưng cũng phải nhận một phần lỗi về phía chúng ta. Đọc lại chương-trình Trung-học ta thấy rằng nếu một học-sinh chọn Pháp-văn làm Sinh-ngữ I chẳng hạn, làm việc cần thận trong 7 năm trời thì không có lý gì đến khi lên Đại-học lại không diễn được những ý khoa học giản-dị bằng ngoại ngữ đó. (1) Tôi cũng có ý nói đến sự kiện một số học-sinh học nhây. Vì nặng óc khoa cử, có nhiều bạn tuy khả-năng bình thường nhưng cũng cứ muốn vượt lớp để chóng được dự kỳ thi. Muốn có hy vọng đậu họ chú vào học gạo Toán hay Lý-Hóa là những môn dễ có điểm số cao, còn thì sao lãng ngoại-ngữ hoặc học tư như vẫn thấy xuất-hiện ở một vài trường tư: giáo-sư cho một vài câu mở đầu, câu kết vô thưởng vô phạt đặt vào bài nào cũng vậy rồi học-sinh cứ thế mà học thuộc lòng! Thật tôi không thể quan-niệm được một lối học khổ-sở và phản tiến-hóa như vậy trong giai-đoạn hiện nay của nước nhà.

(1) Bộ QGGD mới phân biệt sinh-ngữ I và II từ 1958 (L.T.S.)

Sinh-viên chúng ta phải làm gì bây giờ ? Trong bài báo tôi dẫn ra, Nguyễn-quân có đưa giải-pháp nên để các sinh-viên trường Việt sau khi đậu tú-tài xong học thêm một năm Pháp-văn rồi mới cho vào Đại-học, song Ông cũng ngại rằng sẽ có sự phân-bì giữa các sinh-viên Việt và Pháp. Tôi cũng nghĩ như thế, nhất là từ trước đến nay báo chí vẫn kể chuyện có nhiều phụ-huynh đi học đã lo cho con em vào được trường Pháp, vậy nếu nay thực-hiện giải-pháp trên thì khác nào phụ-họa vào hành động hoàn-toàn trái ngược với tinh-thần quốc-gia đó. Vậy chỉ còn cách đậu xong, trong mấy tháng hè chúng ta (tôi và các bạn cùng cảnh-ngộ) học lại cách chia động-tự và nghe phát-thanh cho quen. (2) Tôi vẫn biết có nhiều bạn gặp hoàn-cảnh gia-đình khó-khăn, hè phải làm việc để sống, lại có người vì lòng tự-ái nghĩ rằng đã đậu tú-tài mà còn đi học chia động-tự thì hơi... buồn cười và họ đi mua, mượn sách đại-học về gào trước, mệt công mà không mấy kết quả. Nhưng như trên tôi đã đề-cập tới, lòng tự-ái thường làm ta mất sáng-suốt và để cho những lời bình-phẩm chí-phối ta một cách mù-quáng. Ta cũng nên biết rằng chính sinh-viên các nước Âu-Châu được tiếp xúc nhiều cũng chỉ có một số rất ít biết được một ngoại-ngữ. Và chằng kém sinh-ngữ cũng là một lỗi lầm của chúng ta khi học Trung-học thì nay ta phải can-đảm mà tìm cách bổ-khuyết.

Tôi cũng có vài ý-kiến về sách giáo-khoa tiếng Việt ở Đại-học. Theo những hiểu biết thiên cận của tôi thì các giáo-sư Đại-học đều rất thận trọng khi biên soạn và chỉ xuất-bản sách khi có một lối trình-bày vấn-đề một tinh-thần sư-phạm khác với

những sách có từ trước. Bởi vậy tôi nghĩ rằng sinh-viên chúng ta không thể thỉnh cầu các vị ấy ra sách ngay được. Theo thiên ý, chúng ta có thể trông mong ở các sách dịch. Nếu bộ giáo-dục có ngân-quỹ và điều-dinh được với các nhà xuất-bản Âu-Mỹ để mua lại quyền dịch thì có lẽ chỉ cần để một vài sinh-viên đã tốt nghiệp, — nhất là quý-vị Giảng - nghệm - viên vì họ đã có kinh-nghiệm sư-phạm — lo dịch rồi sẽ trình lại cho các Giáo-sư xem và chữa lại những chỗ sai chứ không phải làm mất thì giờ các vị đó. Tôi vẫn biết rằng về phương - diện vật - chất công việc này đối với cá - nhân không có lợi bằng những việc khác nhưng chắc sẽ có nhiều người nhận làm vì đó cũng là một dịp cho họ ôn lại những điều học mấy năm trước mà tôi hy vọng tinh-thần hiếu-học của thanh-niên ta chưa phai. Nếu làm như thế thì sinh-viên ta sẽ có sách để đối chiếu không những của các tác-giả Pháp mà còn cả của Anh, Đức, Mỹ v.v... Tôi đã được thấy một sinh - viên Thụy - Sĩ vùng tiếng Pháp cũng chỉ có bằng cử-nhân khoa-học dịch một quyển sách từ tiếng Đức sang tiếng Anh. Dĩ nhiên những dịch giả tương-lại đó sẽ gặp nhiều khó khăn về danh-từ nhưng chắc các vị học-giả thông hiểu các môn khoa-học liên-hệ và biết thấu cổ-học sẽ không ngần ngại chỉ cho khi có người hỏi đến. Nhân đây, trong bài đã dẫn, Nguyễn-quân cho biết có một vị lo dịch danh-từ khoa-học đã 6, 7 năm mà « người ta » lơ đi, tôi và chắc các bạn sinh-viên khác muốn được biết vị đó là ai và trên tinh-thần khoa-học, sao vẫn chưa thấy công-bổ kết-quả việc biên-khảo của mình để học-giới rõ. Nếu danh-từ tiện lợi và chính xác thì chắc hẳn sẽ có một tiếng vang lớn và trở thành hông dụng.

(2) Như vậy trong 3 tháng hè, e không đủ. Và lại còn trường - học những người đậu Tú-Tài kỳ II nữa. (L.T.S.)

Một cuộc điều-tra mới mẻ nhất
của tạp-chí Réalités về :

THANH-NIÊN PHÁP

một thế-hệ thanh-niên truy-lạc, lười biếng
nông-nõi, hay đứng đắn, chăm chỉ và
có ý thức sâu xa về cuộc đời ?

Cô-Liên

KHOẢNG 20 năm trở lại đây, khi người
ta nói đến thanh-niên Pháp thường
chỉ nói đến những thanh - niên J 3,
Zazous, Rats - de - caves, Tricheurs và
Blousons noirs.

Những phong-trào này nếu đem lại đề-
tài giật gân cho báo chí điện ảnh thì
thực ra chỉ cho người ta biết một cạnh
khía — cạnh khía đời bại — của một tối
thiểu số thanh-niên, và gọi một ý-niệm rất
thiếu sót về thanh-niên Pháp. Thanh-niên
đời bại ở thời-đại nào, xã-hội nào cũng
có chẳng ít thì nhiều, cái khác là thời-đại
nào lại có những hình-thức đời bại của
thời-đại ấy. J 3, blousons noirs v.v... chỉ
tiêu biểu cho hình - thức đời bại của
thanh-niên Pháp hiện-đại mà thành phần
đông đảo hơn trước, thủ - đoạn lọc lõi
hơn, đặc - biệt của thời hậu chiến mà

thời. Muốn tìm hiểu thực - trạng thanh-
niên Pháp phải căn cứ vào những cuộc
thăm dò, điều-tra, phỏng-vấn sâu rộng
các tầng lớp thanh - niên để biết những
nguyện-vọng thâm-sâu của họ, những
phản - ứng của họ trước những vấn-đề
quan - trọng của đời sống hiện đại. Khi
viết bài này chúng tôi dựa theo tài-liệu
của viện Institut Française d'Etudes de
Motivation và của báo Réalités số đặc-
biệt Noël 1959 về cuộc thăm dò các lớp
thanh-niên thợ thuyền, nông - thôn và
sinh-viên.

Chúng tôi đã tự hỏi : « Tại sao người
ta lựa 3 hạng thanh - niên ấy mà không
dựa vào những tiêu-chuẩn khác như lấy
người thanh - niên trung - bình làm
người mẫu ? Theo thiên - ý thì có lẽ
họ quan - niệm rằng những thanh-

niên tiêu biểu nhất cho một quốc-gia là những thanh-niên sau này sẽ nắm giữ những địa-vị then chốt trong xã-hội: chỉ-huy và sản xuất. Những phong-trào nọ phong-trào kia ồn ào phần nhiều chỉ xảy ra trong đám thanh-niên trung-bình, nhưng rồi tắt ngấm như ngọn lửa rơm. Chính những trào-lưu thâm lắng mà sâu xa hướng dẫn mỗi cảm nghĩ và hành-động của những tầng lớp chỉ-huy và sản-xuất sẽ quyết-định hướng đi của lịch-sử. Sinh-viên sau này sẽ giữ những địa-vị chỉ-huy, thanh-niên thợ thuyền sẽ là lực-lượng sản-xuất công-kỹ-nghệ, thanh-niên hương-thôn sẽ là lực-lượng sản-xuất nông-sản. Vì vậy họ chú-trọng vào tâm-trạng của 3 hạng thanh-niên ấy để biết vận-mệnh quốc-gia 20 năm về sau (1980), khi mà thế-hệ thanh-niên bây giờ đến tuổi dôi-dào khả-năng tạo tác.

Tuy rằng uy-tín của những cơ-quan chủ-trương cuộc khảo-sát này đáng cho ta tin cậy về tinh cách đứng đắn của những tài-liệu trình-bày, nhưng riêng chúng tôi có cảm-trởng là sự nhận-định có phần quá lạc-quan.



Thanh-niên trước cảnh sinh-hoạt khó khăn

Tại nước Pháp ngày nay thanh-niên có một ý-thức rõ rệt về đời sống không yên ổn, nhưng họ tỏ ra hiểu biết, họ không lấy thế làm một cơ-đề chán nản. Họ biết rằng không làm gì được đối với tình-trạng rối ren của thời-cuộc, hòa-bình thế-giới luôn luôn bị đe dọa, nên họ cam chịu sống với những bất

trắc, bạo-động, đổi thay, mà tìm cách phớt đi không để ý đến.

Thanh-niên không để ý đến chánh-trị, vấn-đề sống chung hòa-bình hay chính sách Đờ-Gôn không làm họ quan-tâm lắm, chỉ đáng kể là sự mưu-sinh vô cùng vất vả cực nhọc, giá sinh-hoạt đắt đỏ, thị-trường kinh-tế bấp-bênh, cuộc tranh-đấu để dành một chỗ đứng trong xã - hội cực-kỳ gay go. Thêm vào đó còn những vấn-đề thiếu nhà ở, dân cư các đô thị quá đông đảo. Những sự kiện đó tạo ra một trạng thái kích động thần-kinh chung cho thanh-niên. Tầng lớp nào cũng nhận thấy phải vất-vả, cực nhọc vô cùng khi mưu đồ bất cứ một địa vị nào, một công cuộc gì. Có điều vấn-đề đặt ra cho mỗi giai cấp một khác. Người thanh-niên làm thợ lúng túng nhất vì vấn-đề nhà ở. Kiếm được một căn nhà là cả một công trình vận-động và huy-động vốn liếng. Ăn ở chui rúc chật chội đã ảnh-hưởng lớn lao đến hạnh-phúc gia-đình, đến sự nuôi nấng con cái. Nhưng họ chịu nhận tình cảnh gieo neo ấy và tìm cách chống đỡ được phần nào hay phần ấy chứ không than van kêu ca vô ích. Hoàn-cảnh đã tạo cho họ một thứ « triết lý về cuộc sống khó khăn ».

Nếp sống ở một ước kỹ-nghệ đem lại cho người thợ phương tiện mua trả góp. Phần nhiều các đồ dùng trong nhà đều mua trước rồi tính trừ dần vào lương-tháng. Người thợ cứ việc đi làm, lĩnh tiền, phân phối đi rồi sống một nhịp bất di bất dịch như thế hàng 5, 7 năm như cái đồng hồ lên giây rồi cứ thế chạy, không thể đổi khác được.

Người thợ có cảm tưởng là bán trước nhân lực của mình, cuộc sống mất hết ý nghĩa, trở nên trống rỗng.

Cuộc sống khó khăn cũng lan tràn đến miền thôn quê, nhưng nhịp sống ở đây không bị thay đổi sâu xa. Cũng có người thêm muốn cuộc đời ở tỉnh thành, làm ăn có giờ giấc, lại có những cuộc giải trí thích thú, nhưng phần đông ưa lối sống thanh thoi, tự do ở thôn quê hơn.

Giới sinh-viên được hưởng một cuộc đời vật chất tương đối đầy đủ hơn các bạn thợ thuyền và thôn dã, nên ít bị ảnh-hưởng bởi sinh-hoạt khó-khăn. Nhiều sinh-viên còn được cha mẹ nuôi, một phần nữa được hưởng học bổng. Không phải lo ăn mặc hàng ngày, họ chỉ bận tâm về tương-lai, một ngày kia họ sẽ phải tự mưu sống trong một xã-hội mà tình-hình kinh-tế chung không được vững-vàng. Muốn có một địa-vị khả-quan phải tranh dành ráo riết, phải tàn-nhân mà loại trừ những người kém cỏi cạnh tranh với mình, phải có tiền nhiều vì không có tiền người ta không làm được cái gì cả. Nhiều sinh-viên lấy làm khổ sở vì phải kiếm ra một số tiền mà họ dùng-dương, vì phải thành-đạt một cách trái với chí hướng của mình.

Một sự kiện nữa vẫn ám-ảnh thanh-niên Pháp và họ cho là một nguyên-nhân quan trọng của sự sinh-hoạt khó khăn là trận chiến tranh Algérie. Họ cho là họ chịu tất cả hậu quả của trận chiến-tranh ấy về sinh mạng cũng như tài-sản.

Đại đa số những vấn đề đặt ra cho thanh-niên Pháp từ 20 đến 25 tuổi là

như thế. Xưa nay thanh-niên — hiểu theo đúng nghĩa — phải vô tư lý, nông nổi, ham sống, ham lạc-thú ở đời trước đã, tuổi trưởng-niên mới đề ý lo lắng đến sinh nhai, đến địa vị. Nhưng, như trên đã nói, thanh-niên ngày nay sớm có ý-thức về những vấn-đề sinh-kế, địa-vị, kim-tiền. Mặc dầu có người không phải bận tâm đến sinh kế, nhưng trong tiềm thức họ, cũng vẫn có một ý tứ xa xôi về đời sống không yên ổn và khó khăn. Thanh-niên Pháp đã già trước tuổi vậy.

Bây giờ ta đi sâu vào đời sống thường nhật của thanh-niên để biết phản-ứng của họ trước công việc, gia-đình, xã-hội, ái-tình, để biết họ chú trọng đến cái gì hơn cả, để biết họ có những xu-hướng gì? Ta cố-gắng tìm ra những nét chính của tâm trạng thanh-niên Pháp.



Những đặc-điểm của thanh-niên

Mặc dầu thuộc về thành phần nào của xã-hội, thanh-niên Pháp ngày nay hầu như đúc theo một khuôn, không như thế-hệ trước, cá-tính của từng người rõ rệt. Chính sinh-viên tự thủ nhận họ rập theo lối cảm nghĩ của nhau mà rất sợ lập đi, rất sợ cái gì khác với mọi người. Nét tâm-lý này rất thích-hợp với tinh thần hòa của họ. Họ không chống đối thói phép gia-đình, tục-lệ xã-hội, nếu không đồng ý với mọi người họ cũng cho rằng tốt hơn hết là nên chịu đựng cho êm thấm. Và chăng cha mẹ ngày này tỏ ra hiểu biết hơn trước, biết để cho con tự-do, cha mẹ có khi còn trở về tinh-thần như thanh-niên nên để có sự thỏa-hiệp.



Trái với một luồng dư-luận thường có, ngày nay không có sự xung khắc giữa thế-hệ trẻ và thế-hệ già. Cha mẹ con cái ngày nay gặp gỡ nhau trên một quan-niệm thực-tế về đời sống, thanh-niên không muốn phản đối cha anh để làm nổi bật cá nhân của mình, trái lại họ luôn luôn có thiện-chí thỏa-hiệp.

Thanh-niên ngày nay thiếu hẳn ý muốn làm một người khác thường kiểu « tài hoa sơn trẻ » của ta hồi tiền chiến. Thế hệ này là một thế hệ thanh-niên đứng đắn và kỷ-luật. Nhận xét chung thì họ không mê mết chơi bời lắm; khiêu-vũ,

tụ-hợp, tửu quán, trà lâu vừa phải thôi, mà trong lúc giải-trí họ như không để ý vào cuộc chơi cho lắm. Thanh-niên thợ thuyền và thanh-niên thôn-dã còn quan-tâm đến chơi bời giải-trí chứ sinh-viên thì coi giải-trí là một loại hoạt-động có tính cách đứng đắn như học hành, họ đến các rạp chớp bóng với ý định tìm hiểu một phim có luận đề hơn là để giết thì giờ hay để cười cho thỏa-thích.

Trong những cuộc phỏng-vấn người ta tịnh không gặp những tư-tưởng phóng túng, những tư-tưởng nổ tung mô tả trong phim *Les Tricheurs* của Carné hay trong tiểu-thuyết của Sagan. Không ham mê chơi bời nhưng thanh-niên cho rằng cần phải giải-trí, cần phải giữ vệ-sinh cho tinh-thần, họ chọn những loại giải-trí lành mạnh như thể-thao và du-lịch.

Việc học-hành đối với sinh-viên là một cái gì quan-trọng không thể sao-lãng được phút nào, họ có thể hy-sinh hết cả giải-trí, gia-đình, du-lịch để sửa soạn một kỳ thi. Những thanh-niên chăm chỉ học tập ngày đêm vì bản tính hiếu học chăng? vì những mục-đích V-tưởng cao cả chăng? Không. Họ không có lý-tưởng cao cả nào hết, sự học đối với họ cũng không phải là một nguồn vui tinh-thần thanh nhã. Họ chỉ cần thu thập trong một thời-gian càng ngắn càng hay những kiến-thức cần có để

kiếm được một địa-vị sau này, thế thôi. Họ cũng không chịu khó học hành vì mơ màng một tương-lai rực rỡ, tiếng tăm chói lọi, hay để kiếm tiền thật nhiều. Mục-tiêu của họ thiển cận hơn thực-tế hơn. Học hành đối với họ là một sự bó buộc không thể tránh được, dù muốn dù không cũng phải cố công cho được.

Tóm lại thanh-niên ngày nay có tình-thần phụ-họa hơn là lập-dị, thanh-niên đứng-đắn chằm chằm chỉ nhưng chỉ có những hoài vọng thấp, thực-tế. Thiếu một lý-tưởng cao cả, thiếu chí mạo-hiêm, thiếu cái nhiệt-tâm giữa lúc tuổi 20, có phải là điều đáng e ngại cho tương-lai chăng?

Đời sống tình-cảm của thanh-niên ngày nay ít phức tạp hơn thế-hệ trước. Đến tuổi 20 người thanh - niên ở thành - thị bỗng dưng cảm thấy mình cô - đơn, họ cần tìm tình yêu, tình bạn, cần sự săn-sóc của gia-đình để tránh những nỗi buồn vô cơ nhiều lúc «đè nặng xuống tâm hồn». Hơn thời nào hết, thế-hệ thanh - niên này tha-thiết với tình bè bạn. Tình bạn là một sự trao đổi sâu xa, họ chân thành chia sẻ tất cả với bạn và cũng đòi hỏi bạn như thế.

Tuy nhiên ái-tình vẫn là địa hạt lý-tưởng để thanh-niên chống lại cô-đơn. Thanh-niên thợ-thuyền và thanh-niên nông thôn thường hay lấy vợ sớm, còn sinh-viên không muốn mắc đường vợ con làm cản trở việc học. Sống trong cảnh độc thân một sinh-viên đương thời-kỳ dồi dào sinh-lực không tránh khỏi những cuộc phiêu lưu tình-ái ở xóm Quartier Latin. Cha anh họ ngày trước tìm tình trong đám ca-kỹ hay

gái có chồng, ngày nay họ có một xu-hướng luyện ái tự-do với các nữ sinh-viên cùng học. Phần nhiều những chuyện tình đó không đem đến kết quả nào. Họ không phải người tôn thờ khoái lạc nhưng hoàn cảnh sống độc thân xuất thời-gian theo học kéo dài hàng 5, 7 năm, đã lôi kéo họ đến những cuộc phiêu-lưu tình-ái. Họ tìm cách thanh toán những chuyện tình nồng nôi đó để quay về những mục phiêu hôn phối vững chắc hơn, thuần nhất hơn. Thế hệ này dành một chỗ quan trọng cho hôn nhân và ái-tình. Họ tìm ở đây một sự quân bình cho đời sống chứ không phải tìm khoái lạc hay say sưa. Đính hôn là quyết định một giao ước quan trọng, quyết định một sự hợp-tác toàn diện với người hôn phối để thêm sức phấn đấu với cảnh đời đầy lo ngại, gian-nan. Nét tâm - lý này cất nghĩa được phần nào thanh - niên không có hoài-bảo cao xa. Ngày nay người ta không thể không hy - sinh chút ít hạnh-phúc gia-đình nếu muốn theo đuổi một sự nghiệp huy hoàng, một địa-vị cao sang. Thanh-niên để hết chí hướng vào gia-đình cho nên chỉ muốn có một địa-vị chắc chắn để có căn bản nuôi sống gia-đình một cách phong túc mà thôi.

Phụ nữ còn có một ý thức mạnh mẽ hơn về gia-đình. Thời oanh liệt của phong trào giải phóng phụ nữ hình như không còn nữa. Nữ sinh-viên luôn luôn nhắc nhở họ là đàn bà và chỉ muốn làm đàn bà mà thôi. Phụ nữ ngày nay đòi quyền được đãi ngộ khác đàn ông chứ không đòi quyền được coi như đàn ông. Ta hãy nghe một nữ sinh-viên tâm sự :

« Tôi thấy rằng phụ nữ đòi quyền lợi in hệt con trai thật là quá lố. Thân thể chúng tôi không như con trai, tinh thần chúng tôi khác, sắc thái trí tuệ của chúng tôi khác. Muốn có một lứa đôi hòa hợp phải đặt con trai vào đúng chỗ của con trai, con gái vào đúng chỗ của con gái. Theo ý tôi thì chỗ của người đàn bà là ở trong gia-đình. Con gái không nên tập những môn thể thao của con trai, cũng học những phân khoa của con trai. Tôi biết rằng ở Israël đàn bà cũng thi hành quân dịch, trong những nước Cộng-sản đàn bà cũng làm việc nặng nhọc của đàn ông như đập xích-lô, thợ đấu, đắp đường, cấy hira. Tôi phản đối những quan niệm bình đẳng ấy vì đàn bà không có sức lực như đàn ông để sức vác như thế. »

Vì ý muốn gây hạnh phúc gia-đình, muốn cho bạn trăm năm yên ổn và phong túc, thế hệ thanh niên này sẵn sàng hy sinh thú vui riêng của mình, nhưng muốn người phối ngẫu cũng hy sinh như thế.

Lo học, lo đạt được một địa vị chắc chắn và phong túc, lo có một gia-đình đầy hạnh-phúc đến quên cả giải trí lẫn nghỉ ngơi, chơi bời, người thanh-niên 1960 quả là bận rộn. Đời sống khó khăn tạo cho họ một triết lý đời sống khó khăn, nghĩa là tập trung ý chí vào sự thực hiện một mức sống khả quan, và từ khước những cái gì xa xôi họ biết là khó với tôi. Bận tâm làm cách nào để sống cho khả quan, họ không có thời giờ đặt câu hỏi: « Sống có nghĩa gì? Sao ta lại sống? » không bận tâm với những tư - tưởng siêu hình

đó, thanh-niên 1960 không phải là triết-nhân cũng không phải là nhà cách-mạng.



Triết-lý thực-dụng (1)

Quan-niệm phải huy-động toàn-lực để đối phó với cuộc sống khó khăn luyện cho thanh - niên những tư-tưởng sát thực tế. Những chữ tự-do, hiện-sinh, son trẻ mất hẳn ý - nghĩa thần tượng trước kia không gọi lên cho thanh - niên cái gì cả, trái lại chỉ làm cho họ mỉm cười. Đối với những hệ-thống triết-lý cũng vậy, thanh-niên cho là những tư-tưởng võ đoán. Văn-chương cũng không được họ thưởng thức như thế hệ trước, họ đọc sách để giết thời giờ, để giải trí mà thôi. Văn-hào cũng không được tôn sùng. Viết văn không còn là một nghề cao quý. Văn - sĩ cũng như người làm nghề khác cũng cần kiếm tiền, cần tiêu-xài, cho nên họ cũng lựa chiều theo gió. Không có một danh nhân nào thời này đáng làm mẫu người cho họ bắt chước cả. Trước khi tự tay mình xây đắp lấy một hệ-thống giá-trị khác, thanh-niên thận-trọng quan sát đời để biết chân giả. Họ có thái-độ thận-trọng như vậy vì họ yên trí là đã bị lừa gạt nhiều rồi. Thái-độ ấy cũng là thái-độ đối với cộng-sản. Tín-đồ Mác-xít chỉ có một thiểu số, lối thiểu số.

Đời phức tạp, không có một hệ-thống tư-tưởng hay một triết-thuyết nào có thể giải - quyết được tất cả những vấn - đề kinh - tế, chánh - trị, xã - hội của một quốc-gia ngày nay. Họ cho rằng tất cả những tổ-chức xã-hội ngày

(1) pragmatisme

nay đều thối nát, chỉ đang phá hủy hết đi để làm lại hoàn-toàn. Đã chứng-kiến những cuộc tàn-sát nhân-danh một chủ-trương chánh-trị, đã chứng-kiến những sự lợi-dụng chủ-nghĩa chánh-trị để thủ-lợi cá-nhơn hay mưu đồ quyền-lợi trong phạm-vi nhỏ hẹp một quốc-gia, thanh-niên không chịu chạy theo từ ý-thức không tưởng này đến ý-thức không tưởng khác. Họ giữ một thái-độ hoài-nghĩ, một thứ hoài-nghĩ tạm thời, chờ đợi. Trong lúc chờ đợi ấy họ chịu nhận tạm chế-độ dân-chủ tương đối tốt đẹp hơn chế-độ độc-tài, tuy rằng chưa biết nhân sinh quan Mỹ (American way of life) so sánh với quan-niệm nhân-bản Âu-châu và quan-niệm xã-hội của Nga-Sô, đảng nào hơn.

Không thể nói rằng đường lối sống này tự nó có phẩm chất đặc thù hay hơn đường lối khác, nhưng thanh-niên cho rằng ngoài thực-tế phải thỏa-thuận với nếp sống của xứ sở mình, phải « kính-trọng pháp-luật và phong-tục ở nơi trời sinh ra ta ».

Như vậy thể-hệ thanh-niên này hướng về triết-tý thực-dụng, đặt trên nền tảng hoài-nghĩ, cái hoài-nghĩ trước sự khó khăn tìm ra chân-lý. Sự hoài-nghĩ đó không có tinh cách phá-hoại vì từ thành-thị đến thôn quê thanh-niên phản-ứng trước cuộc sống khó khăn bằng những tác-động cụ-thể và hữu-hiệu. Trên phương-diện tư-tưởng, sự cố gắng tác-động đến đời sống một cách cụ-thể để tìm một thể quân-bình, được biểu-lộ bằng cách dung hòa những giá-trị Thiên-Chúa giáo với lý-tưởng Mác-Xít. Họ có thể chấp-thuận đến một mức nào lý-thuyết kinh-tế Mác-

Xít, nhưng bác bỏ duy vật luận và thuyết giai-cấp đấu-tranh.

Sau hết nên nói qua về thái-độ của thanh-niên trước những chuyển-biến trọng đại ngày nay. Thanh-niên có những phản-ứng gì trước những phát-minh sáng kiến huy-hoàng của khoa-học như nguyên-lử-lực, hóa-tiến và vệ-tinh, có thể thay đổi bộ mặt hoàn-cầu, đưa người ta đến một trình-độ văn minh cực kỳ rực rỡ chưa từng có, hay trái lại có thể hủy diệt văn minh nhân-loại? Họ không ngợi khen mà cũng không lo ngại hay phản-đối. Họ quan-sát những hiệu-tượng ấy với tinh thần thường ngoan. Phản-ứng của họ tỏ ra họ có bản-năng tự vệ rất nhạy, không để cho những cảm-xúc mạnh mẽ kích-động thần-kinh làm mất quân-bình nội-tâm. Họ quan-sát, họ phán-đoán, nhưng không xúc-động, hình như họ có khả-năng gác bỏ tinh-cảm ra một bên mà chỉ để nội-tâm liên-lạc với sự-vật thuần-bằng lý-trí. Sự kiện ấy tỏ ra thanh-niên có khả-năng trừu-tượng hóa sự-vật rất cao.

Vì muốn giữ thể quân-bình nội-tâm, họ đem lọc những biến-cố quan-trọng trong đời sống, chỉ để lọt vào tâm-khảm những yếu-tố nào không làm họ sợ sệt, lo nghĩ mà thôi. Như nói đến chiến-tranh, họ đây lại những hình-ảnh thăm-khốc, mà cho rằng xưa nay có loài người vẫn có chiến-tranh. Nói về tình-hình quốc-tế nghiêm-trọng, họ cho rằng tình-hình đó có đã lâu rồi, họ ra chào đời đã thấy như vậy nên không lấy làm lo nữa.

Ta nhận thấy thái-độ « bảo-vệ cảm-

xúc để giữ quân-bình nội-tâm của thanh-niên phù hợp với những nét tâm-lý mô-tả trên kia, những nét đã cho phép người ta kết-luận là thanh-niên hướng về một triết-lý thực-dụng: quan-niệm thực-tế về đời sống, từ khước những kỳ-vọng xa xôi, lo cho hiện-tại.

Đối với nước Pháp thân yêu của họ cũng vậy, họ đẩy lui những thăng trầm lịch-sử về quá khứ và cố gắng tập trung ý-chi vào cạnh khía thực-tế của tình-trạng. Thế-hệ này là một thế-hệ tin-tưởng tổ-quốc của họ là một nước tự-do, ôn-hòa, biết tôn-trọng những giá-trị chân-thực trên bình-diện tinh-thần cũng như kinh-tế, chánh-trị, họ thành tâm muốn nước Pháp của họ đóng vai trò xứng đáng trên bàn cờ quốc-tế, vai trò quân-bình lực-lượng các khối và đề-xướng những tư-tưởng xã-hội hay đạo đức. Chúng tôi chỉ thuật lại chứ không bình-nghị ý-tưởng đó, cảm tưởng chung của chúng tôi với thiên khảo sát này đã nói rõ trên kia: cách nhận-định có phần quá lạc-quan.



Những trào-lưu phụ-thuộc

Thiên khảo sát này có thể chấm dứt ở đây vì đã trình bày những nét chung cho một đa số thanh-niên chiếm phần quan trọng. Tuy nhiên cũng phải có vài câu nói đến một vài mẫu thanh-niên có lối cảm nghĩ khác số đông. Đại để thiên số ấy có thể quy làm 3 loại. Có vài đặc-điểm của họ cũng tương đồng với khối lớn.

Loại thứ nhất là những thanh-niên nhiệt thành. Họ say mê chính-trị. Đối với họ chính-trị là tất cả, mọi việc khác đều phải hướng về đấy hay tự đấy mà ra. Tham gia vào hoạt-động cho một phong-trào chánh-trị là bổn-phận đầu tiên của họ. Họ lại có một quan-niệm bi-thảm hóa thời cuộc, họ thóa-mạ thậm-tệ những người chủ-trương chiến-tranh Algérie mà họ cho là ăn tiền của thực-dân.

Loại thứ hai là những thanh-niên trộivề xu-hướng thẩm-mỹ. Lý-tưởng của họ là tạo ra một cuộc sống phong-độ hào-hoa. Những thanh-niên này chú trọng đến thú vui tinh-thần do văn-chương nghệ-thuật đem lại. Họ có một quan-niệm linh vi về phục sức, xã giao, nhưng thực ra không phải là những người giàu lòng hy sinh cho xã-hội nhân quần. Tuy nhiên họ muốn một xã-hội nhịp nhàng, những mối giao thiệp hoàn hảo giữa mọi người. Họ cũng độ lượng khoan hồng, nhưng họ thiếu một hệ thống giá trị có mạch lạc.

Loại thứ ba, rất ít, là những thanh-niên không tin có cái gì tốt đẹp ở đời. Đây là một mẫu tâm trạng lừng khừng:

« Tôi cũng có một quan-niệm khá yếm-thế về đời sống. Mọi đầu hình như tôi không hiểu rằng đời có đáng sống hay không. Lấy vợ tôi cũng không biết có phải là một điều đáng mơ ước không. Đến bây giờ tôi chưa gặp được người đàn bà nào thực tình không nghĩ đến danh lợi trong khi lấy chồng. Đến con cái thì thường thường chúng chỉ làm cho cha mẹ thất vọng. »



Sau hết chúng tôi thiết-tưởng cũng nên nói một vài câu về những thanh-niên truy-lạc của xã-hội Pháp.

Hiện-tượng truy-lạc của một thiểu-số thanh-niên là một hiện-tượng xảy ra ở nhiều nước bên Âu-Châu chứ không riêng gì nước Pháp. Bên Tây-Đức có phong-trào Demi-Sels; tại Anh có phong-trào Teddy-Boys, tại Ba-Lan có phong-trào Hooligans, tại Thụy-Điền có phong-trào Raggare.

Tụi thanh-niên mất dạy lộng hành ở Pháp gần đây là những tổ-hợp Blousons Noirs (riêng Ba-Lê có đến 70 tổ-hợp). Bây giờ chúng đổi mốt, chúng dùng loại áo bờ-lu-dông bằng da của phi-công Mỹ, có nhãn bạc « Air Force », đeo giày bạc và mang dao. Ba mươi phần trăm trong số là con gái. Chúng ưa nhất là những loại xe tự-dộng, thường-thường là đánh cắp, đem xài hết xăng rồi bỏ ở một nơi. Tổ nọ thường ganh với tổ kia vì một mục-dịch xung hùng xùng bá ở một quán nước, một rạp chiếu bóng mà chúng cấm không cho « đảng [viên] » tổ khác lai vãng đến. Chúng khoe những công trạng hiển-hách như làm trật đường rầy một đoàn xe lửa, cướp phá một xe buýt. Bên Thụy-Điền chúng dám chống lại cảnh-binh bằng những khi-giới riêng: chai đựng đầy xăng đốt lửa rồi quăng vào cảnh-binh, nói lóng là chai Mô-Lô-Tốp.

Con gái trong tổ thường là những món giải trí chuyên tay suốt đưa nọ sang đưa kia. Đời tình-ái của chúng nảy-nở rất sớm, độ 13, 14 tuổi.

Phong-trào thanh-niên truy-lạc bây giờ là phong-trào quốc-tế. Những người chuyên tâm nghiên-cứu vấn đề nói rằng

có nhiều nguyên-nhân phức-tạp, trong đó phải kể đến đời sống đông-đúc chật-chội ở thành-thị, thiếu chỗ khoáng-đăng

Một « blouson noir » tại Pháp.



cho chúng tiêu - thụ sinh-lực tuổi trẻ, mà lại nhiều yếu-tố kích-thích thần kinh như tiếng kêu, ánh sáng đèn điện, có người nói: « Người ta cũng như trái-táo, chất đóng vào thì thối ». Phải, đời sống khoáng-đăng ở thôn-quê đâu có những hiện-tượng ấy. Đời sống văn-minh ngày nay đem lại cho chúng hưởng thụ những kết quả sẵn-sàng của sự phát minh sáng-kiến làm chúng mất khiêu suy nghĩ để tranh-thủ với đời. Hầu như mất hẳn ý-thức trách-nhiệm ở đời. Chúng cho rằng hoàn-cảnh xã-hội đã cấu tạo ra chúng như thế chúng chẳng làm gì được! Đã bắt lực trước cuộc đời chúng tìm cách thỏa-mãn nhu-cầu tranh-thủ bằng cách lái xe hết tốc lực để say xua với thú đi nhanh.

Đời sống văn-minh với bao nhiêu sự bận rộn về ăn chơi còn một kết quả nữa là sau những phút sống ồn-ào người ta thấy chán-nản. Thanh-niên truy-

lạc bị sự chán-nản ấy làm nao-núng hơn người khác nhiều, chúng tìm một lối thoát qua những việc làm rồ dại.

Cũng phải kể đến ảnh-hưởng của điện ảnh, do những phim đề cao tội ác, thủ đoạn lưu manh. Cũng phải kể đến ảnh-hưởng gia-đình, sự bất hòa giữa cha và mẹ, sự nuông chiều của cha mẹ v.v.

Những thanh-niên truy-lạc nói trên chỉ là một thiểu - số — một tối thiểu-số — không có nghĩa gì đối với tổng-số thanh-niên hiền hòa, chăm chỉ học hành, hay có khuynh-hướng về chánh-trị, nghệ-thuật đại-diện cho thanh-niên Pháp.

Đó là những hiện-tượng lẻ-tê, những « ngoại lệ » cần phải tách riêng ra khỏi đại-thể.

CÔ-LIÊU

- ★ Có nhiều người chỉ-huy tưởng rằng muốn làm cho người ta kính phục mình thì phải làm cho người ta sợ hãi mình. Nếu những người ấy tưởng vậy và làm vậy thì không nên ngạc-nhiên khi thấy những cộng-sự viên sốt sắng nhất của mình cũng lần lần đi tới chỗ giảm bớt sự tin cậy và sự tận tâm.
- ★ Người ta thường nói nghề binh làm mất nhân-cách. Điều đó đúng, nếu người nhà binh thường quen ra lệnh một cách độc đoán, không chịu vận dụng đến xỉa tới lý-trí và ý-chí của người thừa hành. Do đấy, cái câu ở cửa miệng nhiều người lính: « Chẳng nên tìm hiểu làm gì » có thể là câu nói hồn-nhiên biểu-lộ một thứ tuyệt-vọng trước một nỗ-lực không còn ý nghĩa.
- ★ Nghệ-thuật chỉ-huy không phải là nghệ-thuật suy-tư và quyết-định thay cho hết mọi kẻ ở dưới mình và để cho họ dễ bề trở nên lười biếng. Cần phải để cho những kẻ chỉ-huy ở dưới mình được quyền đưa ra mọi quyết-nghị thuộc phạm-vi của họ. (Foch)

Nhân bài « Lại một trường-hợp không đề
xuất xứ » của ông Phạm-Công-Thiện

MẤY LỜI THANH-MINH

NGUYỄN-NAM-CHÂU

L.T.S. — Bách-Khoa số 71 ra ngày 15-12-1959 có đăng bài « Lại một trường-hợp quên đề xuất xứ » của ông Phạm-Công-Thiện, thắc mắc về bài « Vercors, hình ảnh một thế hệ » của ông Nguyễn-Nam-Châu không ghi tài-liệu tham-khảo. Chúng tôi lại vừa nhận được « mấy lời thanh-minh » của ông Nguyễn-Nam-Châu. Tôn trọng quyền trả lời, chúng tôi xin cho đăng sau đây nguyên văn « mấy lời thanh-minh », để độc giả Bách-Khoa đã đọc bài của ông Phạm-Công-Thiện trên B. K. 71 thêm rộng đường phê-phán.

Gần đây trong Tạp-Chí Bách-Khoa, ông Thiện có trích dẫn mấy đoạn văn của tôi và của Charles Moeller về tác-giả Vercors, đoạn kết-luận rằng tôi phỏng theo bài của tác-giả trên để viết lại một cách khéo léo bài của mình, mà không đề xuất xứ.

Tôi xin mạn phép thanh minh vài hàng. Sự thực tôi có tham khảo bài đó, và có theo mấy dòng « tóm tắt cốt truyện » mà Ch. Moeller đã làm về Vercors. Việc này, tôi có ghi chú xuất xứ, nhưng vì khi in tôi ở xa, nhà in để sót chỗ ghi chú đó, bởi vậy ở cuối bài mới có số (1) mà không thấy ghi chú ở dưới. Và lại, tác-giả Moeller và bộ sách của ông, tôi cũng đã ghi chú tôi trong bài nói về Françoise Sagan (Những Nhà Văn Hóa Mới), chứng tỏ tôi không giấu giếm chỉ những điều mình tham khảo. Sự thiếu sót khi in thì rất nhiều đối với các tác-phẩm của tôi đã cho xuất-bản. Là vì tôi ở quá xa, không có giờ sửa bản in. Còn bản thảo, nhiều khi chưa định

xuất-bản, mà các bạn hữu đến lỗi đi in, thành thử không kịp giờ ghi chú đầy đủ các sách tham khảo. Đó là ngoài ý muốn của tôi. Cũng như trong bài, nhiều chỗ in sai quá làm mất hẳn ý-nghĩa mà tôi cũng đành chịu. Chẳng hạn, khi tôi dịch câu của G. Marcel : « Mon vieux, je suis perdu » là « Bạn ơi, tôi Nguy mất », thì khi in thành ra « Bạn ơi, tôi quên mất » v. v. và bao nhiêu thiếu sót sai lỗi khác. Vậy tôi xin lỗi độc-giả ở điểm ấy.

Nhưng còn bảo tôi xếp lại cách khéo léo bài của Ch. Moeller thì không đúng sự thực. Ngoài mấy chỗ tóm tắt cốt ý truyện của Vercors, hơn 19 trang bài của tôi có một chủ-đích và lập luận khác hẳn bài của Ch. Moeller. Ông này có ý đứng trên quan điểm Ky-tô-giáo để tìm hiểu niềm hy-vọng của một Vercors ngoài tin-nguồn. Còn tôi, cũng như khi viết về hơn năm mươi tác-giả trước kia trong mấy tập sách khác, tôi có ý tìm hiểu ý-lực liên-quan đến nhân-sinh, và vũ-trụ-quan trong tác-phẩm của họ, để nhờ đó mà tự tìm kiếm suy luận về thân phận làm người của mình. Tôi không phải người phê-bình hay khảo-luận văn-nghệ. Tôi chỉ là một kẻ tìm kiếm ý-nghĩa cuộc đời. Riêng về Vercors, tôi đã suy nghĩ rất nhiều về tác-phẩm của ông. Tôi lại đã dịch ra tiếng Việt nhiều bản văn của ông mà chưa có dịp xuất-bản. Trong bài văn ngắn ngữi kia, tôi có ý chứng-minh rằng quan-niệm của Vercors về cuộc đời và về thân phận làm người cũng tự chung giống hết như quan-niệm của các tác-giả đồng thế-hệ là Sartre, Camus, Malraux, v. v. Bởi thế tôi mới gọi ông là « hình ảnh một thế-hệ trí-thức ». Bạn nào đã từng đọc qua tất hiểu rõ chủ-đích và lập-luận riêng biệt của tôi.

Về bài Cholokhov và Pasternak của tôi, ông Thiến cũng có ý ám chỉ và gán cho tôi một tội như trên. Tôi xin nói ngay rằng cho đến nay, tuy vẫn còn tiếp tục diễn-thuyết hàng tuần về các tác-giả hiện-đại, Ch. Moeller chưa hề nói bài nào về Pasternak. Còn về Cholokhov, chủ-đích của Ch. Moeller cũng là tìm hiểu niềm hy-vọng của nhà văn Xô-Viết về cuộc đời. Còn tôi, tôi chỉ có ý nói đến Cholokhov để kiểm điểm sự tiến-triển của quan-niệm về « chủ-nghĩa hiện thực xã-hội » trong văn học Nga-Sô, và sau cùng làm nổi được địa-vị của luồng tư-tưởng đặc-biệt trong tác-phẩm của thi-sĩ Pasternak. Và tôi lại có thể tự hào rằng, ngoài bài viết về Doudintsev và Gheorghiu ra, có lẽ chưa có bài viết về tác-giả nào mà tôi đã khám phá ra được những ý nghĩ riêng biệt như bài viết về Cholokhov và Pasternak đó.

Bài vở của tôi còn đó. Bạn nào đọc tôi đã hiểu và sẽ hiểu công việc làm của tôi. Sử dĩ có mấy hàng thanh-minh này là để những bạn không có dịp đọc nguyên bản của tôi cũng như của Charles Moeller khỏi lầm tưởng về tư-cách và toàn-thể tinh-thần tác-phẩm của tôi.

NGUYỄN-NAM-CHÂU

(Ba-Li 15 Mars 1960)

Vài sắc thái của văn nghệ sĩ Pháp theo nhãn quan một độc-giả Việt-Nam

* ĐOÀN-THÊM

KHÍ xem những bộ văn - học - sử nước Pháp, một điểm mà tôi thường chú ý, là số đông, quá đông nhà văn nhà thơ. Nói thực, tôi không khỏi đôi chút bực tức như ghen vì bên họ nhiều hơn bên mình, khi tự hỏi một cách nôm na : làm sao mà nảy nở ra lắm thế ? (1).

Nhưng rồi tôi lại thấy không thể đặt vấn-đề như trên, vì nếu muốn trả lời cho đầy đủ, tìm từng nguyên - nhân ở lịch - sử địa-lý, chủng-tộc, v.v... thì tôi e lạc vào một rừng rậm : chính các nhà nghiên-cứu Pháp, hơn thế-kỷ nay, tuy đã viết hàng trăm pho sách, vẫn chưa đồng-ý về nhiều điểm, và mỗi vị theo một lý-thuyết hay đứng về một vài phương-diện riêng.

Thời thì mặc họ tranh luận mà tìm hiểu văn - chương nước họ. Muốn học hỏi,

tôi chỉ cần xét theo nhãn-quan, không phải của nhà phê-bình, nhưng của một độc-giả Việt-Nam hơi tò mò, nên chỉ chú trọng đến những điều gì ích-lợi có thể bởi bỏ cho văn - học nước nhà, không ngại rằng nhận xét sơ khuyết ; song ngược lại, tôi quan tâm tới những sự-kiện nào mà chúng ta còn thiếu kém, mặc dầu đã quá thường quá nhàm đối với họ và những nhà tây-học uyên-thâm.

Căn cứ vào kết-quả nghiên-cứu của một số tác-giả Pháp đã được đa-số công-nhận là vững chắc (2), tôi cũng đồng ý với nhiều người rằng nhân-tài là kết-tinh vừa của hoàn cảnh và thời-cuộc, vừa của thiên-năng và nỗ-lực. Nhưng vì cần có sự chọn lọc và thu hẹp như trên, tôi chỉ để ý trong sự đào-tạo văn-nhân thi-sĩ, đến những yếu-tố hiển-

(1) Ở bất-cứ ngành nào, kịch, thơ, tiểu-thuyết, bình-luận v.v... cũng vài ba trăm bảy môn phái, với hàng chục tác-giả trứ-danh. Riêng về tiểu-bán thế-kỷ XX, và chỉ những vị có tiếng nhất mà các nhà nghiên-cứu hay học-sinh phải đọc kỹ hoặc biết qua, cũng chừng 150 vị. Giờ các danh-mục (table alphabétique) chỉ chỉt ở cuối các bộ văn-học-sử, mặc dầu ưu-thống-kê, tôi cũng ngần chừ dám đếm từ A đến Z và từ thế-kỷ thứ IX đến giờ.

(2) *Bédier — Hazard — Martino — La littérature Française*

G. Lanson et Tuffrau — Histoire de la littérature française

Castex et Surer — Moyen âge — XX^e siècle

R. Léalou — Histoire de la littérature française

Encyclopédie Larousse — Arts et Littérature.

hiện khách-quan, tuy đã thấy ở Pháp nhưng cũng còn mong truyền sang cho nước khác được.

*

Từ Trung-cổ thời-đại, bất-cứ ở thế-kỷ nào, cũng thấy tăng gia những phương-tiện thích-hợp hơn, và những sự thuận-lợi khuyến khích giới văn-ngệ một cách trực-tiếp hay gián-tiếp.

Sự tiến-bộ về kỹ-thuật đã giúp nhiều vào sự phát-triển văn-học. Người Pháp làm được giấy viết để thay những mảnh da cừu da bò (parchemins) từ năm 1348. Máy in do Gutenberg chế tạo ở Đức, truyền sang Pháp từ 1507 và ngay đời vua François đệ-nhất (1515-1547) số sách xuất-bản, theo P. Lenhart đã lên tới 1200, cả những quyển đẹp đóng gáy vàng. Mục in được sản xuất từ 1818; phương-pháp in bằng bản kẽm do nhà kỹ nghệ Pháp Gillot tìm ra hồi 1820-72; đến 1884, thì các lối ấn loát nổi, chìm, màu ảnh, bóng v.v... đều phổ biến rất mau lẹ (1).

Những ngành doanh nghiệp trợ lực nhà văn cũng sớm xuất hiện; như các nhà xuất-bản và các thư-quán, từ thế-kỷ thứ XVI; tới 1884, họ hợp thành nghiệp-đoàn (Syndicat des Éditeurs, Chambre syndicale des librairies). Họ tổ chức chu-đáo, mở lớp huấn-luyện những hạng trung-gian cần-thiết để liên lạc giữa các tác-giả, các nhà in nhà bán, cả ở ngoại-quốc, và điều đình giúp về sự xuất-bản, phát-hành, dịch-thuật (Agents littéraires, Commissionnaires en librairie). Sau đó, các đoàn-thể được mở rộng với tánh-cách hỗn-hợp để tiếp cả các nhà văn, khiến cho quyền-lợi của người

sáng tác, người ấn loát, người phổ biến được dung-hòa (Alliance du Livre, do G. Duhamel sáng lập năm 1936).

Trong một xã-hội lâu đời phong-kiến, giai-cấp cách biệt, duy có nhà văn dù ở lớp bình-dân cũng được những nhà quyền-quí biệt đãi hoặc phụ trợ. Thi-sĩ Clément Marot (1496-1544) được bà quận-công De Ferrare và vương-phi Marguerite de Navarre nâng đỡ, cũng như La Fontaine (1621-1695) là bạn quý của bà De la Sablière; — Ronsard (1524-85) được vua François đệ-nhất quý trọng, như Racine, Boileau, Molière ở triều-dinh Louis XIV (1643-1715) chính nhờ vua này che chở, mà mấy ông mới vượt được nhiều nỗi khó khăn; — Descartes (1596-1650) rất thân với nữ-hoàng Christine de Suède, chẳng khác nào Voltaire (1694-1778) bao lâu là thượng-khách của nữ Nga-Hoàng Catherine II và Phổ-hoàng Frédéric II de Prusse; — Chateaubriand (1768-1848) và Victor Hugo (1802-1885) được phong tước Pair de France, ông Hugo còn được thành-phố Paris làm lễ thọ bát-tuần; Lamartine lúc già yếu được Nã Phá-Luân đệ-tạm chu cấp hưu-bổnng và biệt-thự. Dưới thời dân-chủ, từ cuối thế-kỷ trước, rất nhiều danh-sĩ được Bắc-Đẩu bội-tình (như bà De Noailles, bà Colette, Sacha Guitry, F. Mauriac...) hoặc lúc qua đời được quốc-táng (như V. Hugo, P. Valéry...)

Ngoài sự giúp đỡ có tánh-cách cá-nhân, còn sự khuyến-khích cho cả giới nhà văn, do nhiều nhân-vật có thế-lực, tài-sản, ưa chuộng văn-ngệ và khéo léo xã giao. Bà hầu-tước Marie de Champagne (thế-kỷ thứ XII) tiếp đãi nồng hậu nhiều thi-sĩ; Vương-phi Marguerite de Navarre (thế-kỷ thứ XVI) cũng theo gương đó. Từ thế-kỷ thứ

(1) *Encyclopédie française*, tome XVIII (typographie, héliogravure, photogravure, offset).

17, nhiều phòng khách tao-nhân (Salons) thành lập ở những nhà quý-phái : của bà hầu tước de Rambouillet, bà quận-công Du Maine, bà De Lambert, bà De la Fayette, bà Du Tencin, bà Charles Nodier, bà Récamier, bà Straus v.v.. Tại đó, văn-nhân, nhạc-sĩ, triết-gia, chánh-khách, nữ tài-tử, các bà các cô... thường hội họp, yến tiệc, khiêu vũ, tập ăn nói lịch-sự, bình thơ, hòa nhạc, bàn luận về các vấn-đề nghệ-thuật, triết-lý, giới thiệu, và thường trình các tác-phẩm. Nhờ tổ-chức này mà nhiều ngành văn-học sớm nảy nở, nhiều văn-nhân chóng nổi danh. Corneille trình bày hầu hết các vở kịch của ông trước khi diễn, tại phòng khách của bà De Rambouillet ; M. Proust văng lai nhiều các phòng của bà Straus, bà de Cail-lavet, mà có dịp quan sát tỉ-mỉ, tìm những đề-tài tâm-lý...

Song chính giới văn-ngệ cũng sớm biết tự tạo bầu không-khí hào-hứng, những hoàn-cảnh thuận tiện cho sự sáng tác. Ngay từ khi đầu thế-kỷ thứ XVI, Maurice Scève (1510-1564) cùng các bạn ông đã hợp thành nhóm École Lyonnaise để làm thơ phỏng theo các thi nhân Ý, nhất là Pétrarque. Thi-sĩ Du Bellay (1525-1560) chủ-trương cải-tiến Pháp-ngữ, tôn sùng cổ-điển La-Hy, và cùng với Ronsard và 5 thi-nhân, lập thi-hội Thất-Tinh (Pleiade). Đến thế-kỷ thứ 17, không những nhà văn ra vào các phòng khách quý-phái, còn tụ họp riêng với nhau ở các lữ-quán, tiêu-điểm ; quán « café » thứ nhất mở ra năm 1667, và số quán năm 1715 đã tăng lên hơn 300 ở Paris cho khách ngâm vịnh đến rung đùi hoặc cãi cọ om-sòm. Nhiều nhóm kế tiếp thành lập để phát động những phong-trào thi văn mới : Club de l'Entresol (1720) của tu-sĩ Alary ; Thi-đàn Lãng-mạn (Le

Cénacle 1827) của V. Hugo ; Tao-đàn (Le Parnasse) theo Leconte de Lisle, các nhóm Tượng - trung (Symbolistes) Thực - tế khoa - học (Naturalistes) Cộng - đồng (Unanimistes) Ngông-cường (Fantaisistes) Giang-hồ phiêu-đăng (Bohème) v.v... Song tổ-chức có qui-cũ nhất và có tánh-cách một đoàn-thể chánh-thức để bênh vực quyền-lợi chung, là Tổng-hội các nhà văn lập ra từ 1838 (Société des Gens de Lettres).

Bên cạnh những sáng-kiến và nỗ-lực của tư-nhân, nhiều tổ-chức và biện-pháp của các chánh-quyền cũng có mục-dịch xúc tiến sự phát-triển văn-ngệ ; ở đây, chỉ xin kể qua những hành-động nào có ảnh-hưởng trực-tiếp vào giới nhà văn.

Sự huấn-luyện về văn-chương được chú trọng từ thế-kỷ thứ XIII, khi trường Đại-học Paris được thiết-lập, ban văn-ngệ được coi là chính-yếu (Arts et Lettres). Vua François đệ-nhất đặt ban Thi-độc Hoàng-gia (Lecteurs Royaux, 1530) cho nghiên-cứu cổ-học La-Hy ; cơ-quan đó bành trướng và biến chuyển dần thành ra Học-viện cao quý nhất của Pháp, Collège de France.

Thư-viện đầu tiên do vua Charles V thiết lập rồi sau này thành Thư-viện Quốc-gia (Bibliothèque Nationale). Nhiều thư-viện chính-thức mở ở các thành-phố từ 1720 (bibliothèques municipales).

Nhà in hoàng-gia (Imprimerie Royale) do tế-tướng Richelieu lập năm 1640, để in sách cho các danh-sĩ, về sau thành Ấn-quán Quốc-gia (Imprimerie Nationale) và giúp vào sự xuất-bản tái-bản những bộ tự-điển lớn và những loại sách quý nhưng tốn nhiều tiền in. (Collection des Grands

Ecrivains de France, La Grande Encyclo-pédie...).

Rạp hát công được lập từ đời vua Louis XIII tại một dinh-thự lớn, Hôtel de Bourgogne. Vua Louis XIV rất ưa kịch, lập ra Hi-viện Pháp-quốc (Comédie Française, 1680) và Nhạc-Kịch-viện (Académie royale de Musique). Kịch viện Odéon được Chánh-phủ xây trong thời Đại-cách-mạng, 1797. Ca-vũ kịch-viện có từ 1862 (Opéra) và tới 1898, thì xây dựng Ca-Hí-kịch-viện (Opéra — comique).

Song những cơ-quan được nhiều người biết tiếng nhất, có lẽ là các Hàn-lâm-viện. Viện Hàn-lâm văn-học Pháp-quốc (Académie française) do tể-tướng Richelieu lập năm 1635, với nhiệm-vụ chính yếu là soạn thảo tự-diễn, văn-phạm, văn-pháp — Viện Hàn-Lâm khắc-cổ do thủ-tướng Colbert lập năm 1663 (Académie des Inscriptions et Belles-Lettres) — Viện Hàn-Lâm Mỹ-thuật, do tể-tướng Mazarin lập, và Colbert cải tổ (Académie des Beaux Arts) — Viện Hàn-Lâm nghiên-cứu xã-hội chánh-trị (Académie des Sciences morales et politiques) do Quốc-hội cách-mạng (Convention) lập năm 1795 (1).

Ngoài sự viện-trợ và khích-lệ dưới mọi hình-thức, có tánh-cách tích-cực, đáng kể

(1) Không kể viện Hàn-Lâm Goncourt, là cơ-quan tư, do nhà văn Edmond de Goncourt lập riêng từ 1896, gồm 10 ông Hàn, mỗi năm tặng một giải thưởng cho tác-phẩm văn xuôi dùng trí tưởng-tượng (meilleur volume d'imagination en prose).

Ngoài ra, còn hội Thường-Hoa (Jeux Floraux) ở Toulouse, lập năm 1500, tái lập năm 1806, có mục-dịch thưởng bằng đóa hoa vàng hay bạc, cho thi-phẩm nào có giá-trị, viết bằng thổ-ngữ địa-phương (langue d'Oc).

nhất là sự bãi bỏ những trừng phạt và mọi kiểm-tòa ngặt nghèo, để ban hành những luật-lệ có mục-dịch bảo vệ và cho hưởng chế-độ tự-do : cáo-đạo-luật 1791 và 1793 từ thời-đại Đại-Cách-mạng, đã thừa nhận tác-quyền và qui định quyền ấn-hành, trích-thuật. Và kể từ khi Cộng-hòa đệ-tam thành-lập, cuối thế-kỷ trước, thì sự sáng-tác và xuất-bản không gặp trở ngại gì nữa (1).

Những tổ-chức kể qua ở trên nên được nghiên-cứu tường-tận, xem có thể mô-phỏng ở nước nhà với những sự chăm-chước thế nào để giới văn-học có thể phát-triển mau lẹ.

Song sự phát-triển đó, ngoài những sự-khien thuộc hoàn-cảnh hay thời-cuộc, còn tùy phần lớn — lớn hơn hay bằng chưa rõ? — ở chính con người văn-nghệ. Về phương-diện này, khi xét cuộc đời cá-nhân các nhà văn nhà thơ nước Pháp, thấy nhiều điểm rất đáng được suy ngẫm.

Muốn thành một văn-hào thi-hào nổi danh ở nước lớn hoặc trên thế-giới, dĩ-nhiên phải có tài và có học. Song, khi đọc một cuốn sách hay, hoặc các tác-phẩm của

(1) Các chánh-quyền thường phân biệt hai sự : nâng đỡ văn-nghệ là một, ngăn ngừa để bảo vệ tôn-giáo, chánh-thê là hai. Dưới chế-độ quân-chủ, các nhà vua vẫn thường quý chuộng văn-học và văn-nhân, song chánh-quyền cũng vẫn đối phó quyết-liệt ở trường hợp xúc-phạm tín-ngưỡng hoặc chánh-thê. Cuốn Emile của J. J. Rousseau bị Nghị-Viện Paris (Parlement de Paris) tịch thu và đốt, tác-giả phải trốn sang Genève (1762). Những tập Lettres philosophiques (1734) của Voltaire cũng bị Nghị-Viện Paris lên án và tác-giả bị truy nã phải trốn về Lorraine. Cuốn De l'Allemagne của bà De Staël cũng bị Nã-Phá-Luân đệ-nhất thu và đốt (1810) tác-giả phải rời khỏi nước Pháp.

một vị, khó lòng phân biệt được và quả quyết rằng phần nào nhờ thiên-năng, phần nào do học-vấn. Học-vấn chỉ trợ lực cho toàn-năng dễ nảy nở, hay là những khiếu trời ban chỉ có một dùm, rồi nhờ công-phu đào luyện mãi mới thành văn thơ? Có những độc-giả yên trí rằng nên sự-nghiệp là do thiên-phú, « vãng-chương nếp đất, thông-minh tính trời »; nhưng cũng có nhiều nhà bác-học nhận rằng « thiên-tài » chẳng qua là kết-quả sự nỗ-lực kiên-tâm học hỏi (*le génie n'est qu'une longue patience*).

Vấn-đề kể trên không phải chỉ có tánh-cách lý-thuyết, còn có ảnh-hưởng khác nhau ở phạm-vi thực-tế, tùy theo lối giải đáp: Nếu tin ở thuyết thứ nhất, nhiều người có thể coi mình đầy thiên-bẩm, chẳng cốt-cách thần-đồng cũng khả-năng á-thánh, không cần học gì cũng giáng bút ban cho đời những áng văn... không rọc rờ lắm. Trái lại, nếu thiên về thuyết thứ hai, có lẽ chịu khó hì hục, nhưng cũng khiêm-tốn thận-trọng hơn, e ngại dư-luận và kính nể quốc-dân, học tập suy nghĩ nhiều rồi mới dám thử cầm bút viết: Hạng nào nhiều hơn, ở văn-học-sử Pháp?

Thoạt mới tự hỏi, thì hình như cần xét theo từng ngành: về sử-học, triết-học, tôn-giáo v.v... dĩ-nhiên nhà văn phải là học-giả như Bossuet, Renan, Taine, Bainville Maritain v.v...

Nhưng ở phạm-vi thi ca, tiểu-thuyết... có lẽ chẳng cần gì phải thông kim bác cổ như các vị kia? Những Racine, V. Hugo, hay A. Gide chẳng đậu cử-nhân tiến-sĩ thạc-sĩ văn-chương, và lắm khi bằng lớn học cao cũng chỉ dùng để chú-thích tác-phẩm của các danh-sĩ ở những tập sách giáo-khoa?

Nhưng nếu xét kỹ từ khi văn-học Pháp mới phôi thai cho đến ngày nay, từ François Villon đến André Malraux, thì ý-kiến vừa kể chỉ có thể tiếp nhận một cách rất dè-dặt.

Những Racine, Hugo, Gide không xuất thân đại-học, song khi đọc, ai cũng phải nhận thấy những tài-liệu mà họ tra cứu, những tác-phẩm do họ phê-bình hay mô-phỏng, những kiến-vấn mà họ diễn thuật hoặc xử dụng... đã đòi hỏi nhiều công-phu học tập lâu năm.

Muốn tới trình-độ trí-thức cao sâu rộng chắc gặp mấy của thường-nhân chuyên học cử-nghiệp, ít nhất họ cũng phải có một học-vấn căn-bản vững vàng: đó là trường-hợp đại đa-số. Ông-nghênh bừa bãi như nhà thơ lang thang F. Villon ở thế-kỷ thứ XVI, cũng tốt nghiệp ban Văn-ngệ (*Licencié et maître ès-arts*). Rất nhiều cậu học-sinh Trung-học chăm-chì, ngoan-ngoãn, xuất-sắc, mà cũng thành danh: Racine học rất giỏi ở trường Beauvais và tu-viện Port Royal, Molière ở Collège de Clermont và trường luật; Voltaire và Hugo ở Collège và Lycée Louis-le-Grand, Musset ở Lycée Henri IV; Apollinaire ở Collège Saint-Charles... ấy là chưa kể C. Péguy, J. Romain, J. Giraudoux, J. P. Sartre, tuy đậu thạc-sĩ văn-học hay triết-học, cũng viết được thơ, kịch và tiểu-thuyết hay.

Học-vấn căn-bản dĩ-nhiên không thể cắt nghĩa một sự-nghiệp văn-chương, song ít nhất cũng là điều-kiện cốt-yếu để các vị thẩu hiều các tài-liệu muốn tra cứu, những cảnh vật phải quan sát, những vấn-đề cần suy xét, để nhận định lập-

trường, điều luyện hay cải thiện bút-pháp... Các nhà văn nhà thơ ở thế-kỷ thứ XVI, XVII theo đòi những tác-giả La-Hy: nhưng sao có thể, nếu Ronsard không chịu học và không hiểu nổi Pindare hay Horace để làm Odes? nếu La Fontaine không thấm-nhuần Boccace hay Esope? Corneille có nghiên-cứu văn-học Y-Pha-Nho mới dựa vào truyện của Guilhen de Castro viết « Le Cid ». Voltaire, sao khi đọc Shakespeare, theo « Othello » của kịch-sĩ giỏi nhất nước Anh mà sửa đổi đường lối sáng-tác những vở tuồng như « Zaïre ». Bà De Staël sao viết được « De l'Allemagne » nếu không học về nước Đức? Quan-niệm về âm thanh nhạc-điệu trong thơ, của Baudelaire giống của nhà văn Huê-kỳ Edgar Poë, vì ông trước đã đọc nhiều và dịch sách của ông sau. Leconte de Lisle cải cách, ngược lại lối thơ lãng-mạn, phải nghiên-cứu lịch-sử, tín-ngưỡng, cảnh-vật các xứ nóng Á, Phi-châu, rồi viết những bộ Poèmes Antiques, Poèmes Barbares, Poèmes tragiques... Tóm lại, văn-học Pháp chịu nhiều ảnh-hưởng của các nước ngoài: song ai tiếp nhận ảnh-hưởng đó nếu không phải là thi-văn-sĩ, và sao có thể lợi dụng nếu những vị này không chịu khó học?

Họ còn được học bằng cách du lịch, và ra ngoại-quốc rất nhiều. Ngay ở thế-kỷ thứ XVI, Ronsard, Du Bellay, Rabelais... đều biết Ý-dại-lợi, Ecosse. Descartes, ở thế-kỷ thứ XVII, đã từng qua Hòa-lan, Thụy-điển, Đức, Áo, Thụy-sĩ... và sống 20 năm ở Hòa-lan. Montesquieu, Voltaire, J.J. Rousseau cũng qua, hay ở nhiều xứ Âu-Châu, Bernadin de Saint Pierre sang Madagascar, nghĩ ra truyện Paul et Virginie. Lamartine, Chateaubriand biết miền Cận-

đông và tác-giả Atala đã qua thăm Hoa-Kỳ. Có tới xứ này, De Tocqueville mới có dịp nghiên-cứu về nền dân-chủ ở Mỹ (De la démocratie en Amérique) Hướng chi là ở thời mới, giao-thông tiện lợi? M. Barrès, G. Apollinaire, A. Gide, J. Romain, A. Malraux, H. de Montherlant... đều là những người đã bao phen bước chân ra khỏi nước Pháp. Ấy là chưa kể những nhà văn được nghề nghiệp chính cho phép xuất dương, như các sĩ-quan thủy-quân P. Loti hay C. Farrère, đại-sứ P. Claudel, phi-công St. Exupéry... Họ đi quan sát, điều tra, và kết-quả những cuộc viễn-du là rất nhiều tác-phẩm có giá-tị (1).

Bởi học rồi mới viết, hoặc vừa viết vừa học, nên văn-ngệ-sĩ Pháp dễ thấy đề-tài mới, ý-kiến mới, nguồn văn-thơ của những người nổi danh thường rất dồi dào, mấy chục năm chưa cạn, sức sáng-tác mạnh mẽ và liên tiếp, số sản-xuất rất cao. Corneille viết 32 vở kịch trong 45 năm từ 1629 đến 1674; — Molière: 21 hài-kịch trong 28 năm, 1645-73; — Racine: 7 kiệt-tác trong 10 năm liền, 1667-1677; — Voltaire thì viết rất nhiều trong 60 năm, về triết-học, sử-học, chánh-trị, kịch, thơ, tiểu-thuyết, v. v.; — Rousseau: 11 tác-phẩm các loại trong 28 năm, 1750-1778; — Chateaubriand: 16 tác-phẩm văn xuôi trong 47 năm, 1797-1844; — Lamartine: 14 tác-phẩm, thơ và

(1) Thực ra, còn người chỉ thật trưởng-thành nhờ sự sống mạnh, trong thống-khổ, hoạn-nạn, hay tranh-dấu, và do đó, đã nảy ra nhiều văn thơ sắc mãnh-liệt. Song sự-tượng ấy tùy trường-hợp cá nhân, không phải bất-cứ nhà văn nào cũng gặp. Ở đây, chỉ xin xét những điều gì thấy ở đại-dạ-số, chung cho gần cả một giới, nhìn bề ngoài cũng rõ, và có thể theo đòi: ai càng học tập rèn luyện thì được, chứ theo gương đầu-khò lạc-loại, thất-vọng, chán-chường sao được?

văn xuôi, trong 37 năm, 1820-1857; — V. Hugo: 23 tác-phẩm lớn, thơ và văn xuôi, trong 60 năm, 1822-81; — Musset: 27 tác-phẩm, thơ và văn xuôi trong 20 năm, 1830-51; — Maurice Barrès: 12 tác-phẩm văn xuôi trong 34 năm 1888-22; A. France: 32 tác-phẩm văn xuôi trong 41 năm 1881-1924; — J. Giraudoux: 19 tác-phẩm văn xuôi trong 34 năm, 1909-43.... Thường thường, mỗi tác-giả viết mỗi năm hoặc hai năm một cuốn, có khi 2 cuốn một năm.



Vì sao các nhà văn nhà thơ Pháp cần phải học hỏi hơn các giới khác, và sáng-tác cũng rất cần sưu-tầm nghiên-cứ? Câu hỏi thoạt nghe có vẻ lẩn-thẩn, cũng như hỏi sao nhà báo phải cố tìm nhiều vốn? Song lắm khi những sự được coi là dĩ-nhiên chưa chắc đã là sự thực, như biết thừa rằng phải có hiệu mà khối người vẫn không hết lòng kính yêu cha mẹ. Dù sao, vấn-đề cũng đáng chú-ý, trước sự cố gắng của đa số người cầm bút ở Pháp, trải qua 7 thế-kỷ tiến-triển không ngừng của các loại văn-chương. Họ phải nỗ-lực vì có quan-niệm nghiêm-khắc về nghệ-thuật, và muốn theo kịp đà tiến-hóa chung.

Phần đông không dám ỷ vào thiên-bẩm, không phóng bút buông tuồng. Một người như La Fontaine, đã có tiếng đồn là hồn-nhiên thẳng-thích và làm thơ dễ-dàng như chơi: thực ra, ông đã sáng-tác rất công-phu (un faux ingénu, un faux amateur qui atteignit au naturel dans sa poésie au prix des plus rigoureuses contraintes — Castex et Surer). Boileau khuyên nhà văn sửa chữa tác-phẩm rất nhiều lần (vingt fois sur le métier remettez votre ouvrage. Art Poe-

tique). Chateaubriand muốn nhà văn phải cố làm thế nào chỉ đưa ra công-chúng những gì đẹp đẽ (présenter au monde ce qui est beau). Hugo, Gauthier, L. de Lisle, Flaubert, Baudelaire, Valéry đều không tra sự cầu-thả và chủ-trương xếp đặt mài giũa để tới toàn-mỹ. Muốn theo dõi nhân-loại qua các giai-đoạn tiến-hóa trong La Légende des Siècles viết dần từ 1853 đến 1883, V. Hugo đã phải tra cứu biết bao sử sách. J. Romain muốn tả các trạng-thái sinh-hoạt của những tập-thể cá-nhân từ cuối thế-kỷ XIX, (Les hommes de bonne volonté) đã phải quan sát, điều tra, thu thập văn-liệu trong 10 năm.

Nếu không như vậy, làm thế nào mà đáp lại được sự đòi hỏi của thời nay? Học-thuật càng phổ biến, nhân-loại càng tiến-bộ, thì không những giới văn-học, mà cả đa số trong quần-chúng cũng muốn nhà thơ nhà văn đưa ra những đề-tài mới, những tư-tưởng tâm-tình cao đẹp sâu xa hơn, với những nghệ-thuật tinh-xảo kỳ-diệu hơn. Ở thời Trung-Cổ phong-kiến, những bài hùng-ca nô-m-na chân thật (Chansons de geste) đã cho thính-giả đọc-giả hào hứng, song tới thế-kỷ thứ XIX, ít ra phải những bài lâm-ly thống-thiết như Le Cor của Vigny, hoặc tiếng sắt đồng sáng sủa của V. Hugo trong Mariage de Roland, mới có thể vang dội truyền xa. Những truyện tình duyên của các anh các chị chán cũu trong Astrée của Honoré d'Urfé đã quấy rũ các nhà quý-phái 1607-1627, nhưng tiểu-thuyết ngày nay muốn lôi cuốn độc-giả, phải là những « Condition Humaine » của A. Malraux, những « La Porte étroite » của A. Gide hay những « L'Entrave » của Colette... nghĩa là những tác-phẩm

phân tích uẩn-khúc tâm-hồn, những khát-vọng và thắc-mắc của thế-hệ trước những vấn-đề nan-giải của thời-cuộc và nhân-loại : nhưng muốn viết như thế, tác-giả phải là những người học đến mức đòi hỏi được với các triết-gia, bao quát nổi cảnh phức-tạp của xã-hội hiện-thời. Ở thế-kỷ thứ XVII, La Bruyère cũng đã phàn nàn rằng mình sinh sau đễ muộn, biết viết gì khi người ta đã nghĩ rộng nói hay trước mình bao nhiêu đời rồi ? (L'on vient trop tard, mil sept cents ans après qu'il y ait des hommes, et qui pensent).

Giá thử chỉ ý vào tài riêng, mà không chịu học đễ cải tiến, thì P.Valéry có lẽ cũng chỉ làm thơ đại khá như A. Samain, H. de Régnier chi đó, nghĩa là thành một thi-nhân thường thường bậc trung. Nhưng ông thấy phải cứu xét lại đường lối, sau khi bao thi-phái khác đã nảy nở với màu sắc lộng lẫy hay mơ ảo, và ông tự hỏi : thơ đã tiến đến mức của Mallarmé rồi, thì làm thế nào cho hơn được ? (Que faire après Mallarmé ?) Nên Ông dùng bút hơn 20 năm, đễ nghiên ngẫm tìm đường, nghiên cứu về tâm-hồn và nghệ-thuật của đại-danh-họa Leonard de Vinci (Introduction à la méthode de L.de Vinci). Vì thế, mãi khi 46 tuổi, Ông mới trở lại vườn thơ, và bài Jeune Parque với tập Charmes của ông được hoan nghênh nhiệt-liệt : với một bút-pháp cao tay, ông đã dùng trí-tuệ làm hồn thơ, một sự táo-bạo thành-công chẳng khoáng-hậu thì cũng không-tiền. Kể thì phải như vậy mới đặng, sau khi thơ Pháp đã qua những giai-đoạn Phục-hưng, Cổ-điển, Tân-cổ-điển, Lãng-mạn, Tao-dàn, Tượng-trung, v.v...

Ở trong rừng tiểu-thuyết, càng đễ lạc

vào những vết cũ đã mòn. Một bạn thân của tôi, nhà văn Cống, một hôm cho biết vừa tìm được một chuyện rất hay nên muốn viết : một thanh-niên hiền-hậu nhưng cô-đơn, ngẫu nhiên gặp một thiếu-phụ rất đẹp, đem lòng tơ-tưởng ; sau có dịp tái ngộ, hai người quen thân, nhưng rút cuộc chỉ quí mến nhau một cách trong sạch êm đềm. Đợi Cống rung đùi xong, tôi mạn phép lưu-ý : nếu viết ra, thiên-hạ sẽ tưởng bạn lặp lại « Le Lys dans vallée » của H. de Balzac xuất-bản ngót thế-kỷ nay rồi. Cống hơi cụt hứng nhưng cách ít lâu lại đến bảo rằng đã cố tìm nữa, và xét lại cả cách hành-văn : bạn muốn viết truyện dài, tả thực tất cả các giới chung quanh mình, đễ lưu lại hậu-thế một hình ảnh rõ-rệt về xã-hội ta trong mấy chục năm qua. Tôi hoan-nghênh nhưng hỏi : thế Cống định viết theo lối « Khoa-học » như của E. Zola khi ông này tả cả dòng giống họ « Rougeon-Macquart » hay như J. Romaine trong những pho liên-tiếp « Les hommes de bonne volonté » ? Một ông muốn viết bộ sử về phương-diện sinh-lý và xã-hội của một gia-tộc cuối thế-kỷ XIX, một ông dụng tâm cho một ý-niệm tổng-quát về thế-giới ngày nay (une vision du monde moderne) ? Cống nghe tôi hỏi thì bực mình lắm, vì như thế sẽ quá tốn công so sánh lựa chọn. Tôi chỉ dám nói thêm : nếu tôi học nghề chế máy bay, tất phải biết hiện giờ đã có những loại máy gì, nếu không, rất có thể tôi tưởng là có sáng-kiến phát-minh, mà hóa ra chế thứ máy hai cánh kêu bành-bạch của Guynemer cuối năm 1917, tốn công hay không, hãy tự vấn chúng ta có muốn tiến chằng ?

Nhưng viết tiểu-thuyết như bạn Cống

mà chỉ trông cậy vào ý-kiến chủ-quan của mình trong công việc sáng-tác, tuy không chất làm vẻ-vang cho văn-học nước nhà, cũng chưa có hại như phê-bình mà chẳng chịu học hỏi nghiên-cứu trước. Người phê-bình có bốn - phận hướng - dẫn dư-luận, nếu thiên lệch hoặc không thận-trọng, thì dễ khiến cho độc-giả hoang - mang, khuyến-khích những tác-phẩm tầm-thường, vùi dập một cách bất-công những tác-phẩm có giá-trị. Chắc vì thế mà những nhà phê-bình đều là người học-vấn uyên-bác, thấu hiểu nghệ-thuật cùng những nỗi khó-khăn của nhà văn nhà thơ và phải chọn lựa đường lối xét đoán. Những phương-pháp phê-bình từ 1800 đã được người ta thử-thách áp-dụng và mỗi ngày bổ-túc cho hoàn-hảo tinh-vi và khá h-quan hơn. Khi các nhà phê-bình xét về một tác-giả hoặc một cuốn sách, không thấy họ soi mói vụn vặt từng câu từng chữ, tán rộng gán buộc những tình ý dở hay mà người viết chẳng có, hoặc coi sớ - thích của mình như chuẩn - đích để khen chê... Trái lại, họ theo những quan-điểm bao quát, chú trọng đến phần tư tưởng, tâm-lý, qui-mô, bố - cục, cách diễn - tả... cả tới những trường - hợp cấu-tạo phối-thai và xuất-đầu của tác-phẩm. Họ tìm mối liên-hệ giữa áng văn và các cơ-cấu xã-hội (như bà De Staël, 1766-1803) tỏ rõ tánh

cách quan-trọng của hoàn-cảnh, của thân-thể tác-giả, và cố hiểu tận nguồn gốc sáng-tác hơn là công kích hay tán dương (như Sainte-Beuve, 1804-1869) — căn-cứ vào dân - tộc - tính mà phê phán (như Nisard 1790-1870) — khám phá ảnh-hưởng hỗ-tương của thời-cuộc và văn-nhân (như Villemain 1790-1870) — giải thích tác-phẩm bằng ba yếu tố chủng-tộc, hoàn-cảnh và thời-thể (như Taine 1828-1893) — nêu ra tất cả các ưu-điểm, không gạt bỏ khuynh-hướng nào, giúp cho độc-giả thông cảm dễ dàng và thưởng thức với nhiều hứng thú hơn (như Thibaudet 1874-1936) — theo sức rung động mạnh hay yếu để gây mê-cảm và phấn khởi tâm thần, mà đo lường giá-trị tác-phẩm (như Suarès 1868-1948)... Phần đông các nhà viết văn-học-sĩ hiện nay dung hợp các phương - pháp đó, để nhận xét đầy đủ và ôn hòa, (Lanson, Hazard, Mornet...) Dù sao, phê-bình đã thành một ngành văn-học riêng, vừa có tánh-cách nghệ-thuật, vừa có tánh-cách khoa-học, phải hiểu biết sâu rộng mới mong chuyên trách mà không sai lầm nhiều.

Chúng ta còn có thể đi tới những kết-luận tương-tự, nếu nghiên-cứu kỹ-lưỡng hơn về từng loại văn thơ, từng tác-giả có tiếng : nhưng đây lại là vấn-đề khác.

Đ.T.

- ✧ Người ta có hiểu rõ và chấp-thuận các lý-do của một quyết-định thì người ta mới chịu đem hết lương-tâm và nghị-lực ra mà thật hiện quyết-định ấy. Một quyết-định bị bắt buộc phải thừa nhận sẽ bị phá-hoại, hoặc vô tình hoặc hữu-ý.
- ✧ Lệnh ra phải ra cho thật rõ ràng, vì không gì làm cho người ta bất-bình bằng thấy lệnh ra một cách mập mờ, như có ý để cho người trên dễ bề chỉ-trích, mặt sát người dưới.

CAO-BIÊN VÀ THUẬT THẦN TIÊN

Nguyễn-Quang-Lục

(Tiếp theo B.K. số 78)

THẸO Đường thư, Cao-Biên sau khi lập Thên-uy-cảng, Thiên-Tử khen là người có tài cho làm chức kiểm hiệu công-bộ thượng-thư thứ-sử Vạn-Châu và chức thiên-bình quân tiết-độ quan-sát đẳng sứ.

Chính-sách của Biên ở Vạn-Châu được dân quan nhiều người ca ngợi. Quân Nam-Chiếu ở Tuấn-Châu qua sông Lô cướp bóc, Biên được làm chủ Thành-Đô lãnh chức Kiểm-Nam Tây-Xuyên tiết-độ quan-sát đẳng sứ. Bấy giờ thành lũy ở Thục tan-nát. Biên lo xây đắp, truyền hịch đi Vân-Nam lấy binh giữ nơi biên-cảnh, giảng dạy điều « Tín Nghĩa », từ bấy giờ giặc không dám vào cướp phá.

Vì công-trạng ấy, Biên được tiến chức kiểm-hiệu thượng-thư hữu-bộc Xạ-Giang lãnh doãn Kinh-Nam tiết-độ quan-sát đẳng-sứ.

Năm Càn-Phù thứ bốn; Biên được tiến chức kiểm hiệu tư-không Nhuận-Châu thứ-sử trấn hải-quân tiết-độ triết-giang Tây-dạo quan-sát đẳng sứ, và phong chức Yên quốc-công.

Thời bấy giờ có bọn thảo-tặc là Vương-Tiên-Chi hãm Kinh, Tương, quân triều-đình đến đánh đều tan-rã.

Thiên-tử cho rằng Biên trước cai-trị Vạn-Châu dân-tâm đều sợ phục mà đồ-đảng Tiên-Chi đều là người Vạn-Châu, liền cho Biên tiết việt để chiêu-thảo bọn đạo khấu, cầm các đạo binh mã, giữ chức đô-thống Giang-Hoài diêm thiết chuyển-vận sứ.

Biên liền ra lệnh cho tướng là Trương-Lân và Lương-Tảo, phân binh đánh giặc trước sau đều công-hãm, bọn thủ-lãnh hàng tới 10 người, giặc tan-tác chạy về Nam.

Thiên-tử ngợi khen.

Mùa đông năm Càn-Phù thứ sáu Biên được tiến chức kiểm hiệu tư-đồ Dương-Châu đại đô đốc, Hoài-Nam tiết-độ phó đại-sứ tri tiết-độ sự; và vẫn giữ chức binh mã đô-thống diêm thiết chuyển-vận sứ như trước.

Biên đến Hoài-Nam sửa chữa hoàn-bị lại thành-lũy, chiêu-mộ quân-lữ được 70000

thổ-khách, truyền hịch đi chung - dụng *Thiên-hạ binh*, uy vọng của Biên chấn-dộng triều-đình.

Biên thành ra là giường cột của chính-quyền, được chức kiểm hiệu thái-úy đồng binh chương sự.

Bảy giờ bọn Hoàng-Sào họp tàn đảng của Tiên-Chi hãm châu quận Hồ-Nam và Tích tây, người ta đồn giặc có tới 100.000. Hoàng Sào chiếm cứ Quảng-Châu đòi phong Thiên-bình tiết việt.

Triều-đình hội nghị muốn lấy chức Nam-hải tiết việt phong cho. Tể-tướng là Lưu-Huê cho Biên trước đã dẹp giặc ở Tích Tây, bây giờ nên tập hợp các đạo binh lại để án ngữ, không nên tha giặc để làm núng lòng tướng sĩ. Nhưng Trịnh-Điền nghị nên cho giặc hòa để yên bờ cõi.

Hai bên tranh luận giữa triều-đình; lời nói không còn từ-tận, rút cục cuộc tranh luận không đi đến đâu, hai đề-nghị đều bị bãi.

Biên đương cầm binh quyền nghe triều-đình rắc-rối, rất dỗi bất bình. Năm đầu niên hiệu Quảng-Minh, mùa hạ đảng giặc Hoàng Sào từ phía bắc Lĩnh biểu qua Giang, Hoài, Trương Lân đóng binh ở Thiên-trường muốn đón đánh nhưng Biên oán triều-đình không nhờ cậy mình, muốn để giặc tung hoành Hà-Lạc, triều-đình vì dấy kinh động rồi mới ra tay.

Đại - tướng Tất-Su-Đặc bảo Biên : « Bọn giặc quái gỡ trăm vạn qua nơi trấn-thủ như vào chỗ không người. Nay triều-đình nhờ cậy ở nơi đô-thống phá giặc ngăn cản giặc khỏi phạm nơi trọng yếu. Suy nơi trọng yếu đầu là đất Giang, Hoài, giặc

hiều ta ít. Nếu ta không đóng quân chỗ hiểm yếu trừ giặc, nhờ ra phía Bắc, giặc qua được đất Trường-Hoài thì làm sao ngăn nổi, như thế, trung nguyên mấy lúc mà thất-thủ.

Cao-Biên kinh hãi nói : « Lời người nói phải ».

Tức thời ra lệnh xuất quân. Có một viên tướng văn được Biên tin dùng là Lã Dụng-Chi thường hay nịnh hót Biên, xúi dục Biên theo tả đạo.

Dụng-Chi sợ Su-Đặc lập công đoạt hết quyền mình liền bảo Biên rằng : «Huân nghiệp tướng ông cao trọng lắm rồi. Giặc già chưa hết, Triều-đình thì năm bè bảy mối, ví bình được giặc thì uy vọng ở triều-đình, công kia không được thưởng, Tướng-công an lòng được chăng ? Tôi vì tướng - công vẽ nên một kế : chỉ bằng cứ đóng quân một chỗ yên ổn, nhìn hai bên khởi hấn ».

Biên lấy làm phải, liền đóng quân lại, chỉ cho tướng - sĩ canh phòng biên cảnh. Mùa đông năm ấy, giặc hãm Hà, Lạc. Triều - đình giục Biên tiến binh, Biên cứ đóng ý một chỗ. Rồi hai kinh cùng mất, Lưu-Huê bị chết.

Bây giờ Biên duyệt đại binh muốn kiêm tính Lương - Tích, làm cái thế Tôn - Sách tam phân.

Thiên-tử bảy giờ phải chạy vào Thục xuống chiếu ra quân.

Tháng năm năm thứ hai hiệu Trung-Hòa, ở giải xá Dương-Châu có con trī bay vào, thầy bói đoán rằng : có con đã điểu bay vào nhà là điềm quân phủ không hư. Biên lấy làm giận lắm.

Ngay tháng ấy Biền xuất quân ra hết Đông Đường đắp thành mà ở, mỗi tháng lại duyệt quân một lần, làm như sắp đem quân đánh giặc, viết thư cho Chu-Bảo ở Tích-Tây hẹn cùng vào cứu kinh sư. Bảo rất lấy làm mừng, điếm duyệt quân sĩ để xuất sư, cho dò xét mới hay tin ra quân của Biền là không thực.

Biền ở Đông-Đường cứ trăm ngày lại về Quảng-Lãng làm lễ tế Nương giải điếu chim trĩ vào nhà.

Đường - Hy - Tông biết ý Biền không chịu xuất cứu binh, liền cho tế-thần là Vương-Đặc làm đô thống binh mã các đạo hành-doanh, Thôi-An-Tiêm làm phó, Vi-Chiêu - Độ lĩnh chức Giang - Hoài điếm thiết chuyển vận sứ.

Thế là Cao-Biên mất binh quyền hò hét kêu la, làm tờ biểu chương lời nói thiếu hẳn khiêm tốn.

Vua Đường lấy lời hòa nhã đáp lại, nhưng trong tờ dụ không khỏi thâm trách Biền.

Trong tờ dụ đại khái nói rằng :

« Khanh vốn ở cửa trung thần, ba đời luân nghiệp tiếng ở sử xanh, khanh là một bậc kỳ-tài, như chiếc dùi trong túi, ta sớm biết người tri-kỹ sớm hiểu sức ngựa kỳ ngựa ký trên dặm đường trường. Từ chức Tần-châu kinh lược sứ, người đã được ân sủng biết bao. Nhưng tỏ lòng tri ân người cũng đã lập được nhiều công trạng, hiển hách nhất là việc dẹp rợ An-nam khiến nay nơi xa xôi góc bể còn hưởng thặng bình.

« Lại như việc xây đắp La-Thành, công-thực hùng tráng,

« Triều-đình thấy công người rực-rỡ nào có tiếc gì, ân trạch thấm nhuần, chức đến tam-công, cầm binh nơi đại-trấn, trọng quyền trao đến Đông Diêm, chốn hùng phiến danh là Đô-thống. Trẫm coi khanh như bức trường thành để mà nương tựa, mọi điều tâu trình không điều nào là trẫm chẳng nghe theo, tấm tình khẩn khẩn chẳng hổ với thần minh.

« Từ ngày Hoàng-Sào reo độc, người không hề rời khỏi nơi Tùy Uyển để ngăn kẻ hùng kiêu. Chức đô-thống của khanh trẫm buộc lòng lấy lại cũng chẳng phải là trái điều quốc lệ.

« Vậy mà khanh dâng biểu phản uất sàu-xa, trần tình quá đáng, trong biểu lại nói : « Từ đây Bệ hạ chẳng dùng kẻ vi-thần, không phải vi-thần phụ Bệ-hạ ».

« Khanh binh quyền đến đô-thống giữ nơi trọng trấn hiểm quý đến chức tư-đồ, vinh-quang đến chức thái-úy, thế mà bảo Trẫm không dùng, thế nào mới gọi là dùng đây ?

« Khanh lại nói sao không giao quyền của Vương-Đặc cho khanh để khanh bình định bọn thảo khấu.

« Trẫm vẫn phó cho khanh cầm binh binh. Vậy mà giặc nổi tung hoành khanh có án ngữ đâu ? Giặc Sào càng ngày càng hoành ngược. Năm trước, đầu hạ, khanh sinh đạo thần tiên có nói rằng đã đắc đạo và biết rằng sau khi lúa có đồng đồng thì bình được giặc.

« Rồi nghe giặc vây bức Thiên-Trường tướng giặc sẽ chết về tay khanh nào biết cá đã ở chậu còn bị lọt ra, cáo đã vào lưới còn để sống mất. Rồi khi giặc qua đất Trường, Hoài càng thêm hung-ác. Thân

làm đờ-thống không ngăn nổi giấc. Trẫm còn biết trông cậy vào đâu? thật là thê-thảm.

« Đến khi trẫm phải mộng trần vào Thục, tông-miếu bị giấc làm ô-uế, tấm lòng thiên-hạ ai chẳng rớt lệ đau buồn. Vậy mà khanh vẫn ung-dung bất động. Cứu nạn trừ gian phải một lòng quả-quyết, há cứ chần-chờ, hưởng chi ân hậu thì báo thâm, địa-vị đã trọng đại tâm càng phải cấp-bách.

« Khanh lại nói « ví Bệ-hạ chẳng đuổi kẻ tà nịnh, thân cận kẻ trung-lương, thì kẻ hạ thần đã không giữ được nhà, Bệ-hạ cũng không Yên được nước ».

« Thăng thốt như ngày nay, tình thế tan-tác như gió lạnh, nào biết ai trung-lương ai tà nịnh. Như khanh suốt đời sung vinh phú-quý sao lại bảo là không giữ được nhà. Không có kẻ nào ngăn-cản được giấc nên không yên được nước.

« Hưởng chi ngôi là tướng-tướng, chức đến Đổng-diêm mà lại chi-khi điều-tan như gió lạnh hay sao?

« Khanh lại nói Trẫm không đau khổ về nỗi nơi viên-lăng bị hủy-hoại không nghĩ nỗi tông-miếu bị thiêu-tàn, khanh thật thống tâm. Vậy thì hòn ngọc quý để trong cháp bị vỡ, lỗi ấy tại ai? [*« quý ngọc hủy ư độc trung »* câu này trong sách Luận-ngữ]. Con cá kình cá nghề thoát khỏi lưới vây cũng là có duyên có. Khanh, tay có cương binh không vây bắt được giấc, để chúng lộng hành. Tuy việc ấy tại trời, nhưng cũng bởi tại người nữa vậy.

Trẫm từ khi đến đất Tây-Thục; không bao giờ dờn nhà ra khỏi cửa không dám

vui thú xên ca, chỉ cơm rau áo vải. Thấp hương tưởng vọng viên-lăng nhỏ lệ nghĩ về tông-miếu. Không dám an-thương thủ-phận, không hề bao giờ nghe lời nói gian thần. Ai dám bảo Trẫm chỉ mê lời nói nịnh? điều đó Trẫm không dám nhận.

« Khanh lại nói « Từ nay dùng tướng sủy, từ trên là kẻ sủy thần tới dưới là viên tỳ-tướng cứ để khanh lo liệu điều khiển, điều đó có thể theo được chăng?

« Trong bầy ấp còn có kẻ trung tín (*thập thất chi ấp do hữu trung tín*) hưởng chi thiên-hạ lớn-lao không có kẻ anh-hùng? Đến như cố thủ thành trì, nghiêm cầm binh giáp còn chưa chắc đã vẹn toàn, há dám nói lời khi ngạo? Như khanh đã không bắt nổi Hoang-Sào ở Thiên-Trường, há cầm vững được các tướng. Khanh đừng có đại ngôn, Trẫm không dám nghe lời dạy bảo.

Khanh lại nói: « Vương - Đạc là kẻ tướng bại. Nhưng xưa kia Tào-Mạt ba lần bị bại rút cục trả thù được cho nước Lỗ, Mạnh-Minh hai lần phải chạy mà về sau tuyệt sỉ được cho nước Tần. Biết đâu rồi Vương-Đạc chẳng lập được công to ư?

Khanh lại nói: « Chớ để kẻ bề tôi phải ôm hận t âm đời, để lưu cái sỉ-nhục thiên cổ. Nghĩ cho rằng giấc sinh ở đông-thổ họ Lưu lại hưng khởi thì Trẫm mang cái tai vạ vong quốc.

Quốc-gia phúc tộ còn nhiều, nhân tâm trong bốn bể còn vui công đức nhà Đường. Trẫm không hoang dâm tưu sắc, không ưa hình phạt, không kết oán với sinh-linh, không tham tài nơi quận huyện. Trẫm biết vận Trẫm còn dài.

« Trẫm từ độ đi tuần du qua tây Thục đã hoàn bị được thanh-danh, ai bắc Nhật Nam cũng về triều cống. Hiết Kiệt Thiện Xiện cũng về một mối.

« Ngẫm như năm Thiên-Bảo kiến-trung cũng chưa được bằng ngày nay ngày phục quốc chắc cũng gần tới nơi rồi vậy. Khanh nói rằng nếu Lưu thị phục hưng thì không biết ai làm chủ, cứ lời nói về cái sĩ nhục vong quốc thì khanh ví Trẫm như Lưu bôn Tửu gia, lại sợ cái họa theo vết bánh xe xưa, chẳng hóa ra Trẫm như Tần-Tử-Anh, đây sao? Dù phải là trực ngôn cũng chớ nên vu-khoát.

« Khanh lại nói: kẻ hiền tài thì ở nơi thảo dã, bọn tiểu nhân đầy triều, nếu Bệ-hạ là ông vua vong quốc, thì kẻ tài ba kia sao mà xuất đầu lộ diện được. Vậy xin tru lục bọn mua quan bán tước, trưng dụng kẻ bề tôi trung trực.

« Xem đến thịnh như đời Đường, Ngu, chưa hẳn phải người nào cũng là trung lương hết thấy. Nay trong ngô hẻm hang cùng, há không còn sót kẻ hiền tài như thầy Nhan-tử. Trẫm mỗi khi kén chọn quan lại thường vẫn phỏng cầu hướng chỉ tuyền tướng điều binh để thu phục nghiệp xưa, cầu cơ lý hóa tất phải có trường tài để thi hành cuộc khuông phù đại-kế, kẻ sĩ mua quan bán tước, trong ngoài đều không có được. Khanh chớ nghe lời nói nhảm mà đặt lời du-thuyết.

« Vả Trẫm từ khi xa nơi kinh quyết ký ngụ ở Ba Cùng, kẻ không được chịu ơn nhiều, còn không đem lòng oán vọng. Khanh mất một chức đô-thống mà ta-thán biết báo!

Huống khanh phúc trách còn dài, nên giữ lễ quân thần, để làm khuôn mẫu cho thiên-hạ nên tuân điều giáo ước, chớ có lãng-loàn, Trẫm tuy thương người, há vì đây mà dám ra dề khinh miệt.

Vả chẳng trẫm thấy khanh tuổi đã cao rồi, muốn khanh được bảo tồn cái ân chung thủy, khanh đừng nên mang lòng oán thán, nên tình ngộ chớ nên quá lời sằng bậy thì đến phen tai vạ vào mình. »

Biên muốn lấy binh quyền tới Phiên Trấn để thôn tính Giang-Nam, bây giờ mất hết quyền hành uy vọng bị giảm sút, âm mưu bị trở ngại, nên cứ giằng giai dâng biểu-luận để mong phục chức xưa.

Năm sau vào tháng tư, Vương-Đạc với các đạo binh đánh bại giặc ở Quan-Trung thu phục được kinh thành, Biên nghe tin ấy hối hận vô cùng.

Bấy giờ bộ tướng lại phần nhiều, không còn thi hành kể gì được nữa, mới quay ra đi tu tiên, không còn bàn đến việc binh, những việc quân đều giao cho Lã-Dụng-Chi.

Đầu năm Quang-Khải, vua Hi-tông đi chơi Sơn-Nam. Lý-Ôn tiếm hiệu phong cho Biên chức Trung thư lệnh, đô thống các đạo binh mã, lại làm chức Giang-Hoài, diêm thiết chuyển vận đẳng sứ, Biên đương oán vọng cam chịu nguy-chức, xưng phiên thần triều cống nguy quyền lấy thế là yên ổn ngày ngày cần đạo thân tiên.

Lã-Dụng-Chi lại đề bạt Chư Cát Ân và Trương - Thủ - Nhất nói hai người đều biết thuật trường sinh Biên đều cho làm nha tướng, làm phủ đệ lại dựng riêng một đạo viện. Viện có Nghênh-tiên-lâu,

Diên-hòa các, cao 18 thước lấy ngọc vàng trang điểm, nuôi tới 700 trăm thi-nữ đều mặc áo lối nghề thường vũ-y, hòa tiếng hát lên, văng vẳng lên mãi tận mây xanh.

Ngày ngày Biên cùng bọn Dung-Chi Cát-An và Thủ-Nhất ba người học sách *Pháp Lục* theo về đạo gia, đàm luận thần tiên, khách không mấy khi được gặp mặt.

Trong phủ lại có mấy gian Tùy-Dương để thành lập khi xưa tục gọi là trung thư môn, thật là tráng lệ.

Đầu năm quang khái, vô cớ nơi này bị hủy hoại ? Năm ấy có họa hoàng trùng những con sâu này từ phía tây tới chỉ bò chứ không bay, lội qua sông, treo qua thành, vào phủ đệ. Nơi đạo viện các đồ gỗ đều bị gặm như tện, kinh đạo tượng tiên cò quạt đều bị gặm hết giết mãi không xuể. Được độ một tuần các giống sâu đều ăn lẫn nhau rồi hết.

Cuối tháng chín năm ấy, mưa ra cá mười ngày đêm, lại có ngôi sao lớn rơi xuống trước gác Diên hòa, tiếng như tiếng sấm, hoả quang loè đất. Rồi trải suốt một năm mưa tuyết, tối tăm, mùa màng mất cả, dân tình đói khổ xác chết đầy đường.

Tháng hai năm ấy ở Tích-Tây, Chu-Bảo bị ba quân rượt đuổi, Biên lấy làm mừng, Tháng ba giặc Thái qua Hoài-khẩu, Biên sai Tất-Sur-Đặc ra quân án ngữ.

Sur-Đặc cùng bọn tướng của Cao-Biên là Trương - Thần - Kiếm ; Trịnh - Hán-Trương đem quân ra khỏi hành doanh rồi quay lại phản công Dương-Châu Tháng tư hãm thành. Sur-Đặc bắt Biên nhốt vào Đạo-viện. Đặc triệu quan-sát sứ Tuyên-Châu là Tần-Ngạn đặt làm chức xúy Quảng-lăng.

Bảy giờ bọn giặc Thái là Dương-Hành-Mật từ Thọ-Châu đem ba vạn quân đến đánh thành. Trong thành hết lương thực chết đói đến một nửa.

Biên và gia-thuộc đều bị nhốt ở đạo-viện. Tần-Ngạn cung-cấp rất ít, đến cuối thối nẫu cũng thiếu. Bọn nô-bộc phải lấy cả gỗ lan-can ở Diên-Hòa các nẫu da ở đại lưng để ăn cho đỡ đói. Khi ăn tranh cướp nhau.

Biên gọi người tùng-sự là Lu-Thực đến bảo rằng : Ta ba triều hiền quý, lập công-danh ai ngờ nay phải trần-u, muốn cầu thanh tĩnh không muốn tranh lợi với thế-nhân, một sớm phải lâm cảnh thế này. Đạo thần tiên cũng không trông mong được gì sao ? »

Biên khóc mãi không thôi.

Khi xưa Sur-Đặc mới vào thành, có viên tướng thân cận nói với Biên rằng : « Đãng nghịch nhân số không có bao nhiêu nên càng canh phòng cẩn mật. Xin lệnh-công cho tôi ngầm ra Quảng-Lăng để mưu đồ tuyết sĩ. Bằng nay cứ trụ trụ không quyết, tôi e sớm chiều không còn được làm tá hữu lệnh-công nữa. »

Biên đã khiếp sợ không thể thi-hành được mưu kế.

Đến tháng chín, Sur-Đặc ra thành bị giặc đánh bại, ngờ rằng Biên làm nội-ứng cho giặc, lại có Nê-Phụng-Tiên tự nhận am hiệu đạo thần-tiên bảo Sur-Đặc : « Cái tai biến của Dương-Phủ bây giờ phải có một đại-nhân chết để giải ách. »

Tần-Ngạn nói :

— Đại-nhân thì không phải Cao lệnh-công còn ai nữa. »

Liền sai Sư-Đặc đánh đạo-viện.

Kẻ hầu thưa với Biền :

— Có giặc đánh ngoài cửa. »

Biền đáp :

— Đó là Tần-Ngạn tới. »

Liền mặc áo tề-chính đi ra.

Bấy giờ loạn quân cũng vừa lên thềm, kéo Biền xuống mà kể tội :

— Công trên thì phụ ơn thiên-tử, dưới hãm-hại dân Dương-Châu, Hoài-Nam sở-dĩ lầm-than cũng là tội công.

Biền chưa kịp trả lời, đầu đã rơi xuống đất.

Biền đã chết, bọn đầy tớ trèo tường trốn đến dinh Dương-Hành-Mật. Hành-Mật được tin, hạ lệnh cho toàn quân mặc đồ tang trắng vây thành và lớn tiếng thương khóc.

Khi Biền và con chết ở đạo-viện thật là thảm-thê, chỉ có một cái chăn bọc thi-thể đem chôn. Hành-Mật vào thành, cho cháu Biền là Du làm chức phán-quan, và làm chủ tang sự. Chưa cử hành được lễ tống-táng thì Du đã chết.

Xưa kia khi Sư-Đặc vào thành, Lã-Dụng-Chi và Trương - Thủ - Nhất đến Dương-Hành-Mật nói dối rằng trong thành chỗ mình ở có nhiều vàng.

Khi Hành-Mật vào thành sai đảo lên thấy một cái tượng đồng dài hơn ba thước mình mẩy bị đâm, giữa bụng khắc hai chữ « Cao-Biền. »

Xem vậy Cao-Biền mê đạo thần-tiên làm mê-muội dân-tâm đi đến cái vạ tuyệt diệt cả họ.

(dịch thuật theo Đường-thư)

Xét trong tiểu-sử, Cao-Biền là một người có tài làm đại-tướng lại có óc khoa-học, đánh trận nào nắm quyết phần thắng. Vào một thời-đại phong-kiến nặng thần-quyền mà lại có phương-pháp phá đá thông cãng.

Nhưng một người có óc khoa-học sao lại còn mê-muội về thuật thần-tiên để đến nỗi đi vào tai vạ thảm-khốc ?

Người tài trí đến đâu mà mê-muội phương-thuật cũng đi đến chỗ tự-diệt.

Tần-Thủy-Hoàng-Đế vì mê thuật trường-sinh bắt-tử bắt mấy nghìn đồng-nam đồng-nữ theo Từ-Phúc vào bể cầu tiên được. Bọn phương-sĩ sợ Tần hà khắc nhân ở luôn một cù-lao ngoài bể không về. Tần-Thủy-Hoàng-Đế chờ đợi mãi ở bên bể cả, rồi quay về đến Sa-Khâu thì chết.

Đến như Hán-Vô-Đế mê tiên-thuật muốn cầu nơi non Bồng nước Nhược để được sống lâu, chốn triều-dinh đầy đồng cốt, nên mới bị mê-hoặc bởi bọn gian thần là Giang-Sung và Tô-Văn để đến nỗi gia-dình tan-nát giết cả Hoàng-hậu và thái-tử tên là Cứ, rồi sau tỉnh-ngộ thì đã muộn.

Cho nên thánh chạp năm nhâm ngọ Thái-tông nhà Đường bảo bọn thị-thần rằng : « Việc thần tiên là điều hư vọng không thể tin được. »

Rồi năm nhâm tý vua hạ chiếu dân gian không được tin nhằm nhí (dâm-tự) trừ ra chỉ có bội rùa theo kinh dịch.

Ấy bọn vua chúa ích kỷ muốn cầu thần tiên để kéo dài đời sung-sướng còn nguy

khốn như thế, hưởng hồ bợn khanh tướng
mê tiên thuật còn có chí tranh bá đồ vương.

Người có tài trí đến đâu mà quá ham
miếng đỉnh chung cũng dễ đi vào tuyệt địa.

Nói về tài thao lược thì xưa Biền cũng
quyết bao nhiêu về sau lại nhu nhược bấy
nhiều. Phải chăng đường tà-đạo đã dắt
Biền vào u-muội.

Mới biết lòng ham phú quý trong thời
phong-kiến là thông bệnh của kẻ sĩ, và
đường tụy danh dễ đi vào tử-địa.

Kẻ sĩ thời phong-kiến, khi đã đầy túi
kinh luân, chỉ nghĩ đến vinh phi kẻ nào
cấp sách đi học cũng chỉ mong sau khi
thành tài mang được quả ấn phong hầu. Kẻ
một lòng kinh bang tế thế như Ân-Anh
Quần - Trọng rất ít mà ta thấy đầy rẫy
những Tô-Tần Trương-Nghi. Ông Mạnh-

Tử đã hạ một câu : « thiếp phụ chi đạo »
thật là rất đúng.

Đó là những kẻ tối tăm về văn-tự.

Như Cao-Biên học đạo kinh luân vào
tuổi thành niên đã ước mộng « vinh phi » ở
chỗ dương cung bán ch.m điều.

Về sau quan tước tột bậc còn làm điều
phản nghịch. Mới biết lòng tham không có
đạo nghĩa ngăn cản thì nó tràn lan không
cùng.

Hàn-Tín khi xưa là bậc khai quốc
nguyên huân, mà về sau chết thê thảm tối
tăm ở cung Vị-Uơng há chẳng phải vì
lòng dục vọng mờ ám.

NGUYỄN-QUANG-LỰC

(Trích ở quyển lịch-sử Hà-Nội II)
(Chê-độ đời Đường).

★ Trước hết, phải tuyệt-đối tôn-trọng hình-thức và như vậy không
có nghĩa là bảo mình phải trở nên yếu hèn. Mỗi hành-vi
của người lãnh-đạo gồm hai phương-diện : nội-dung và hình-
thức.

Nếu cần phải luôn luôn lưu-ý ra lệnh cho công-minh, cho
phù-hợp với lợi-ích chung của công việc chứ không phải
cho phù-hợp sở-thích bất thường của mình, thì cũng cần
phải luôn luôn cố gắng ra lệnh cho khéo léo, cho lịch-sự.

Ta vẫn thường thấy nhiều khi lệnh ra rất hợp-lý mà chỉ
vì cách-thức ra lệnh có chỗ cho người ta chỉ-trích được, mà
lệnh trở nên vô-hiệu-quả.

Phải năng tự hỏi mình : ta sẽ nghĩ thế nào, nếu ta bị
chỉ-huy và bị trách mắng như vậy ? phản-ứng nội-tâm của
ta khi ấy sẽ ra sao ? (Poumeyrol)

Thư-Quán XUÂN-THU

185/193 đường Tự Do Saigon — Đ. T. : 20.051

đầy đủ :

- Sách, Báo quốc tế
- Dụng cụ văn-phòng

Đồng hồ Mỹ **TIMEX**

Đúng Chắc Đẹp



Bán ở khắp các tiệm đồng hồ và tại
VIỆT - NAM KHUẾCH TRƯƠNG KÝ - NGHE
ĐỒNG HỒ CÔNG TY
176, Hai Bà Trưng — Sài Gòn

VOYAGEZ PAR QUADRIMOTEUR STRATOLINER

AIR LAOS

RENSEIGNEMENTS - RÉSERVATIONS
65, RUE LE-THANH-TON - SAIGON

TÉL. : { 22.102
SGN. 34

**BANQUE COMMERCIALE ET
INDUSTRIELLE DU VIETNAM**

**VIỆT-NAM CÔNG THƯƠNG
NGÂN-HÀNG**

Số vốn : 50.000.000\$ V. N.

TỔNG CUỘC SAIGON :

Địa chỉ : 40-48 đường Ngô-đức-Kế Saigon

Địa chỉ mới kể từ ngày 1-7-59 :

góc Đại-lộ Hàm-Nghi (93-95)

và đường De Lattre de Tassigny

Điện thoại : 21.558-21.559

Địa chỉ điện tín : Viêtnambank

CHI NHÁNH DANANG (Tourane)

Địa chỉ : 59 đường Độc-Lập

Đảm nhiệm tất cả công việc Ngân hàng

Có Đại diện khắp hoàn cầu.

Việt-ngữ
chính-tả tự-vị
của Lê-Ngọc-Trụ
và vấn-đề
thống nhất chánh-tả

NGUYỄN-HIẾN-LÊ

VẤN-ĐỀ viết thế nào là đúng, vấn-đề chánh-tả, chỉ mới được nêu 1) ở nước ta từ khoảng hai chục năm nay, mà cũng chỉ được một số ít người lâu lâu góp vài ý-kiến, chứ chưa có cuộc thảo-luận nào sâu rộng cả. Vì chưa thảo-luận nên vấn-đề còn nằm đó, chưa giải-quyết được; mà vì chưa giải-quyết, cho nên không thể bắt mọi người viết đúng được.

Ở các trường học vẫn có những giờ chánh-tả, và trong các kỳ thi tiểu học vẫn có bài chánh-tả. Người ta lựa một đoạn của một nhà văn nào đó đọc cho học-sinh viết, nếu viết đúng theo nhà văn đó thì được, không đúng là có lỗi. Nhưng gặp những tiếng mà mỗi nhà văn viết một khác, chẳng hạn những tiếng *xán lạn* (có nhà viết là *sáng lạn* hoặc *sàng lạn*), *tam giác*, *lê giác*, *một giác*, (tức một hào, một cắc) có người viết là *tam dắc*, *tê dắc*, *một dắc*, thì người ta làm cách nào? Người nào siêng lắm — sớ này bao giờ cũng hiếm — thì tra tự-điển; nhưng chính tự-điển cũng có khi không đồng nhất (chẳng hạn

như chữ *lên nước mắm* — cuốn ghi bằng dấu ʔ, cuốn ghi bằng dấu ~) thì người ta làm sao? Tôi không biết. Người ta dạy vì có nhiệm-vụ phải dạy. Và người ta học vì cần phải đi thi; rồi ở trường ra, người ta chẳng cần biết tới chánh tả nữa, ai muốn viết sao thì viết, dòng trên viết *sử-dụng*, rồi dòng dưới viết *xử-dụng* cũng được. Thậm chí mới mấy năm trước đây, có ông giáo-sư Sinh ngữ nọ bảo: «Phân-biệt hỏi, ngã, làm gì cho mắt công. Ông cứ bỏ dấu ʔ hết, hay dấu ~ hết đi, người ta đọc cũng vẫn hiểu ông.», mà cũng chẳng ai cãi.

Nhưng theo chỗ nhận xét của chúng tôi thì hiện nay những người cầm bút, nhất là các nhà giáo, mong có một sự thống nhất chánh tả. Công việc đó cần thiết và cấp bách: chưa thống nhất chánh tả thì công việc soạn tự-điển chỉ là tạm thời.

Đã đành, chữ viết chỉ là những dấu hiệu, những công ước để ghi ngôn ngữ lên trên giấy, và về chánh tả hề nói sao viết vậy là điều giản dị, dễ theo, hoàn toàn nhất. Nhưng ở nước nào cũng vậy, chẳng riêng gì nước

ta, mỗi tiếng nói ở mỗi miền phát âm một khác, nếu cứ theo đúng cách phát âm mà viết thì tình trạng rất lộn xộn. Takhông thể để cho tiếng *sản* chẳng hạn có tới tám lỗi viết như ngày nay: *sản, sãn, xản, xãn, sãng, xãng, sãng, xãng*. Tôi đã lựa một ca đặc biệt, nhưng những tiếng có hai ba lỗi viết, thực không thiếu gì trong các sách Việt hiện thời.

Mà dựa trên qui tắc nào để thông nhất bây giờ ? Theo giọng nói của phần đông ư ? Ngoài Bắc nói *xơ xanh* (không uốn lưỡi), trong Nam nói *sơ sanh* (uốn lưỡi) ; ở Trung, một số nói như Bắc, một số nói như Nam thì biết thế nào là phần đông ? Những phụ âm đầu ch, tr, d, r ; những phụ âm cuối t, c, ng, (i)n, (i)nh ; những dấu ˆ ~ cũng vậy, Bắc phát âm khác Nam, bất miễn nào theo miễn nào ?

Dựa theo các tự-điển đã xuất-bản, như tự-điển của H. T. Cửa, Đào-Duy-Anh, Hội Khai-trí Tiên-đức ư ? Nhưng chính những soạn giả đó nhiều khi cũng chỉ ghi cách viết theo cách phát âm của miền mình ở, không đưa những lý do tại sao viết như thế này mà không viết như thế kia, thì làm sao ta có thể yên tâm theo các vị ấy được ?

Cho nên ngoài qui-tắc tìm nguồn-gốc của mỗi tiếng rồi áp-dụng những luật về ngữ-âm thì không còn qui-tắc nào khác khả-dĩ giải-thích lý-do chánh-tả cho hợp-lý. Về nguồn-gốc thì nhiều tiếng ta có thể biết chắc được: đa số là gốc Hán, một số ít gốc Chăm, Thái, Miên, Pháp..., một

số nữa riêng của mình. Còn những luật về ngữ-âm tiếng Việt thì phải tìm ra, mà công việc này không phải dễ. Ông Lê-Ngọc-Trụ là người Việt đã tốn nhiều công nhất để nghiên-cứu vấn đề đó.

*

Tôi không cần giới-thiệu ông với độc-giả. Ai đã lưu-tâm đến tiếng mẹ đẻ tất đã đọc bộ *Chánh-tả Việt-ngữ* của ông, nếu không thì cũng đã coi những bài về chánh-tả ông đăng trên các báo: *Sông-Hương*, *Mời*, *Việt-Nam giáo-khoa* (1953). Tôi chỉ xin giới thiệu công việc nghiên-cứu của ông thôi.

Hồi còn học trường *Sư-phạm* Sài-Gòn, mỗi khi nghe các bạn khen tiếng Pháp là tinh-vi, có nguồn-gốc, có mẹo luật rõ ràng mà chế tiếng Việt là nghèo-nản, không phân minh, ai muốn viết sao thì viết, chẳng có qui-tắc gì cả, ông bất-bình, nghĩ như vậy là võ-đoán, là khinh tiếng Việt quá, vì ngôn-ngữ nào mà chẳng có tinh thần, sắc-thái riêng, hễ ta chưa tìm kiếm ra được thì đừng vội chê.

Ở trường ra, ông làm thương-mãi, những lúc rảnh tìm mua sách ngữ học Pháp để cứu-xét, như *Cours de Linguistique Générale* của Ferdinand de Saussure, *Traité de Phonétique* của Maurice Grammont, *Le Langage* của J. Vendryès...

Ông nhận thấy rằng mỗi ngôn-ngữ có những luật riêng hợp với tinh-thần của nó ; ngoài ra lại có những luật

chung cho mọi ngôn-ngữ. Chẳng hạn luật *p.t.k.*, tức luật biến chuyển của các phụ âm khởi đầu (loi de mutation consonatique) ngôn-ngữ nào của phương Tây cũng có. Tôi xin giảng sơ-lược luật đó ở dưới đây.

Khi phát những phụ âm *p, b*, ta phải mím môi lại, cho nên những âm đó gọi là *âm môi*; khi phát những phụ âm *t, d*, chót lưỡi của ta chạm vào nướu, vì vậy những âm ấy gọi là *âm nướu*; khi phát những phụ âm *k, g*, chân lưỡi chạm vào màng cửa, cho nên những âm đó gọi là *âm màng cửa*.

Ba âm *p, t, k*, đều thanh cả (tiếng Pháp gọi là *sourdes*); ba âm *b, d, g*, (1) đều trọc cả (tiếng Pháp gọi là *sonores*). Những âm cùng phát ở một chỗ có thể đổi lẫn cho nhau, ví dụ « âm môi thanh » đổi cho « âm môi trọc » (*p* cho *b*) hoặc ngược lại (*b* cho *p*); âm nướu đổi với âm nướu (*t* thành *d*, hoặc ngược lại *d* thành *t*) âm màng cửa đổi lẫn với nhau (*k* thành *g* hoặc ngược lại *g* thành *k*). Lời biến đổi ấy gọi là luật *p.t.k.* vì ba phụ âm này đại biểu cho ba chỗ phát âm.

Do luật đó mà một người Đức có hầu khẩu hở (*glotte ouverte*) đọc *ba, da, ga*, thì người Pháp nghe ra *pa, ta, ka*. Cũng do luật đó mà người Anh đọc *ba* thì người Trung-Hoa nghe ra *pa*; cho nên người Trung-Hoa ít học thường phát âm tiếng *business* của Anh ra *pidzin* và người ta đã dùng tiếng

Pidzin English để chỉ giọng Anh của giới thương-mại Trung-Hoa ở Thượng-Hải.

Áp-dụng vào tiếng Việt, ông Lê-Ngọc-Trụ cũng thấy luật *p. t. k.* là đúng: các người Huế - Kiều phát âm những tiếng *đại, đả* ta nghe ra *lái, lả*; hoặc *poئن, pئنگ* khi ta nói *bồn bình*. Nhận thấy vậy, ông đặt ra giả thuyết rằng tiếng Việt cũng như những ngôn ngữ khác, có luật đối xứng tương đồng của các âm thể, nghĩa là các âm thể cùng tánh cách phát âm hoặc cùng chỗ phát âm thì cùng đi chung nhau hoặc đổi lẫn nhau.

Ông tìm tòi thêm, thấy rằng những âm tiếng Việt có thể biến chuyển theo nhiều cách:

- *đổi phụ âm đầu*
như: các biến thành *gác*; *cán* thành *gân*, *phán* thành *bán*; *phát* thành *bạt* (giơ tay đập); *đao* thành *đao, tu*; *tiết* thành *đốt*.
- *đổi vần cuối*
như: *bích* > (1) *biếc*; *cấp* > *kịp*; *hạn* > *hẹn*; *mặc* > *mực*; *lâm* > *tim*; *chính* > *chiêng*; *hấp* > *hút*; *niên* > *năm*.
- *đổi thanh*
như: *di* > *đi*; *dái dai*; *hàng* > *hãng*; *lợi* > *lời*; *trẻ* > *trể*; *hám* > *ham*; *ký* > *ghi*.
- *đổi phụ âm đầu với thanh*
như: *bản* > *vản*; *cận* > *gần*; *đái* > *dài*; *lam* > *chàm*.
- *đổi vần cuối với thanh*
như: *bính* > *bánh*; *di* > *dời*; *dái* > *đời*; *hạn* > *hòn*.

(1) *d* đọc theo người Pháp, tức như *d* Việt-Nam.

(1) *Dấu* > nghĩa là: biến thành.

— *đôi âm vận (mà không đôi thanh)*
 như : *chúc > duốc ; trâm > chìm ;*
trình > chừng ; thực > chuộc.

— *đôi cả âm, vận lẫn thanh*
 như : *bồ > vá ; chỉ > giấy ; chùng >*
giống ; dư > thừa ; được > thuốc ;
phế > bỏ ; sự > thờ

Ngoài ra còn những sự biến đổi
 bằng cách

— *thêm âm*
 như : *chi > chia ; li > lia ; tu >*
tua ; dư > thừa ; cá > cái ; ma >
mài ; nga > ngài ; ghện > nghiệm

— *bớt âm*
 như : *thôi (thúc) > hời ; thêm >*
thêm ; biên > bên ; biện > bện ;
không > khôn ; chăng > chã

— *đổi vị trí của một chữ*
 như : *ngĩa > ngài ; phái > phía ;*
hài > hia ; vát > via

Ông tìm tòi như vậy trong mấy
 năm, sau được ông Phan-Văn-Hùm
 và ông Đoàn - Quan - Tàn khuyến
 khích, chỉ thêm những sách về ngữ
 học của ông Léopold Cadière và ông
 Henri Maspéro, hai nhà chuyên khảo
 về tiếng Việt ; và tới khi đọc xong
 hai cuốn *Etudes sur la phonétique*
historique de la langue annamite.
Les initiales và *Le dialecte de*
Tch'ang Ngan của Henri Maspéro
 thì ông thấy những luật ông đã
 tìm ra, được chứng minh gần
 hết. Từ đó ông chuyên nghiên-cứu
 về ngữ nguyên và chánh-tả tiếng Việt.

Năm 1939, đọc bài *Luật hỏi ngã*
 của Nguyễn-Đình đăng trong Tao-
 Đàn số 8 ngày 15-6-1939, ông thấy

luật đó chỉ mới được áp-dụng vào
 phần tiếng nôm «lập láy», chưa thỏa-
 mãn, nên nghiên-cứu thêm, bàn cãi
 với ông Trúc-Khê về phép phiên
 thiết của Tự-điển Trung - Hoa rồi
 viết một bài về *Luật từ thanh và*
luật hỏi ngã đăng trong tập *Kỷ yếu*
hội Khuyến học 1943 để chứng minh
 sự biến đổi về thanh trong Việt-ngữ.
 Kế đó, ông tiếp tục soạn bộ *Chánh*
tả Việt-ngữ để chứng minh sự biến
 đổi về âm khởi đầu và về vận. Bộ
 này xuất-bản năm 1951 và sắp tái bản.



Công việc tìm kiếm rồi chứng minh
 những luật về biên âm, vận, thanh
 tới đó là xong. Nhưng như vậy mới
 chỉ là xong phần lý-thuyết. Năm 1952
 ông qua phần thực hành, nghĩa là
 áp-dụng những luật đó để định chánh-
 tả của mỗi tiếng. Ông tham khảo tất cả
 những tự-điển của P. Cúa, Génibrel,
 Đào-Duy-Anh, Hội Khai - Tri Tiên-
 Đức, tìm nguồn - gốc mỗi tiếng
 rồi kiểm-soát xem chánh-tả chỉ trong
 những tự-điển đó có hợp với những
 luật biên âm vận và thanh không. Ông
 lại khảo sát tất cả từ-ngữ, bất kể là
 tiếng tiêu đề (1) đứng trước hay đứng
 sau trong từ-ngữ, vì khi đặt tiếng mới,
 do những luật về thanh âm, ta chẳng
 những biến đổi từng tiếng một mà
 còn biến đổi cả tiếng tự nghĩa (2) nữa.

(1) *Tiêu đề* là tiếng nêu ra làm đề trong tự-vi
 như : *át quốc, át hữu, bác át, kiem át...*

(2) *Tự nghĩa*, theo ông Đào-Trọng-Đù là một
 tiếng đôi chữ nôm, dùng sang tiếng ta, hoặc viết
 hóa ra tiếng nôm, ý nghĩa thường tự cả vào một
 nửa, còn nửa kia có thể hiểu ngầm, như ông *lang*
 (*lang y*) của *giã* (*giã lam*)...

Chẳng hạn cùng là tiếng *chinh*, mà trong *chính nguyệt* đổi ra thành *giêng* (tháng giêng); trong *từ chính* đổi ra thành *chiêng* (tứ chiêng); trong *đoan chính* đổi ra thành *đưng* (đưng-đần); cùng là tiếng *ky*, mà trong *húy ky*, đổi ra thành *cữ* (kiêng cũ), trong *ky nhật* lại đổi ra thành *giỗ* (ngày giỗ).

Tóm lại ông nghiên-cứu chánh tả của tất cả các từ và ngữ.

Gặp những tiếng nào mà các nhà soạn tự-điển từ trước không đồng ý-khien về lối viết, thì ông chọn lối nào hợp lý, nghĩa là hợp với ngữ nguyên và luật thanh âm.

Chẳng hạn tiếng *giãm*, tự-điển Génibrel không có, tự-điển H.T. Của viết *giãm*, Việt-Nam tự-điển viết *đãm*. Ông đề-nghị viết *giãm*, vì tiếng đó do tiếng *liễn* mà ra: vẫn *ie* biến thành *ã*, phụ âm *l* biến thành *gi*.

Gặp những tiếng nào mà các nhà soạn tự-điển đồng ý cả về cách viết, ông cũng kiểm soát lại.

Chẳng hạn tiếng *cửa* (nhà cửa), và *bởi* (bởi vì) tự-điển nào cũng ghi dấu hỏi. Nhưng theo từ nguyên thì đều phải viết với dấu ngã mới hợp lý vì: tiếng trên do chữ *hộ*: âm *h* đổi ra *k*, rồi thêm vẫn *a* ở cuối, như *sở* đổi ra *thừa*, sau cùng *dấu nặng* đổi ra *dấu ngã* (theo luật biến thanh); còn tiếng dưới do tiếng *vị* là *vì*: vẫn *i* biến ra *ơ* (như *thì* biến ra *thời*) âm *v* biến ra âm *b* (vì cùng là âm môi cả), mà *dấu nặng* thì phải chuyển ra *dấu ngã*.

Tuy theo lý thì như vậy, nhưng ngôn ngữ vẫn có những điều không hợp lý mà vẫn tồn tại; và một khi khắp nước đều viết *cửa*, *bởi*, thì ông vẫn phải giữ lối viết thông dụng đó.

Có tiếng các tự-điển khác để chánh-tả đúng, nhưng nguồn-gốc thì có phần không hợp-lý, ông sửa lại. Chẳng hạn tiếng *xúi*. Việt-Nam tự-điển ghi:

Xúi. *Xấu.* Do chữ *xu* nói trạnh ra: *Vận xúi*, *con đen*. Ông cho tiếng *xúi quẩy* gốc Quảng-Đông, do tiếng *suy quý* hơn là tiếng *xú quý*, vì nếu là *xú* thì giọng Quảng-Đông đọc ra *xâu* chứ không đọc ra *xúi*. (Ta nhận thấy rằng về thanh, hệ tiếng Hán-Việt có dấu *sắc* thì người Quảng-Đông đọc ra giọng *ngang*, tiếng dấu *ngang* thì họ đọc ra giọng *sắc*: như *đầu gia* thành *thầu cá*, *đại giảm giá* thành *lại kảm ka*). Và lại ông thấy tự vị *Mô-phạm Việt-Hoa tự-điển* của Lý-Văn-Hùng cũng định nghĩa *hèn xúi* là *hưng suy*. (1)

Những tiếng chưa được ghi trong một tự-điển nào cả, mà ông tìm

(1) Tuy nhiên, ông cũng nhận rằng một tiếng có thể do nhiều gốc chuyển ra, một phần vì chịu ảnh-hưởng về âm và nghĩa của những tiếng ấy.

Như tiếng *chợt* có thể chuyển ở tiếng *thốt* (nhiên) là con chó thỉnh linh trong bụi chạy ra trước người ta, nghĩa rộng là thỉnh linh, chợt; mà cũng có thể do chữ *đột* (nhiên) (Khang Hi tự-điển phiên thiết là *đà + cật = đột*; *tha + cật = thốt*; và *đà + kiệt = điệt*), nghĩa là con chó trong hang thỉnh linh chạy ra; lại cũng có thể do tiếng *hốt* mà, *hốt* cũng chuyển ra *oạt* và *oạt chốc* do thức *hốt* nghĩa là thỉnh linh mau lẹ trong "chốc" lát.

được từ nguyên, thì ông định ngay chánh-tả.

Chẳng hạn: *các* (bạc) do chữ (hào) *giác*, mà *giác* viết với *c* cuối thì *các* (bạc) phải viết với *c* cuối; (*mất*) *kiếng* do chữ *kính* là *ương*, tiếng *kính* viết có *h* cuối thì tiếng *kiếng* viết có *g* cuối; *gấp rúc* do *cấp-lốc* và *rước* do chữ *trục* nên ông viết *c* cuối: (*gấp rúc* và *rước*.) Trái lại cũng có những tiếng ghi trong các tự-điển mà ông chưa tìm được ngữ nguyên, thì ông đành tạm để nghị lỗi viết nào thông-dụng nhất.

Chẳng hạn :

Chòm lúa (tức một nhóm lúa), *dãi* *dầu*, nước sôi. Những tiếng nào ông đoán được gốc nhưng chưa chắc, thì không ghi gốc và cũng theo lối viết thông-dụng.

Chẳng hạn chữ *giống*, chỉ một chỗ đất nổi cao lên, ông đoán là do chữ *ương* là sông núi mà ra, nhưng không ghi nguồn-gốc vì chưa dám tin hẳn là đúng.

✱

Đó sơ lược phương pháp của ông như vậy. Ông làm việc trong ba năm, đến 1954 thì xong, bản thảo viết tay hơn ngàn trang. Nhưng khi tính việc xuất-bản thì thật là một vấn-đề nan giải. Vài ba cơ-quan văn-hóa ở Sài-Gòn không giúp được soạn-giả chút gì hoặc vì không đủ phương tiện hoặc vì không nhận thấy giá trị của bộ sách, mà tôi cho là công tình nghiên cứu công phu nhất về Việt-ngữ trong hai

chục năm nay. Ba bốn nhà xuất-bản lớn ở Sài-Gòn đều từ chối, vì tác-phẩm là một « tự vị chánh tả », chú trọng về chánh tả hơn là định nghĩa, sở phí ăn loát tất nhiều, giá bán tất cao, mà người cần mua thì ít. Ông phải lược bỏ đi hai phần ba, mới có một nhà xuất-bản chịu nhận. Công việc sắp chữ chậm trễ rất nhiều vì nhiều chữ Hán mua không được phải mượn khắc trên gỗ. Sau cùng ông phải tìm một giải pháp là viết những chữ Hán thiếu sót chung vào một bản gồm nhiều trang, cho làm bản kềm, từ đó công việc mới tiến hành được kha khá. Nhưng cũng mất trên hai năm mới xong, mà vẫn không tránh được hết những lỗi chánh tả ngay trong một tự vị chánh tả : một số chữ *tr*, khi sửa trên ăn cỏ là *tr*, mà máy chạy xong thì thành *rr*.

✱

Vì đã rút đi mất hai phần ba, sách tất thiếu nhiều tiếng, nhưng so với những cuốn đã ra trong loại đó thì cũng là đầy đủ lắm, dư dưng cho giới học-sinh và gần đủ dưng cho phần đông chúng ta.

Đầu sách là một chương gồm 28 trang, trong đó ông tóm tắt hệ thống tiếng Việt và những luật chánh tả ông đã trình bày trong bộ *Chánh tả Việt-ngữ*.

Rời tới phần tự vị gồm 500 trang, khoảng 6.500 tiếng. Vì chỉ đứng về phương diện chánh tả nên soạn giả không ghi những tiếng mà chánh tả không

thể lắm được, như *bà, bi, ca, cảm khi, họ, má, nếu...* Ông không hoàn toàn theo thứ tự a b c, mà sắp chung những phụ âm đầu có thể lắm với nhau được, như *ch* sắp chung với *tr*; *d* sắp chung với *gi, v*; *s* sắp chung với *x*. Văn cũng vậy, cho nên có phần dành riêng cho những vần, *hoa, nga, oa, qua uê*; và trong mỗi phần, những tiếng phát âm có thể lẫn lộn, tùy miễn, cũng đặt gần nhau, chẳng hạn trang 286, 287 và 288, ta thấy liên tiếp: *lun, lung, lùn, lũng, lún lùn, lũng, lũng, lùn, lũng, lùn, lũng, luốc, luốt, lược, luột, luôm.*

Như vậy tiện cho người Nam hơn là cho người Bắc; muốn tiện cho người Bắc thì phải sắp *r* chung với *d* và *gi* mà cho *v* đứng riêng; muốn dung hòa cả hai thì có thể để cả bốn phụ âm *d, gi, r, v* đứng chung với nhau. Người Bắc mới dùng thì

tra hơi mắt công, chẳng hạn muốn kiểm tiếng *chát* họ phải nhớ rằng tiếng đó người Nam có thể đọc lắm với tiếng *chắc*, vậy phải kiểm nó ở gần tiếng *chác* chứ đừng kiểm nó ở sau tiếng *chao*. Sự bất tiện đó không quan hệ mấy đối với người lớn — chúng ta dùng ít lần sẽ quen — nhưng cũng có thể làm cho học sinh độ tứ trở xuống ngái ngái mỗi khi muốn tra.

Cũng như mọi bộ tự điển khác, bộ của Lê - quân có in bằng chữ hoa ở lề trên cao mỗi trang, bên trái và bên phải, hai tiếng ở đầu và cuối trang đó. Như tôi đã nói, sự sắp đặt không hoàn toàn theo thứ tự a b c, nên những tiếng được nêu lên đó có khi đánh lạc người dùng sách. Chẳng hạn khi tra tiếng *xối*, lật tới trang 420, thấy 2 tiếng ở đầu trang là *soan, xông*, tôi tưởng *xối* nằm ở giữa 2 tiếng đó, nhưng kiểm cả trang không ra, phải

Họa phúc khó lường

Bên Trung-Quốc, có truyện « Tái-ông thất mã », ông lão ở nơi biên tái đánh mất con ngựa, chứng tỏ họa phúc của người ta ở đời không biết thế nào mà lường trước được. Tại Nga cũng có một truyện chứng tỏ chân-lý ấy quả là chân-lý thật ở mọi nơi, mọi đời. Mazeppa là thủ-lãnh những tộc-đoàn Cosaques xưa, vốn đã nhờ một việc không may xảy ra mà đạt tới đài danh-vọng. Nguyên thuở còn long đong, ông bị người ta cột chặt vào một con ngựa rừng cho ngựa lồi đi tuốt, không ngờ ngựa chạy tới Ukraine, thì ông lại được những tộc-đoàn ở đấy tôn lên làm minh chủ. Trước ông thờ vua Pierre le Grand, sau quay ra liên minh với vua Charles XII mà phản lại vua này. Sau ông phải trốn sang Thổ-Nhĩ-Kỳ, gần Poltava, và chết tại Bender.

lật trang sau, trang sau nữa, mãi đến trang 24 mới thấy tiếng rồi...

Tra tiếng *giáp*, tôi lật từ trang 108 coi các chữ in lớn ở đầu trang bên mặt : *dạm, vang, dãn, vãn, đánh, giảo, giắt, giảm, giăng*, không biết *giáp* nằm ở đâu, phải coi lại từng trang mới gặp nó ở trang 114.

Nhưng xét cho kỹ, không có cách sắp đặt nào giản tiện hơn vì nếu sắp như các tự-điển thông thường, có khi một tiếng phải tra 5, 6 lần mới ra : như tiếng *rằm* (ngày rằm) phải tìm *dằm, dằm, giảm, giằm*, rồi mới tới *rằm*. Đó là một sự bất tiện do tính cách của Việt-ngữ, chứ không do phương-pháp của soạn-giả. Nói vậy tôi không bảo rằng cách sắp đặt của Lê-quân đã hoàn-toàn. Trong chi tiết, vẫn có chỗ cải thiện được, như trang 141, tôi thấy :

Vong, vông, dòng, đồng, giông, giông, vông.

Giá sắp : *vong, vông, dòng, giông, vông, đồng, giông* thì hơn.

Lại như tiếng *lục* cũng đọc là *lược* ở trang 285, do *lục* là màu xanh. Sau khi chỉ nguồn gốc và giải nghĩa sơ sài, soạn giả kê những thí dụ : *màu lục ; rầu lục ; cỏ lục bình ; hàng lục soạn ; tiệc lục tham hồng ; lục cu = lòng nuôi chim có che lá hoặc vải xanh*. Rồi ở trang 288, ông ghi một lần nữa tiếng *lược*, do tiếng *lục* nói trại, là màu xanh, thí dụ : *nội lược = đồng cỏ xanh*.

Tôi tưởng thí dụ *nội lược* đó có thể đưa lên trang 285, và ở trang 288, chỉ cần ghi : « *lược do lục là màu xanh nói trại. Coi chữ lục* ».

(Còn tiếp 1 kỳ)

NGUYỄN-HIẾN-LÊ

- ★ Kinh-nghiệm chúng tôi : người dưới càng hiểu rõ mục-đích và hiệu-lực ý-tưởng của người trên bao nhiêu thì họ càng thật hiện ý tưởng ấy đúng đắn bấy nhiêu. Họ càng hăng-hái làm việc, nếu ý-tưởng ấy trở thành ý-tưởng của họ và nếu người trên biết cách làm cho họ quyết-tâm, thích thú thật hiện ý-tưởng ấy cho bằng được.
- ★ Hôm trước ngày được giải-phóng, viên sĩ-quan chỉ-huy nọ bảo các binh lính dưới quyền : « Từ trước đến nay, chúng ta đã từng tỏ ra là những phần-tử tốt trong quân-đội. Chúng ta muốn tiếp-tục là những phần-tử tốt cho tới phút cuối cùng. Mặc dù ngày mai chúng ta sẽ lên đường thật sớm, chúng ta cũng cương-quyết giữ phòng trại của chúng ta cho thật sạch sẽ. » Trong suốt đời binh-sĩ, tôi chưa hề thấy một trại quân trú phòng nào được gìn giữ thơm tắp, phong quang cho bằng trại quân ấy trong ngày giải-phóng. (Poumeyrol)

THE CHARTERED BANK

Anh-Quốc Ấn-Chiều Ngân-Hàng

(Thành-lập tại Anh-Quốc do ấn-chiều năm 1853)

SỐ VỐN : 5.000.000 Anh-kim

DỰ TRỮ : 5.500.000 Anh-kim



Luân - Đôn - Tổng - Cục

38, Bishopsgate, London E.C.2



Saigon Chi - cục

CHI - CỤC CHÍNH : 3 Đường Võ-Di-Nguy

CHI - CỤC PHỤ : Đại-lộ Thống - Nhứt

(Nhà dầu Standard Vacuum Oil Co.)



Nam - Vang Chi - Cục

10, Phlaur Preah Kossamac



*Chi - nhánh thành - lập tại các
nước Viễn - Đông*



Phụ-trách tất cả các công việc ngân-hàng

Có Đại-diện khắp hoàn-cầu

QUADROCHINE

(Pyrazolone + Phenacétine + Quinine + Vitamine C)

Le Remède par excellence contre la GRIPPE,

et les affections fébriles par refroidissements.



ERAVERM

(Hydrate de Piperazine)

Contre les oxyures et les ascaris (vers intestinaux)

Efficacité certaine — Bien toléré —

Goût agréable.

LABORATOIRES ASTA — WERKE A.G.

Chemische Fabrik

BRACWEDE — (West) ALLEMAGNE



Distributeur Exclusif pour le Viêt-Nam :

Pharmacie MY-CHAU

120 - 121, Bèn Chương Dương

SAIGON

NHÂN ĐỌC BÀI « TRỐNG CƠM » CỦA ÔNG NGUYỄN-TIẾN-CHIÊU

Trần-Văn-Khê

(Tiếp theo B.K. số 78)

II. - Vấn-đề nhạc-học

BÀI « Quan-họ Trống Cơm » là một bài hát hay, cũng như nhiều bài quan-họ khác (*Ngồi tựa mạn thuyền, Qua cầu gió bay, Trèo lên quán dốc, Hoa thơm bướm lượn*). Bài *Trống Cơm* có phần xuất-sắc hơn các bài kia. Nhưng nếu theo ông Nguyễn-Tiến-Chiêu, mà cho rằng bài *Trống Cơm* là một « điệu nhạc kỳ diệu » có những « âm hưởng tế nhị tình tứ » có cái « dí dỏm, nhẹ nhàng đủ gọi lên cả chiều sâu kín của những tâm-hồn đầy lạc-quan yêu đời », có « những tiết tấu linh-động », những « nét nhạc tuyệt vời luôn biến đổi trong từng câu nhạc » để kết-luận rằng bài hát quan-họ *Trống Cơm* « đầy đủ cả trên chiều rộng và chiều sâu, gọi lên một chủ điệu dân-tộc thuần-túy, tế-nhị và sâu-sắc bao gồm tình thương yêu và lòng nhân-dạo đã sẵn có từ muôn đời trong mỗi người dân Việt chúng ta » thì chúng tôi thấy rằng câu khen ấy có phần nào quá đáng ; và nếu người ngoại-

quốc nhìn vào bài hát ấy mà xét đoán qua cả nền cổ nhạc Việt thì họ sẽ nghĩ thế nào ? Một bài hát tuyệt vời của dân-tộc Việt mà chỉ như bài *Trống Cơm*, thì tất cả tinh - vi của nhạc thuật Việt chỉ có ngần ấy sao ? Ông Nguyễn - Tiến - Chiêu vẫn có quyền thích bài *Trống Cơm* nhất — mà thật ra thì bài *quan-họ Trống Cơm*, theo sự nghe thấy của tôi đến ngày nay, cũng là một trong những bài quan-họ hay nhất. Nhưng quan-họ chỉ là một lối hát hội, so với các điệu cò lả, trống quân thì nó phong phú hơn, nhưng ngoài ra nhạc Việt còn có bao nhiêu giọng hò, bao nhiêu điệu của bát chèo, hát ả - đào, cũng tế - nhị, cũng tinh - vi như lối quan - họ. Câu khen của ông Nguyễn-Tiến-Chiêu có vẻ tuyệt đối nên chúng tôi không ý đồng với ông về điểm ấy. Ngoài ra đứng về phương diện nhạc-học (musicologie) tôi có vài điểm cần thảo-luận lại với ông Nguyễn-Tiến-Chiêu.

1.) Về cách ghi nhạc, chép nhạc

a) Trong Việt-nhạc không có cao - độ tuyệt-đối (*hauteur absolue*) nên những tiếng nhạc không phải theo một giọng nào nhất định như trong âm-nhạc Âu-Châu từ cuối thế-kỷ thứ XIX. Nhưng nếu dùng phương-pháp ký-âm của Âu - Châu mà ghi nhạc lại, người nhạc-sĩ hoặc người nghiên-cứu nhạc nên để ý rằng độc-giả, khi thấy các dấu nhạc đô, rê, đều nghe các giọng nhạc với một cao-độ tuyệt-đối — Thành thử, trong bài trống cơm mà ông Nguyễn-Tiến-Chiêu ghi âm lại (trang 49, Bách-Khoa số 67.) có mấy nốt *la* và *xôn* cao (khuông nhạc thứ tư và thứ năm) rất khó hát. Theo ý chúng tôi, thì thay vì: *xôn xôn đô đô đô xôn... vân vân*, nhạc khúc của bài *Trống Cơm* có thể bắt đầu: *rê rê xôn xôn xôn rê v.v...* để đến chữ *xôn* và *la* cao, chúng ta có thể ghi bằng nốt *ré* và *mi*, dễ hát hơn. Nếu ông Nguyễn-Tiến-Chiêu nghĩ rằng ghi theo ông để cho người mới học nhạc dễ hát thì ông nên chua rằng những « nốt » nhạc không cần có một cao-độ tuyệt-đối. Có lẽ, ông Nguyễn-Tiến-Chiêu nghĩ rằng ghi âm bằng *gam đô* thì không cần phải để dấu thăng (*dièse*) dấu giâm (*bémol*) chi cả. Nhưng dấu cho ghi nhạc khúc của bài *Trống Cơm* theo chúng tôi nói trên với các nốt: *rê rê xôn xôn rê, v.v...* cũng không cần phải để dấu thăng(*dièse*) cho nốt *fa*. Trong cách chép nhạc dân - tộc, người nghiên-cứu nhạc hoặc ghi lại nhạc khúc chầu theo cao-độ tuyệt - đối, hoặc ghi theo một cao độ tương-đối (*hauteur relative*) do mình chọn để cho bản ghi - âm được giản-dị. Phương pháp sau này được đa số nhà khảo nhạc áp-dụng ngày nay. Thành thử cách

ghi-âm của ông Nguyễn - Tiến - Chiêu rất đúng nhưng tôi muốn nhân dịp viết bài này bàn qua về cách ghi-âm thế nào cho đa số hát được mà không bị ép giọng.

b) Trong bài ông Nguyễn - Tiến - Chiêu ghi-âm, nhịp đầu của phách thứ năm (hay là trường canh thứ năm, *5c mesure*) ngay vào nốt *đô* đem lời đối chiếu với bản nhạc thì ngay nốt *đô* có chữ *vô* Có lẽ người khắc bản nhạc quên một dấu *luyến la*. Nếu không có dấu *luyến* nhỏ *la* lên *đô* thì hát ra *khéo* và *vô* đồng giọng. Như thế chữ *vô* không nghe ra với dấu *ngã* mà nghe với dấu *sắc*. Đó tuy là chi-tiết nhưng nếu ghi-âm một bài dân ca, càng để ý đến các dấu *luyến*, dấu *láy* thì màu sắc dân-tộc được rõ rệt hơn nhiều.

c) Nếu chúng tôi đem bài ông Nguyễn-Tiến-Chiêu ghi âm đối chiếu với bài *Trống Cơm* đăng trong *Dân Ca* tập I do nhà xuất-bản Văn-Nghệ phát hành tại Hà-Nội ngày 10-12-1954. (trang 2), chúng tôi thấy rằng ông Nguyễn-Tiến-Chiêu thêm một phách bỏ không ở đầu bài và ngay chữ *bông* cuối cùng của đoạn đầu (giòng II) ông kéo dài thêm một phách cũng như phách số 27 (giòng V). Như thế thì câu nhạc ông Nguyễn-Tiến-Chiêu đúng theo luật cân phương, một câu nhạc có 4 phách hay là 8, 12, 16 phách. Nhưng sự thật có phải như thế chăng? Chúng tôi chưa có cơ hội tự thu thanh hay nghe bản *Trống Cơm* do một người Bắc-Ninh hát, nên chẳng biết bản-ghi nào sát với bản thật của dân-tộc.

Bài *Trống Cơm* ghi lại trong *DÂN CA*, tập I nói trên thì như sau đây:



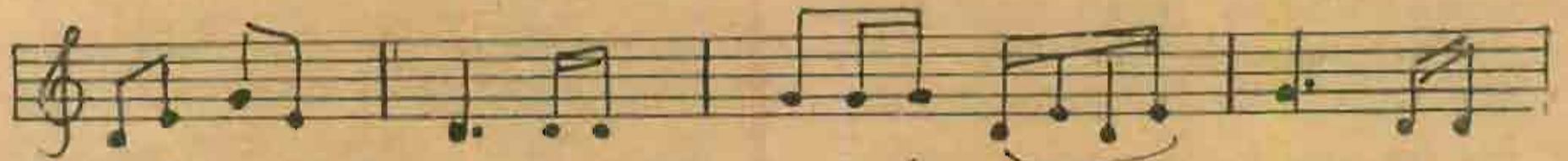
Tình băng có cái trông còn khen ai khéo vẽ ở mây bông nên



bông ở mây bông nên bông Một bầy tang tình con nít Một



bầy tang tình con nít ở mây lồi lồi lồi ở mây đi



tình em nhớ thương ai Đòi con mắt ở mây lùn dìm đòi con




mắt ở mây lùn dìm Một bầy tang tình con nhèi ở ở



ở ở mây giăng tơ, giăng tơ ở mây đi tình em nhớ thương ai duyên



nó khách tang bông duyên nó khách tang bông

Mấy chỗ có dấu  là những đoạn ghi âm hơi khác với bản ghi âm của ông Nguyễn-Tiến-Châu.

Về điểm hai nhạc-sĩ ghi âm một bài hát bằng hai cách khác nhau là thường. Trong phương-pháp nghiên-cứu nhạc muốn chắc, thường phải nhờ một người hát đi hát lại hai ba lượt để thu thanh hoặc để ghi âm. Rồi đến nhờ nhiều người khác hát bài ấy. Sau khi so sánh, đối chiếu nhiều bản ghi âm, mới có thể đoán được bản nào gần sự thật nhất. Chúng tôi chỉ muốn hiểu cho các độc-giả một bản ghi âm khác và ngày nào có nhiều bản như thế do nhiều người khác nhau hát và ghi, chúng ta mới có thể nói bản nào đúng. Và lại trong việc ghi âm ngày nay nhờ có máy thu thanh (magnétophone) nên người nghiên-cứu có thể làm việc dễ dàng hơn. Nếu vừa nghe hát vừa ghi lại thường dễ bị sai lầm vì người hát không thể hát nhiều lần như nhau — nhất là những người trong dân chúng không có học hát học nhạc — và người nhạc-sĩ không thể trong giấy lát chép đúng câu hát.

Về cách ghi âm, ghi nhạc, tôi chỉ muốn thảo-luận với ông Nguyễn-Tiến-Chiêu về ba điểm ấy : ghi cho một người thường có thể hát, cẩn thận về các dấu huyền, cần phải đối chiếu nhiều bản ghi. Nhưng trong việc phân tách một bài hát thì chúng tôi có mấy chỗ không đồng ý với ông Nguyễn-Tiến-Chiêu.

2.) Phân tách một bài dân ca

Theo ông Nguyễn - Tiến - Chiêu thì âm giai của bài hát là *đô, rê, mi, fa, xôn, la, đô*, nghĩa là âm - giai *đô* của người Âu mà chỉ thiếu nốt *si*.

Nếu xem kỹ lại bản ghi âm của ông Nguyễn - Tiến - Chiêu thì nốt *fa* chỉ có mặt hai lần ở phách 5 và phách 6 (mesures 56) mà một *fa* chỉ là một nốt

luyện chớ chẳng phải là một nốt có mặt thường trụ. Như thế thì âm-giai của bài *Trống Cơm* không phải gồm có các nốt *đô, rê, mi, fa, xôn, la, đô*, mà chỉ có các nốt *đô, rê, mi, xôn, la*. So sánh với cung bậc của âm-giai Việt và theo địa-vị tương-đối của những nốt ấy thì chúng ta có thể nói rằng âm-giai của bài *Trống Cơm* là *xang, xê, công, liu, ú*,

vì : *đô* — *rê* — *mi* — *xôn* — *la* — *đô*
| cung | cung | cung rưỡi | cung | cung rưỡi
xang — *xê* — *công* — *liu* — *ú* — *xang*
| cung | cung | cung rưỡi | cung | cung rưỡi

Nốt *fa* chỉ là một dấu luyện để thêm duyên dáng cho nốt *xôn* (ornements).

Trong khi phân tách một bài hát, việc nêu âm giai của bài hát rất quan-hệ vì nếu thấy rằng âm *fa* chỉ là một dấu luyện thì hệ-thống của ngũ âm-giai (pentatonique) hiện ra rõ rệt.

Trong phạm-vi bài này chúng tôi không thể nói hết những điều cần nói về hệ-thống của nhị, tam, tứ, ngũ âm - giai (ditonique, tritonique, tétratonique và pentatonique) những âm nào chánh, âm nào phụ và sự có mặt của những âm phụ hay sự thay đổi cao-độ của mấy âm ấy, hoặc sự có mặt của những âm ngoài hệ-thống (hors-système) có thể giảng giải ra sao. Chúng tôi chỉ muốn vạch rõ hệ-thống ngũ âm-giai của bài *Trống Cơm* và mong các nhà nghiên-cứu nhạc nên cẩn thận trong lúc tìm âm-giai, tiết điệu của một bài hát.

Cạnh bên âm - giai, ông Nguyễn-Tiến-Chiêu có đề hợp âm của bài hát. Tại sao lại có *hợp âm* ? Bài hát Việt thuộc về loại *đơn âm* (monodique) chớ có phải loại *đa âm*

(polyphonique) đầu mà có hợp âm. Dầu ông Nguyễn Tiến-Chiêu có muốn viết những loại âm căn bản để cho những người đàn ghi-ta đệm theo, thì chúng tôi cũng không biết tại sao có những hợp âm *đô, rê, fa, rê, mi, xôn*, và *xôn, la, đô*? cũng như trong bài ông Nguyễn-Tiến-Chiêu nói rằng trong bản Trống Cơm không có những « âm trình nghịch tai ». Chuyện ấy có gì lạ vì trong hệ thống ngũ âm - giai làm gì có những « âm trình nghịch tai » (dissonances)? Áp-dụng những luật hòa âm Âu-Châu để phân tách một bài dân ca Việt chẳng khác nào đem một bài hát Âu-Châu ra mà nói đoạn nào theo điệu Bắc, đoạn nào theo điệu Nam, hay là thử tìm coi đoạn nào trong một nhạc-phẩm của Johann Sebastian Bach (Yô-Han Xê-Bát-Xian, Ba - Khor, nhạc-sĩ người Đức) giống một *raga* nào của nhạc Ấn-Độ.

Vả lại, những luật hòa âm thuộc phái cổ điển chỉ mới có sau này, do những điều nhận xét trong nhạc phẩm của các nhạc - sư Âu, Mỹ từ thời kỳ cổ điển. Nhiều luật trước kia là đúng nay đã biến chuyển theo thời gian và hết được coi là đúng.

Nhân lúc phân-tách bài *Trống Cơm* mà ông Nguyễn - Tiến - Chiêu nêu ra câu hỏi : « Ai dám bảo rằng dân-tộc ta từ ngàn xưa không thông hiểu những quy - tắc về nhạc lý » ? Chúng tôi thấy cần hỏi lại tác - giả : « Nhạc lý nào ? Nhạc lý Âu, Mỹ hay là nhạc lý Việt, nhạc lý Á-Châu ? »

✱

Chúng tôi đồng-ý với ông Nguyễn - Tiến-Chiêu rằng bài *Trống Cơm* là một bài hát quan-họ thuộc về hạng hay, nhưng nếu cho rằng đó là nhạc phẩm « tuyệt-vời », « đủ cả chiều rộng và chiều sâu » thì có hơi quá.

Về nguồn gốc của cái *Trống Cơm* và cách phân-tách một bài dân ca, cách tìm âm-giai thì chúng tôi đã góp ý-kiến trong bài này (B.K. 78) mong rằng ông Nguyễn-Tiến-Chiêu và các bạn đọc đừng coi là một bài phê-bình hay chỉ-trích mà chỉ là một dịp thảo-luận về phương-pháp nghiên-cứu âm-nhạc mà thôi.

TRẦN-VĂN-KHÊ

✱ Người lãnh-đạo chân-chính là người biết cố gắng động viên tinh-thần và ý-chí của người dưới cùng một lúc với thể-xác của họ.

Nếu bạn bảo một tốp người đang đào hố dưới trời mưa rằng : « Đào hố để chờ ăn cơm » thì tự nhiên bạn khiến cho tốp người ấy trở thành một tốp người máy, ý thức âm thầm sự cay cực của họ và trở nên phản uất đối với bạn.

Song nếu bạn biết dùng một câu nói khéo léo, không đi vào chi-tiết tào lao, vớ vẩn, và dẫn giải cho họ biết được sự ích lợi của công việc làm, thì thật bạn đã chứng tỏ được mình là kẻ có công giải cứu được « người » ở trong đám người ấy vậy.

Spring



Chức thơm dịu dài :

"MÙA XUÂN"

HƯƠNG-VỊ HUÊ-KỶ.

**GÍA
BÌNH DÀN**

10%

THỦ GIẢI-QUYẾT VẤN-ĐỀ

KIỂM ÍT, TIÊU NHIỀU

NGUYỄN-PHÚC-SA

NHIỀU bạn đọc-già sống ở thành-thị, chắc thường băn khoăn về vấn-đề sau đây : tại sao ngày nay, với số lợi-tức hàng tháng gấp mấy chục lần người lớp trước, nhiều gia - đình không được sung-túc, dư-dật như các gia-đình các công- chức, tư - chức, doanh-nhân v.v... cách đây 25, 30 năm, những người có thể coi như điển-hình giai-cấp trung-lưu thời ấy. Tuy không đến nỗi túng thiếu, công nợ, nhưng cái hy-vọng tậu một căn nhà xinh-xinh để an hưởng tuổi già, mục đích cõ hữu của mọi gia-đình, nó xa xăm làm sao ! Phải chăng vì thế mà xô số bán chạy đến phải mua chợ đen ? Trong khi ấy ông chú, bà bác, bà cô quen với nếp sống cổ xưa, mỗi khi bàn đến việc chi tiêu trong gia - đình, không khỏi phát-biểu ý kiến một cách khẳng định: « Anh chị không có tiền thì ai có tiền ? Như mục nhà anh chị mỗi tháng thế nào chả để dành được 4, 5 ngàn bạc ».

Nằm trong chần, mới biết chần có rận !

Tại sao ông tham, ông phán, ông ký... trước đây thừa tiền tậu nhà trong khi vẫn sống một cuộc đời phong-túc ? Tôi không được biết thời ông phán, ông tham « tời rươi sâm-banh, sáng sữa bò » nhưng tôi không khỏi không khâm phục các ông xuất-chính trước hay sau cuộc kinh-tê khủng khoảng. Hàng tháng ông lãnh số lương chưa bằng một phần trăm số lương của đồng sự ông ngày nay. Ông có thể xoay sở kiếm chút ngoại tài, bà có thể buôn bán chút đỉnh, cầm đồ, cho vay, chơi họ, do đó mà lợi tức thực-sự của gia-đình ông cao hơn số lương. Nhưng đa số gia-đình trung-lưu chỉ trông mong vào lợi-tức chân-phương và duy nhất của người chủ gia-đình, người vợ hoàn toàn chỉ lo việc tề-gia nội-trợ, chỉ dùng lợi-tức do chồng kiếm ra, thu vén thế nào cho dư dật mà vẫn giữ được phong thế.

Ấy thế mà ngay sau khi nhận được nghị-định bổ-dụng, ông phán đã sấm tú chè, sa lông chạm để trang hoàng

trong nhà, mua xe cao-su gọng đồng để ngày hai buổi đèn sờ. Giỗ tết, hiếu hỷ không làm cho ông bán-khoản. Bà ăn mặc thực lịch-sự, không hề nghĩ đến nạn nhân mãn trong gia đình nên không lo ngại sinh đẻ. Gia nhân, ngoài anh xe còn có vú già, vú em. Mười mười lăm năm sau, những số tiền dành dụm của ông đã biến thành một ngôi nhà để ở hay để cho thuê. Đèn đây, đời ông có căn bản vững chắc quá rồi. Ông ung dung, đợi con khôn lớn, thành đạt, dựng vợ gả chồng, đợi ngày về hưu-trí, tu tâm dưỡng tính, hưởng sự thanh nhàn. Chiến-tranh và di-cư đã sáo trộn phần nào đoạn chót khúc phim tóm tắt trên đây, sáo động nhưng không tan vỡ.

Ông phán không chăm chỉ, không tu giới hơn bạn và tôi, bà phán cũng không tấn tảo hơn nội-trợ của bạn hay nội trợ của tôi, tại sao gia-đình ông hình như lại ăn tiêu khéo léo hơn gia-đình chúng ta? Hoặc giả điều-kiện sinh-hoạt gia-đình đã thay đổi đến nỗi ngân - sách gia - đình không thể quân-bình nổi với lợi tức duy nhất và lương-thiện do người chồng kiếm được?

Về phía thâu, nếu người vợ không có một hoạt động chuyên-nghiệp thì không thể nào kiếm được lợi tức bổ túc đáng kể. Muốn buôn bán phải có tổ-chức hẳn-hoi mới mong có lời. Cho vay, cầm đồ, chơi họ cần một số vốn, gia-đình đã không dư dật thì lấy đâu ra tiền để làm vốn. Hoặc có chút vốn liếng thì đã dùng để sang nhà

mất rỏi. Nếu tham-lam đi vay mượn để kinh doanh những việc bấp bênh như trên sẽ khó tránh được tai-họa.

Như trên đã nói, công tư chức ngày nay lãnh sờ lương gấp trăm lần ông bạn đồng-nghiệp thừa trước, thương-gia, kỹ-nghệ gia cố trung thâu xuất những sờ tiền quan trọng như đại xí-nghiệp trước đây. Nếu đời sống vẫn giữ được tinh cách giản-dị như xưa, số tiền dành dụm còn nhiều hơn nữa, vì thịt, gạo, vải trắng đầu đã tăng giá theo tỷ sờ ấy.

Thực ra, theo thông - kê, cũng như theo nhận xét hàng ngày, phần thực-phẩm trong một gia-đình trung-lưu không phải là mục chỉ tiêu lớn nhất. So sánh các mục chỉ-tiêu ghi nhận những nhu cầu mới, ta sẽ thấy vấn-đề « kiểm ít, tiêu nhiều » sáng tỏ hơn.

Trước hết ta thấy tiền thuê nhà ngày nay, nếu kể cả lãi của sờ tiền sang nhà chiếm từ 15 đến 20% lợi tức hàng tháng.

Vấn-đề ăn uống tốn hơn, không phải vì gạo, thịt, rau đậu tương đắt hơn trước nhưng vì ta đã quen với những thực-phẩm phong phú và tạp bác hơn. Những thứ không tôi cần-thiết như rượu bia, nước mát, thuốc điều, trở nên thông-dụng. Ta đã quen với hình ảnh tủ lạnh đặt trong phòng khách hay phòng tiếp-liệu.

Ta chi tiêu để bảo vệ sức khoẻ nhiều hơn. Ngoài những thuốc mua theo đơn bác-sĩ, còn bao thứ cao đơn hoàn tán các gia-đình tự mua về dùng

Mục phục-sức đã chứng-kiến những sự thay đổi tai-hại cho túi tiền. Ngày nay làm gì còn loại quần áo ăn chắc mặc bền. Cách đây mấy tháng, một ông chủ hiệu vải trả lời tôi : « Thừa ông ngày nay không ai buôn vải faux-tussor nữa. Thừ hàng này chỉ dùng để may quần áo Cảnh-binh thôi ạ ». Các vải nhân tạo như dacron đều bán trước một năm. Về phía phụ-nữ, các loại hàng bông, hàng mầu thì nhau xuất-hiện trên thị trường. Tuy giá rất phải chăng nhưng tính-chất thời-trang cũng mau mất. Tiền công may, tiền vải nhiều lần góp lại thành một số đáng kể. Guốc dép, bốp cũng tiêu hao theo đà quần áo. Hầu hết phụ-nữ trung-lưu nay đã uốn tóc, hà tiện một năm cũng chỉ vào mục này từ 1.500 đến 2.000 đồng.

Không riêng về mặt quần áo thể hệ trước mới chuộng sự bền bỉ hơn ta. Đồ làm bếp bằng nhôm bền sao được bằng nổi đồng, xanh đồng ; lúc thủng, bẹp, bán lấy 5 cắc cũng không nổi. Các tủ chè và bộ ghế tàu xưa kia càng lâu càng lên nước, trông càng nển, thì ngày nay cứ độ hai, ba năm ta lại ngửa ngáy muốn thay bộ xa-lông hay ít ra cũng phải bọc lại nệm.

Vấn-đề chuyên-chở ngày nay không thể giải-quyết với một chiếc xe tay vừa đưa ông đi làm, bà đi chơi, cô cậu đi học. Con bạn, con tôi không khi nào chịu cuộc bộ đèn trường xa nhà 3, 4 cây số nữa. Lợi tức đã không dồi dào, gia - đình lại đông, muốn tìm đủ « không - gian sinh - hoạt » phải ra xa trung-tâm châu-thành, nghĩa là đầu tư vào si-cút-tơ, xe gắn máy hay xe đạp.

Du-lịch, đi nghỉ mát, giải trí nói chung, đã được liệt vào hạng nhu cầu, tuy không cấp bách như đối với giới thượng-lưu tư-bản. Tại các nước tân tiền, những món này đã xâm nhập đời sống bình-dân. Ít gia-đình không có máy thu thanh, máy hát, máy ảnh.

Thê-hệ cha mẹ ngày nay ý thức đòi hỏi của con cái một cách cụ thể hơn. Không phải ta yêu trẻ con hơn cha mẹ chúng ta thương xót chúng ta trước đây. Nhưng các cụ ngày trước quan-niệm rằng việc rèn luyện ở học đường, sự giáo-dục trong gia-đình đủ để tạo nên con người rồi. Trẻ con chỉ cần dùi mài sách vở, nghe lời huynh trưởng, còn mọi vấn-đề khác hãy tạm gác đèn khi ra đời, có công việc làm ăn, có lợi tức riêng. Ngày

« Bôi cung xà ảnh »

Một việc gì hư nghi, không mà cho là có, thường gọi là « bôi cung xà ảnh ». Câu này phát-sinh do câu chuyện người Lạc-Quảng đời nhà Tần. Có bạn tới chơi nhà, Quảng mời bạn uống rượu. Người bạn nhác thấy trong chén rượu có bóng con rắn, sợ không dám uống. Đến sau, xét lại, thì ra bóng ấy chỉ là bóng của cái cung treo trên vách mà thôi.

nay người làm cha mẹ, theo gương các nước văn-minh, nhận định tình cách phức tạp đời sống con nít cũng như việc tập làm người bắt đầu rất sớm. Những ngành hoạt-động nhằm riêng thị-trường thiếu-niên phát-triển mau lẹ. Gia-đình có muốn áp dụng chính-sách bề môn tóa cảng để duy trì sự ngây-ngô của trẻ con cũng không được mà cũng không hay gì.

Thuế cũng là khoản chi tiêu đáng kể đối với những người chánh-quyền có thể kiểm-soát lợi-tức một cách chắc chắn như công-chức chẳng hạn.

Có người cho rằng vì đồng bạc đã mất một phần mãi lực nên chúng ta lâm vào tình-trạng kiểm ít tiêu nhiều. Thực ra không một đơn-vị tiền-tệ nào trên thế-giới giữ nguyên được giá-trị với thời gian. Nhận xét trên đây rất đúng nếu lợi tức không tăng theo một đà với vật giá. Nhưng như trên đã nói, lợi - tức của giai - cấp trung - lưu đã tăng nhiều hơn giá hàng hóa và dịch-vụ. Số dĩ mãi lực không thích - ứng là vì ngày nay chúng ta nhiều nhu cầu hơn. Đó là hướng thay đổi hay hướng tiến bộ. Thời nay rất ít người áp dụng triết-lý « văn thực đương nhục, an bộ đương xa » (lúc đói ăn thức thanh-đạm cũng ngon như ăn thịt; thúng thăng đi bộ cũng nhân, nhả như ngồi xe) hoặc « diệt-dục » để tìm cái thư-thái của tinh-thần, tuy trong đời sống hàng ngày đã có một vài phản-ứng giảm bớt hay chùng lại nhu-cầu. Thí dụ : người ta không sinh đẻ một cách vô-tư lự như trước đây hoặc rút sổ gia-nhân phục dịch,

tình giảm những món chi-phí giỗ tết, hiếu hỷ.

Giá trị tương-đối của đồng bạc so với những vật có tính cách để dành tiền như nhà đất, vàng, song song với sự thâu hẹp khả-năng tiết-kiệm là yếu-tố thúc đẩy chi-tiêu. Dành dụm 5, 6 ngàn bạc là việc khó khăn, trong khi với số tiền gấp mười như vậy, người ta không thể nào mua được căn phố thơm-tơm.

*

Dù sao, ta phải đồng-ý về điểm mãi-lực gia-đình, tạo ra theo cách phân công áp dụng cách đây 25, 30 năm không thích-ứng với nhu-cầu nữa. Có kiếm ra lợi-tức mới nâng đỡ được sức tiêu-thụ. Một người kiếm tiền trong khi nhu-cầu của tất cả mọi người khác trong gia-đình đều tăng thì tất nhiên ngân-sách gia-đình không thể thăng bằng được.

Gia-đình chúng ta cần có thêm lợi tức. Giai-cấp trung lưu chịu ảnh hưởng Tây-Phương nhiều, đời sống phồng theo kiểu Tây-Phương, vậy cũng cần có tâm-lý và quan-niệm Tây-Phương. Đối với người đàn ông, thường lãnh nhiệm-vụ chính yếu kiếm tiền, ta cần gạt bỏ tâm-lý ưa nhân. Theo ý riêng của tôi, động-lực mạnh nhất trong lòng người Tây-Phương là sự ham chuộng kiếm tiền, do đó họ ham làm việc và nhờ vậy xã-hội họ tiến mau hơn. Họ còn có sức là họ làm việc. Họ làm việc để kiếm tiền và với tiền đó họ thỏa mãn những nhu-cầu càng ngày càng tăng

của họ. Nhận xét về nước Nam-Dương, bác-sĩ H. Schacht viết như sau : « Tự do không có nghĩa là lười biếng. Tự do không phải là món quà ; tự do phải chinh-phục hàng ngày, thời chiến tranh bằng khi-giới, thời bình bằng sức lao động của trí não và hai bàn tay. Kẻ nào muốn có chỗ ở, quần áo, thực phẩm tốt hơn phải làm việc để kiếm lấy. Đây là một thiên luật, nhưng cũng là cốt tử của mọi tiến bộ kinh-tế cho xứ sở. Nếu nước Mỹ phong phú được coi như khuôn mẫu tự do dân chủ, người ta cũng phải lấy hiệu xuất của Mỹ-quốc làm gương vì nó đã tạo ra sự phong phú ấy và nhờ vậy bảo vệ tự do.

Đông-Phương chỉ đạt được bình-dẳng văn - minh với Tây-Phương khi nào rèn luyện được những đức tính đã tạo nên tinh thần ưu trọng của Tây-Phương trong thế-giới. Những đức tính ấy là : kỷ-luật, tinh thần trách nhiệm, ý chí sản xuất. Người Tây-Phương không phải chỉ hoạt-dộng vì

vụ lợi. Tây-Phương đã dành được địa vị nhờ sự ham muốn làm việc và sự thành công trong lãnh vực hiệu xuất liên quan đến sự ham chuộng ấy. Tây-Phương nhận thức rằng làm việc đi đôi với tinh-thần trách-nhiệm đối với cộng-đồng. Sung chín không tự nhiên rơi vào miệng kẻ lười biếng ; chỉ người làm việc mới đoạt được tự do và sống còn cho bản thân mình và dân tộc mình ».

Tinh thần còn minh mẫn, sức khoẻ còn dồi dào mà ta không triệt dụng những cơ hội kiếm tiền lương thiện vì sớm ưà nhàn, vì sợ người chung quanh dị luận là ta tự mâu thuẫn với ta.

Điểm thứ hai để giải quyết vấn - đề kiếm ít tiêu nhiều là cần tăng số người làm ra tiền trong gia-đình, nói một cách rõ rệt hơn, người vợ phải có một hoạt - động chuyên nghiệp. Cũng như đối với các giai-cấp khác trong xã-hội, lợi tức gia-đình phải tăng nhờ thêm người đi làm chứ không

Sự tích con nhân-sư

Theo thần-thoại Hi-Lạp thì *sphinx* là một quái-vật đầu đàn-bà, mình sư-tử, do đấy người ta dịch là *nhân-sư*, giống nửa người, nửa sư-tử. Người Hi-Lạp kể lại rằng vào thời *Ædipe*, con của *Laïos*, vua thành *Thèbes*, có con nhân-sư rình chực bên đường thành *Thèbes*, gặp ai đi qua cũng đưa những ẩn-ngữ cực kỳ bí-hiềm ra đố ; kẻ nào không giải được đều bị nhân-sư bắt ăn thịt. Gặp *Ædipe*, con nhân-sư ra câu đố rằng : « Con vật nào buổi sáng đi bốn chân, buổi trưa đi hai chân, rồi tới chiều tối lại đi ba chân ? » *Ædipe* đáp lại : « Đó là đời người trong thời ấu-trì, trong buổi thanh-xuân và trong cảnh lão nhược. Con quái-vật, thấy *Ædipe* đoán trúng, tức giận quá, nhảy xuống sông biển mất.

thể do lợi tức cao hơn của người hiện đã có công việc. Tới nay đa số phụ-nữ trung lưu tự dành cho mình công việc nội trợ, được coi như một thiên chức.

Hình ảnh sự phân công trong gia-đình trung lưu sống ở thành-thị đại khái như sau : người chồng đi làm việc tại một công hay tư sở, buôn bán, kinh doanh, mỗi tháng mang về một số lợi tức. Thường khi đây là lợi tức duy nhất của gia-đình. Người vợ chỉ dùng lợi tức ấy, thu vén thế nào cho đủ, hay tốt hơn cho thừa ít nhiều.

Bà nào không ăn hoang mặc hại, không cờ bạc để gây công đố nợ cho chồng thường được liệt vào hàng hiển thế rồi.

Nay điều kiện sinh-hoạt gia-đình đã thay đổi, sự phân công như trên rất khó duy-trì. Xin nói ngay rằng vấn đề phụ-nữ có chồng con lãnh một công việc chuyên nghiệp ngoài gia-đình không giản dị. Trước hết đời với đa số các bà, cần có sự chuẩn-bị kiến-thức. Sau nữa, làm thế nào để sự vắng mặt của người đàn bà không làm sáo trộn, chệnh mảng đời sống gia-đình.

Phụ-nữ ngày nay được học hành nhiều, có đủ khả năng đảm nhiệm công việc trong các công tư sở, không thể buộc những người này an thường thủ phận trong gia-đình được. Nhưng không phải đi làm mà người đàn bà có thể từ khước nhiệm-vụ thiêng-liêng của người mẹ, người vợ được. Khác

ở chỗ chỉ có thể dành một phần thời giờ vào các nghĩa vụ ấy. Đời sống xã-hội của phụ-nữ càng ngày càng xung mãn, song song với sự giải phóng trên thực-tế của nữ giới. Các hoạt-động tôn-giáo, văn-hóa, tương-trợ, nghề-nghiệp, xã giao đòi hỏi sự có mặt của các bà xưa nay chỉ chuyên chú vào việc tế-gia nội-trợ.

Nói tóm lại, người đàn bà rất nên có một hoạt-động chuyên-nghiệp để tăng thêm lợi-tức gia-đình, phải dành một phần thời giờ cho đời sống xã-hội. Kết quả của hai sự kiện trên là sự có mặt của người đàn bà trong gia-đình sẽ rút ngắn đi, trong khi sự phụ lực của gia nhân bắt buộc phải giảm bớt. Trong tình trạng này, nếu công việc nội-trợ cũng vẫn giữ nguyên tính cách bộn bề và mất thì giờ như trước đây, người đàn bà làm sao, càng đáng nói ? Cho nên phải nghĩ đến giản-dị hóa công việc nội-trợ. Trong phạm-vi bài này, chúng tôi không thể đi sâu vào chi tiết vấn đề cũng không có tham vọng chỉ vẽ cách giản-dị như thế nào. Đại khái sẽ có sự thay đổi tập quán ăn uống, nấu nướng. Tại sao ta vẫn e ngại mua gà vịt đã vặt lông, ...mổ sạch, những miếng thịt khúc cá, chỉ việc đem bỏ vào nồi nấu nướng như ở các nước khác ? Thực đơn hàng ngày nên đơn giản. Những món ăn lịch kịch nên để dành vào ngày nghỉ chẳng hạn. Ai cũng đồng ý nuôi con mọn là một trong những công việc bận rộn nhất. Nhiều bà tìm cách hạn-chế sự sinh đẻ đã chẳng giản dị hóa công việc nội trợ đó sao ?

Mặt khác, nếu người vợ phụ lực kiêm ra tiền thì người chồng cũng phải phụ lực vào công việc gia-đình mà sẽ không mang tiếng « đo lọ nước mắm, đềm củ dưa hành » nữa.

Khi đã giải quyết vấn-đề kiêm tiền rồi, ta sẽ đi vào điểm quan trọng thứ ba, cách xử-dụng lợi tức. Danh từ ngân sách gia-đình có lẽ sẽ khiến một số người mỉm cười hoài nghi. Nhưng nếu không có điểm phúc được hưởng lợi tức thật cao thì ta bắt buộc phải lựa chọn những món chi tiêu vậy. Trong việc lập ngân sách gia-đình không khỏi có những sự đụng chạm quan điểm, sở thích giữa vợ chồng con cái, y như giữa các Bộ trong một chánh-phủ vậy. Ngoài những món tiêu bắt buộc như thuê, các khoản khác đều có tính cách co dãn ít nhiều. Dù sao, việc sử-dụng mãi lực không thể ra khỏi một khuôn khổ xã-hội nào

đó được. Ta phải sống theo tập quán và đòi hỏi của thời đại.

Chắc có nhiều bạn ngán ngại trước dòng sông khá mới mẻ phức tạp trên đây. Chúng tôi không có ý định đứng trên lập-trường phê-bình giá-trị. Văn-sĩ A. France đã nói : « những sự thay đổi, dù mong muốn nhất, cũng để lại một nỗi u buồn ». (Les changements même les plus souhaités ont leur mélancolie). Chúng ta có thể có hai thái-độ : cương quyết duy trì nếp sống và tập quán xưa kia. Ta sẽ thành công tới mức nào ? Hoặc ta sẽ tiền-hóa theo thời-đại, mà vẫn không từ bỏ cá tính và óc suy xét. Rút thấp mức sống ta đã quen còn đau khổ hơn cố gắng làm việc để giữ vững mức sống ấy. Thê-hệ đương lên, sắp bước chân vào cuộc đời, lập gia-đình, tưởng nên nhận định khách quan những đòi hỏi của đời hiện tại.

NGUYỄN-PHÚC-SA

« Lang-Bối »

Hán-văn có thành ngữ *Lang-Bối*, chỉ sự hai bên phải nhờ nhau nên không rời lìa nhau được. Lang chỉ con lang và Bối chỉ con bối. Lang chân sau ngắn, Bối chân sau dài. Lang, không có Bối, Lang không đứng được, Bối không có Lang, Bối không đi được. Lang, Bối kết-hợp vì quyền-lợi tương đồng.

- ★ Bạn có thể đòi hỏi, nhưng bạn chớ nên quên là bạn chỉ có quyền đòi hỏi, khi người dưới quyền bạn đã thấu hiểu lý-do, căn-cứ những đòi hỏi của bạn mà thôi.
- ★ Phải sửa soạn, sắp xếp thế nào để không phải nhắc đi nhắc lại mãi một lệnh. Muốn vậy, chỉ nên ra lệnh khi nào người thi-hành lệnh đã nghe được rõ, đã hiểu được thấu và có thể thật hiện tức khắc được.

GIAO - THÔNG NGÂN - HÀNG

BANK OF COMMUNICATIONS

Địa chỉ (Adresse)

Hãng Chính (Siège Social)

ĐÀI - BẮC — TRUNG - QUỐC

Phân-hãng Saigon (succursale de Saigon)

87, Đại-lộ Hàm-Nghi (Bd de la Somme), 87

Điện-thoại 21.549 và 24.547

AGENCE DE CHOLON

158, Đại-lộ Khổng-Tử (Bd Gaudot)

Điện-Thoại : 36.268 và 36.269.

Danh sách điện báo : COMMUBANK



Các hãng Đại - lý thiết lập trên các thành thị lớn khắp thế giới, chuyên doanh tất cả các nghiệp vụ ngân hàng : và có tủ bảo hiểm cho thuê, mỗi tủ tiền thuê mỗi năm từ 300\$ đồng trở lên.

TỪ VỆ-TINH MỸ

QUA CÁC

GIẢ-THUYẾT NGA

✱

VÕ-QUANG-YÊN

SAU Lunik I của Nga bắn ngày 2-1-59 và Pionnier IV của Mỹ bắn ngày 3-3-59, vì không trúng nhằm đích cung trăng, bay thẳng ra vũ-trụ và biến thành hành tinh chạy quanh mặt trời, ngày 11-3-60 vừa qua, lại một vệ-tinh Mỹ Pionnier V, được bắn lên không trung làm thành hành-tinh nhân-tạo thứ ba trong hệ-thống mặt trời.

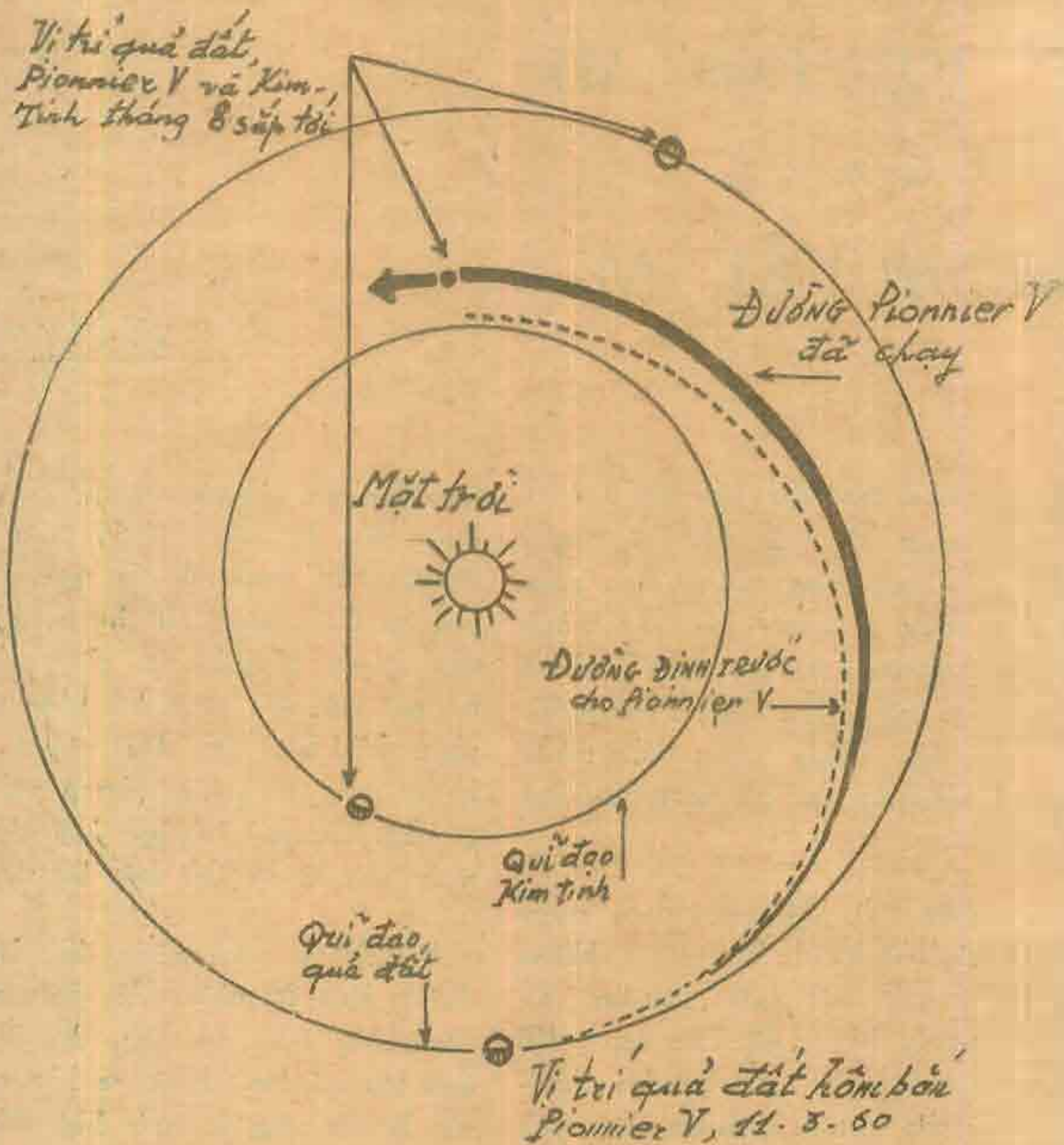
Nếu Lunik I và Pionnier IV vì trượt đích mà thành hành-tinh, Pionnier V không phải là kết-quả một cuộc thất-bại. Ý-định của người Mỹ là đặt Pionnier V lên một quỹ-đạo (1) nằm cạnh quỹ-đạo Kim-tinh (2) và cho vệ-tinh nhân-tạo chạy cạnh hành-tinh kia. Muốn đạt được mục-đích ấy cần phải thỏa-mãn hai điều-kiện. Trước nhất là tốc-độ cần phải hết sức chính-xác. Nếu tốc-độ quá lớn, quỹ-đạo của vệ-tinh sẽ quá xa mặt trời và trái lại, nếu tốc-độ quá nhỏ, vệ-tinh sẽ chạy quá gần mặt trời. Thứ nữa là vấn-đề ngày bắn. Vệ-tinh cần phải chạy qua quỹ-đạo Kim-tinh

lúc hành-tinh này vừa đi tới. Ngày tốt đã được chọn là ngày 2-6-59 năm ngoái. Nhưng vừa trước lúc ấy người ta khám phá ra được nhiều chỗ hư trong hệ-thống điện-tử của hỏa-tiến và cần phải nhiều thì giờ mới sửa được hết hằng ngàn bộ-phận nhỏ. Đợi đến đầu năm 1.961 thì lại có ngày thuận-tiện nhưng ngày ấy lại quá xa, các nhà bác-học Mỹ đã cho bắn ngay, như là đề thử một lần trước.

Pionnier V, cân nặng 40 ki-lô rưỡi, đường kính 65 phân, đã được một hỏa-tiến Thor Able ba tầng, dài 27 thước, đưa lên quỹ-đạo. Người ta bảo công cuộc này là một cộng-tác Anh Mỹ. Thật vậy, hỏa-tiến được bắn từ Cap Canaveral ở Floride bên Mỹ lúc 13 giờ (giờ Anh). 25 phút sau, một nhà chuyên-môn hàng không Mỹ, William Young, từ đài Jodrell Bank ở Cheshire bên Anh đã nhận nút máy ra lệnh cho tầng cuối hỏa-tiến thả vệ-tinh ra. Ngừng truyền tin trong khoảng năm phút Pionnier V lại gởi tin về đều. Trước tiên là đài Jodrell Bank sau là các

(1) orbite; (2) Vénus;

Qui² đạo Pioneer V
 hình trích trong tuần báo L'Express



dài ở New Hampshire và New Jersey đều nhận được. Rồi đây, vài ba tuần nữa, khi vệ-tinh đã cách quả đất sáu triệu rưỡi cây số thì chỉ có đài Jodrell Bank là còn tiếp-tục nhận được tin của Pioneer V.

Một đặc-liệt của vệ-tinh mới đây là

máy phát (3) có thể truyền tin về từ 80 triệu cây số. Tới nay kỷ-lục truyền tin xa chỉ lên tới có 800 ngàn cây số. Máy này chỉ mạnh có 5 watt nhưng trong một tháng nữa, máy này lại đổi thành máy

(3) émetteur :

phóng đại (4) một máy thứ nhì, mạnh tới 150 watt do 4.800 tổ (5) nhận năng lượng mặt trời cung cấp. Khi bắn hỏa-tiến, cả vệ-tinh lẫn các tổ mặt trời sắp trên bốn cạnh nhỏ gập lại xung quanh vệ-tinh đều được bao bọc kỹ càng. Khi vệ-tinh tách ra khỏi tầng thứ ba hỏa-tiến, bốn cạnh nhỏ mới bật thẳng đứng với vệ-tinh để nhận ánh sáng mặt trời. Tốc độ lúc bấy giờ vào khoảng 40 ngàn cây số giờ. Người ta tính vài triệu năm nữa Pionnier V mất dần tốc độ và có thể rơi trên mặt Kim tinh.

Trong mấy trăm cây số đầu, những máy nằm trong hai tầng thứ nhất và thứ nhì hỏa-tiến đã hướng vệ-tinh thẳng quỹ đạo Kim tinh. Tầng thứ ba không có máy, chỉ chạy theo hướng do hai tầng kia chỉ định. Nếu nhằm đích là cho Pionnier V chạy cạnh Kim-tinh thì vụ bắn này chưa được hoàn toàn thành công. Ta biết là Kim-tinh chạy cách mặt trời 103 triệu cây số. Pionnier V lại chạy trên một quỹ đạo nằm giữa quỹ đạo của quả đất và quỹ đạo Kim-tinh, điểm gần mặt trời nhất là 120 triệu cây số. 12 triệu cây số là kết-quả của sai số (6) gần 2% trong tốc độ lúc ban đầu. Đây là vệ-tinh chỉ nặng có 40 kí-lô rưỡi; xem như vậy thì Mỹ còn phải cố gắng nhiều mới đạt được những thành tích đáng kể về lượng và về chính xác. Nhưng trong địa hạt truyền tin xa, các nhà khảo-cứu Mỹ đã thu được nhiều kết-quả khả quan hơn. Trong hai năm vừa qua, họ đã giao dịch bằng radar với Kim-tinh (tháng 2-58) và ngay cả mặt trời (tháng 4-49). Kỳ này họ muốn thử truyền tin từ 80 triệu cây số. Kỹ-thuật họ dùng là cho tụ-hợp năng lượng lại và chỉ

dùng từng thời-gian ngắn, như vậy công suất (7) tức thời sẽ rất lớn. Bên phương diện nhận tin, họ còn dùng nhiều máy điện tử để đọc các bản thông tin, lọc ra các tiếng động bất thường và hoàn lại tin tức thật sự.

Đúng ra thì phải đợi vài tháng nữa, khi Pionnier V chạy gần quả đất — có vài chục triệu cây số thôi! — thì tin tức mới gửi về 1. Người ta đang đợi những tin tức gì? Về Kim tinh, Pionnier V chưa thể cho ta biết thêm gì được vì khi vệ-tinh lên đến gần quỹ đạo Kim-tinh thì hành-tinh này đã cao chạy xa bay rồi. Cũng thật uổng, vì Kim-tinh đối với ta thật là một hành-tinh khá huyền-bí. Những ngày nắng lớn, ta có thể thấy được Kim tinh như trăng lưỡi liềm rõ ràng trên gương (8) tròn màu tro. « Sáng Kim tinh » ấy là một nổi bí-mật. Cung trăng có ánh sáng mặt trời dội từ quả đất lên còn Kim-tinh thì không có vệ-tinh nào cả, lại quá xa quả đất; phải chăng hiện-tượng này là do sự tán sắc (9) của ánh sáng mặt trời trên mặt trong suốt của Kim-tinh mà ra, như ở quả đất ta, cao qua ngoài 1000 cây số, những tia tử ngoại (10) cũng bị hydrogen tán sắc. Ngoài ra ta không biết trục quay của Kim-tinh, cũng không biết hành-tinh ấy quay bao lâu mỗi vòng xung quanh mặt trời. Về mặt bản chất, người ta không biết rõ cấu-tạo khí quyển Kim-tinh, chỉ biết có nhiều thán khí. Người ta đoán bản chất gần giống quả đất vì trọng-khối (11) tỷ trọng (12) và kích thước tương tự quả đất nhưng có gì chắc? Hay xung quanh Kim-tinh là một lớp nước đá bao bọc vì vậy nên vừa có nhiều thán-khí vừa có nhiều nước?

(4) amplificateur; (5) cellule; (6) erreur

(7) puissance; (8) disque; (9) dispersion; (10) rayon ultra-violet; (11) masse; (12) densité

Pionnier V được gọi lên vũ-trụ còn có nhiều sứ mạng. Lunik II đã cho biết ở ngoài vũ-trụ còn có nhiều từ trường (13) "độc-lập", nhưng tới nay ta chưa biết được các từ trường ấy lớn và mạnh ra sao. Những từ trường này là phương-tiện để ngao-du vũ-trụ sau này. Người ta tưởng-tượng những hỏa-tiến sẽ rời quả đất bằng những phương pháp hiện có rồi dùng các từ-trường "độc-lập" sản-xuất điện cho hỏa-tiến tiếp chạy. Để đo các từ trường, Pionnier V có mang theo một từ kế (14) nặng 450 gam là một thứ máy rất nhạy tới nay chưa từng có.

Pionnier V còn phải báo về những tương-quan giữa các từ trường và các bức xạ (15) vũ-trụ, công suất các bức xạ năng-lượng lớn từ mặt trời phát ra, còn gọi là các "bức xạ cứng". Pionnier V còn phải chỉ-định xem có thể gọi được lên cạnh Kim-tinh và hỏa-tinh (16) những phòng thí-nghiệm bay để chụp hình và lấy tin hay không.

Thời đại ngao-du vũ-trụ đang mạnh dạn bắt đầu. Nếu như trên đã nói, tới tháng giêng 1961 có ngày thuận-tiện để bắn vệ-tinh lên Kim-tinh, tháng 9-60 này cũng là một dịp tốt để tiếp-xúc với Hỏa-tinh. Theo ta thấy, chắc Mỹ sẽ không bỏ qua dịp này.

✱

Nếu lúc này bên phía Nga không nghe nói tới nhiều về hỏa-tiến, vệ-tinh thì báo chí họ đây rầy những giả-thuyết của các nhà bác-học.

Giáo-sư Agrest tuyên-bố: "Cách đây 5.000 năm, những người lạ ngoài quả

(13) champ magnétique; (14) magnétomètre; (15) radiation; (16) Mars.

đất đã đến viếng địa-cầu ta. * Theo ông, hai thành phố Sodome và Gomorrhe đã bị một ngọn lửa đặc-biệt thiêu-hủy, ngọn lửa ấy do một cuộc nổ nguyên-tử phát ra. Loth và gia-đình đã được thiên sứ cho biết để tránh đi, nhưng vợ Loth vì ngó lui đã bị biến thành tượng muối. Thật ra, cũng theo lời giáo-sư Agrest, cả vùng đều được báo trước, nhân-dân phải núp và đừng nhòm ngó cuộc nổ, những ai không vâng lời đã bị mù mắt hoặc chết. Thánh kinh còn nói tới "mưa lửa và lưu huỳnh". Phải chăng đây là nhiên-liệu của hỏa-tiến và cuộc nổ nguyên-tử đã diễn ra khi hỏa-tiến của khách lạ khởi hành rời quả đất! Còn những viên tektit hình thù kỳ quái mà tới nay chẳng ai biết ở đâu mà ra, phải chăng là kết-quả của các hỏa-tiến ngao du vũ-trụ va chạm mạnh vào mặt đất? ✱

Một giả-thuyết khác đáng chú-ý hơn là về viên vẩn thạch (17) ở Tây-Ti Lợi-Á. Ngày 30-6-1908, một hiện-tượng lạ-lùng đã diễn ra ở phía bắc thành phố Irkoutsk. Các địa chấn ký (18) ở Irkoutsk, Tachkent và Iena đều có ghi một chuyển động mạnh. Nhiều người kể lại đã thấy một luồng sáng cực-kỳ và sau đó một đám mây hình tai nấm! Nhà bác học Polkhanov ở xa, tả hiện-tượng như một cuộc nổ dữ dội, tương tự một cuộc động đất. Ông cũng có thấy một đám mây kéo lên cao độ 20 cây số. Rồi thì mây kéo đen nghịt, mưa đổ trong đêm, nhưng trời vẫn sáng, có thể đọc báo được tuy không có trăng. Tại chỗ, một vùng đường kính 60 cây số bị tàn phá. Ở

(17) météore; (18) sismographe;

✱ L.T.S Đôn đọc trong B.K số tới: thuyết trên đây đã bị bác bỏ đi thế nào trong bài: "Không có lòu nguyên-tử nào từ thế-giới khác đáp xuống đất Do-That".

chính giữa, các cây thông vẫn đứng thẳng nhưng đều trĩu cành, trĩu lá và bị chôn sâu xuống thêm một thước như ai đã lấy vồ đập lên đầu cây. Xung quanh, cây cối đều bị nhổ lên và sắp nằm chĩa ra ngoài trông như một bánh xe không lỗ. Tới nay người ta thường gọi là hiện tượng vằn thạch Podkamennaya. Nhưng lạ thay, chưa khi nào người ta đã tìm ra được viên vằn thạch. Xét lại, các nhà bác-học Nga không còn cho là hiện-tượng vằn thạch nữa. Nhất là khảo sát trong dân chúng, họ còn thấy nhiều người bị đau sau hiện-tượng ấy, giống như những bệnh thác loạn sinh lý (19) sau các cuộc nổ nguyên tử. Tìm kiếm tài liệu trong các đài thiên-văn, họ thấy đài Tatarska bên Tiệp-khắc ngày hôm ấy có ghi thấy một viên vằn thạch bay qua và tiến lên phía bắc nhưng không nhắm hướng Irkoutsk, và tốc độ lại rất kém : dưới một cây số/giây, trong khi các vằn thạch thường di chuyển hằng chục cây số/giây.

Xem xét tại chỗ, nhà khí-động học (20) Monozkow lại kết luận nếu là một vằn thạch thì phải nặng tới một tỷ tấn mà thường người ta chưa từng thấy một vằn thạch lớn như vậy. Bây giờ, các nhà bác-học Nga đang khảo sát xem có phải là một cuộc nổ nguyên-tử không. Nếu phải thì có thể là do một vằn thạch phóng xạ (21) tới nay chưa từng thấy hay là một máy bay vũ trụ, từ một hành-tinh khác lại, gây ra. Giáo sư Mikbalow ở đài Poulkovo cho biết năm 1956 đã thấy được một cuộc nổ khá lớn trên mặt Hỏa-tinh. Tới nay chưa ai đưa giả thuyết núi lửa ở trên ấy thì cuộc nổ kia có thể là một cuộc nổ nguyên-tử.

Xin nhắc lại là Hỏa-tinh có hai vệ tinh : Deimos và Phobos. Đặc biệt là Phobos, đường kính 15 cây số, chạy cách

xa Hỏa-tinh có 6000 cây số và cứ 7 giờ 40 phút thì quay một vòng xung quanh Hỏa-tinh. Đo tốc độ Phobos, nhà bác-học Mỹ Scharplless người đầu tiên đã nhận thấy năm 1945 Phobos chạy nhanh bốn phút trước giờ đã định. Học hỏi các hỏa-tiến, người ta lại biết khi hỏa-tiến bị cọ xát với khí trời sẽ chạy chậm lại, bị xuống thấp nhưng theo định luật Képler, xuống thấp thì lại chạy nhanh hơn, như năng lượng rơi (22) đã dùng để cho hỏa-tiến thêm tốc độ. Các nhà bác-học áp dụng thí - nghiệm hỏa-tiến vào Phobos, đưa nhiều lý do để giải nghĩa nhưng rút cuộc lý do được đứng vững nhất là vì Phobos quá nhẹ quá nhẹ nên bị kèm lại, và vì bị kèm lại nên lại chạy nhanh hơn : Nhà thiên văn học Chkloski bỏ công tính tỷ trọng Phobos thì thấy Phobos nhẹ hơn ba ngàn lần bất cứ một thiên-thể nào. Nhẹ như vậy thì chỉ có một cách giải nghĩa : Phobos rỗng, mà rỗng thì phải là nhân-tạo !

Thuyết có người trên Hỏa-tinh lại được nêu ra. Nếu thật người Hỏa-tinh có đủ thông minh về nền khoa-học của họ đã khá tiến để bắn được vệ-tinh nhân-tạo Phobos thì họ cũng đã có thể đi ngao-du vũ-trụ và cũng chẳng có gì lạ nếu cách đây một nửa thế-kỷ họ đã ghé thăm quả đất ta !

TÀI-LIỆU THAM-KHẢO

Albert Ducrocq : La troisième planète (L'Express, no 457).

Paul Chaise : Rendez-vous avec Vénus (Le Figaro, no 4.827).

Charles Antoine : A quoi ne rêvent pas les savants soviétiques (Sciences et Avenir, no 157).

VÕ-QUANG-YẾN

(19) trouble physiologique ; 20) aérodynamicien ; (21) radioactif ; (22) énergie de chute.

CALTEX (ASIA) LIMITED

*Phát hành ở Việt-Nam
tất cả nguyên liệu có giá trị*



và đặc biệt nhất là dầu

RPM

THE PREMIUM MOTOR OIL

H. D.

ĐIỂM SÁCH

★ *Cổ PHƯƠNG-THẢO*

TÔI lạc vào một thế-giới mới. Tôi băng qua một sa-mạc có nhiều đồi núi nhấp nhô và bước đến một ốc-đảo.

Sa-mạc ấy là phần lý-thuyết của ông Thiên-Giang mà những đồi núi nhấp nhô giúp cho cảnh-trí bớt vẻ đơn-điệu để thêm linh-hoạt là những vấn-đề cụ-thể góp ý với các phụ-huynh có những con em cần gửi đến trường. Sau đây, ốc-đảo là một truyện ngắn — *Người mẹ sáng suốt* — của bà Vân-Trang.



Về phần thứ nhất, ông Thiên-Giang đã cố gắng trình bày theo một thứ tự hợp-lý tất cả những vấn-đề mới mẻ liên-quan mật-thiết đến những phụ-huynh và các con em. Ông đã bắt đầu bằng cách nhấn mạnh sự quan-trọng của vấn-đề sửa đổi giáo-dục và nêu lên hiện trạng xã-hội trong mục *Những câu chuyện không bao giờ nói hết*.

Tên sách : **Phụ-huynh học-sinh nên biết khi cho con em đi học**

Tác giả : THIÊN-GIANG và VÂN-TRANG

Nhà xuất bản: NGUYỄN-HIẾN-LÊ 1957

Tiếp đó, ông gây nhận thức về một mục-đích giáo-dục từ lâu đã bị hiểu lầm. *Giáo-dục không phải chỉ dạy người biết chữ mà thôi mà mục-đích của giáo-dục là giúp đỡ trẻ em phát-triển đến cực-điểm nhân phẩm của mình* (trg. 21). Đến phần thứ ba, *trẻ em đến tuổi nào thì đi học được?*, tác-giả sau khi nêu lên độ tuổi của kẻ vào trường mẫu-giáo đã liên-hệ đến một thực-trạng : « *Thời buổi này người ta thường dùng thuật mà mắt để lấy tiền. Trường học cũng không tránh được hạng con buôn đó. Những thứ trường học giả nguy này treo lên những nháp hiệu rất quyến-rũ cổ đáp vào thị-hiếu của phụ-huynh và để thâu tiền. Kết quả gây sự hiểu lầm, sự hoài-nghi của phụ-huynh đối với tân giáo-dục* » (trang 24).

Do đó vấn-đề chọn trường trở nên vô cùng quan-trọng đối với phụ-huynh và liên tiếp trong bốn mục, tác-giả phác-họa cho phụ-huynh được rõ cách tổ-chức một

trường học thích-hợp với sự phát-triển trẻ em như thế nào, sự hoạt-động học tập của trẻ em ở trường mẫu-giáo gồm những gì, ba phương-pháp giáo-dục : phương-pháp Montessori phương-pháp Decroly, phương-pháp Freinet có những đặc-tính ra sao và thế nào là một cán-bộ giáo-dục. Cuối cùng, trong mục « Phụ-huynh có thể hợp-tác vào công-việc giáo-dục con em bằng cách nào, tác-giả thẳng-thắn chỉ-trích : « ta phải nhìn nhận làm người thừa thì giờ, nhưng họ dùng thì giờ đó một cách vô ích mà còn có hại là khác, như là tìm đọc những tiểu-thuyết nhằm-như kích-động đực-tính mà không thêm để ý tới những bài nghị-luận về giáo-dục, hoặc là nhốt mình trong phòng hát bóng, tiệm rượu, quán trà mà không chịu khó dẫn con em tới những nơi khoáng-khoát cần thiết cho sự nảy - nở tinh - thần và thân - thể của chúng. Mỗi lần săn-sóc con em là mỗi lần trừng phạt, mắng chửi, làm cho chúng khùng-khiếp, sau khi chúng bị giam vào bốn bức tường chật hẹp của nhà trường. Ở các nước văn-minh người ta mở lớp dạy và xuất-bán sách báo để huấn-luyện phụ-huynh và phụ-huynh không ngần-ngại tìm hiểu nhiệm-vụ của mình. Còn ở nước ta ? (trang 73)



Ông Thiên-Giang đã ý thức rõ về cái khung-cảnh sa-mạc của vấn-đề mình, nên đã bình tĩnh và khéo léo để khắc-phục nó. Ông đã vận dụng phương-pháp đối-thoại để dễ đưa người đọc đi sâu vào các vấn-đề và tự xếp mình vào kế thứ cái bại mặ dù dùng ngôi thứ nhất, hầu tránh cho độc giả cái cảm - tưởng nặng-nề của lòng tự-ái động-chạm và tránh cho tác-giả cái khó khăn

về những ý tưởng chủ quan thẳng thắn trình bày. Người ta đều hiểu rằng ông Thiên-Giang không phải là một người dịch sách, cũng không phải là một người chỉ biết giới-thiệu về một lý-tưởng giáo-dục mà mình cảm thấy là hay là đẹp. Hơn thế, ông là một người hành-động. Ông đã đi vào thực-tế và cố gắng nói lên tiếng nói của sự thực. Rãi rác qua các tranh sách ta vẫn thấy được những hình-ảnh về các sinh-hoạt của trẻ em ở một trường mẫu-giáo mà chắc rằng tác-giả đã góp nhiều công xây-dựng. Chúng ta lại liên tưởng đến hội *Bạn trẻ em Việt-Nam* mà ông luôn luôn cố gắng phát-triển và cảm-thông cái nguyện-vọng của ông muốn được góp phần tích-cực đối với xã-hội. Do đó ta tìm gặp qua nhân-vật Thiện — con người giáo-dục ở trong tác-giả — một thiện-chí đặc-biệt đối với vấn-đề giáo-hóa con em, một thiện-chí nhiều khi không còn giữ nổi bình tĩnh. Nhưng qua tất cả lập luận của Thiện người đọc có cảm-tưởng chúng kiến một người nhiều khi bất mãn không phải vì cái yêu cầu thực tại mà chỉ căn cứ ở nơi phầ nhận-thức chủ-quan về một lý-tưởng đã thành nhu-cầu tâm-lý. Nói cụ-thể hơn, lý-tưởng tân giáo-dục của Thiện gần như là một lẽ sống bền trong hơn là một vấn đề xã-hội cần phải nghiên-cứu, thực-hiện một cách khách-quan và có kế-hoạch thích hợp hơn nhiều. Một người như Thiện rất dễ tìm gặp những điều không hợp với mình nhưng cũng là người mà sự thỏa-mãn không phải mất công tìm kiếm xa xôi. Tất cả những điều trên đây có thể minh chứng bằng cách xử sự của Thiện : nhận thấy những người đàn bà đem con ra làm trò vui rồi lại đánh con, Thiện không giữ được cơn giận, vừa nói vừa quay lưng đi : « Thật là tàn ác ».

(trg 10) Lập tức, những người đàn bà thấy Thiện là kẻ *đáng an chỗi chà* (trg 10). Nhưng sau khi Thiện đã lý luận để cho các bà nhận rõ tai hại của việc mình làm thì các bà *trương mắt nhìn Thiện như nhìn một quái vật* (trg 10). Cổ nhiên, Thiện vẫn tin rằng Thiện có lý. Nhưng chính các bà tin rằng các bà có lý hơn Thiện. Đó là điểm mà ta mong Thiện nên lưu tâm đến, vì đó là điểm mấu chốt. Nhưng không, Thiện tin ở lý tưởng mình và Thiện không cần cứu xét cuộc đời có đủ khả-năng chấp-nhận được Thiện hay không. Trong khi cuộc sống muốn Thiện phải đi theo nó để mà từ đây dẫn đến những sự cải-cách thì Thiện muốn rằng cuộc đời phải đi theo mình. Những điều mà Thiện cho rằng là đúng chưa chắc cuộc đời đã thấy là phải. *Cuộc đời có sức mạnh của nó và chỉ muốn nghe theo sự thực mà nó tự tìm lấy qua những con người tự nó đưa ra chứ không chịu nghe theo bất cứ một cá-nhân nào mà nó chưa chịu thừa nhận.*

Người ta có cảm-giác rằng Thiện đã đặt vấn-đề một cách trái ngược. Qua phần nhận-thức, cơ hồ Thiện muốn ép buộc cuộc đời phải tìm hiểu mình trong khi Thiện có bốn phận tìm hiểu cuộc đời.

Tóm lại, Thiện là con người lý-tưởng nhưng con người lý-tưởng không có nghĩa là con người thành-công. Sự phản-ứng thuần-túy ý-niệm và hoàn-toàn cá-nhân chỉ đưa đến sự cô-độc, và ta không ngạc-nhiên khi Thiện trả lời, trước sự phản đối của một số người : « *Không can chi, ít nữa tôi cũng làm xong một bốn-phận đối với một đứa trẻ* » (trg. 13). Đó là một câu tự an-ủi mà nói xong, đáng lẽ Thiện phải cảm thấy lỡ lời.

Nếu Thiện thất bại, đây cũng là điều hợp-lý. Và nguyên-nhân thất bại Thiện phải tìm thấy nơi mình trước khi thấy ở cuộc đời, mặc dù những điều nhận thức tổng quát mà Thiện nêu lên sau đây ai cũng nhận rằng chính đáng :

« *Công việc giáo-dục ngày nay không thể vì cơ không đủ điều-kiện phát-triển mà không được đề-cập tới. Ta không thể giao phó con cái chúng ta cho sự may rủi. Ta phải vì chúng mà một mặt tranh-đấu đòi hỏi những điều-kiện cần-thiết cho sự giáo-dục. Một mặt khác ta phải lợi-dụng những điều-kiện sẵn có để xây đắp nền tảng giáo-dục. Ta chia sự hoạt-động của ta làm hai phần : một phần ngoài quyền hạn của ta, nhưng ta có bốn-phận nhắc nhở, đòi hỏi những người cầm vận-mạng dân-tộc lưu-ý tổ-chức những hoàn-cảnh thuận tiện cho công việc giáo-dục, một phần trong quyền-hạn chúng ta là giúp đỡ phụ-huynh tức là những người có trách-nhiệm trực-tiếp đối với trẻ em biết cách đối xử, hướng-dẫn chúng khi chúng ở nhà hoặc ở trường.* » (trang 16)



Phần lý-luận của ông Thiện-Giang được minh-họa bằng một truyện ngắn — người Mẹ sáng-suốt — của bà Vân-Trang. Truyện mô-tả sinh-hoạt của một trường mẫu-giáo trong đó sự xây-dựng con người được chú trọng trước phần học chữ và mặc dầu có những phụ-huynh hiểu lầm giá trị của trường, rồi cuộc trường đã ca khúc-khải-hoàn sau khi đưa được em Nghi về lại với trường. Có lẽ từ trước đến nay — về phần giáo-dục, nhất là về các vấn đề mẫu-

giáo — chưa có một truyện nào thành công như vậy. Câu chuyện linh-hoạt từ đầu đến cuối, nồng nhiệt tính chất thực-tế, phác-họa cụ-thể tâm-lý của nhiều hạng người một cách sát-thực, từ cô giáo đến các trẻ em và phụ-huynh học-sinh. Tất cả những tình-tiết lôi cuốn người đọc và gây một cảm-xúc nhip-nhàng tăng-tiến đưa đến cái hồi-hợp thoải-mái ở phút cuối cùng đã được trình bày bằng một lời văn sáng sủa, gọn-gàng, điều-độ, nói lên cái mực thước chặt-chẽ của một ngòi bút điều-khiển dễ dàng tài-liệu của mình. Người đọc thấy rõ tác-giả viết bằng thực-tế đời-đào mà mình đã sống và hướng-dẫn cái thực-tế ấy theo một lý-tưởng giáo-dục đã được phác-họa ở trong phần đầu tác-phẩm. Có thể nói rằng phần lý-luận của ông Thiên-Giang đã đem linh-hồn cho truyện ngắn này và ngược lại truyện ngắn mang lại cho phần lý-luận sự sống hết sức sinh-động. Mặc dù tác-phẩm nói chung không có cái qui-mô của một công-trình nghiên-cứu sâu sắc nhưng phối hợp nhất trí được hai phần lý-luận và văn-ngệ chặt chẽ như vậy là điều chưa từng thấy trong những sách của ta xuất-bản từ trước đến giờ.

Và như thế, phần văn-ngệ phải mang những ưu và khuyết của phần lý-luận. Cô giáo trong « *Người mẹ sáng suốt* » vẫn phải đầu hàng thực-tế — dù là thực-tế rất nhỏ nhặt — và sau cùng giành lấy thắng lợi trong sự bị-động.

Bởi vì cô giáo cũng như anh Thiện đều là những người vấp phải cái hiện-tượng nội-tâm sau này : sự mâu-thuẫn giữa một

lý-tưởng xã-hội tích-cực và sức phản-ứng của những cá tính riêng lẻ và tiêu-cực.



Có lẽ chúng ta sẽ không công bình nếu không nhận rõ vị trí của quyển *Phụ-huynh nếu biết khi cho con em đi học* ở trong hoàn-cảnh những sách giáo-dục đã có hiện nay. Trong nhu-cầu xây-dựng xã-hội hiện tại, vấn-đề giáo-dục trở nên vô cùng cấp thiết và chúng ta cần suy nghĩ mới mẻ về mọi vấn-đề giáo-hóa để gop phần đào tạo một thế-hệ tương-lai thích hợp với lý-tưởng mà chế-độ đòi hỏi. Số sách giáo-dục hiện nay — nhất là những sách có những ý-kiến mới mẻ vẫn còn rất ít so với nhu-cầu. Cho nên tác-phẩm trên đây mặc dù đã cũ nhưng vẫn hãy còn là mới. Và những điều *Phụ-huynh nếu biết khi cho con em đi học* vẫn còn là những điều thiết-thực và càng ngày càng trở nên thiết-thực.

Cô PHƯƠNG-THẢO

ĐÍNH CHÍNH

Vì sự sơ suất của ấn công nên trong bài : « *Thơ sáng thơ tối* » của Đoàn-Thêm, Bách-Khoa số 78, trang 40, dòng 20, câu thơ : « *La voie ferrée est une géométrie* » thiếu mất chữ « *nouvelle* », vậy xin sửa lại cho đúng : « *La voie ferrée est une nouvelle géométrie* ».

Mong các bạn vui lòng sửa giúp cho. Chúng tôi xin thành thật cáo lỗi cùng tác-giả và các bạn đọc.

B. K.

HẬU CHIẾN

Quả địa cầu vừa qua cơn xáo động
Thiếp mê đi trong giấc ngủ chập chờn
Mặt loài người xanh xao vì nhiễm độc
Thiếu phụ gầy xơ xác tiếng ru con

Cả nhân loại hãi hùng cơn nổi loạn
Ấn tượng dài ám ảnh giấc mơ ngon
Đời bừa bãi chiến trường chưa kịp dọn
Tôi bán khoán cho nghĩa sống chưa tròn

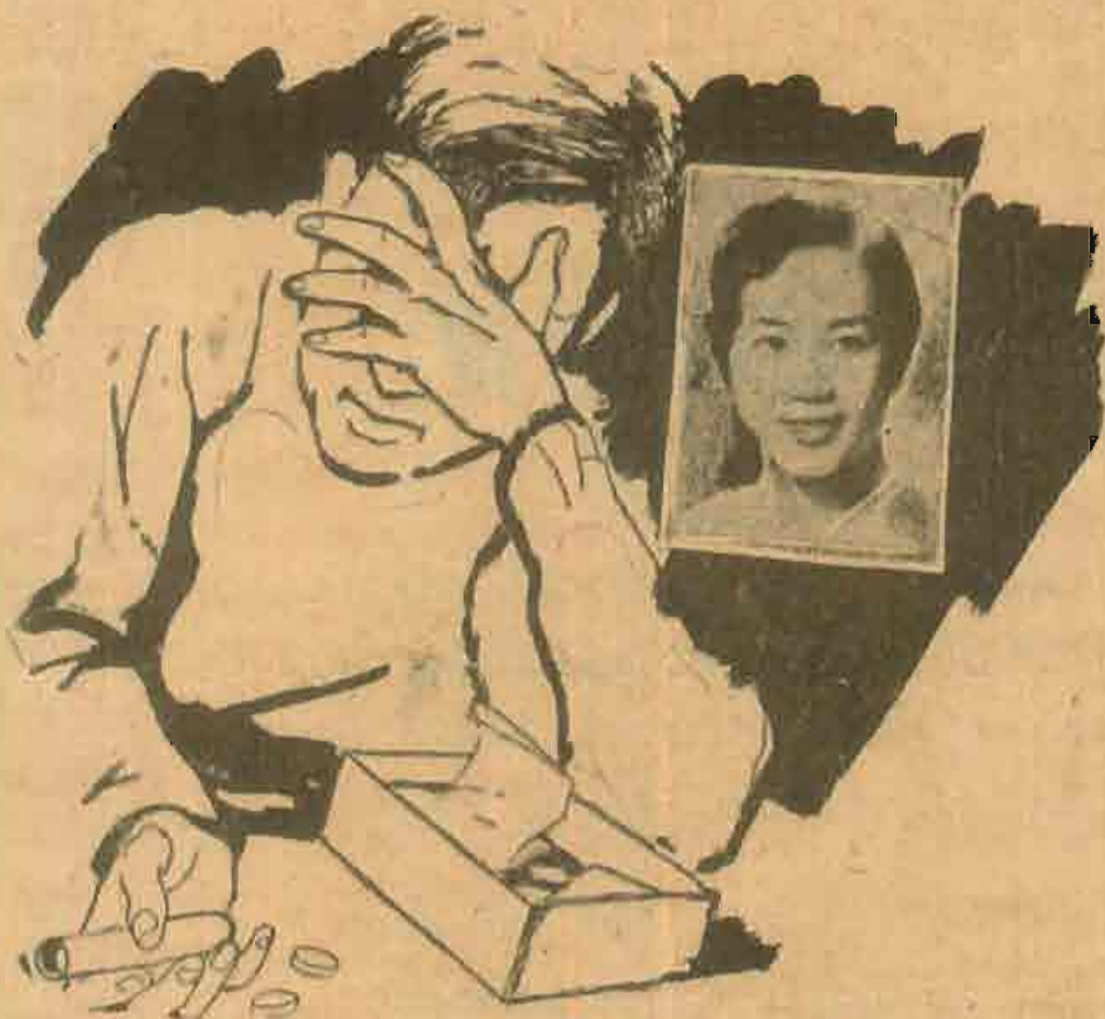
Những rung cảm hoang mang gầy nét họa
Phút hồi-dương thác-loạn ý thơ đầu
Ôi thảng thốt những sắc màu sáng tạo
Trăng đốm đèn mịt mịt giữa khuôn nâu

Tư tưởng xoáy chiều sâu nhân-bản mới
Lê tư-duy qua thị-trấn hoang tàn
Dăm hạt giống rơi mầm trên gạch ngói
Biết hẹn gì cho thế kỷ vừa sang ?

Nhưng tin tưởng trên tôi còn thượng đế
— Vàng trắng xanh soi lối đẹp đi về —
Nên chẳng sợ như ai ngày tận thế
Nhận cuộc đời nguyên vẹn sống say mê !

Vũ-trụ mới đơn thuần đòi định nghĩa
Nhưng vẫn làm nhân loại mến thương nhau
Trên nét mặt tên côn đồ vượt ngục
Cũng bán khoán ngày lịch sử bắt đầu !

PHAN DUY-NHÂN



SƠN và HẠNH

AI hỏi Sơn làm thế nào mà đi thoát và đi khó khăn làm sao, anh đều không nói hay nói rất ít. Những chuyện đó có nghĩa lý gì so với những nỗi đau rứt trong lòng anh. Vì anh chỉ đi được có một mình. Anh đã bó buộc phải để vợ anh ở lại ngoài Bắc, giữa những thiếu thốn, bất trắc và thứ nhứt là giữa sự cô độc trong một thời gian không ai biết ngắn dài.

Chính chị đã thúc anh đi, tuy rằng linh tính đã báo cho chị biết anh ra đi chị sẽ khổ lắm. Nhưng chị thấy không còn con đường nào khác, đi cả hai chắc không xong, mà anh ở lại còn nguy hiểm hơn.

Ở trong những tình cảnh đó, người ta không có rộng đường để chọn lựa. Nhưng Sơn cũng mất một thời gian khá lâu mới quen dần với ý nghĩ mình phải ra đi.

Sau đó là những đêm hai vợ chồng bàn tán sửa soạn. Tiếng người nọ thì thào tất hần ở trong tai người kia, thế mà có lúc họ cũng rùng người bất chợt tiếng mình giữa canh khuya trống trải. Có những lời nghẹn ngào không nói hết, có những tiếng thở dài não ruột, nhưng cũng có những dự tưởng rất lạc quan làm giảm bớt phần nào nỗi hãi hùng của hai người trước tương lai mịt mù. Có lần Sơn đã bảo vợ: « Khi

nào chúng mình gặp nhau, anh sẽ làm lễ cưới em lại ».

Nói vậy thì nói nhưng khi nắm lấy bàn tay khăng khịu của vợ, anh thấy những đốt xương đâm nhói vào đến tận tim anh, và anh cầm giữ thật lâu không muốn buông ra nữa.

Cả hai người cùng thấy việc ra đi không trì hoãn được, nhưng cả hai đều muốn lùi xa ngày khởi hành để kéo dài thêm đôi chút những phút sống bên nhau. Rồi ngày khởi hành cũng tới. Đêm hôm trước, chị Sơn sắp một đĩa hoa quả, một ly nước trong, thấp hương khăn vải, mà nước mắt chạy quanh. Anh vốn không hay lễ bái, nhưng đêm đó cũng thấy lòng tràn ngập một niềm nhiệt tín. Anh cúi đầu thật thấp như muốn nép mình xin sự che chở, rồi nhắc đi nhắc lại một lời cầu nguyện : « Lạy Trời, lạy Phật cho nhà con đủ can đảm » Lúc ngẩng lên, anh thấy chị đang meo máo trông đến thương hại, người chị vốn đã nhỏ nhắn nay càng thêm héo hắt. Bỗng chị khẽ lắc đầu như muốn sua đuôi một hình ảnh gì rồi bưng hai tay lên mặt khóc hu hu, không còn nghĩ giữ gìn kín đáo, mặc ai muốn nghe thấy thì nghe. Khi người ta đến chỗ khờ sờ cùng cực này, chẳng còn cái gì đáng làm cho người ta sợ hãi nữa.

Sau những cơn xúc-dộng mạnh-mẽ đó, chị tự nhiên thấy bình thản lạ lùng và chị gối đầu lên cánh tay anh ngủ một giấc thật ngon lành trong đêm ly biệt.



Đặt chân lên miền Nam, mấy ngày đầu Sơn chỉ bận tiếp khách. Nghe tin anh

vào, bạn bè thân thuộc kéo nhau đến hỏi thăm và thứ nhất là để nghe chuyện ngoài kia. Ông này bắt anh tả ngôi nhà cũ ở đường hàng Đầy, bà nọ đòi anh kể cho thật đầy đủ chi tiết cách sinh sống của mấy đứa em ở phố hàng Đào. Không mấy người nghĩ hỏi đến chị Sơn, không mấy người hiểu rằng tuy mới vào Nam được vài bữa, Sơn còn nóng lòng muốn biết tin ngoài đó hơn những người đã đi trước anh mấy năm.

Những ý nghĩ về chị chiếm hết thì giờ của anh. Trước đây hai vợ chồng dựa vào nhau sống mà còn thấy xiêu vẹo, nay còn lại một mình chị chống đỡ, không biết rồi chị làm sao mà chịu nổi đây ?

Sơn thấy như anh mới đi thoát có nửa người, còn một nửa nửa mắc kẹt bên kia. Nửa đó đau đớn làm sao, ê-chề làm sao, đều xót xa thấm thía sang đến cả nửa bên này.

Cái gì cũng làm cho anh cảm thương vợ. Một gia-đình người bạn mời anh đến dùng cơm, vốn biết sở thích của anh đã cho làm món bún chả. Đã lâu lắm anh không được dùng món này. Chả nướng thật khéo, bún thật ngon lành, lại thêm đủ các rau thơm, gia vị. Có lẽ lúc khác anh có thể một mình ăn hết những đĩa đã bày ra. Nhưng bỗng trạnh nhớ vợ đã có lần giữa một bữa cơm đạm bạc ước ao được ăn một bữa bún chả thỏa thích, Sơn tự nhiên thấy chua xót lạ và anh nói với vợ chồng bạn : « Bún chả khéo quá nhưng xin lỗi anh chị, dạ này bụng tôi yếu lắm không dùng được bún ».

Bất cứ một tin tức gì ở ngoài kia lọt vào đều làm anh chú ý. Nhận được tin đời sống khó khăn, công trường nặng nhọc, anh thương chị đến thần thờ cả người. Nhưng

nếu có một tin nào hừng lên như một tia sáng trong cái viễn tượng của cuộc tái hợp, như khi đồn sẽ trao đổi mấy trăm gia-đình, anh lại thấy lòng tràn trề hy vọng.

Nhiều tối, Sơn ngồi bên máy thu thanh theo dõi mục "nhắn tin về Bắc", nghe lời người khác mà tưởng chính tâm sự mình.

Đôi khi có chuyến máy bay đưa từ Lào về một số đồng-bào đã tìm được đường vượt qua biên giới, anh hồi hả chạy lên phi trường, biết là không có vợ mình, mà vẫn thấy hồi hộp.

Thỉnh thoảng anh cũng nhận được thư chị. Thư chỉ ghi mấy câu về sức khỏe hay cho tin tức người trong họ, nhưng sao đọc lên có một cái gì u uất nặng nề như nói chẳng nên lời.

Nghĩ đến những thiếu thốn chị phải chịu đựng, nhiều khi sắp tiêu một món anh lại thôi. Tiền để dành được anh cất cùng với những thư của chị vào một cái hộp riêng. Đó là một cái hộp bích quy bằng sắt thường, nhưng đối với anh hộp này là cả một kỷ-niệm. Hôm anh đi, chị đã xếp vào trong hộp mấy bức ảnh của chị, giấy giá thú, một hộp dầu cù-là, một ít tấm tre vót thật kỹ một cuộn chỉ gai và cả một nhíp nhỏ râu cùng một cái móc tai bằng đồng.

Sơn nghĩ thầm: "Khi nào cô ta vào, khoe cái hộp này chắc cô ta thích lắm".

★

Hơn một năm qua mà cũng chưa có gì báo hiệu anh sẽ gặp được chị. Sự nóng này ban đầu bây giờ đã thành một thứ bồn chồn âm ỷ. Cái buồn nhớ chị cũng không rức rối như trước nữa, y như người

bị kẹt tay lâu, qua những phút đau đầu tiên, chỉ còn thấy tê tê.

Trước đây buồn, anh ngồi một mình với mỗi tru-tu, không cần phải kiếm cách giải-trí. Bây giờ buồn, anh đã cần phải làm một cái gì khác. Anh sắm một cái cần câu, ngồi đề nhìn phao nhiều hơn để câu cá, nhưng được vài buổi lại xếp cần vào một số.

Sách báo mua về, nhiều khi anh đọc chỉ thấy chữ mà không thấy nghĩa.

Anh ra biển hóng gió, nhìn sóng nước mênh-mông mà ghê rợn cho sự lẻ loi của mình.

Càng tìm cách giải-trí càng thấy hiu quạnh. Không, anh cần một cái gì khác hơn là một sự giải-trí, cái gì như một bóng mát cho một cánh đất khô cằn. Có lúc tai anh tự nhiên vang lên một tiếng cười xinh xinh và anh tự hỏi: "tiếng cười này mình đã nghe thấy ở đâu nhỉ". Nhiều đêm, qua những mi mắt nhắm, anh thấy hiện ra một gương mặt thật lơ mơ nhưng rất khả ái, chẳng giống một ai mà anh đã từng gặp cả. Thôi anh biết rồi, anh thêm khát gì anh sợ là anh đã biết rồi.

Giữa lúc đó thì anh gặp Hạnh.

Hai gia-đình Hạnh và Sơn quen nhau đã lâu, lại ở cùng một đường ngoài Hà-Nội, nên nghe nói Sơn vào, Hạnh tới hỏi thăm tin nhà.

Hạnh lấy chồng sớm. Buổi đi ăn cưới Hạnh, Sơn ngồi ngắm Hạnh sừng sĩnh trong bộ áo cô dâu rồi nghĩ thầm: "Mình thật đến doảng, con gái cùng phố xinh thế này mà để cho một anh ở đâu đến cướp mất".

Đã lâu lắm rồi hai người mới gặp nhau. Mắt Hạnh có buồn thêm đôi chút nhưng vẫn cái sắc đẹp ngày xưa, thêm cái đậm đà mà chỉ cuộc sống mới mang lại cho người đàn bà. Trong lúc nói chuyện, họ không ngờ đã có một thời gian họ hững hờ với đời sống của nhau quá. Chồng Hạnh đã mất mà Sơn cũng chẳng biết, Sơn đã lấy vợ mà Hạnh cũng chẳng hay. Lúc tiễn Hạnh ra về, Sơn nói một câu như đề an ủi : « Cô thấy không, tôi có vợ mà y như một người góa bụa ».

Sau đó họ gặp nhau nhiều lần nữa. Họ nhắc lại kỷ-niệm ngày còn nhỏ và có lần Sơn nói với Hạnh : « Tôi hay chạy sang bên nhà chơi. Vui quá, đến bữa ăn cũng chẳng nhớ về. Bác gái một hôm đã phải bảo tôi :

— Tao cho mày con Hạnh đấy ! »

Hạnh khẽ cúi đầu mỉm cười, và Sơn bỗng thấy lòng mình sôn sao.

Hôm giỗ chồng, Hạnh mời anh sang chơi ăn cơm thường. Nhìn Hạnh đứng vái trước ảnh chồng, anh thấy lờ mờ như mình có lỗi gì trong cuộc đời dang-dở của Hạnh. Hạnh ở chung nhà với gia-đình một người bạn. Bữa ăn có cả hai vợ chồng người này và người chồng cười nói với Hạnh một cách thiếu ý-tử làm Sơn hơi khó chịu. Anh nghĩ thầm : « Hạnh không thể ở đây lâu được ».

Về đến nhà anh hãy còn bực. Tự nhiên anh thấy ghét Hạnh lạ, không muốn gặp nữa.

Nhưng Hạnh lại tới, vừa mới hỏi anh một câu, anh đã hết cả giận hờn. Màu áo của Hạnh hôm đó sao mà đẹp vậy. Anh cầm lấy tay Hạnh, nhìn sâu vào đáy

mắt Hạnh mà tưởng nghe thấy tim Hạnh đập.

Từ đó họ không nghĩ che đậy tình cảm nữa, Hạnh trông hây hây như cây non gặp nắng ấm, và Sơn lãng xang như một chàng trai quần quít tình đầu.

Mấy vợ chồng người bạn thân đã bắt đầu biết chuyện. Anh chờ đợi, nhất là ở nơi các bà, những lời cảnh-cáo thân mật hay ít nhất cũng một vài câu bóng gió nhắc anh tới nghĩa-vụ với người vợ đang bầu víu vào hy-vọng gặp chồng mà cần chịu mọi tê-tái. Nhưng không ai nói chi cả. Hình như các bà, tuy vẫn liên-kết chặt-chẽ với nhau trong việc bảo-vệ gia-đình, nay cũng tỏ ra hiểu biết trước cảnh-ngộ anh, và sẵn-sàng có một vài nhân nhượng.

Với các bạn gái anh đã ước hỏi : « Có lẽ tôi sắp nhờ anh làm phù rể đây »

Mỗi ngày những người xung quanh anh càng làm quen thêm với câu chuyện anh sẽ chung sống với Hạnh. Có lẽ khi chuyện tới thật, sẽ có người nói vào nói ra, nhưng hiện giờ thì họ để cho Sơn liệu mà xử sự, ai biết đâu mai sau thế nào mà tự dưng mang trách-nhiệm đã đồng tình hay phản đối. Nhưng đối với Sơn, đó là dấu hiệu chắc-chắn bạn bè đã tán thành. Chỉ còn sự thừa nhận của họ hàng nữa là xong.

Việc này có lẽ cũng dễ. Họ hàng ở đây chỉ có một bà chị ruột. Ông anh rể thì đã là một đồng lõa rồi, ông ta chả vẫn lái xe cho Sơn sang chơi nhà Hạnh là gì? Đối với bà chị, anh sẽ có một lý lẽ mà không một người đàn bà nào nặng lòng gia-tộc có thể bác bỏ được. Anh

tương-tượng ra cảnh anh đứng trước mặt bà chị, nói bằng một giọng buồn buồn :
 * Thầy mẹ được có hai chị em mình. Chị lấy chồng phải trông nom nhà chồng. Còn em bốn mươi mấy tuổi đầu rồi, có vợ cũng như không, con cái cũng chưa có nốt. Cho là hai vợ chồng em sẽ gặp nhau, không biết nhà em còn ở tuổi sinh nở nữa không ? * Chắc hẳn bà chị sẽ hỏi dồn : * Nào thế bây giờ cậu tính sao, cậu muốn chị giúp cậu như thế nào ? *

Anh hẹn với Hạnh chủ nhật tới, cả hai người sẽ cùng lại thăm bà chị, dò xem phản ứng ra sao. Lâu lắm anh mới sống một ngày rộn ràng như ngày chủ nhật đó. Mười giờ Hạnh mới tới, nhưng ngay từ sáng sớm anh đã chạy ra chợ, chọn mua một kí trái dâu để biếu bà chị, gần như một thứ lễ ra mắt. Rồi anh về nhà chờ. Anh đứng lên ngồi xuống, đi vào đi ra.

Nhưng thấy gói dâu anh chợt nghĩ :
 * nhà bà chị ít người làm sao mà ăn hết cả kí. Thôi gói cho Hạnh một ít. * Gói là một ít nhưng tay anh cứ bốc ở túi giấy nọ bỏ thêm vào túi giấy kia cho đến khi thấy hai túi bằng nhau anh mới thôi. Bây giờ phải gói lại mới khó đây, sao nhà hàng làm thì gọn-gàng thế ! Tay anh lóng cồng, túi giấy lung bùng, được đầu này thì đầu kia lấn ra mấy trái, mạnh tay lại sợ nát hết dâu, giá có một sợi dây nào thì tốt quá. À anh nhớ ra rồi, trong cái hộp bích quy đựng thư và giấy má, có một cuộn dây gai.

Anh lại bên tủ, lấy hộp ra. Vừa mở nắp anh bỗng để ý tới một gói bọc giấy trắng. Anh dở xem thì ra là mấy chục viên thuốc sốt rét rừng. Thuốc này, từ

lâu chị đã có thư xin anh tìm cách gửi ra để chị mang theo mỗi khi phải đi dân công. Anh mua rồi, nhưng bận những việc gì đã quên khuấy đi không gửi.

Anh lục thêm trong hộp sắt.

Hộp đầu cù là chị xếp cho anh hôm anh đi, vẫn nằm bên mấy cái tấm tre vót kỹ, cái nhíp vẫn buộc vào cái móc tai bằng đồng.

Rồi đến món tiền mà anh để dành chờ chị vào.

Rồi đến những thư của chị mà mỗi chữ đọc lên nghe như một tiếng nức nở.

Rồi đến giấy giá thú, trên mười hai năm rồi qua bao nhiêu biến-cổ mà giấy vẫn nguyên lành.

Rồi đến những ảnh của chị, mắt trông u-uất, miệng mếu máo y như bữa nào chị khẩn Trời, Phật cho anh đi bình yên.

Sau lưng bức ảnh hai người chụp chung, có một dòng chữ chị chép lại câu anh đã nói, nét chữ run run như toàn thân một người đang khóc :

* Khi nào chúng mình gặp nhau, anh sẽ làm lễ cưới em lại *.

Cả một cái gì như sụp đổ trong lòng Sơn. Anh nằm dài ra giường.

Có tiếng gõ cửa.

Anh vẫn nằm yên. Chẳng dậy mở cửa.
 — Mà cũng chẳng cất tiếng thưa.

P. V. T.

me vẫn
thương con

Cô MINH-XOÀ

Ai hỏi bà thằng Bôn ?
Bà chỉ cần làn môi
Bảo đừng nhắc nữa tên hư đốn
Hắn theo phiến-loạn trốn lâu rồi
Quên mẹ già tóc sớm ngả màu vôi
Bỏ em dại, bỏ vườn rau xóm nhỏ
Những buổi chiều nắng lịm dần lối ngõ
Mẹ ngừng tay nhặt cỏ, ngắm sao lên.
Trời bao la như lòng mẹ mộng mên.
Tuy giận hắn, mẹ còn thương hắn mãi
Trông sao rụng, mẹ rùng mình sợ hãi,
Tưởng đâu đây bay lạc một linh-hồn.
Tết sắp về, mẹ càng ngóng mong con
Nhưng hy-vọng như nắng chiều hấp hối.



Đêm hôm ấy,
Trời giông,
Mờ mịt tối.
Mẹ vẫn nằm trần trọc lắng nghe mưa.

Bàn tay ai khẽ động tám phen thưa,
Rồi tiếng gọi: Mẹ ơi, chùng hấp tấp,
Mẹ choàng mình thức gấp
Lén lén dậy, nhìn ra
Thằng Bốn về hốt hải tỵa hồn ma
Ôm lấy mẹ, hấn thì thảo nói nhỏ,
Lời run rẩy như đăm đìa mưa gió:
— Đừng đốt đèn, Ngồi đó, Mẹ ơi,
Con về đây chỉ có một đêm thôi.
Thăm viếng mẹ, rồi mai... »

— « Con trốn nữa ?... »

Mẹ hồi hộp với tay cài chốt cửa,
Nói vội vàng: « Đừng dại nữa con ơi,
Mẹ vì con đau khổ nửa cuộc đời
Đừng bỏ mẹ đừng gây nên tội lỗi »
Lời của hấn buồn buồn như sấm hối:
« Phóng lao rồi, con phải ngã theo lao,
Trở về đây, tụi nhục với đồng-bào.
Đi cũng chết, trở về đâu chắc sống. »
Nắm vai hấn, mẹ giật giào cảm-động
— « Con đã làm, Con chớ nghĩ bán-khoản,
Trở về đây, khi con biết ăn năn,
Thì tội lỗi không còn ai nhắc nữa
Con sẽ sống bình yên với vườn rau nếp cửa
Với mẹ già, với hàng xóm thân yêu.
Đời bình yên như gió sớm mây chiều
Con có mẹ, mẹ còn con mãi mãi... »
Trong đêm tối lời mẹ già êm ỏi
Như khuyên lơn, như dạy bảo, như vỗ về.
Thằng Bốn nằm giữa phàn lảng tai nghe
Hấn thở khẽ, Chùng bán-khoản tính toán
Lời mẹ hấn dịu hiền như gió thoảng
Ru con vào trong giấc ngủ triền-miên.

Hai canh rồi mẹ hẳn vẫn ngồi yên.
Bà suy nghĩ, buồn lo, không chớp mắt.
Không thể để thằng con theo lũ giặc
Lẽ cuộc đời trong tội lỗi lang thang
Mà mồ chôn là cuối xóm, đầu làng
Mà tiếng xấu muôn đời không rửa hết.
Mẹ quả quyết, lách mình qua tấm liếp
Đi vội vàng đến trại lính trong thôn...



Bà trở về,
Khí hán ngũ đang ngon.
Ba người lính bước vào lay hẳn dậy.
Hắn nhón nhác nhìn quanh, run lẩy bẩy.
— Mẹ, mẹ ơi!

— Không mẹ chỉ vì con!

— Mẹ, mẹ ơi!

— Không, mẹ muốn con còn

Còn mãi mãi với gia-đình êm ấm.

Nước mắt nhỏ trên má gầy lấm tẩm

Mẹ ghen ngào : Xin gửi mấy anh đây.

Thôi con đi...!

Hắn nhìn mẹ phút giây,

Rồi cúi xuống thân thờ vê mép chiếu.

Vỗ vai hẳn, anh lính cười, hiền dịu

— « Anh đừng lo, mai một sẽ bình yên... »



Trời sáng rồi,

Nắng sớm dọi vào hiên,

Người lối xóm đã ra đồng lác đác.

Mẹ tiên hợ ra sân,

Tay gầy che tóc bạc,

Mắt đỏ hoe vì thức suốt đêm dài...



TRUYỆN DỊCH

NGƯỜI BẢO HIỆU

Charles DICKENS

NGUYỄN-HIÊN-LÊ (dịch)

Tên Charles Dickens chắc không lạ gì với độc-giả. Ông là một tiểu-thuyết-gia Anh nổi tiếng ở thế-kỷ trước (1812 — 1870). Tuổi thơ của ông rất cực khổ ; mười hai tuổi đã phải thôi học, làm công trong một xưởng chế-tạo sạp ; sau chỉ nhờ ông hiếu học, kiên-nhẫn và cố tạt mà lập nên sự-nghiệp rực-rỡ trên oân đàn được khắp thế-giới biết tiếng. Dùng một bút pháp linh-hoạt mạnh-mẽ, luôn luôn cảm động, thường đi-dôm và mỉa-mai một cách nhẹ nhàng, ông bênh vực những kẻ nghèo, kẻ yếu, nhất là những trẻ em cơ cực, và một sát tánh già dối, ích kỷ của loài người. Những tiểu-thuyết thành công nhất của ông là David Copperfield, Oliver Twist, Nicolas Nickleby, Truyện Nô-en, Em gái Dorrit, Những may rủi bất ngờ của ông Pickwick...

Nhưng ngoài những truyện linh cảm và xã-hội đó, ông còn viết ít truyện ngắn có tính cách truyện kỳ, mà ít người được biết, như câu chuyện lạ lùng dưới đây đăng lần đầu tiên trong tạp-chí All the Year round, số đặc-biệt về lễ Nô-en 1866, dưới nhan đề là Mugby Junction (Ngã ba Mugby). Truyện là một truyện ma ở trong một bầu không khí lạnh lẽo ghê rợn và bí mật. Tác-giả tả rất tỉ-mỉ từ khung cảnh, trời đất, nhà cửa đến nét mặt, cử chỉ, tâm lý của nhân vật, chi tiết rất nhiều mà không rườm rà chi tiết nào cũng có công dụng riêng, làm cho ta ngạc nhiên, chú ý tới liền và hồi hộp theo để xem kết-cứu ra sao.

— Ê, chú kia!

Khi nghe thấy tiếng gọi như vậy thì hấn đứng trước cửa buồng nhỏ của hấn, tay cầm một cây cờ ngắn, lá cuốn vào cán. Thoạt tiên, ai cũng tưởng rằng hấn có thể đoán ngay được tiếng gọi ở đâu tới, mà không do-dự gì cả, vì hai chỗ cao thấp khác nhau xa; nhưng đáng lẽ ngược mắt lên đường cái, chỗ tôi đứng, ở bờ đường hào xe lửa, thì hấn lại quay mặt về phía khác mà nhìn đường rầy. Cửa chỉ của hấn có cái gì lạ, nhưng tôi không nhận được là cái gì. Tôi chỉ biết rằng cái gì đó đã làm tôi chú-ý tới liền; mà hình dáng của hấn đứng ở xa, tít dưới sâu, ở đáy hào, có vẻ co dúm lại, còn tôi, đứng ở một chỗ cao, tràn ngập ánh tà-huy của một nền trời đông-tỏ đến nỗi tôi phải lấy tay che mắt mới nhìn rõ hấn được.

— Ê, chú kia!

Thời không nhìn đường rầy nữa, hấn quay lại, và ngược mắt lên, trông thấy tôi ở tận trên cao.

— Có đường đi xuống dưới đó không? Tôi muốn nói chuyện với chú.

Hấn vẫn nhìn lên tôi mà không đáp, tôi nhìn xuống hấn không dám nhắc ngay lại câu hỏi hơi vô ích đó.

Đúng vào lúc ấy, đất và không khí rung nhẹ và một chút sau, chuyển động tàn bạo; rồi hiện ra một đồng lù-lù phăng-phăng chạy, làm cho tôi nhảy lùi lại, sợ bị lôi cuốn theo. Một đám khói từ chuyển xe lửa tốc hành, bốc lên tới tới, rồi tỏa ra xa, là là mặt đất; khi khói tan; tôi lại ngó xuống đáy hào và thấy

chú ta dương quần lại lá cờ mà khi xe lửa qua, chú đã phất ra.

Tôi lặp lại câu hỏi. Chú chăm chú nhìn tôi một lát rồi cầm cây cờ cuốn chỉ cho tôi một điểm ở trên cao, chỗ tôi đứng và cách tôi hai ba trăm thước. Tôi đáp lớn tiếng: « Hiểu rồi » và tiến lại điểm đó. Tôi nơi, tôi nhìn kỹ chung quanh và sau cùng tìm được một lối lờ mờ, ngòng ngoèo, đục sơ sài đưa xuống đáy hào: tôi theo con đường đó.

Hào đục trong đá cực kỳ sâu và vách dựng đứng lên. Đá càng xuống gần đáy càng ướt, nhớt. Cho nên tôi thấy đường đi hơi dài, và vừa đó tôi vừa nghĩ tới vẻ mặt gương gạo, và u ần của người báo hiệu khi hấn chỉ đường cho tôi.

Khi tôi xuống tới một chỗ thấp, lại trông thấy hấn, thì hấn dương đứng giữa đường rầy có vẻ như ngóng tôi lộ mặt ra. Bàn tay trái hấn đỡ cằm, khuỷu tay đó chống vào lòng bàn tay mặt mà cánh tay mặt đặt ngang trước ngực. Cửa chỉ đó cho tôi cảm thấy rằng hấn mong mỏi tôi dữ lắm, và tôi ngạc nhiên, ngừng lại một chút.

Tôi tiếp tục leo xuống, tới mặt phẳng của đường rầy, tiến lại phía hấn, và khi lại gần, tôi nhận ra rằng nước da hấn vàng nhợt, râu thì đen mà lông mày thì rậm. Chỗ hấn làm việc ở vào một miền cộ lậu nhất, thế lương nhất mà tôi chưa từng thấy. Hai bên là hai bức vách đá dẹo nham nhỡ, ướt át, và nhìn lên cao chỉ thấy một mảnh trời hẹp; nhìn về một phía thì chỉ thấy cảnh khảm đường mênh mông đó kéo dài ra, ngòng ngoèo; còn nhìn về phía kia thì chỉ thấy một

ngọn đèn đỏ âm-đạm để báo hiệu với miệng hầm (1) âm đạm hơn nữa, đen ngòm, đồ sộ, kiến-trúc cổ lỗ, man rợ, nặng nề. Ánh sáng mặt trời khó khăn lắm mới len lỏi vào nơi đó được, thành thử hơi đất âm thấp giết người lúc nào cũng bốc lên; lại thêm một ngọn gió lạnh thổi cuồng bạo tới nỗi tôi thỉnh thoảng thấy buốt người tưởng chừng như mới rời khỏi dương thế.

Tôi lại gần hán, gần như chạm hán mà hán vẫn trơ trơ. Mãi sau hán mới lùi lại một bước, đưa tay lên mà mắt vẫn không rời khỏi tôi.

Tôi hỏi chuyện Hán có thấy chỗ này cô liệu không? (...) Người lạ chắc ít khi tới đó lắm? Hán có thấy bức mình phải tiếp người lạ không? Còn tôi, chỉ là một người bị giam hãm suốt đời trong những khu chật hẹp, bây giờ mới được tự do, thấy thích xem xét những công việc lớn lao của sỡ hỏa-xa. Đó đại loại tôi nói với hán như vậy, nhưng không nhớ rõ những lời tôi đã dùng, vì tôi vốn không có tài bắt chuyện mà con người của hán lại có cái gì làm cho tôi ngại ngùng, e lệ.

Hán ngó về phía cây đèn đỏ ở gần miệng hầm, vẽ mắt rất kỳ dị, rồi xem xét chung quanh miệng hầm như có cảm tưởng rằng thiếu cái gì ở đó, sau cùng hán quay lại nhìn tôi.

Tôi hỏi có phải hán có phận sự coi ngọn đèn đỏ đó không.

(1) Xin đọc-giã đề ý: đường hào thì lộ thiên, đục ở sườn núi; còn đường hầm thì không lộ thiên mà đục trong lòng núi; xe lửa ở trong đường hầm lộ ra rồi chạy trên đường hào.

(Chú thích của dịch giả)

Giọng khàn khàn, hán đáp:

— Thì ông biết rồi mà.

Một ý quái đản hiện trong óc tôi; nhìn cặp mắt trùng-trùng đó, nét mặt cau có đó, tôi tưởng như đứng trước một hình ma chứ không phải một con người. Từ lúc đó tôi vẫn thường tự hỏi không biết tôi có nhiệm vụ gì nhiều tư tưởng của hán không.

Bây giờ thì chính tôi, tôi lùi lại. Trong khi đó, cặp mắt hán tỏ một vẻ sợ tôi vậy, ý quái đản trước của tôi tiêu tan.

Tôi rần rần cười, bảo hán:

— Chú ngó tôi y như chú sợ tôi vậy.

Hán đáp:

— Không biết tôi đã gặp ông lần nào chưa.

— Ở đâu?

Hán quay mặt, chỉ cho tôi ngọn đèn đỏ.

Tôi hỏi:

— Ở đó ư?

Hán tròn tròn ngó tôi, lạng lẽ gật đầu.

— Cứ này mới lạ lùng, tôi lại đó làm cái gì? Chú có thể tin chắc rằng chưa bao giờ tôi đặt chân tới đó.

— Tôi cũng tin vậy. Vâng, tôi chắc-chán vậy.

Hán có vẻ thoải-mái hơn, tôi cũng vậy. Hán đơn đã trả lời tôi, ăn nói thông-minh. Công việc của hán có nhiều không? Nhiều; thực ra, trách-nhiệm khá nặng, cần nhất là phải đúng giờ, chu đáo; còn thì chả có gì phải tốn sức mấy. Kéo dẫu hiệu này hoặc dẫu hiệu kia, gạt tim đèn, thỉnh-thoảng nhắc một cái đòn bẩy bằng sắt, đó công việc tay chân chỉ có vậy, còn

thì suốt ngày ngồi trơ trọi một mình. Tôi cho như vậy là khó chịu, thì hẳn cho là quen đi rồi. Ở chốn này, hẳn đã học được một ngoại ngữ, nghĩa là tập đọc trên sách, còn giọng thì hẳn theo giọng hẳn, phảng phất đúng; như vậy thực ra không thể nói là hẳn học ngoại-ngữ được. Hẳn cũng đã học phân-số và số lẻ, bắt đầu bước vô môn đại-số, nhưng từ nhỏ, hẳn không có khiếu về toán. Trong những ngày làm việc, hẳn có bất buộc phải ngồi hoài trong cái hào âm thấp, lộng gió này không; hay là có thể thỉnh thoảng leo lên khỏi những bức tường cao này mà tới những chỗ có ánh nắng kia không? À, cái đó thì còn tùy lúc. Trên con đường này, không phải lúc nào xe cũng qua lại thường như vậy, có giờ ít, có giờ nhiều, lại tùy trường-hợp nữa. Hôm nào tốt trời lắm thì thỉnh thoảng hẳn lên trên cho đó dạo chơi, khỏi cái miền tối om om này; nhưng vì lúc nào chuông điện cũng có thể réo lên được, nên hẳn tiến xa xa một chút thì lại càng phải chú ý nghe chuông, thành thử đi chơi cũng hết thú.

Hẳn mời tôi vô căn phòng của hẳn, trong đó có một lò sưởi, một mặt tủ trên trái một cuốn sổ lớn để ghi chép việc sổ, một máy điện tín có mặt đồng hồ và nhiều kim với một cái chuông nhỏ. Tôi tỏ vẻ thân mật, bảo hẳn rằng tôi coi hẳn có vẻ một người gia giáo, học thức cao hơn trình độ xã-hội hiện thời của hẳn (tôi hy-vọng hẳn không vì thế mà giận tôi); hẳn trả lời rằng trong xã-hội, vẫn thường có trường-hợp đó, như trong các nhà dưỡng bản, trong ti Cảnh-sát, cả trong Quân đội nữa, chỗ trú chân cuối cùng của những kẻ thất bại; và hẳn biết rõ rằng trong những công-ti hỏa-xa lớn, có một số nhân-viên như vậy. Hồi trẻ, hẳn

học môn vạn vật (thấy hẳn ngồi trong cái chòi tối tàn này thì khó tin điều đó quá; chính hẳn cũng không tin nổi) hẳn đã ăn học đàng hoàng, rồi sống một đời phóng dăng, bỏ lỡ cơ hội đến nổi xuống dốc và không sao leo lên được nữa. Hẳn không có quyền phàn nàn. Lỗi tại hẳn thì hẳn phải chịu. Trẻ quá rồi, không làm lại cuộc đời được nữa.

Hẳn bình tĩnh kể lại đời hẳn mà tôi tóm tắt lại như vậy; trong lúc đó cặp mắt đen nghiêm trang của hẳn hết ngó ngọn lửa lại ngó tôi. Thỉnh thoảng, ở giữa câu, hẳn lại kính cẩn « Thưa ông », nhất là khi hẳn kể đời xuân xanh của hẳn, như muốn cho tôi hiểu rằng hẳn chẳng cao quý gì hơn cái bề ngoài của hẳn đâu. Nhiều lần chuông kêu, làm hẳn ngừng câu chuyện để bắt tin và trả lời. Có một lúc hẳn phải đứng ở trước cửa, phất cờ khi xe lửa qua và truyền miệng một tin cho người thợ máy. Tôi nhận thấy hẳn làm phận sự đó một cách đúng đắn, cần mẫn lạ lùng: đương nói, hẳn ngừng ngay lại, làm xong công việc rồi mới tiếp.

Tóm lại, nếu không nhận xét thêm điều dưới đây thì tôi phải nhận rằng không có ai đáng tin cậy và hợp với công việc báo hiệu đó hơn là con người ấy: hai lần, trong câu chuyện, tôi thấy hẳn ngừng nói, tái mặt đi, quay về phía cái chuông, mà *chuông không kêu*, rồi mở cửa phòng (mà hẳn đã đóng lại để khi độc ẩm thấp ở ngoài khỏi vô) và nhìn về phía đèn đỏ ở miệng hầm. Cả hai lần, khi hẳn trở lại gần lò sưởi, mặt hẳn đều có cái vẻ bí mật không thể giảng được mà tôi đã nhận thấy từ khi nhìn ở xa.

Khi đứng dậy ra về, tôi bảo hắn :

— Tôi có cảm tưởng rằng chú là một người thỏa mãn về số phận. (Tôi hơi xấu hổ mà thú thực rằng tôi nói vậy để kích thích hắn thổ lộ tâm sự với tôi).

Hắn đáp, vẫn cái giọng khàn khàn mà tôi đã nghe thấy từ lâu :

— Hồi trước kia, tôi thỏa mãn về đời tôi, nhưng thưa ông, bây giờ thì tôi lo lắng lắm, lo lắng lắm.

Tôi thấy hắn chua chát ân hận đã lộ thốt ra như vậy.

Tôi liền hỏi ngay :

— Tại sao vậy ? Tại sao lại lo lắng ?

— Thưa ông, khó giảng lắm. Rất khó nói. Khó nói lắm.

Nếu ông có dịp trở lại đây, tôi sẽ răn kể ông nghe.

— Tôi nhất định thế nào cũng trở lại. Chú cho biết bao giờ tôi có thể tới được.

— Thưa ông, sáng mai tôi phải đi sớm, nhưng tôi sẽ trở về làm việc từ mười giờ tối.

— Vậy mười một giờ khuya tôi sẽ lại.

Hắn cảm ơn tôi và cùng bước ra ngoài với tôi.

— Thưa ông, để tôi cầm đèn rọi đường cho tới khi ông tìm được đường mòn — Giọng hắn khàn khàn một cách kỳ dị — Khi ông tìm được đường rồi, ông đừng kêu lớn tiếng nhé, và khi leo lên tới đỉnh, cũng đừng lớn tiếng nhé !

Nghe hắn nói vậy, tôi bỗng thấy lạnh người hơn, nhưng tôi chỉ trả lời :

— Đồng ý.

— Và tới mai xuống, ông cũng đừng la lớn nhé. Ông cho phép tôi hỏi một câu nữa. Tại sao ban chiều ông gọi tôi : « Ê, chú kia ! » ?

Tôi đáp :

— Tôi cũng không hiểu nữa. Phải, lúc đó tôi đã kêu lớn đại loại như vậy...

— Thưa ông không, không phải « đại loại như vậy » mà là đúng như vậy. Tôi biết rõ lắm.

— Ừ thì cho rằng tôi nói đúng như vậy. Nhưng có gì lạ đâu. Có lẽ chỉ vì tôi thấy chú đứng ở đằng xa kia, thế thôi.

— Ông không có lý do gì khác nữa chứ ?

— Vậy chứ theo chú còn có thể có lý do gì nữa ?

— Ông không có cảm giác rằng có một thần linh nào nhắc cho ông những tiếng đó ?

— Không.

Hắn chào tôi và giờ cao đèn lên. Tôi theo đường rầy mà đi xuôi xuống, có cảm-giác rất khó chịu rằng một chuyến xe lửa chạy tới sau lưng tôi, cho tới khi tìm được đường mòn. Lăn leo dễ hơn lần xuống và tôi về lữ-quán không khó khăn gì cả.

Y hẹn, tối hôm sau tôi trở lại, vừa bước chân tới đường mòn thì nghe đồng hồ gõ mười một tiếng ở xa. Hắn đợi tôi ở dưới chân dốc, tay cầm đèn.

Tới nơi, tôi bảo hắn :

— Tôi đã nghe lời chú, không la một tiếng đấy nhé, bây giờ chú cho phép tôi nói không ?

— Xin ông cứ tự nhiên ạ.

— Vậy thì, chào chú. Và tôi chìa tay ra.

Hắn cũng chìa tay ra.:

— Xin chào ông.

Rồi chúng tôi tiến song song tới căn phòng; khi vô rồi, hắn đóng cửa lại, và chúng tôi ngồi ở gần lò sưởi.

Đợi tôi an tọa rồi, hắn ghé lại gần tôi, nói nhỏ nhỏ:

— Thưa ông, bây giờ thì tôi nhất định không để ông hỏi một lần nữa nguyên do nỗi lo lắng của tôi. Tối hôm qua tôi ngờ ông là một kẻ nào kia. Đó tôi lo vì vậy.

— Lo vì nhận nhầm?

— Không. Vì kẻ đó.

— Ai vậy?

— Tôi không biết.

— Kẻ đó giống tôi?

— Tôi cũng không biết nữa. Tôi chưa trông thấy mặt mũi hắn bao giờ, vì hắn luôn luôn lấy tay trái che mặt, trong khi đưa tay phải ra vẫy. Hắn xua tay mạnh mẽ lắm. Như vậy nè.

Tôi nhìn theo cử động của hắn. Cánh tay hắn gạt gạt ra một cách hăng hái, cường nhiệt lạ lùng, như để bảo: « Trời ơi! Dang ra!»

Hắn kể với tôi:

— Một đêm trăng tròn, tôi ngồi trong góc này, bỗng nghe một tiếng kêu: « Ê, chú kia!» Tôi nhảy phắt dậy, ngó ra ngoài và thấy kẻ đó đứng dưới ngọn đèn đỏ báo hiệu ở miệng hầm: tay hắn gạt gạt như

tôi mới làm cho ông coi. Hắn la lớn quá thành thử giọng hắn khàn; hắn la: « Coi chừng! Coi chừng!», rồi lại la: « Ê, chú kia! Coi chừng». Tôi lượm cây đèn lên, quay nó về phía tấm kiếng đỏ, rồi vừa chạy lại hắn, vừa la: « Cái gì đó? Xảy ra cái gì đó? Nguy hiểm ở đâu?» Kẻ đó đứng ngay giữa cửa đường hầm tối đen. Lại gần, tôi lấy làm lạ sao vẫn cứ đưa cánh tay lên che mắt. Tôi chạy tới,

đưa tay ra nắm tay áo hắn, kéo xuống để xem mặt hắn, thì vừa lúc đó hắn biến mất.

Tôi hỏi:

— Biến vô hầm?

— Không. Tôi chạy vô hầm, tiến được năm trăm thước nữa. Rồi tôi ngừng lại, đưa đèn lên cao khỏi đầu, thấy trên vách hầm những con số chỉ quang đường, tôi nhận rõ những vật ẩm ướt, những giọt nước rỉ và chảy từ nóc hầm xuống. Tôi chạy trở ra, gặp hơn lần vô (vì chỗ đó làm cho tôi ghê rợn không thể chịu nổi) và tôi xem xét khắp chung quanh cây đèn báo hiệu bằng ngọn đèn đỏ cầm tay của tôi; tôi leo thang sắt tới nóc đường hầm ở trên cây đèn, rồi tôi leo xuống và trở



về đây, luôn luôn chạy. Tôi đánh điện tín cho hai trạm ở hai đầu : « Có người báo nguy cho tôi. Ở phía đó có gì bất thường không ? » Cả hai phía đều đáp : « Mọi sự như thường ».

Truyện đó làm tôi lạnh xương sống. Tôi chống cự lại cảm-giác đó, và rán chứng thực cho hấn rằng sự ma hiện hình đó chỉ là một ảo ảnh ; tôi bảo hấn rằng một số bệnh-nhân mà những dây thần-kinh rất tế-nhị ở mắt không được bình thường, thỉnh thoảng cũng thấy hiện lên những hình kỳ-dị ; rằng điều đó ai cũng biết, và chính bệnh-nhân rút cục cũng hiểu được nguồn gốc của bệnh, có khi tự thí-nghiệm về bản-thân mà tìm lấy ra được nguồn gốc đó nữa.

Tôi nói thêm :

— Còn những tiếng kêu tưởng tượng kia thì trong lúc chúng ta nói chuyện nhỏ với nhau đây chú cứ lắng tai nghe tiếng gió thổi trong cái thung lũng nhân-tạo này, nó làm rung những dây điện thành những điệu kỳ dị, khác gì làm rung dây một chiếc phong cầm không ?

Chúng tôi lắng tai nghe một lúc, rồi hấn cãi rằng tôi nói gì thì nói, hấn cũng không tin ; hấn biết rõ tiếng gió và tiếng dây điện vì mùa đông, một mình ở nơi này, hấn thường thức suốt đêm để nghe những tiếng đó. Và hấn bảo tôi rằng câu chuyện chưa hết mà.

Tôi xin lỗi đã ngắt lời hấn ; hấn bèn đặt bàn tay lên cánh tay tôi, chậm rãi kể tiếp :

— Không đầy sáu giờ sau lần ma hiện đó, một tai nạn khủng-khiếp xảy ra trên đường rầy, và không đầy bốn giờ

sau nữa, người ta chở những kẻ bị thương và chết trong đường hầm ra ; Chắc họ đã đi qua đúng cái chỗ mà tôi đã trông thấy gã đó.

Tôi rùng mình, nhưng gắng sức bình tĩnh bảo :

Nếu vậy thì phải nhận rằng đã có một sự ngẫu hợp khác thường gây cho chú một ấn tượng sâu như vậy

Nhưng cũng chắc-chắn rằng những sự ngẫu hợp kỳ-dị như thế vẫn thường xảy ra, và ta cần nhớ lẽ ấy mỗi khi xảy ra một trường-hợp tương tự.

Rào trước sự phản đối của hấn, tôi phải nói thêm :

— Tôi sẵn-sàng nhận rằng cả những kẻ sáng-suốt nhất cũng không tính tới những ngẫu hợp đó khi dự định mọi việc trong đời sống hằng ngày.

Lần này hấn cũng lại bảo tôi hãy nghe hấn kể nốt câu chuyện đã. Tôi lại xin lỗi hấn. Hấn lại đặt bàn tay lên cánh tay tôi, cặp mắt sâu hoắm liếc vội ra phía sau, rồi nói :

— Tai nạn đó xảy ra cách nay đúng một năm. Mãi sáu bảy tháng sau tôi mới bình tĩnh lại được, thì một buổi sáng lúc hừng đông, đứng trước cửa này đây, ngó về phía đèn đỏ, lại thấy hình ma đó.

Hấn ngưng nói và ngó tôi trừng trừng.

— Nó có la không ?

— Không. Nó yên lặng.

— Nó có xua tay không ?

— Không. Nó dựa người vào cột đèn, hai bàn tay che mặt.

Như vậy nè.

Lần này, tôi lại ngó theo điệu bộ của hán. Điệu bộ ghê rợn. Tôi đã thấy những ngôi mộ có những tượng khác điệu bộ đó.

— Chú có đi lại phía nó không ?

— Tôi trở vô đây ngồi, một phần vì muốn thu lại can đảm, một phần vì hình ảnh đó làm tôi đứng không muốn vững nữa.

Khi tôi trở ra thì mặt trời đã lên, hình ma biến mất.

— Rồi sau không có xảy ra gì chứ ? Không có tai nạn chứ ?

Hán đưa ngón tay trở chạm tôi hai ba lần mỗi lần hán gật gật đầu, vẻ thê thảm :

— Đúng ngày hôm đó, một chuyến xe ở trong hầm ra ; khi nó qua ngang mặt tôi, tôi thấy lò mờ, lỗ nhỏ những đầu người và cánh tay túm tụm lại ở cửa một toa nọ, họ đương vẫy vẫy cái gì. Vừa kịp nhận thấy là tôi kéo dấu hiệu báo ngừng. Người thợ máy tắt hơi, thẳng lại, nhưng chuyến xe còn trớn, chạy thêm khoảng trăm rưỡi thước nữa. Tôi chạy theo, vừa chạy vừa nghe thấy những tiếng kêu, la rùng rợn. Một thiếu phụ rất đẹp mới chết trong phòng của cô ta, người ta khiêng xác lại đây, đặt trên bàn này, ở đó, từ chỗ ông ngồi lại tôi.

Bất giác, tôi kéo lùi chiếc ghế của tôi lại ; mắt tôi rời chỗ sàn mà hán chỉ cho tôi để nhìn mặt hán.

— Thưa ông, đúng hết. Đúng hết. Những chuyện đó xảy ra sao thì tôi kể lại đúng như vậy.

Tôi không biết nói gì nữa, nói gì cho hợp lúc bây giờ ? Họng tôi khô. Tiếng gió thổi trong dây điện rên rĩ nào nuốt như để điểm thêm câu chuyện.

Hán kể tiếp :

— Thưa ông, vậy giờ đây, xin ông chăm chú nghe tôi rồi ông sẽ hiểu tôi lo lắng đến bực nào. Hình ma đó đã trở lại cách đây một tuần. Tỉnh thoảng hiện lên, không có giờ nhất định gì cả.

— Ở gần ngọn đèn đỏ ?

— Vâng, gần ngọn đèn đỏ báo hiệu.

— Nó làm những cử động nào ?

— Hán làm lại y như lần thứ nhất, nhưng hấp tấp hơn, mạnh mẽ hơn, những cử động như để bảo : « Trời ơi ! Dang ra ! »

Rồi hán tiếp :

— Từ bữa đó nó không để yên tôi một chút nữa. Nó kêu tôi, bằng mấy phút liền, giọng lo lắng : « Chú kia ! Coi chừng ! Coi chừng ! » Nó ra dấu cho tôi. Nó rung chuông của tôi...

Nắm được cơ hội, tôi ngắt lời hán :

— Tối hôm qua, trong khi tôi ở đây, có rung chuông trước khi chú bước ra cửa không ?

— Có. Hai lần.

Tôi bảo :

— Nếu vậy thì chú thấy đó, rõ là thần hồn nát thần tính rồi. Lúc đó tôi chăm chú ngó và lắng tai nghe cái chuông. Mà đúng là nó không reo, điều đó chắc chắn. Không. Trừ những khi nó reo vì có một nhà ga nào nói chuyện với chú, còn thì tuyệt nhiên nó không reo.

Hán nhún vai :

— Thưa ông, tôi chưa hề làm bao giờ. Tôi không bao giờ lẫn lộn tiếng chuông reo của ma với tiếng chuông của một nhân viên hỏa xa. Tiếng chuông reo của ma chỉ

là một điệu ngân rất đặc biệt, không do một nguyên nhân nào khác, tôi không thể nhận được là mắt tôi có thấy nó rung không. Ông không nghe thấy tiếng ngân đó, tôi không lấy làm lạ. Nhưng tôi đã nghe thấy.

— Và chú có cảm tưởng rằng hình ma ở đó, khi chú ngó ra ngoài không ?

— Nó đích thị ở đó.

— Cả hai lần ?

Hắn lặp lại, giọng cương quyết :

— Cả hai lần.

— Chúng ta thử cùng ra cửa ngó xem hiện lúc này nó có ở đó không nào ?

Hắn cần mồi, có vẻ do dự, nhưng cũng đứng dậy. Tôi mở cửa, tiến ra ngoài, còn hắn đứng ở trong khung cửa. Chúng tôi thấy ngọn đèn đỏ báo hiệu. Thấy miệng buồn thảm của cái hầm. Thấy những vách đá đỏ sộ và ẩm ướt của đường hào. Thấy sao trên trời.

Tôi hỏi :

— Có thấy nó không ?

Vừa hỏi tôi vừa ngó kỹ thấy mắt hắn như lờ ra, găng sức ; nhưng khi tôi nhìn về ngọn đèn đỏ thì mắt tôi có lẽ cũng như vậy chứ không kém.

Hắn đáp :

— Không, nó không ở đó.

— Đúng.

Chúng tôi trở vô phòng khép cửa lại, ngồi xuống. Tôi đương suy nghĩ nếu lợi dụng triệt để thắng thế ra sao, nếu quả thực tôi đã thắng thế, thì hắn tiếp tục câu chuyện, giọng hoàn toàn tự nhiên ; cơ hồ hắn không nghĩ rằng chúng tôi không đồng

ý nhau về vấn đề sự kiện, thành thử cái thế của tôi hóa ra rất yếu. Hắn bảo :

— Thưa ông, bây giờ chắc ông đã hiểu rõ rằng điều làm cho tôi lo lắng tới nỗi đó, là điều này: con ma đó muốn gì tôi ?

Tôi thú thực là chưa hiểu rõ. Hắn trầm ngâm nhìn ngọn lửa, chỉ thỉnh thoảng mới quay lại phía tôi.

Rồi hắn tiếp :

— Nó muốn báo tôi cái điềm gì ? Tai nạn ra sao ? Ở đâu ? Có một tai nạn lớn vốn đầu đó trên con đường này. Một tai nạn ghê gớm sắp xảy ra. Lần này thì tôi không có quyền nghi ngờ nữa sau khi đã mục kích hai lần trước. Bị ma ám như vậy, ông nghĩ có rùng rợn cho tôi không ? Tôi làm được việc gì đây ?

Hắn rút khăn mùi-soa ra chấm mồ hôi trên trán. Người hắn nóng bừng lên.

— Nếu tôi đánh điện báo nguy cho ga trước hay ga sau, hoặc cả cho hai ga — hắn vừa nói vừa chùi tay — thì là vô có, đã chẳng giúp ích gì cho ai mà lại có hại cho tôi nữa. Người ta sẽ ngờ là tôi điên. Đây, việc sẽ như vậy: Tin thứ nhất: « Coi chừng ! Nguy-hiểm đấy ! » Đáp: « Nguy hiểm vì cái gì ? Ở đâu ? » Tin thứ nhì: « Tôi không biết, nhưng tôi van ông, phải coi chừng đấy ! » Rồi người ta tổng cổ tôi đi. Có cách nào khác đâu ?

Về đau đớn của hắn làm tôi nao lòng. Đó là sự dày vò của một người có lương tâm, bị trách-nhiệm hành hạ vô cùng, một trách-nhiệm không hiểu nổi về sinh mạng của kẻ khác.

Hắn vuốt ngược mớ tóc đen, đưa tay lên trán mấy lần trong một cơn lo lắng như nung như nấu, rồi tiếp tục :

— Lần đầu tiên tôi thấy nó ở dưới ngọn đèn báo hiệu, tại sao nó không báo cho tôi biết tai nạn sẽ xảy ra ở đâu — nếu nhất định tai nạn phải xảy ra ? Còn như trái lại, nếu tai nạn có thể tránh được thì tại sao nó không chỉ cho tôi cách phải làm ra sao để tránh. Tại sao lần thứ nhì nó lại che mặt mà không báo tôi : « Thiếu phụ đó sắp chết đấy. Cô ấy phải ở nhà ». ? Và nếu, hai lần đầu đó, nó chỉ hiện ra để chứng thực cho tôi biết rằng điều nó báo đều đúng cả, như vậy lần thứ ba tôi phải tin nó, thì tại sao bây giờ đây, nó không báo cho tôi biết rõ đi ? Và tại sao nó lại báo cho tôi, Trời ơi ? Tôi, một tên báo hiệu khốn nạn lạc loại trong cái trạm cô-liêu này ! Tại sao nó không báo cho một ông lớn nào ở trên cao, được mọi người tin cậy và có đủ quyền để hành-động ?

Thấy hắn ở trong tình-trạng đó, tôi hiểu rằng chỉ còn cách là an ủi hắn, như vậy mới lợi cho hắn, mà cũng lợi chung nữa. Cho nên, bỏ cuộc cãi lý về sự hư sự thực của những ảo ảnh hắn đã thấy, tôi bảo hắn rằng kẻ nào tận tâm làm tròn bổn phận cũng là theo đường phải cả, và hắn nên yên lòng rằng hắn ít nhất cũng đã thấy rõ bổn phận của mình, còn chuyện ma hiện kỳ quặc đó thì kể làm gì. Lần này an-ủi như vậy tôi thành công hơn là cứ cố chứng minh rằng hắn lầm như những lần trước. Hắn bình tĩnh lại; đêm càng khuya thì công việc càng bắt hắn chú-ý hơn lên; và hai giờ khuya tôi từ biệt hắn. Tôi

có ngờ ý ở lại suốt đêm với hắn cho vui mà hắn không chịu.

Tôi phải thú rằng khi leo đường mòn lên, mấy lần nhìn ngọn đèn đỏ, tôi thấy nó làm sao ấy, và tưởng tượng nếu kê giường ở dưới ngọn đèn đỏ thì chắc tôi khó chợp mắt được. Tôi cũng không ưa câu chuyện tai-nạn, và câu chuyện thiếu phụ chết trong xe. Tôi phải thú thực như vậy.

Nhưng điều tôi băn khoăn nhất là đã được nghe những lời tâm tình đó thì thái-độ của tôi phải ra sao bây giờ ? Chắc-chắn là hắn thông-minh, cần mẫn, chịu khó và đúng đắn ; nhưng tinh thần thác loạn như vậy thì còn giữ những đức đó được bao lâu nữa ? Chức vụ tuy là hạ cấp, nhưng trách-nhiệm quan trọng. Như tôi đây, tôi có chịu giao phó tính mạng cho hắn không, trong trường hợp mà công việc của hắn quan hệ đến sự an toàn của tôi ?

Tôi vợ vẫn nghi hoài, nếu cho bề trên của hắn biết những điều hắn đã kể với tôi, mà không báo trước cho hắn rõ để tìm một giải pháp ổn thỏa, thì tôi có mang cái tội bất tín không ? Sau cùng tôi quyết định dắt hắn lại viên y-sĩ nổi danh nhất trong miền, và hỏi ý-kiến viên y-sĩ đó (tạm thời, tôi sẽ giữ kín bí mật, không cho ai biết, ngoài viên y-sĩ). Hắn đã bảo tôi rằng tối hôm sau giờ gác của hắn sẽ đổi ; hắn sẽ được nghỉ từ khoảng một hay hai giờ sau khi mặt trời mọc, cho đến khi mặt trời lặn. Tôi đã báo trước là lúc đó tôi sẽ tới.

Chiều hôm sau, nhân trời rất tốt, tôi đi

chơi sớm chút. Khi tôi đi ngang qua một con đường đất ở gần đường hào thì mặt trời chưa lặn hẳn. Tôi tự nhủ sẽ đi dạo độ nửa giờ nữa; phải mất nửa giờ để về, hết thấy là một giờ, lúc đó xuống phòng của người báo hiệu là vừa.

Trước khi tiếp tục dạo mát, tôi tiến lại bờ hào, vô tình ngó xuống đáy hào, vì hôm đó tôi đứng đúng vào chỗ mà tôi đã đứng lần đầu tiên khi thấy hắn.

Tôi rùng mình một cách không thể tả được khi thấy ở miệng hầm, hiện lên một hình người, tay trái đưa lên che mắt, còn tay phải thì xua xua mạnh mẽ.

Tôi sợ ghê gớm nhưng chỉ một lát thôi, vì sau tôi nhận ra rằng cái hình hiện ra đó đích thị là một người, và có một đám đông người khác ở gần người đó; ta có cảm giác rằng kẻ kia xua xua tay lần nữa để ra dấu cho đám đông. Ngọn đèn đỏ báo hiệu chưa thắp. Ở dưới chân cột đèn, người ta đã dựng một cái lều rất thấp bằng vài cái cọc và một tấm bố; lều đó không lớn hơn một cái giường, và lần đó là lần đầu tôi thấy nó ở chỗ ấy.

Linh tính báo cho tôi chắc chắn rằng có tai nạn, tức thì tôi vừa sợ vừa ân hận đã bỏ người báo hiệu ở lại một mình, mà cũng không báo cho công-ti hỏa-xa phải kiểm hành động và công việc của hắn, để đến nỗi xảy ra cái họa vô phương cứu vãn này; tôi rần hết sức chạy xuống dốc, hỏi những người ở tại chỗ:

— Cái gì đó?

— Thưa ông, chú báo hiệu chết sáng nay.

— Chú báo hiệu ở trong cái phòng đó phải không?

— Vâng ạ.

— Chú mà tôi quen ấy hở?

— Nếu ông quen chú ấy thì ông có thể nhận mặt được. — Người trả lời tôi câu đó, vừa nói vừa kính cẩn đỡ nón, trước khi vạch một góc lều — Mặt chú ấy không thay đổi gì cả.

— Tội nghiệp? Làm sao?... Tai nạn xảy ra làm sao?

Tôi vừa hỏi vừa ngó chung quanh, từng người một, trong khi tấm bố hạ xuống.

— Thưa ông, bị đầu xe lửa húc ạ. Có ai thạo nghề bằng chú ấy đâu. Nhưng chú ấy đứng sát đường rầy quá. Đúng lúc mặt trời mọc. Chú vừa mới tắt ngọn đèn đỏ, báo hiệu, cây đèn nhỏ còn trong tay. Khi xe lửa ở trong miệng hầm ra, chú quay lưng về đầu xe, bị xe húc văng ra trước. Đây anh chàng này cầm máy, đã tả cho chúng tôi thấy tai nạn xảy ra sao. Tom đâu, kể lại cho ông nghe đi.

Chàng Tom đó bận một cái áo giản dị màu sẫm; chàng đi lại đứng ở miệng hầm, và nói:

— Thưa ông, tôi đã qua khỏi khúc quẹo cuối cùng trong hầm thì thấy chú ta hiện ở đằng xa, như trong một ống kính.

Tôi không có thì giờ bớt tốc độ mà vốn biết rằng chú ấy cẩn thận lắm. Nhưng thấy chú ấy như không để ý tới tiếng còi, mà xe chạy tới sát rồi, tôi hăm còi lại, hết sức la lên.

— La ra sao ?

— Tôi la : « Ê, chú kia ! Coi chừng ! Coi chừng ! Trời ơi, dang ra ! »

Tôi giật mình nhảy lên.

— Thưa ông, ghê quá, ông ạ. Tôi la hoài la hủ. Tôi đưa cánh tay trái lên che mắt để khỏi phải thấy, và tôi xua xua bằng cánh tay mặt cho tới cùng. Nhưng vô ích.

Tôi không muốn kéo dài câu chuyện này mà nhấn mạnh đặc biệt vào một trong những hoàn cảnh kỳ dị nào đó ; nhưng để kết luận, tôi muốn đọc giả chú ý tới sự ngẫu hợp này : những lời người cầm máy la chẳng những đúng y những lời mà chú Báo hiệu khẩn nạn đó đã lập đi lập lại cho tôi nghe, vì đã ám ảnh chú, mà cũng đúng y với câu mà theo tôi (theo tôi, chứ không phải theo chú Báo hiệu và chỉ là ở trong tư tưởng của tôi thôi), hợp với ý nghĩa của những cử động mà chú đã bắt chước diễn ra cho tôi coi.

NGUYỄN-HIẾN-LÊ (dịch)



TRỐNG RỖNG

Gửi hai anh Lê, Nguyễn

Bút cùn mực cạn viết cho anh,
Giấy trắng hoang mang ý chẳng thành.
Gió lạnh hai trời, mây lác lổng,
Bụi mờ bốn phía, khói mong manh.
Vị đời đã nhạt thiên trường-hận,
Bước thế nào say chén viễn-tình.
Năm chục đường tơ lòng « Cầm-Sát »,
Đâu còn đọng lại một dư thanh...

Ngoại ô Sài-Thành, giữa mùa nắng 1960

BÙI-KHÁNH-ĐÀN

ĐỢI CHỜ

Trắng đục sa mù vây khắp nơi.
Bên bờ sông sớm, một mình tôi.
Đăm đăm lặng lẽ trông từng chiếc,
Từng chiếc thuyền ai hờ hững trôi.

Mộng biếc mang mang nước lẫn trời,
Mỗi lần thấp thoáng cánh buồm khơi,
Lòng tôi phơi phơi giương đôi cánh ;
« Thuyền của em ta hẳn đây rồi ! »

Ờ phải, em tôi đã chọn giờ,
Muốn về trong lúc nắng giăng tơ,
Xa hoa lót gấm trên dòng bạc,
Thêu bóng dứa xanh lá phất phơ.

Văng vẳng nghe khua tiếng nhịp chèo,
Lòng tôi giào giạt sóng vui reo.
Rồi khi thuyền đến, thuyền không đậu,
Đứng ngẩn ngơ buồn giữa quạnh hiu.

Chẳng biết thuyền em đã tới đâu,
Thái dương tàn bạo vội lên lầu.
Sông say quạnh quẽ năm thêm thiếp,
Dưới bóng dừa cao rủ tóc sầu.

Vạn vật mê man lịm giấc nồng.
Trưa giàu tuôn bạc chảy minh mông.
Trời lam vẫn một màu gay gắt,
Đâu cánh bướm êm mơn dịu lòng!

Lục lạo chân mây, mắt đã mờ.
Trời bao-la nắng, vắng bao la.
Chang chang nắng cháy trời khô héo ;
Đốt cháy lòng tôi lửa đợi chờ.

Mỗi phút u hoài một động thêm,
Chung quanh, sa mạc trái im lìm.
Tôi nghe trong khoảng đìu hiu ấy,
Quần quại lòng tôi nỗi nhớ em.

Em, lúc thuyền em ở bến sông
Vô tâm làm lỡ hẹn tương phùng,
Nghe chăng trên ngọn bướm, hơi gió
Chờ tiếng lòng tôi hát nhớ nhung!

Yã-Học NGUYỄN-VĂN-TRUNG

(Hoang đảo)

MỘT

MÓN

NO'

Phan-Du



HÔM nay tôi muốn nói chuyện về
« Hăn ».

Và « hăn » là ai?

Xin các bạn đọc-giả chờ vội lo ngại
khi tôi giới-thiệu.

Vì « Hăn » đây là một thằng « đều »,
Tôi nói là một thằng đều.

Tên thằng đều ấy là Văn-Khánh. Người
ta cũng thường gọi là « Khánh cao cồ ».

Và « Khánh cao cồ » cũng tức là thi-sĩ
Huyền-Vân, một con dĩ đực với tập thơ
tường-tượng « *Hỡi nàng áo tím của tôi
ơi* », cũng tức là... giáo-sư tri-tâm tướng-
số học Kanato người Nhật, là nhà chiêm-
tinh-học Ấn-Độ : với cái biệt danh Ấn-
Độ hơn cả Ấn-Độ : « *Maḡarisinotavore* »
và cái phòng lý-số bao trùm một bầu
không-khí rất huyền-bí ở ngay giữa thành-
phố Đà-Nẵng dạo nào, cũng tức là một
nhà ảo-thuật, một thôi-miên-gia có đủ

các phép thần-thông làm khiếp-phục đám bàn bà trẻ con tại các bến xe bãi chợ. Và cuối cùng hẳn là gã lưu-manh đã vì đàng-trí tưởng nhầm chiếc xe gắn máy của bạn là của mình rồi vì sự nhầm lẫn này mà phải nằm queo râu trong nhà lao một dạo khá lâu. Hẳn đấy!

Có lẽ trong các bạn đọc, những ai đã nghe cái đại-danh của hẳn đều không thể không vì tôi mà kêu lên :

— Thôi chết ! Một thằng đều mà lại là thằng « Khánh cao cò » thì nhất-định là một thằng đều chính-tông, một thằng đều hạng nặng rồi. Một thằng đều tận xương, tận tủy. Một thanh-niên hư hỏng hoàn-toàn rồi. Hơi đâu mà phải bận tâm đến cái thằng Trời đánh Thánh vật ấy.

Chính tôi từ lâu cũng đã nghĩ như thế, cũng đã kinh-tởm và đánh giá hẳn như thế. Tôi cũng chẳng biết thêm những gì về hẳn. Người ta há chẳng đã nói nhiều về « Khánh cao cò », đã nói rít cả tai về những lối bịp-bợm, những sự gian-trá, những cái xấu-xa, bi-ối, khốn-nạn của gã thanh niên đọa-lạc này rồi sao ? Và không muốn biết thêm cũng có nghĩa là không muốn gần. Ai trong chúng ta lại thích gần những tên đều-giả hạng nặng như vậy. Những điểm đáng e ngại nhất ở cái bản-chất của một thằng đều chính-tông, một thằng đều đã được công-luận khắc đậm vào trán cái dấu hiệu khó thể xóa nhòa như những dấu hiệu đã in bằng sắt nóng vào lớp da bò, là : sự thiếu thành-thực, sự xảo quyệt của giống tinh, giống ranh, là sự giả-hình, man-trá của loài mèo, là cái gian ngoan lật-lường của loài hồ, loài cáo. Và tất cả những hoạt-động của các thứ bần-tính ấy quay-cuồng chung quanh một cái trục vị-kỷ. Vị-kỷ

đến bất chấp cả mọi thiệt-hại của tha-nhân. Một thằng đều phải là một thằng vị-kỷ hơn ai cả. Vị kỷ đến tàn ác nhưng tàn ác một cách rất dịu hiền, tinh khôn, khó nổi mà ước lượng, phòng ngự. Gần với cái giống độc này thì nguy hiểm quá.

Cũng vì thế mà đã lâu lắm, tôi không muốn gần « Khánh cao cò ». Rồi băng đi một dạo hai năm trời, cái gã thanh-niên ranh-mãnh và óng-ả, chải-chuốt với mái tóc chải phồng lúc nào cũng bóng mượt, với cặp mục kính trắng gọng đôi-mỗi năm ngạo-nghễ trước đôi mắt mơ-màng như cổ tô-diêm cho gương mặt trắng-trẻo, tinh khôn của hẳn cái vẻ thông-thái, đạo-mạo của một nhà đại trí-thức, và chiếc cà-vạt đỏ, lúc nào cũng là đỏ, biến đâu mất tích.

Giữa cuộc sống ồ-ạt, náo nhộn, ngay trong phạm-vi của một thành-phố chật hẹp này, sự khiếm-diện của một thằng « Khánh cao cò » vẫn là một cái gì quá sức vô nghĩa. Hẳn đi đâu ? về đâu ? chết sống ở xá-xinh nào ? đó là những chuyện còn ít được đời quan-tâm hơn là cái chết của một con chó bị xe cán giữa đường hay sự hiện-diện của chiếc giày rách ai chơi ném vào trong vườn hoa công-cộng. Và chính tôi, tôi cũng quên hẳn từ lâu.

★

Mãi đến một buổi chiều thu gần đây tôi mới gặp lại Khánh cao cò. À thì ra cái « thằng đều » này vẫn chưa biệt tích. Hẳn còn sờ-sờ ra đấy.

Hẳn đã mò-mẫm trở về cái đất văn-vật này từ lúc nào, tôi đâu có biết. Chỉ biết là hẳn lại hiện ra như một con hồ-ly-tinh trên bờ sông Hương, bên tả ngạn, ngay dưới gốc

cây da sum-sê, bên cạnh một cái bàn nhỏ. Hẳn hiện ra giữa đám thây rùa, thây giò gà thường quy-tụ vào nơi này, mượn cái hoa-viên công-cộng làm đất dụng võ hằng ngày.

Tôi không chú-ý đến hẳn. Nhưng hẳn lại chú-ý đến tôi. Có lẽ hẳn ngỡ tôi là một ông khách hàng đang lò dò đi tìm một bậc minh-sư như hẳn đề nhờ đoán xem vận - mệnh mình chẳng? Khi nhận ra tôi chắc là hẳn thất-vọng, nhưng vẫn kêu lên :

— Anh-Phương ! Anh Phương !

Giật mình quay lại, thấy hẳn, tôi ngạc-nhiên bật cười. Tôi cũng kêu lên :

— À, Makarisinotavore tiên-sinh. Cứ tưởng chú chết ở xó nào rồi.

Hẳn cười soạt cả mồm. Rồi đứng thẳng người, hẳn nhún vai, lấy tay chỉ vào ngực :

— Phải : Chính đệ đây. Chính thẳng đều đây.

Tôi sực nhớ đến chuyện hẳn nhờ tôi quảng-cáo. Trước đây hai năm, một hôm nhân xem một tờ báo hàng ngày, tự-nhiên tôi chú-ý đến bức ảnh một người Ấn-Độ, đầu bịt khăn, mắt đeo kính, hàm răng trắng nhe dưới bộ ria đen, in bên cạnh cái tên bằng chữ lớn : *Makarisinotavore* "nhà chiêm-tinh-học Ấn-Độ. Và những câu quảng-cáo rất kêu về cái tài-danh lừng-lẫy khắp thế-giới của nhà chiêm-tinh-học này. Thế rồi cách vài hôm sau, tôi mới hiểu được vì sao tôi đã chú-ý đến bức ảnh. Thì ra *Makarisinotavore* lại chính là "Khánh cao cồ". Hẳn gửi đến tòa soạn một cái quảng-cáo như thế, một bản kèm bức ảnh nợ và kèm theo có một bức thư :

Kính huynh,

« Chắc Huynh sẽ bật cười khi biết
« rõ sự thật. Nhà chiêm-tinh Ấn-Độ
« trong ảnh chính là em út đấy. Tuy
« không được quen Huynh nhiều, nhưng
« biết chắc là Huynh không hẹp lòng gì
« với em út trong sự giúp đỡ em út về
« công việc làm ăn. Xin Huynh cho đăng
« khin vào báo ít kỳ. May ra có kiếm
« chác được khơ-khớ em út sẽ xin hậu
« tạ ».

Tôi biết là hẳn chẳng bao giờ chịu nhớ đến cái khoản hậu-tạ đầu hẳn có kiếm chác được khơ khớ tới đâu. Nhưng vì một lý-do riêng tôi vẫn cho đăng.

Lần này, vừa gặp hẳn, tôi hỏi đùa :

— Thế chú hậu-tạ tôi đâu?

Hẳn nhe răng ra cười :

— À, có một chuyến em "phạt-xôi" ghê lắm, đã định đáp phi-cơ ra hậu-tạ đàn anh một châu mặt-ten tại Quốc-tế đấy ! Nhưng chưa kịp đi thì lại...

Tôi mỉm cười :

— Bị ốm chả hạn.

— Không ! Không ! Bị tù mới chết chứ.

— Ở tù? Lại vì vụ gì nữa?

Thực ra đấy chỉ là một câu hỏi qua rào chứ tôi đâu có muốn hiểu rõ làm gì về những chuyện vào tù ra tội của một thẳng đều. Thoát được thứ của nợ này càng sớm càng hay. Nhưng "Khánh cao cồ" đã đứng vội lên, xun-xoe kéo một chiếc ghế đầu, với cái "bộ le bộ gió" thường lệ của hẳn :

— Anh ngồi xuống chơi đã mà. Mấy khi rông đến nhà tôm mà. Ngồi chơi đã. Ngồi chơi.

Rồi nhanh-nhau hắt móc túi, lấy ra bao thuốc M. I. C. đưa mời.

Tuy xa cách lâu ngày, nhưng tôi vẫn không nhận thấy ở hắn những thay đổi nào đáng kể. Hắn vẫn giữ mãi cái cốt cách của một thằng đều như thuở nào, Hắn vẫn trẻ trung, óng chuốt với mái tóc chải phồng láng mượt, cặp kính trắng gọng đôi-mồi, chiếc áo sơ-mi măng-sét cò cứng trắng tinh, chiếc cà-vạt đỏ có kẻ sọc trắng ở chính giữa, cái quần Dacron 58 thẳng nếp, đôi giày đen nhọn mũi, bóng nhoáng để lộ màu nâu duyên dáng của thứ bút-tất đắt tiền. Chỉ khác là dạo này trên cái gương mặt trắng trẻo điển trai của hắn có thêm một bộ ria đen mà thôi.

Giữa đám thầy rùa, thầy giò gà, hầu hết đều ăn mặc áo quần ta xoàng xĩnh, bần thiêu, ngồi lồm-nhồm như những con cóc rải-rác trong hoa-viên, « Khánh cao cồ » nổi bật hẳn lên như một con phượng ở giữa đàn gà. Nhưng chính sự khác biệt này lại khiến tôi phải vì hắn mà buồn cười, dâm ngượng và ngậm-ngùi thương hại hơn là vì những ông bạn đồng-nghiệp thâm khổ của hắn.

Tôi ái-ngại mím cười hỏi nhỏ :

— Về đây từ bao giờ ? Và tại sao lại không thuê một gian hàng như dạo nào mà phải ra ngồi ngoài trời như thế này.

Khánh cao cồ bậm miệng, nghiêng đầu về một bên, rồi thở dài :

— Mới về được hai tháng nay và bắt đầu gia-nhập vào cái hàng-ngũ thầy rùa

khốn-khò này được trên nửa tháng. Và tại sao à ? Tại vì đời.... một lý do rất giản-dị. Anh cứ nghĩ cái thằng tôi mà phải mang mặt ra ngồi đây để làm cái nghề ăn-mày khéo này thì thật là đã cùng đường rồi đấy.

Hắn lại thở dài. Và khi thấy tôi ngăm mãi bộ cánh của hắn, Khánh cao cồ đưa bàn tay dju nhuốc vuốt nhẹ mái tóc bóng mượt, cười lên hi-hi với bộ mặt ứng đồ.

— Có lẽ anh ngạc-nhiên vì lối ăn mặc của em út chứ gì. Bao giờ mà em chả ăn mặc đàng - hoàng như vậy. Nhưng thằng như em nếu đại ngộ mà không lo về hình-thức thì có mà chết đói. Đời vốn thích bịp. Anh đừng vội thấy bộ cánh thể này mà tưởng rằng em út dạo này khá lắm. Cái lối bảnh-bao này, anh phải coi nó là một phương-tiện làm ăn cũng như tất cả những thứ cần-thiết bày-bien ở trước mắt anh đấy. Ở đâu và nghề gì có hình-thức vẫn hơn cả. Một nguyên-tắc sống, chắc anh cũng hiểu hơn em ở chỗ đó rồi.

Rồi hắn hạ giọng, đưa tay chỉ đám thầy rùa chung quanh đấy :

— Chính nhờ ăn mặc thể này em mới lôi cuốn được nhiều khách hàng gọi là sang trọng và lấy được giá đắt hơn cái bọn lạc-xon kia... Chính nhờ cả cái lối bày-bien bịp đời này nữa.

Hắn hoa tròn bàn tay trắng-trẻo, mềm mại trở vào các thứ dụng-cụ trên mặt bàn và trên tấm vải trải dưới đất. Quả thực cái lối bày-bien đồ lễ của hắn trông cũng văn-minh và phong-lưu hơn cái lối « cồ-diễn » của đám thầy rùa ở đây. Giữa

lúc bọn đồng-nghiệp biết thủ phạm này vì ngại những cặp mắt hay dòm hành của các ông cảnh-sát, chỉ dám ngồi xồm hay xếp bằng hoặc bó gối co-ro trên những manh chiếu rách, thu mình một cách rất khiêm-nhượng phía sau một chiếc đèn nhỏ có phủ vải vàng hay giấy đỏ đặt trên tấm lát hoặc tờ giấy nâu trải rộng, thì "Khánh cao cồ" lại treo mảy một cách hoách lát phía sau cái bàn vuông thấp với sáu chiếc ghế đầu đóng bằng gỗ thừng.

Trên mặt bàn và tấm vải trắng đã nhục, trải rộng dưới đất, các thứ đồ lễ của Khánh cao cồ trưng bày trông cũng có vẻ "tân tiến" hơn nhiều. Ở đây tuyệt nhiên không có những dụng-cụ hành nghề lôi thôi, lạc-hậu, những pho sách hay lịch chữ Hán gói cẩn-thận trong chiếc khăn tay bần-thiu, những xâu giò gà khô teo, những nạm thề, những tấm vải bùa, những nén hương còn nguyên hay đang ngún cháy. Vì Khánh cao cồ đâu có phải là một hạng thầy giò gà tầm thường. Hắn là một nhà "tri tâm tướng-số học" đại danh. Hắn đã tự giới-thiệu như vậy bằng một tấm quảng cáo ở nhỏ lồng trong khung kính với một bức ảnh rất điển trai chứ không kỳ-quái bí-mật và "ngoại-quốc" như bức ảnh nhà chiêm-tinh Makarisi... gì đó đạo nào? Như thế đã hết đâu. Chính tấm vải trắng kẻ chữ nâu trải dưới đất mới nói lên nhiều hơn về cái tài của hắn qua những lối đoán xem chữ ký, chỉ tay, tướng mặt v.v... Và trên nền vải của chiếc khăn phủ bàn có vẽ hình bát-quái, hình mặt trời, hình quả tim, hình "chiêm-tinh đầu số" bằng màu xanh, màu đỏ, hắn còn bày la liệt nào là kính lúp, sách chiêm-tinh, hai bộ bài xì tây và rất nhiều ảnh. Ảnh của hắn, thôi thì đủ kiểu. Và

rất nhiều ảnh người lạ. Cứ theo lời giới-thiệu của hắn thì đây toàn là những nhân-vật quan-trọng trong các ngành hành-chánh có, quân-sự có, văn-sĩ, nghệ-sĩ có, bác-sĩ, giáo-sư có, đã nhờ cái tài "tri-tâm tướng-số học" và những pho cầm nang của hắn mà làm nên sự-nghiệp cả.

Trong lúc tôi ngắm cái ngôi hàng tướng số của hắn, Khánh cao cồ vô tình cầm bộ bài xì tây lên xóc đi, xóc lại. Tôi hỏi :

— Nhà tri-tâm tướng-số học mà cũng xài đến thứ đó sao?

Khánh cao cồ liền nhún vai, trề môi rồi cười xề-xề :

— Cái này là dành cho hạng đàn bà quê mùa dốt nát. Họ có biết coi chỉ tay, chữ ký đâu. Mình cần phải có "chiến-thuật giai-đoạn" chứ. Này anh xem...

Hắn nắm bộ bài úp sấp, hạ thấp xuống, xòe ra một phần trên, bảo tôi chỉ một con bài nào tùy ý. Khi đã chỉ xong, hắn hỏi :

— Anh muốn nó là con gì nào?

— Già Rô chả hạn :

Hắn liền xếp bộ bài, đặt nửa phần dưới lên bàn rồi chọn một con trong phần bài còn lại, lật ngửa ra, cười khá lên một cách đắc chí vì quả thực là con già rô. Hắn làm đi làm lại cái trò này ba bốn lần cho tôi xem rồi lắc đầu, chép miệng :

— Toàn là mảnh khoé vặt cả. Nhưng ăn tiền đây anh nhé. Đàn bà cứ thấy thế là phục lăn ra. Phục rồi thì mặc sức mà tin thầy.

Rồi tự-nhiên Khánh cao cồ đỏ mặt lên :

— Anh đừng cười em út. Với anh, em muốn nói thật. Em ít khi được nói thật. Chiều nay anh mà đến với em, ngồi với em như thế này là cảm-động hết sức.

Từ lâu nay em.... cô-đơn quá anh ơi. Gặp anh, em mừng tuy anh chả thích gì em đâu. Em biết. Nhưng cứ nghĩ rằng trước kia chưa quen biết gì mà nhờ anh đăng quảng-cáo, anh vẫn cứ đăng. Lại một dạo nào đấy, em út dối rưng rồn, đi lang-thang ở các vỉa hè cũng với cái bộ cánh bảnh-bao như thế này, anh đã ném cho mấy chục. Và giữa lúc này, anh lại chẳng ngại mà đến ngồi với em. Ừ chỉ nghĩ thế mà em út cứ thấy rằng với anh, ít ra em cũng được nói những gì mà trước những kẻ khác em cần giấu giếm hay chỉ thích câm lặng.

Trời đã sẫm tối. Đám thầy rùa « cò điền » chung quanh đây đã lục-tục thu xếp đồ lễ, mang gói, ôm tráp, biến đâu mất tăm, mất dạng. Tôi nhắc hẳn :

— Thôi tối rồi. Thu dọn mà về chứ.

Hắn lắc đầu :

— Thong thả với gì. Trời tốt. Ngồi nán một lúc may ra có người đến xem. Ngày

hôm nay ế quá. Với lại mấy khi được gặp một người biết đến em như anh để nói chuyện.

Rút điếu thuốc cuối cùng trong bao, hắn dốt hút rồi đưa tay bó lấy gói, bấu dài cã môi, lắc đầu :

— Tôi nghĩ mà buồn quá anh ơi ! Đời tôi chả ra cái quái gì rồi. Hồng !

Hắn ngừng lại, ngồi im, đưa mắt buồn rầu lạng nhìn vào con đường chạy dọc theo hoa-viên. Cả dãy phố Trần-Hung-Đạo lúc này đã bừng sáng lên với những ngọn nê-ông, điện đường và hăng hà sa số ngọn đèn màu lao-xao qua lại. Tiếng âm nhạc, tiếng ca hát oang oang phóng ra từ các máy truyền-thanh, tiếng động-cơ rít lên từng hồi gắt-gông, tiếng còi xe inh-ỏi, tiếng trống trường hát ì-ầm từ

xa nổi bật lên trong cái rào-rào, ù-ù của đám người và xe cộ qua lại tấp-nập.

Đang ngồi lạng người với cái vẻ chiêu dăm, nghĩ-ngợi, bỗng Khánh cao cò lấy tay vỗ mạnh vào đùi, chép miệng bảo tôi :

— Hừ, nghĩ cũng mĩa-mai thật. Nếu cần nói về em út thì cứ nói như thế này là hay nhất : có một thằng đều chải đầu láng mượt, thắt cà-vạt đỏ, mang giày mũi nhọn,



mặc quần là thẳng nếp, ngồi ở xó vườn này, nói bíp, án mày khéo đề rồi lắm bữa phải nhai bánh mì nguội mà dành phần cơm cho một bà mẹ già, một đứa em gái, bệnh hoạn cả hai. Em nói thật đấy ! Anh đừng nghĩ rằng em đã lấy óc tưởng-tượng mà đề ra một bà mẹ với một đứa em dâu. Đề ra đề làm gì mới được chứ. Nói thế ai thương.

Rồi hắn cúi xuống, kéo chiếc va-li đề ở chân bàn, lôi ra một gói giấy :

— Đây đây ! Em có nói đâu gì anh. Cứ hôm nào kiếm chác được, em lại tích cốc phồng cơm bằng cách này. Luôn luôn có hai ổ mì trong chiếc va-li này đề phòng cái ngày mai... đến tối. Vì cái nghề này thì luôn luôn có những ngày mai rất dễ sợ anh ơi, khi đã sống với nó mà lại đeo thêm hai nhân mạng quặt-quèo. Có những ngày mai trời mưa tầm-tã phải nằm queo ở nhà mà nhờ râu trừ cơm, có những ngày mai trời thật tốt nhưng cái bọn " mê tín " chúng tàn-mác đi ngã nào mất biệt đề mình chả có ai mà bíp, cứ phải ngồi ngáp lên, ngáp xuống như đồng.

Hắn đứng lên cười rử-rượi, nói như muốn khóc :

— Nhưng đây cũng là cái nghề cuối cùng mà em phải bám víu lấy. Tuy tối mạt bản tiện, nhưng ít ra nó vẫn còn là cái cần câu cơm đề cho em sống qua ngày theo cái sở thích của em.

Cái cốt-cánh công-tử bột, gương mặt thông-minh, sáng-sủa, lối ăn nói trôi chảy, văn-hoa của " Khánh cao cô " lúc này làm cho tôi phải cảm cảnh vì hắn trước những câu nói ấy. Tôi liền hỏi :

— Tại sao trước kia không tìm công

việc gì mà làm. Tôi xem anh cũng không kém về văn-hóa lắm. Tại sao lại cứ lang-thang mãi thế. Việc gì cứ phải theo đuổi mãi nghề tương số.

Tự nhiên Khánh cao cô nhú mày lại, nhìn sừng tôi. Hắn nhìn sừng với cặp mắt hần-học :

— Ủ, anh hỏi em một câu mà ông Chánh-án đã hỏi cách đây một năm về vụ em bíp con mẹ Hoa-kiều ở Đà-Nẵng đề lấy một vạn rưỡi đồng. Em bíp bằng khoa " Tri-tâm tương số học " đấy. Nhưng vì cái lối bíp của em nó còn vụng dại quá nên tiền thì không lấy được mà lại phải ăn thêm cơm tù. Kề ra ở tù cũng khỏe anh ơi, nếu em không có một bà mẹ và một đứa em bệnh-hoạn.

Hắn vắt màu thuốc lá, ngồi trở xuống ghế, chống khuỷu tay trên đùi và úp mặt vào lòng hai bàn tay. Mái tóc bóng mượt, gọn-gàng của hắn lúc này xù xuống hai bên mép tai như hai cánh con gà mái ủ-ấp đàn gà con hoảng sợ, tạo cho hắn một vẻ bơ-phờ đáng thương hại :

— Đời em có hai lần đại ngộ. Và sau đó là... hết đường làm ăn. Em biết đời em hỏng là do em. Nào em có bào chữa, biện-hộ gì về chuyện ấy đâu. Em còn trẻ tuổi, nông nổi, khờ dại mới gây nên cơ sự như thế này. Nhưng nếu được sống giữa một xã-hội giàu tình thương yêu xây dựng hơn thì em đã đến nỗi nào.

Hắn lại ngẩng lên nhìn tôi. Lần này mắt hắn ửng đỏ và ướt :

— Đời em có hai lần đại dột. Lần thứ nhất em đại vì únh chính-trực và cái

khí-phách làm người mà tâm-hồn em, thuở còn trong trắng có lẽ đã được tiêm-nhiễm qua sách vở hay bởi đâu nữa em không được rõ lắm. Cái tính em nó thế. Tính đầu bò, không chịu vì miếng ăn mà khuất nhục. Trước kia, khi sự nghiệp của cha mẹ em đã bị tiêu điều vì chiến-tranh, em đang học đệ lục phải bỏ dở. Về sau, em làm cán-bộ văn-nghệ, lương được hai ngàn rưỡi. Kề cũng đỡ khò. Nhưng gặp phải cái thằng trưởng-ban nó đều-giả quá. Nó chỉ chuyên-môn nịnh hót « quan thầy » và gây ỉn-nhiệm với cấp trên bằng cách bịa chuyện nguy-hiêm mà báo cáo để làm hại anh em. Em ghét nó quá. Một hôm nó lên mặt làm đốc với anh em trước công-chúng, em không nhịn nổi cái tức khí trong lòng nên đã nện cho nó mấy quả đấm vào mặt đến trào cả máu mũi và suýt nữa mắt hấn bị lòi tròng ra. Hấn liền báo cáo. Hấn báo-cáo hôm trước thì hôm sau em đã bị sa thải. Anh nghĩ cái nghề ăn lương phù-dộng thì chuyện sa thải thật chả khác gì cái chuyện vứt đi một tấm giẻ rách.

Hấn bặm miệng, nuốt nước bọt rồi buồn rầu rùn cò kể tiếp :

— Thế rồi... họa vô đơn chí anh ơi. Lúc cho thằng trưởng ban ăn mấy quả đấm là em bắt cần. Có ở tù em cũng dèch sợ nữa là sa thải. Nhưng khi về đến nhà em mới tỉnh-ngộ mà đâm hoảng lên. Cái thực-trạng của gia-đình nhắc em rằng không phải em chỉ sống cho một mình em dễ mà có toàn quyền hành-động theo tiếng gọi của cái khí phách làm người như vậy. Ngoài em ra, còn có một bà mẹ già và một đứa em gái bệnh-hoạn đấy. Trước hai cái bề bệnh ấy, và sự nghĩ đến ba cái dạ dày đã

sắp lép-kẹp, em mới toát cả mồ-hôi mà nhận thấy là em trẻ con quá, đại ngộ quá. Giá em biết dẫn lòng như bao nhiêu anh em khác, đừng làm cho cái mũi của thằng trưởng-ban đều-giả kia phải sập xuống và trào máu ra thì hay hơn. Nhưng đã muộn rồi. Muộn rồi khi đời dạy cho em biết rằng những cái gì đẹp-đẽ mà đạo-lý khuyến-khích thì cuộc sống lại càng miệt-thị, căm thù. « Khánh cao cồ » ngừng lại với vẻ thất-vọng :

— Đây là lần thứ nhất. Và lần thứ hai em đại ngộ vì tính thành-khần, vì trung-thành với tiếng gọi của lương tâm. Trong hai tháng trời, chạy cời đầu cời cò phần tìm việc làm không ra, phần phải xoay trở cho có cơm, có thuốc, lần lần em cảm thấy cái lưới nghèo túng nó cứ thắt vào chặt thêm, chặt mãi cho đến một lúc em không còn cựa quậy gì được nữa. Bận bè lơ cả, bà con không, nợ nần càng ngày càng nhiều. Thế rồi túng thì phải tính. Vụ xe gắn máy chắc anh cũng biết. Em cuộm chiếc xe gắn máy của một thằng bạn giàu có, đem bán quách. Tuy lần đầu tiên mới biết xoay trở của thiên hạ chơi đấy, nhưng công việc em làm đều trôi chảy kín nhem cả. Kề ra nếu em cứ im luôn thì đã làm sao. Nhưng em đại.

« Khánh cao cồ » lắc đầu và lộ vẻ hối tiếc :

— Em đại thật anh ơi : Khi đã thơ bốt trí về mặt tiền nong thì em lại đâm ra hối-hận. Lương-tâm em cắn rứt. Em khó chịu quá. Em bèn mời thằng bạn ấy về nhà, thú thật với hấn cái việc làm tồi bại của em. Em chỉ cho nó thấy mẹ em, em em quần quai trên giường bệnh, em khóc-lóc với nó.

lay dài nó, cầu xin nó thông-cảm tình-cảnh và cái động-cơ lỗi-lầm của em, yêu-cầu nó đáp, nó chửi nó sỉ vả em nhưng tha-thứ cho em để em sẽ tìm cơ-hội mà đền đáp ơn dày, nghĩa trọng của nó. Nhưng vô ích. Nó không chịu là không, tuy nó là con nhà giàu có và thường bỏ bạc ngàn ra cho gái. Nó nhất định không thì em phải ngồi tù vậy.

* Khánh cao cồ * xin tôi một liều thuốc, phỉ phèo mấy khói rồi tiếp :

— Năm trong nhà lao có lắm lúc em đâm ra hối-hận. Em hối-hận vì sao em lại không điem - nhiên bỏ mặc cho mẹ và em gái chết quách đi vì thiếu thuốc, thiếu cơm còn em thì cứ học cái khí-tiết của các cụ quân-tử uống nước lã, gói tay mà nằm ì ra đấy. Như thế em đâu có phải ngồi tù, Nhưng em không thể thân - nhiên như vậy được vì em cảm thấy cái đạo quân-tử ở trường-hợp em thì bất nhơn quá và bất hiểu nữa. Lại cũng vì em dại ngộ mà không biết rằng cái chuyện bất nhơn, bất hiểu như vậy giữa cuộc sống này là những gì chưa đáng được chú-ý chưa đáng được coi là nguy-hiểm, chưa đáng phỉ nhổ nguyên-rùa bằng sự đánh cắp một chiếc xe gắn máy của bạn và mặc dầu đã quyết tâm cái quá đến đâu. Đó là một ý-niệm về tội-lỗi mà pháp-lý đã dạy em. Kể ra thì cũng phải nhìn nhận là đúng rồi đấy chứ sao nữa. Nhưng mỗi khi phải chấp-thuận thì cái con người tình cảm của em, trong cái hoàn-cảnh cùng quẫn, lại cảm thấy ớn nghẹn quá chừng, anh ơi.

Hắn bồng lại gục đầu vào hai bàn tay, ngồi im như ngắt lặng đi. Mãi một lúc lâu hắn mới tiếp :

— Thôi thế là hết. Với những thành-tích bất hảo như vậy, là hết, đừng có hòng mà gõ cửa bất cứ một sở công nào, và cả sở tư nữa. Vì ở đâu mà không có người biết mặt em, một thằng đều của cái thành-phố này. Còn muốn đi xa mà làm ăn thì bỏ mẹ với em cho ai đấy.

* Khánh cao cồ * ngừng nói, đưa tay bóp trán. Tôi thấy đôi mày hắn nhíu lại với cái dáng nghĩ ngợi vất-vả như một nhà tư-tưởng đang chìm đắm trong một cuộc suy-tư gay cấn. Như thế một lúc lâu, hắn lại nhìn tôi :

— Nói thế cũng chưa thật đúng. Còn có một lý-do khác hơn. Sau hai keo bị cuộc sống vật ngã ấy, tự-nhiên em cảm thấy trong em có một cái gì lạ lắm anh ơi! Một trạng thái... thế nào ấy. Em thấy rằng có một cái gì nó thúc đẩy em đến một cái gì... gần như là cái hứng phục-thù, trả đũa, cái hứng làm cho bỏ ghét phục-thù, trả nũa, bỏ ghét ai? Em cũng chả biết. Em chỉ biết là em thích sống lãng-nhãng, thích sống phóng-túng, thích đều, thích bịp. Nhưng em không có gan cũng chả có tài của bọn đại gian hùng, do đó em lại thích sống với nghề tướng số. Giáo-sư Kimato, Makarisinotavore, ảo-thuật-gia, thôi miên-gia, hi hi... và bây giờ đây là thầy rùa chết dịch ở cái hoa-viên công-cộng này.

Hắn ngồi lặng người như mãi nghĩ ngợi về một chuyện gì. Rồi một lát sau hắn tắc lưỡi, đứng lên nhìn quanh-quất :

— Thôi chả có ma nào nữa mà chờ. Dọn quách về cho rồi.

Vừa cúi xuống dọn đồ đạc, hắn vừa bảo tôi :

— Nói thật với anh, em cảm thấy cô-đơn quá, bơ-vợ quá. Đi trong cuộc đời em nghe lạnh lạnh. Có lẽ đó cũng là một trong những lý-do thúc-dẩy em chạy theo một đời sống lang-thang như em đã sống lâu nay. Năm nay thế là đã gần hăm tám tuổi đầu rồi. Bạn bè không, bà con không, tình-yêu không. Ái-tình chưa thăm viếng em bao giờ cả. Em nói điều này liệu anh có tin được không?

Ngẩng mặt lên nhìn tôi, hần cười :

— Nhưng ái-tình đối với em là chuyện viễn-vọng quá: Vì tình thương mà đời em còn chịu thiếu thốn nhiều huống nữa là tình yêu. Ma nào nó thêm yêu em.

Hần đưa lên ba ngón tay trước mặt tôi:

— Em nói thật. Đời em từ dạo bắt đầu bị hồng căng trong cuộc sống đến nay chỉ có ba người mà em phải thâm cảm cái ơn tri ngộ. Trước nhất là một thằng bạn. Nó thương em lắm. Cứ mỗi lúc em, bị đói độ ba bốn hôm thì nó lại ở đâu dẫn xác về để đồ hồ, đồ cháo cho em tỉnh ra, rồi kéo đi ăn. Lần bạn vì đói quá, được nó cho ăn nhiều, em mửa đến tràn nhà, tràn cửa. Chỉ có một thằng bạn độc nhất trên đời như vậy thế mà rồi trời xui đất khiến làm sao nó lại bị ô-tô cán cho lòi ruột ra, tài quá. Thứ đến là một thằng đều đã truyền-thụ cho em cái khoa tướng-số này để bịp đời mà kiếm ăn. Thằng đều là thiên hạ gọi thế chứ em thì phải tôn xưng hần là sư-phụ mới đúng, vì có hần mới có Makarisinotavore, mới có Kinato, mới có nhà ảo-thuật này nọ. Anh tính có mẹ, có em như vậy khó mà đi xa được. Nhưng dạo ấy nguy-ngập quá, em chạy ầu vào Đà-nẵng định đến xứ lạ thế nào cũng dễ tìm việc

hơn. Thế mà rồi ở đấy, cũng có đứa nó biết mặt em, nó dèm pha những chỗ người ta đã muốn dùng mình. May nhờ có thằng đều ấy mà em tìm được con đường sống.

Khánh cao cõ ngừng tay lại, đứng thẳng lên, chống nạnh nhìn tôi :

— Và thứ ba là anh đấy. Anh đã quảng-cáo hộ cho em, đã ném cho em mấy chục bạc lúc đói, đã không ngại cái chỗ tồi tàn này, không hổ người vì em mà đến với em. Anh nghĩ có buồn không? Chỉ những sự bố-thí, chia sẻ tình thương yêu tối thiểu như vậy mà đối với đời em, cũng là rất hiếm. Thật là hiếm hoi như những hạt vàng trong bãi sa mạc... Cho nên chiều nay anh làm em cảm-kích vô cùng. Em cảm-tạ anh thật-sự đấy.

Khánh cao cõ nói bằng một giọng chân-thành quá đến nỗi tôi phải dậm ngưng cho tới với cả một xúc động mãnh liệt trong lòng. Tôi càng nhìn hần, càng thấy ngưng nhiều. Tôi ngưng vì tại sao lúc này tôi vẫn cứ im lặng được để tiếp nhận ở một thằng "đều" sự tri-ân của hần về những cử-chỉ của tôi mà hần đã tưởng lầm là những biểu-hiệu của một tấm lòng thương yêu chân-thành. Chao ôi ! Tôi đã đăng quảng-cáo cho hần. Nhưng nếu trí nhớ tôi không lầm lẫn, thì chính vì cái quảng-cáo của hần đã tới đúng ngay vào lúc tờ báo "lá cải" của tôi phụ-trách còn thừa một khoảng trống khá lớn mà tôi chưa biết nhét cái gì vào đấy cho nó dễ coi. Tôi đã ném cho nó mấy chục bạc thật đấy, nhưng chừng như vì sự chú-ý của đám đông hơn là vì cái dạ dày lép-kẹp của Khánh cao cõ. Và tôi đã tới đây, hơi ôi, chỉ vì một cuộc nhân tâm tình cờ, đã ngồi cùng hần với tất cả cái miễn-

cường của kẻ bị tù đày, đã mấy lần muốn kiếm cơ để tẩu thoát. Ấy thế mà thằng đều nợ đã phải cảm-dộng để tỏ lòng tri-ân. Và tôi, tôi vẫn cảm-lặng chấp nhận với cái bộ mặt rất dễ coi của hạng người "dàng thằng" trong xã-hội, không có may may can-đảm để dám bóc trần cho hắn thấy những động-cơ chẳng lấy gì làm tốt đẹp ấy. Tự nhiên tôi đâm ra bàng-hoàng và phân-vân, không biết hắn với tôi lúc này ai thành-thực hơn ai, ai là thằng đều nếu hiểu cái nghĩa đều là không thành-thực chút nào. Tôi cảm thấy khó chịu đến muốn lần trốn cả những cái nhìn của hắn. Nhưng tôi vừa định đứng lên thì Khánh cao cò đã cười lên khanh khách :

— Đời ghẻ lạnh với em quá, Cái nghề này lại thật là bấp bênh. Nhưng cần gì, cứ vui, cứ sống, đầu ngày mai có phải nhá bánh mì nguội. Anh coi hộ chiếc va-li, em đi gọi bộ bàn ghế.

Sau khi đã thu dọn xong đầu đũa, Khánh cao cò bắt tay tôi, từ giã ra về. Cũng không hiểu sao mắt tôi lúc này không thể rời được bóng Khánh cao cò tay ôm áo mưa, tay xách xa-li đang lúi-thúi rảo bước và có vẻ lạc-lỡng, bơ-vơ giữa cảnh rộn-rịp, hoa lệ của phố-phường về đêm. Tôi thấy như tôi còn mắc hắn một món nợ cần được thanh-teán cho lòng phẳng tôi mới yên lòng. Món nợ "thành khản". Tôi đã ăn cướp lòng tri ân của hắn, một thằng đều thành - thật hơn tôi.

Tôi vội rảo bước theo hắn. Để làm gì ! Lúc này tôi hoàn-toàn hành-động theo sự mời mọc của buồng tim chứ không phải vì sự thúc đẩy của lý-trí. Tôi chỉ muốn đi theo hắn thế thôi. Cũng đã có

một lúc tôi đâm ra hoài-nghi những lời nói của hắn vừa rồi, vì cái bản-chất của hắn vốn là đều-giả. Một thằng đều thì có nói cái gì là thật. Hắn chẳng tri-ân tri-huệ cái cóc khô gì đâu. Và có lẽ hắn cũng chẳng có mẹ, có em gì ráo. Còn về tình thương ! Một thằng đều thì còn biết thương ai để có quyền đòi-hỏi tình thương của đời. Và chắc đâu hắn đã khao-khát tình thương bằng khao-khát những bợn "cá úm" để hắn có thể bịp mà kiếm cái ăn hằng ngày như giống nhện nằm trong lưới khao-khát ba con ruồi, con muỗi. Tuy vậy, tôi vẫn cứ lại phải lò-dò theo bóng hắn mãi, theo mãi, cho đến đầu cầu Nguyễn-Hoàng.

Hắn băng đường chạy qua phía bên kia. Tôi cũng băng qua. Nhưng ngay lúc hắn rẽ xuống ngã bờ sông thì mối hoài-nghi đã đánh tan được ở tôi cái tính hay chiều theo những ai èo-uột vô-lý của buồng tim. Tôi theo hắn làm gì mới được chứ ? Tại sao tôi lại cả tin và nhẹ dạ quá vậy. Việc gì tôi phải bán-khoản vì những lời nói không đâu của một thằng đều. Tôi nghĩ ra cũng vô-lý thật. Và tôi đi thẳng lên cầu. Nhưng vừa đến đầu vầy thứ nhất, bỗng một tiếng động tiếp theo một tiếng kêu từ phía dưới cầu đưa lên, khiến tôi phải dừng lại, tựa thành cầu dòm xuống.

Thì ra Khánh cao cò vừa bị vấp, ngã chúi xuống. Chiếc va-li bị văng ra một nơi. Hắn vừa lồm-cồm ngồi dậy thì một em bé tội-tàn, rách-rưới ở đâu đã chạy vội lại, nhấc hộ chiếc va-li nằm nghiêng trên bờ cỏ, rồi tiến đến bên hắn :

— Thầy có can chi không ? Chắc là đau lắm phải chơi ?

Khánh cao cõ, đứng lên, phủ bụi cát giầy bần trên quần áo, rồi vừa đưa một tay vén lại mái tóc, vừa đáp :

— Không ! Cảm ơn em ! Không sao cả mà. Em tử-tế lắm.

Rồi hấn cười hi-hi nhìn sững đứa bé :

— Nhưng em còn ở đây làm gì, giờ này ?

Đứa bé nhìn hấn, ngần ngừ một lúc, buồn rầu mỉm cười :

— Em ngồi chơi ! Buồn không muốn về. Suốt ngày hôm nay đánh giầy ế quá. Về nhà không có tiền cho bà đi ghé bà ấy uống rượu thì bà ấy đập chết.

Khánh cao cõ tỏ vẻ bất-bình :

— Đập gì, Chả nhẽ sợ đập mà ngồi suốt đêm ngoài trời sao ? Lạnh chết. Chịu sao nổi. Đừng nói đại.

Gió lạnh từ ngoài sông quạt vào làm rung từng loạt lá vàng. Trong ánh-sáng vàng ửng của ngọn điện đường gần đấy, tôi thấy thằng bé khoanh tay trước ngực, rùn cõ lại, rùn mình :

— Ủ, lạnh thật. Em cũng chưa biết tính thế nào đây. Giá trời nắng thì dễ rồi, ngủ bậy trên các ghế đá ở vườn hoa, hay nhà Thương-bạc, hay Phu-Văn-Lâu, chả lo gì. Mãn trời chiếu đất mà. Nhưng trời lạnh thế này thì...

Thằng bé nhìn xuống đôi giầy của Khánh cao cõ :

— Hay thầy cho em đánh đôi giầy của thầy đi. Thế là êm... Có đồ em để sẵn ở gốc cây kia.

Khánh cao cõ lộ vẻ lúng-túng. Hấn bặm miệng, nheo mắt lại một lúc, rồi lắc đầu cười xề-xề :

— Em lắm to. Đừng gọi anh là thầy. Cũng là thầy đấy, nhưng là thầy gì em có biết không ? Thầy Rùa. Và thầy rùa hôm nay cũng ế-ảm như em. Tối nay thầy rùa cũng chưa có hột cơm nào trong bụng. Còn em, em đã có gì trong bụng chưa ?

Thằng bé lắc đầu :

— Có gì đâu có. Sớm nay còn được hai đồng, cứ tưởng là không ế lại đem xài thuốc thơm quách mới chết chứ.

Khánh cao cõ đưa tay vỗ mạnh vào vai thằng bé :

— Cũng động trời đến thế à ? Hay lắm. Chúng ta thông-cảm nhau lắm rồi. Anh đây lắm khi cũng dám xài vong mạng như thế. Cần dếch gì. Chính chúng ta hơn đời ở chỗ đó, đó em ơi. Thôi thì... thế này...

Hấn móc túi lôi ra một tờ nhật-trình, trải bên bờ cõ. Xong hấn kéo thằng bé cùng ngồi xuống, mở va-ly :

— Chúng ta cùng nhậu-nhẹt cái này cho đỡ đói lòng.

Đưa cho thằng bé một chiếc bánh mì, hấn giục :

— Em ăn đi. Cứ ăn tự nhiên.

Thằng bé nhìn sững hấn từ đầu đến chân với cái vẻ như-ngác, khó hiểu. Hấn lại giục :

— Ngạc-nhiên cái gì. Ăn đi. Anh còn một chiếc nữa đây. Cứ xài đi. Hi... hi...

Rồi cười lớn tiếng hơn, Khánh cao cõ

dưa tay quàng vai thằng bé. Cả hai thủ-thỉ những gì với nhau rất lâu và rất nhỏ trong gió lạnh. Được một lúc, tôi thấy Khánh cao cõ gục hẳn đầu xuống trên vai đứa bé.

Tôi đoán là hẳn khóc, qua đôi vai rung-dộng. Nhưng Khánh cao cõ có khóc thật hay không, tôi chẳng cần biết rõ lắm. Vì chỉ ngay cái cảnh trước mắt cũng đủ cho người tôi điếng lạng đi. Bao nhiêu những cái gì tôi đã hoài-nghĩ về hẳn vụt tan biến cả và bỏ rơi tôi chới-với trong một niềm ân-hận, buồn thương não-nề. Cái món nợ thương yêu mà tôi cần thanh-toán cho hẳn lúc này càng ray-rứt, dày vò lòng tôi, càng thúc-giục tôi một cách khàn-thiết. Và đã có một phút tôi muốn rời khỏi cầu, chạy xuống mà ngồi bên hẳn, choàng lấy vai hẳn để nói lên những cái đối-trá trong con người "đẳng-thẳng" của tôi mà hẳn đã ngộ-nhận lâu nay.

Nhưng tôi vẫn đứng yên, vẫn bám chặt thành cầu, im hơi, nín tiếng. Thực ra lúc này tôi không thiếu cái can-đảm để nói thực với thằng đều như thằng đều đã nói thực với tôi. Nhưng chỉ vì ngay trong cái bi-đắt của bức tranh xã-hội ở trước mắt tôi có một cái gì đẹp quá, đẹp đến nỗi tôi cứ muốn ngắm mãi không thôi, và tôi còn lo ngại rằng chỉ động hờ một chút thì nó sẽ tan biến mất.

Như thế cho đến lúc "Khánh cao cõ" đứng lên và thằng bé cũng đứng lên. Khánh cao cõ nhìn thằng bé :

— Thế bây giờ em không về à ?

Thằng bé lắc đầu. Hẳn lại hỏi :

— Nhất-định như thế sao ?

— Nhất định.

Tôi thấy Khánh cao cõ lại nhìn thằng bé, chau mày ra dáng nghĩ-ngợi. Bỗng theo thói quen, hẳn bậm miệng lại, gật-gù cái đầu một lúc, móc tay vào túi áo trong với cái bộ điệu rất oai phong. Hẳn cười rồi bảo thằng bé :

— Thôi được... Nói thật với em, anh chỉ có hai chục. Một chục phải đem về nhà. Còn một chục thì... Nhịn cơm được mà nhịn thuốc lá không xong. Nhưng cũng không sao cả. Anh sẽ mua thuốc lè, nhịn bớt cho em năm đồng. Chăm về con mẹ ấy để được yên thân, nghe chưa ? Đi đi.

Rồi cũng với cái dáng điệu rất hào-hiệp, hẳn xách va-ly, ôm áo mưa, đứng thẳng người, mỉm cười chào thằng bé theo kiểu quân-sự. Xong hẳn rảo bước rất nhanh, tiến về phía bến đò Chợ Đông-ba.

Tôi cảm-dộng đến muốn cất tiếng gọi hẳn ngay lúc ấy, Nhưng lần này tôi cũng lại đứng im. Vì tôi vừa nhận ra cái thẳng đều trước mắt tôi là một thẳng "Khánh cao cõ" nào khác hẳn. Và cái món nợ của tôi mắc hẳn không thể nào lại thanh-toán được một cách giản-dị như tôi đã tưởng từ lúc gặp tối đến giờ. Món nợ của tôi đối với hẳn còn nặng hơn và khó trả hơn nhiều. Nhất là trên đường về, gió sông thổi vào người tôi càng mạnh, để ngay trong cái lạnh của gió, tôi cảm thấy thấm-thía hơn cái "lạnh-lạnh" mà Khánh cao cõ đã từng cảm thấy và đã nói với tôi lúc nãy.

PHAN-DU

HỘP THƯ BÁCH KHOA

— Những bài đã nhận được :

Kỷ-niệm (Phan-Linh) ; Khách độc-hành (Mặc-Cơ-Hàn) ; ... Vấn-đề đình-chính sử-liệu Việt-Nam (Lê-Phục-Thiện) ; Rừng Sát ở Nam-phần (Ngô Môn-Hào). Thật ra sự giải-giới hoàn-toàn có ý-nghĩa thế nào ? (Hoàng - Bào). Nga hoàng út Nicolas II (Ngạn - Ôn). Con gái họ bà (Vũ - Trung). Chị tôi (Nguyễn-Vũ) Nét họa — Khói thuốc (Huy-Giang). Cung đàn nghệ-sĩ — Trăng lạnh (Vân - Trúc - Phương). Cầm đề Thanh Tóa — Con Tàu hùng (Đan-Thanh). Đường cỏ thơm — Đi một mình — Khao khát (Đường - Viễn - Phương). Mùa hoa phượng (Hàn - San). Mưa rừng Rừng (Vũ-Trung Túy-Lang). Trên đường chiều — Mảnh hồn trong đêm — Tỉnh giấc — Năm mộ bên đường (Hoàng Đào Hương Ánh Dương). Gió mưa — Đêm trường hận (Phổ-Đức). Bài hát ru con (Quốc-Bảo). Bàn khoăn (Hồ Giang). Cô Độc-Hoa vàng (Hanh-Thông). Tương tư (Thái-Linh-An). Kiếp sống đau thương của người lính chiến (Trần - Quang - Nghĩa). Bạn bè — Vắng (Bình-Hồng). Phố Hội (Mặc-Trúc-Sơn). Thư về xứ mẹ — Lạc loài — Cách biệt (Vân-Phượng). Ý Nghĩa — Cầm (Hà-li-Hải).

Xin trân-trọng cảm ơn các bạn.

— Những bài không đăng :

Các bạn có bài gửi tới, nếu thấy qua Bốn kỳ Bách-Khoa mà vẫn chưa đăng (trừ trường hợp đặc-biệt sẽ có thư riêng) thì coi là bài không đăng và thông - cảm cho. Đa tạ.

Anh Vú-Hân.— Đã nhận được thư, thơ và vở kịch của Anh. Sẽ đăng dần thơ. Anh em tòa-soạn mừng Anh đã lành bệnh. Tuy không có thư riêng tới Anh nhưng Anh em không quên Anh. Mong Anh cứ tiếp tục sáng-tác.

Biên-Thùy và Mộng-Thu: Xin hai ông gửi lá thư đến tòa báo có mục « Hội-Thơ » nói trong thư thi hợp hơn.

Ô. Trần-Thị (Phước-Tuy): Xin trân trọng cảm ơn ông đã sốt-sắng gửi cho những nhận xét rất xác đáng. Khuyết-điểm thứ nhất của Bách-khoa chỉ là một sự bất-đắc-dĩ; bởi vậy chúng tôi sẽ để xen kẽ, một kỳ có, một kỳ không, mong ông thông-cảm cho. Khuyết-điểm thứ nhì chúng tôi sẽ xin cố-gắng sửa chữa.

Ô. Quan-Thị-Châu và Ô. Anh-Lâm: Xin Ông cho biết địa chỉ hiện tại để tiện gửi bưu phiếu.

Ô. Phạm-Vú-Ngọ (Đalat): Chúng tôi đã tiếp được thư ông Những vấn đề khoa-học huyền-bi, Bách-Khoa không có tài-liệu chính-xác nên không thể làm vui lòng ông được mong ông thông-cảm cho. Tuy nhiên nếu ông đọc bài « Thơ Ma » của Ô. Nguyễn-Ngọc-Quang đăng trên B. K. số 57 ngày 15-5-59 trang 41, có lẽ ông cũng sẽ được thỏa-mãn phần nào về những điểm ông thắc-mắc trong thư.

Ô. Minh-Đặng Sài-Gòn. Đã nhận được thư ông, do B.K. chuyển lại. Vạn tạ cảm tình ông.

B.H.

GIỚI THIỆU SÁCH MỚI

BÁCH-KHOA vừa nhận được :

của nhà sách NAM-SƠN gửi tặng :

- Bình giải Văn-chương của giáo-sư Phạm - Thế - Ngũ, chương - trình trung-học đệ nhất cấp, dày 140 trang giá 30\$00,
- Khảo-luận về Tân-Đà của Ô. Doãn-Quốc-Sỹ sách dày 238 trang.
- « Khảo-luận về Trần-Tế-Xương » của các Ông Nguyễn- Xuân-Hiếu và Trần Mộng-Chu, dày 244 trang giá 28\$00.
- « Chân dung Nguyễn-Du » Khảo-luận của một nhóm giáo-sư, văn sĩ, nhà phê-bình, sách dày 184 trang giá 40\$.

— « Lược-sử văn-ngệ Việt-Nam » phê-bình của Thế-Phong, tập giới-thiệu nhà văn kháng chiến 1945-1950, sách in rô-nê-ô 2 mặt giá 100\$00.

— « Đau thương », thi phẩm của Thế-Viên, Nguyễn-Sa vào đề. Thi phẩm « Đau Thương » trình bày trang nhã, giản-dị, gồm 30 bài, bản tặng không ghi giá.

— « Ký Thác », tập truyện ngắn của Bình-Nguyên-Lộc, do nhà xuất-bản « Bến Nghé » phát hành và tác-giả gửi tặng. Sách trình bày mỹ-thuật, dày 202 trang, giá 45\$.

Xin trân trọng cảm ơn các tác-giả, nhà xuất bản và ân cần giới-thiệu cùng độc-giả.

B. K.

Chỉ gửi bán ở Sài-Gòn :

S O S VĂN - CHƯƠNG VIỆT - NAM !

* Mời bạn tìm đọc toàn bộ phê bình văn học dày 600 trang rô-nê-ô lớn :

« LƯỢC - SỬ VĂN - NGHỆ VIỆT - NAM »

Phê bình của THẾ-PHONG

LOẠI SÁCH ĐẠI-NAM VĂN-HIẾN

Trọn bộ 5 cuốn : 700\$

TIN THƠ

* Đã phát hành toàn - quốc :

« ĐAU THƯƠNG »

Thi - phẩm mang dấu vết con người thời - đại

của Thế-Viên

vào đề của Nguyễn-Sa

Họa và trình bày của Lữ-Hồ

* Các bạn yêu thơ không nên bỏ qua

Bức thư ngõ kính gửi bạn đọc

Từ lâu, ba chúng tôi nuôi ý-dịnh soạn một quyển

« VƯỜN THƠ »

(những bài thơ chọn lọc trong khoảng trăm năm nay)

Tài liệu nay đã gom-góp gần đủ, chúng tôi mong được các bạn giúp đỡ cho việc làm của chúng tôi ít phần sơ-sốt :

1.— Xin cho chúng tôi biết ý các bạn muốn quyển ấy phải như thế nào.

2.— Xin cho chúng tôi biết những bài thơ mà các bạn cho là hay (các bạn nhớ cho chúng tôi xuất-xứ rõ-ràng : trong tập thơ nào, in năm nào, đăng ở báo nào, số..., ngày... ; các bạn hiện có sách, báo đó, hay thư-viện nào, bạn nào có...)

Chúng tôi xin thưa trước với các bạn rằng đây là những bài thơ đã được công bố trên mặt báo hay đã in thành sách.

Xin cảm ơn các bạn trước và các bạn có ý-kiến gì, xin]gửi về địa-chỉ sau đây :

Nguyễn-Hữu-Ngư

160, Phan-Đình-Phùng — Sài-Gòn

Kính,

Bùi-Khánh-Đàn, Nguyễn-Hiến-Lê, Nguyễn-Hữu-Ngư

HỘP THƯ « Vườn Thơ »

Ô.Ô. Nguyễn-Xuân-Sanh, Hội-An.— Đào-Văn-Nhiều, Thủy-Dương, Phạm-Văn-Minh, Hoàng-Long Sài-Gòn.— Lê-Văn-Tốt, Châu-Đốc.— Nguyễn-Văn-Giang, Nguyễn-Văn-Vương, Đà-Nẵng. Nguyễn-Lạng, Quảng-Nam.— Nguyễn-Văn-Thế, Vĩnh-Long.— Hồng-Khanh, Tuy-Hòa.— C.c. Đỗ-Kim-Yến, Anh-Tuyết, Đà-Nẵng.— Đã được thư và thơ của các ông và các cô. Xin cảm ơn lòng sốt sắng của những người bạn của « B. K. » và của « V. T. ».— Ô. Nguyễn-Văn-Kính, Sài-Gòn.— Xin cho biết địa-chỉ riêng.

Ô. Lê-Hòa, Chợ-Lớn.— Sẽ xin đến viếng ông cùng qui thư viện.

Ô. Nguyễn-Khắc-Bình, Khánh-Hòa.— Xin ông gửi bảo đảm cuốn thơ ông nói.

Bạn Lê-Thị-Ngọc-Diệp, Tây-Ninh.— Cảm ơn sự chu đáo và lòng chí tình của bạn. Điểm chánh là « bài thơ » chứ chẳng phải « người thơ », thì bạn khỏi thắc mắc về điểm chẳng thể cho chúng tôi biết nhiều hơn về tác giả « M. đ. n. ». Mong bạn góp ý và cho biết sở thích thêm. Sẽ có thư riêng cho bạn l.. Xin cho biết địa-chỉ ở Sài-Gòn.

B.K.Đ., N.H.L., N.H.N.

THẺ LỆ MUA BẢO DÀI HẠN



6 tháng 12 số : 90\$00 — 1 năm 24 số : 180\$

Ở ngoại quốc xin gởi thêm cước phí.

BÁO QUẢN : 160 Phan-Đình-Phùng — SAIGON — Đ. T. 25.539

Nhà In : 412-414, đại lộ Trần-Hưng-Đạo — SAIGON

Thư từ và bài vở xin gửi cho : Tòa soạn BÁCH-KHOA

hộp thư số 339 Saigon

Bưu phiếu xin đề tên : **Ô. Huỳnh-Văn-Lang**

160 Phan-Đình-Phùng — SAIGON

SOCIÉTÉ FIDUCIAIRE DU VIETNAM

55 Đường NGUYỄN-HUẾ, SAIGON

Agent Exclusif

POUR LE VIETNAM ET LE CAMBODGE



LIEN-XA CONG-TY

95, ĐƯỜNG THÔNG-CHÉ DE LATTRE DE TASSIGNY - SAIGON
DISTRIBUTEUR POUR LE VIETNAM

Continental



SÁCH HỌC VUI

- ★ KHẢO LUẬN VỀ TRẦN TẾ XƯƠNG
Trần-Mộng-Chu — Nguyễn-Xuân-Hiểu
- ★ KHẢO LUẬN VỀ NGUYỄN KHUYẾN
Trần-Mộng-Chu — Nguyễn-Xuân-Hiểu
- ★ KHẢO LUẬN VỀ CAO BÁ QUÁT
Doãn-Quốc-Sỹ — Việt-Tử
- ★ KHẢO LUẬN VỀ TẢN ĐÀ
Doãn-Quốc-Sỹ
- ★ KHẢO LUẬN VỀ CUNG OÁN NGÂM KHÚC
Thuần-Phong

NAM-SƠN XUẤT BẢN

Hiện Đại

Tập san Văn nghệ

Số 1 Phát hành ngày 5 tháng 4 - 1960

với những bài của :

ĐINH HÙNG — MẶC ĐỒ — MAI THẢO
TẠ TỶ — LÊ XUÂN KHOA — DUY THANH
THANH NAM — TRỊNH VIỆT THÀNH
HOÀNG ANH TUẦN — NGUYỄN DUY DIỄN
HOÀNG HÁI THÚY — THÁI THÚY

Chủ trương biên tập NGUYỄN SA

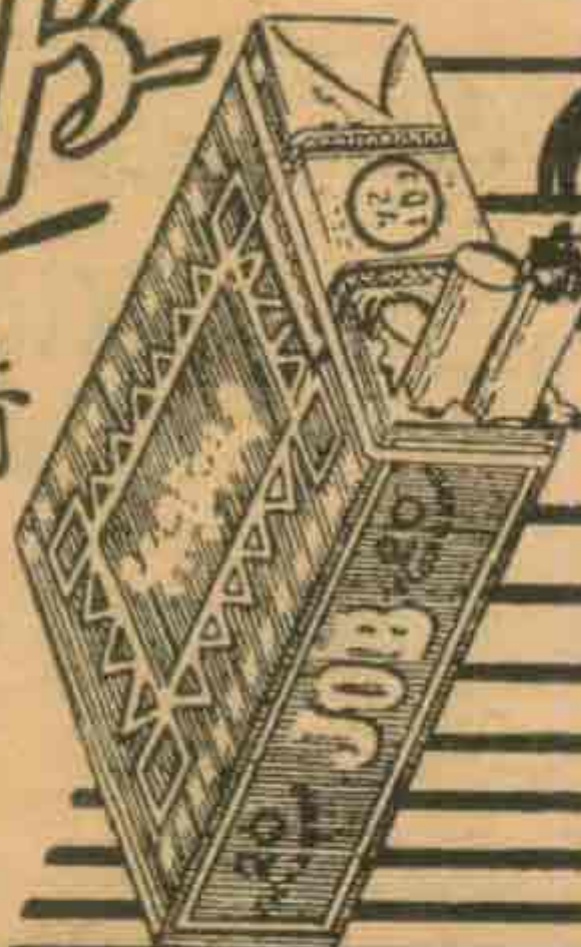
高發烟廠出品

THUỐC LÁ JOB
 MÙI ỀM DỊU
 KHỎI THƠM SẠY
 HƯƠNG - VỊ NGẠT - NGÀO
 KHÁP CẢN XÃ NƯỚC TIẾNG.

NÊN HÚT THUỐC LÁ

JOB

請吸
 金字烟



Cigarettes **JOB** *Surfines*
 COFAT CHOLON
Thuốc điếu **JOB** *Surfines*

**Société Indochinoise de Documentation
et de
Représentations Commerciales**

(S. I. D. E. R. C. D.)

Exclusivités :

Whisky BALLANTINE'S »

Cognac « COURVOISIER »

Sardines « LES OCÉANIDES »

Champagne « HEIDSIECK & C^o
MONOPOLE »

Vins de Chianti et Vermouth
« MIRAFIORE »

Vin Rose Valpolicella Chiaretto
« MONTRESOR »

Huile d'Olive « ADOLPHE PUGET »

18, Bến Bạch Đằng
SAIGON

Tél: 20.055

La Société Urbaine Foncière

(S. U. F. D.)

18. BEN BACH DANG — SAIGON

« SỰ AN-NINH CỦA BẠN LÀ TÙY NƠI NGƯỜI BẢO-HIỂM BẠN »

DESCOURS ET CABAUD

Bảo-Hiểm

1-3-5 Bến Chương-Dương — Saigon

Điện - Thoại : 20114 — 20115 — 20116 — 23739

ACCIDENTS — INCENDIE

Tai-nạn

Hỏa-Hoạn

TRANSPORTS — RISQUES DIVERS

Hàng-Hải

Linh-Tinh

ĐẠI - LÝ

của

MUTUELLE GENERALE FRANCAISE ACCIDENTS

L'OCEAN — CENTRALE — HAVRAISE — PROVIDENCE

— RHONE MEDITERRANEE — L'INTEROCEANE

LA MUTUELLE DU MANS

Chi Ngành : PARIS - TOURANE - CHOLON - DALAT - CANTHO - VIENTIANE

HONGKONG TANANARIVE - TAMATAVE ABIDJAN DOUALA

IMPRIMERIE NOUVELLE

D'EXTRÊME - ORIENT

(INDEO)

Adresse Tél. IDEORIENT - SAIGON

Tél : 20.821 — Boite postale : 276

1, Duong Nguyễn-Siêu — SAIGON

IMPRESSION DE TOUS OUVRAGES, REVUES, BROCHURES, CATALOGUES, TOUS IMPRIMÉS DU COMMERCE, REGISTRES, FACTURES, CARNETS, EN TÊTE DE LETTRES, ENVELOPPES, ACTIONS, OBLIGATIONS, CHÈQUES, CONDITIONNEMENTS, ÉTIQUETTES PAQUETAGES TOUS MODÈLES, FAIRE PART NAISSANCE, MARIAGE, CARTES DE VISITE ET D'INVITATION, CALENDRIERS DE FIN D'ANNÉE, TOUS TRAVAUX NOIR ET COULEUR, TYPO — OFFSET.

REPRÉSENTANT EXCLUSIF :

MACHINES A ÉCRIRE **"HERMES"**

PAPIER HELIO

"DOREL"

B. N. C. I.



BANQUE NATIONALE pour le Commerce et l'Industrie

SAIGON

135, *Đại-lộ* NGUYỄN - HUỆ
(ex Charner)

Téléphones : 21.902 — (3 Lignes)
22.797 — B.P. E 5

PHNOM - PENH

26, *Moha Vithei Preah Bat Norodom*
(Ex Doudart de Lagrée)

Téléphones : 385 et 543
B. P. 122

Succursale de Hongkong

8/8 A Queen's Road Central

Tel. 21.000 et 23.000

P. O. Box n° 763

La B.N.C.I. et ses filiale possèdent plus de 1.000 sièges en France, dans les territoires d'Outre-Mer et à l'Étranger, notamment en A.O.F., A.E.F. Antilles, Colombie, Uruguay, Sarre — Francfort-sur-le Main (Bureau de Représentation), en Afrique du Nord, Irak, Syrie et Liban (B.N.C.I. « A ») ; à Madagascar et à la Réunion, à Djibouti, à Addis-Abeba (Bureau de Représentation) (BANQUE NATIONALE POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE — OCEAN INDIEN) ; à Londres, Lagos, Apapa, Kano, Ebute Matta (British and French Bank) ; à Bâle (Banque pour le Commerce International) ; à Mexico (Banco del Atlantico) ; à Panama (Panama Trust Co. Inc.).

PASTILLES: { **VANCO** MÙI « MENTHE »
 { **CAM** MÙI CAM

Chuyên-trị

Các chứng ho, đau Cường họng



VIỆN BÀO-CHẾ VANCO

TRƯ'ÔNG-VĂN-CHÔM

Dược-khoa Tân-sĩ Quốc-gia

134, Đường Yên-Đỗ — Saigon

Hút thuốc thơm

Mã nhất tâm



Sang Tinh Chấn

Vân

- Nghe -

- Li

GIÁ HẠ

15 \$

